

ANDREW LANE
YOUNG SHERLOCK HOLMES-DEATH CLOUD

THỜI NIÊN THIẾU CỦA
**SHERLOCK
HOLMES**

ĐÁM MÂY CHẾT

Xuân Hương dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THỜI NIÊN THIẾU CỦA SHERLOCK HOLMES

ĐÁM MÂY CHẾT

Tác giả: Andrew Lane

Dịch giả: Phạm Thị Xuân Hương

Xuất bản: Nhà xuất bản Trẻ 2016

****★****

ebook@vctvegroup

PHẦN MỞ ĐẦU

 atthew Arnatt nhìn thấy đám mây chết lần đầu tiên khi nó đang trôi lơ lửng bên ngoài cửa sổ lầu một của căn nhà gần nơi Matthew sống.

Lúc đó nó đang chạy hối hả dọc con đường chính trong thị trấn Farnham, tìm kiếm trái cây hay mẫu bánh mì mà các khách bộ hành lơ đãng đánh rơi. Lẽ ra mắt nó phải dán xuống đất, nhưng nó vẫn nhìn lên các căn nhà, cửa hiệu và đám đông xung quanh. Matthew mới mười bốn tuổi, theo trí nhớ thì nó chưa từng đến một thị trấn nào lớn như thị trấn này. Đây là khu nhà giàu ở Farnham, những tòa nhà cổ có xà bằng gỗ mọc san sát nhau trên đường, bóng của những căn phòng ở phía trên như những đám mây dày phủ lên bất kỳ ai đi bên dưới.

Con đường được lát đá bằng phẳng ở vài đoạn, những viên đá to bằng nắm tay. Ở những đoạn khác, đá nhường chỗ cho đất nện và những đám mây bụi tung lên khi những chiếc xe ngựa phóng qua. Cứ cách vài mét lại có một đồng phân ngựa, vài đồng còn mới và ướt với đám ruồi vây quanh, những đồng khác đã lâu và khô, trông như là mớ rạ hay cỏ khô rời quện.

Matthew có thể ngửi thấy mùi phân súc vật đã ả ỉm sục, nhưng nó cũng ngửi được mùi bánh mì nướng và mùi có lẽ là thịt heo đang được quay trên một cái xiên trong lò. Matthew như thấy được mỡ nhỏ giọt và cháy xèo xèo trên lửa. Cái đói làm dạ dày của nó quặn thắt, và nó gần như gập người lại vì cơn đau bất ngờ. Nó đã không ăn vài ngày nay. Nó không chắc mình có thể đi tiếp bao

lâu.

Một trong các khách bộ hành – một người đàn ông mập mạp đội cái mũ quả dưa nâu và mặc bộ đồ cũ sạm màu – dừng lại và đưa tay ra như muốn giúp nó. Matthew lùi lại. Nó không thích các hội từ thiện. Hội từ thiện dẫn đến trại tế bần hay trại cứu tế của nhà thờ dành cho những đứa trẻ không gia đình, mà nó thì không muốn bắt đầu con đường dẫn đến cả hai nơi đó. Tự nó sẽ xoay sở được. Trước tiên nó cần tìm thức ăn. Một khi có được chút thức ăn trong người nó sẽ ổn.

Nó lẩn vào một con hẻm trước khi người đàn ông có thể nắm lấy vai nó, rồi ở một góc đường nó quay ngoặt vào một con đường hẹp đến mức tầng trên của các căn nhà gần như chạm nhau. Một người có thể leo thẳng từ một phòng ngủ sang phòng ngủ của căn nhà đối diện, nếu anh ta muốn.

Đó chính là lúc Matthew thấy đám mây chết. Ngay lúc đó nó không biết đó là gì. Không, nó chỉ thấy một vệt đen to cỡ con chó lớn, dường như đang bốc lên như một làn khói từ một cửa sổ mở. Nhưng làn khói này tự di chuyển, dừng lại một chút rồi tạt ngang sang ống thoát nước, xong quay lại và nhẹ nhàng lướt lên mái nhà. Quên cả cơn đói, Matthew há hốc miệng nhìn đám mây trôi trên gờ của các viên ngói rồi biến mất khỏi tầm mắt.

Một tiếng rú phát ra từ ô cửa sổ xé tan sự tĩnh lặng. Matthew xoay người lại và chạy trốn chết xuôi con đường, hết mức đôi chân thiếu ăn của nó có thể chạy nổi. Người ta không rú lên như thế khi ngạc nhiên. Họ cũng không rú lên như thế khi bị sốc. Không, theo những gì Matthew biết thì mọi người chỉ rú lên như thế khi đối

mặt với nỗi sợ chết người, và dù thứ đó là gì thì nó cũng không muốn thấy.

CHƯƠNG 1

Trò kia! Đến đây!"

Sherlock Holmes quay lại để xem ai đang gọi và gọi ai. Hàng trăm học sinh đang đứng trong ánh nắng rực rỡ bên ngoài Trường Nam sinh Deepdene sáng hôm đó, đứa nào cũng mặc đồng phục sạch bong, và đứa nào cũng có một cái rương có đai da hay một chông hành lý căng phồng ngồi chễm chệ phía trước như một con chó trung thành. Những giáo viên ở Deepdene có thói quen không bao giờ gọi học sinh bằng tên, cứ luôn là "Trò kia!" hay "Cậu kia!" hay "Nhóc kia!". Việc này làm cho cuộc sống thật khó khăn và làm bọn con trai luôn phải cảnh giác, cũng có thể đó là lý do các giáo viên gọi như vậy. Cũng có thể là từ lâu họ đã không còn buồn nhớ tên các học sinh của mình. Sherlock không chắc cách giải thích nào là đúng nhất. Có lẽ là cả hai.

Không học sinh nào khác để ý. Chúng đang nói chuyện với những người thân tới đón hoặc háo hức nhìn về phía cổng trường tìm bóng dáng chiếc xe ngựa sẽ đưa chúng về nhà. Sherlock miễn cưỡng quay người lại để xem ngón tay độc ác của số phận có đang chỉ về hướng mình hay không.

Không sai. Ngón tay đó là của thầy Tulley, giáo viên dạy môn Latin. Thầy vừa vòng qua góc trường, nơi Sherklock đang đứng tách biệt khỏi những học sinh khác. Bộ đồ của thầy luôn phủ đầy bụi phấn, giờ đã được giặt một cách đặc biệt cho dịp kết thúc học kỳ và những cuộc gặp gỡ không thể tránh khỏi với các ông bố – những người đang trả tiền để trường dạy dỗ con họ, và cái mũ

vuông của thầy ngay ngắn trên đầu như thể được thầy hiệu trưởng dán lên đó.

“Thầy gọi em?”

“Vâng, thưa ngài, tôi gọi ngài”, thầy Tulley gắt lên. “Hãy đến phòng hiệu trưởng *quam celerrime* . Trò có hiểu nghĩa của từ Latin đó không?”

“Nghĩa là “ngay lập tức”, thưa thầy”

“VẬY THÌ CHẠY ĐI.”

Sherlock liếc nhanh về phía cổng trường. “Nhưng thưa thầy – Em đang chờ ba em tới đón”.

“Tôi chắc là ba trò sẽ không bỏ đi nếu không thấy trò đâu, nhóc”.

Sherlock cố gắng phản đối một lần cuối. “Hành lý của em...”.

Thầy Tulley liếc một cách xem thường cái rương gỗ mòn vẹt của Sherlock – một thứ đồ quân dụng cha nó cho, ố bẩn và trầy trụa do sử dụng lâu. “Tôi chẳng thấy có ai muốn ăn trộm nó”, thầy nói, “trừ người sưu tập đồ cổ. Tôi sẽ để mắt tới nó giùm trò. Bây giờ thì đi nhanh đi”.

Sherlock miễn cưỡng để lại những đồ dùng cá nhân của mình – mấy cái áo sơ-mi và đồ lót dự phòng, những cuốn thơ và sổ ghi chép những ý tưởng, suy nghĩ, suy đoán và những giai điệu bất chợt hiện ra trong đầu – rồi bước về phía cái cổng vòm ở trước trường, len qua đám đông học sinh và gia đình chúng trong khi vẫn tiếp tục hướng mắt về phía cổng, nơi một đám hỗn độn ngựa và xe đang cùng lúc cố gắng vào và ra cái cổng hẹp.

Tiền sảnh ốp gỗ sồi và xung quanh là những bức tượng bán

thân bằng đá cẩm thạch của các vị hiệu trưởng tiền nhiệm và những nhà bảo trợ, mỗi bức được đặt trên một bệ tượng riêng. Những tia nắng chiếu xiên từ những cửa sổ ở trên cao xuống sàn lát gạch đen và trắng, làm hiện rõ những hạt bụi phẩn xoay tít. Tiền sảnh có mùi phenol mà những người lao công sử dụng để lau sàn mỗi sáng. Đám đông trong tiền sảnh khiến ít nhất một trong những bức tượng chẳng bao lâu nữa sẽ đổ nhào. Một vài tượng đã có những vết nứt lớn làm hỏng mặt đá cẩm thạch hoàn hảo, cho thấy mỗi học kỳ ít nhất một bức tượng ngã xuống sàn, vỡ tan và sau đó được phục chế.

Nó di chuyển trong đám đông, không ai quan tâm đến nó, và cuối cùng nó thoát ra khỏi đám đông và đi vào hành lang dẫn ra khỏi tiền sảnh. Văn phòng thầy hiệu trưởng ở cách đó vài mét. Nó dừng ở ngưỡng cửa, hít sâu, phúi bụi ở cổ áo và gõ cửa.

“Mời vào!” Một giọng nam đầy phô trương vang to.

Sherlock vặn nắm cửa và đẩy cửa mở, cố gắng kiềm chế sự bồn chồn đang lan truyền trong người nó như tia sét. Trước đây nó chỉ đến phòng hiệu trưởng hai lần – một lần với cha nó khi nhập học Deepdene, và sau đó một năm với một nhóm học sinh bị kết tội gian lận khi thi. Ba học sinh cầm đầu bị phạt roi và bị đuổi học; bốn hay năm đứa a dua bị “đòn tết dít” và được ở lại trường. Sherlock – chính là đứa bị nhóm kia copy bài – đã thoát đòn nhờ nói rằng nó không biết gì cả. Thực sự, nó biết tất cả mọi thứ, nhưng nó luôn làm một kẻ ngoài cuộc ở trường, và nếu việc cho các học sinh khác chép bài làm nó khó chịu, nó cũng không đưa ra lý do đạo đức nếu không chấp nhận. Mặt khác, nó cũng không khai

ra những đũa chếp bài – việc này có thể khiến nó bị đánh và có thể còn bị giữ chặt trước một lò sưởi cháy rùng rục luôn có trong mọi ký túc xá cho đến khi da bị rộp lên và quần áo bốc khói. Cuộc sống ở trường là vậy – luôn phải đi dây giữa thầy giáo và những học sinh khác. Và nó ghét việc đó.

Văn phòng hiệu trưởng vẫn như nó nhớ – rộng mênh mông, mờ tối và có một mùi kết hợp giữa da thuộc và thuốc hút tẩu. Thầy Tomblinson đang ngồi phía sau chiếc bàn giấy đủ lớn để chơi bowling trên đó. Thầy là một người đàn ông béo tốt mặc bộ đồ hơi chật, có lẽ việc đó giúp ông tin rằng mình không thật sự mập như thực tế.

“À, Holmes phải không? Vào đi, chàng trai, vào đi. Đóng cửa lại”.

Sherlock làm theo, nhưng khi nó đẩy cánh cửa, nó nhìn thấy một người khác trong phòng: một người đàn ông đứng trước cửa sổ với ly rượu sherry trên tay. Ánh nắng khúc xạ thành những mảnh cầu vồng từ những hoa văn của cái ly. “Mycroft?” Sherlock thốt lên, kinh ngạc.

Anh trai của nó quay về phía nó, một nụ cười lướt nhanh trên khuôn mặt anh, nhanh đến nỗi nếu Sherlock chớp mắt không đúng thời điểm nó sẽ không thấy được. “Sherlock. Em đã lớn lên nhiều rồi”.

“Anh cũng vậy”, Sherlock trả lời. Thực vậy, anh của nó đã bắt đầu phát phì. Anh ấy trở nên phục phịch gần bằng thầy hiệu trưởng, nhưng bộ đồ của anh được may đo để che đi cái mập hơn là làm nổi bật nó lên. “Anh đi chung xe với ba à?”

Mycroft nhướn một bên lông mày “Điều gì khiến em nghĩ vậy,

chàng trai trẻ?”

Sherlock nhún vai “Em thấy những nếp nhăn song song trên quần của anh, chỗ ngồi trên ghế, và em nhớ rằng chiếc ghế trên xe của ba có một vết rách đã được sửa lại khá vụng cách đây vài năm. Vết sửa ấy in trên quần anh, cạnh các vết nhăn”. Nó ngừng lại. “Mycroft, ba đâu?”

Thầy hiệu trưởng đằng hắng để thu hút sự chú ý của nó.

“Ba của em đang—”.

“Ba sẽ không đến”, Mycroft nhẹ nhàng cắt ngang lời thầy. “Trung đoàn của ba được điều sang Ấn Độ để tăng viện cho lực lượng quân sự ở đó. Có vài bất ổn ở khu vực biên giới Tây Bắc. Em biết nó nằm ở đâu chứ?”

“Dạ biết. Tụi em đã học về Ấn Độ trong những bài Địa và Sử”.

“Giỏi lắm”

“Tôi không nghĩ những người dân bản xứ lại gây ra rắc rối”, thầy hiệu trưởng nói lớn. “Trên tờ Times không đăng gì, chắc chắn là như vậy”.

“Không phải những người Ấn Độ đâu”, Mycroft tự tin nói. “Khi chúng ta giành lại Ấn Độ từ công ty Tây Ấn, những người lính ở đó được đặt trở lại dưới quyền kiểm soát của Quân đội. Người ta cho là cách cai trị mới... khắt khe hơn nhiều... so với cách cai trị trước đây. Người ta cảm giác cực kỳ bất an, và chính phủ đã quyết định kiên quyết tăng cường lực lượng quân sự ở Ấn Độ để cho họ thấy những người lính-thật-sự; là như thế nào. Tình hình đủ xấu để người Ấn nổi dậy; không thể nghĩ được sẽ có một cuộc nổi loạn

trong quân đội Anh”.

“Vậy là sẽ có một cuộc nổi loạn?” Sherlock hỏi, trái tim nó trĩu nặng như một hòn đá rơi xuống ao. “Ba sẽ an toàn chứ?”

Mycroft nhún đôi vai rộng. “Anh không biết”, anh trả lời một cách đơn giản. Đó là một trong những chuyện làm Sherlock tôn trọng anh trai mình. Anh luôn thẳng thắn đáp lại những câu hỏi thẳng. Không nói giảm. “Đáng buồn là anh không biết hết mọi việc. Ít ra là chưa biết”.

“Nhưng anh làm việc cho chính phủ mà”, Sherlock nhấn mạnh. “Anh phải biết vài điều về chuyện có thể xảy ra. Sao anh không điều trung đoàn khác sang đó. Sao không giữ ba ở lại nước Anh?”

“Anh chỉ mới làm việc ở Bộ Ngoại giao có vài tháng”, Mycroft đáp lại, “và mặc dù anh thấy vui vì em nghĩ anh có quyền thay đổi những việc quan trọng như vậy, nhưng anh e là anh không thể. Anh là một cố vấn. Thật ra anh chỉ là một thư ký”.

“Ba sẽ đi bao lâu?” Sherlock hỏi, nó nhớ người đàn ông to lớn mặc áo khoác đỏ với hai dây đai trắng bắt chéo qua ngực, rất hay cười và hiếm khi mất bình tĩnh. Nó cảm thấy ngực thắt lại nhưng cố kiềm chế cảm xúc. Có một bài học mà nó học được ở Trường Deepdene là đừng bao giờ để lộ bất kỳ cảm xúc nào. Nếu bạn để lộ cảm xúc, nó sẽ được dùng để chống lại bạn.

“Theo anh tính thì mất sáu tuần trên biển, sáu tháng ở đó, và thêm sáu tuần để quay về. Tổng cộng là chín tháng”.

“Gần một năm”. Nó cúi đầu một lúc, tự trấn tĩnh, rồi gật đầu. “Giờ chúng ta có thể về nhà chứ?” Mycroft trả lời.

“Em sẽ không về nhà”, Sherlock chỉ đứng yên đó, từ ngữ như bị

nuốt hết vào bụng, không nói gì được.

“Trò ấy không thể ở lại đây”, thầy hiệu trưởng cầu nhàu, “Nơi này đang làm vệ sinh”.

Mycroft chuyển cái nhìn điềm tĩnh của anh từ Sherlock sang thầy hiệu trưởng. “Mẹ của chúng tôi... không khỏe”, anh ấy nói, “Đa số thời gian thể chất của bà yếu ớt, và chuyện cha đi xa làm mẹ rất đau khổ. Bà cần sự thanh bình và yên tĩnh, và Sherlock cần một người lớn tuổi hơn chăm nom em”.

“Nhưng mà em đã có anh rồi!” Sherlock phản đối.

Mycroft lắc đầu một cách buồn bã. “Bây giờ anh sống ở London, và công việc của anh đòi hỏi phải làm nhiều giờ mỗi ngày. Anh e là anh không phải là một người giám hộ tốt cho một cậu bé, đặc biệt là một cậu bé hay hỏi như em”. Anh quay về phía thầy hiệu trưởng, như thể nói thông tin tiếp theo với thầy sẽ dễ hơn với Sherlock. “Mặc dù nhà chúng tôi ở Horsham, chúng tôi có họ hàng ở Farnham, không xa đây lắm. Đó là chú thím chúng tôi. Sherlock sẽ ở với họ trong dịp hè này”.

“Không!” Sherlock bùng nổ.

“Có”. Mycroft nói nhẹ nhàng. “Việc này đã được sắp xếp. Chú Sherinford và thím Anna đã đồng ý nhận em hè này”.

“Nhưng em thậm chí còn chưa gặp họ bao giờ!”

“Tuy vậy, họ là người nhà”.

Mycroft từ biệt thầy hiệu trưởng trong khi Sherlock đứng ngây ra, cố gắng chấp nhận sự tàn nhẫn của việc vừa xảy ra. Không được về nhà. Không được gặp cha mẹ. Không được khám phá

những cánh đồng, những khu rừng xung quanh căn nhà trang viên, nơi nó đã sống trong suốt mười bốn năm. Không được ngủ trên cái giường cũ trong căn phòng nằm dưới hiên nhà, nơi nó cất giữ toàn bộ sách vở. Không được lén vào bếp nơi bà bếp sẽ đưa cho nó một miếng bánh mì phết mứt nếu nó cười với bà. Thay vào đó, phải ở hàng tuần với những người nó không quen, phải cư xử thật khéo léo ở một thị trấn, ở một hạt hoàn toàn xa lạ. Một mình, cho đến ngày nó quay lại trường.

Nó sẽ xoay xử thế nào đây?

Sherlock đi theo Mycroft ra khỏi phòng hiệu trưởng và dọc theo hành lang dẫn đến tiền sảnh. Một cỗ xe ngựa đang chờ bên ngoài, bốn bánh xe vẩy bùn và thành xe bám đầy bụi từ chuyến đi đến trường của Mycroft. Gia huy của gia đình Holmes được vẽ trên cửa xe. Cái rương của Sherlock đã được chất lên sau xe. Một người đánh xe gầy guộc mà Sherlock không quen đang ngồi trên ghế phía trước, sợi dây cương nằm hờ hững trên tay anh ta.

“Làm thế nào anh ta biết cái rương của em?”

Mycroft khoát tay như muốn nói không có gì khó. “Anh thấy nó từ cửa sổ phòng hiệu trưởng. Chỉ có cái rương đó là không có ai trông. Hơn nữa, hồi trước ba hay dùng nó. Thầy hiệu trưởng tốt bụng đã nhờ một cậu bé bảo người đánh xe chất nó lên xe”. Anh mở cửa xe và ra hiệu cho Sherlock bước lên. Thay vì lên xe, Sherlock nhìn quanh trường và nhìn các học sinh.

Mycroft bảo, “Em nhìn cứ như là em sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa.”

“Không phải vậy”, Sherlock đáp. “Chỉ là em đã từng nghĩ em sẽ

rời nơi này để đến một nơi tốt hơn. Giờ thì em biết sẽ rời khỏi đây để đến một nơi tệ hơn. Ở đây dù tệ cũng có vài điểm tốt”.

“Sẽ không như vậy đâu. Chú Sherrinford và thím Anna là những người tốt. Chú Sherinford là em của ba”.

“Nếu vậy thì tại sao em chưa bao giờ nghe nói về họ?” Sherlock hỏi. “Tại sao ba không bao giờ nhắc về việc có anh em?”

Mycroft thoáng cau mày. “Anh e rằng đã có một sự rạn nứt trong gia đình. Quan hệ căng thẳng một thời gian. Mẹ đã nổi lại liên lạc qua thư cách đây vài tháng. Anh cũng không chắc là ba biết”.

“Và đó là nơi anh muốn gửi em tới?”

Mycroft vỗ vai Sherlock. “Tin anh đi, nếu còn cách nào khác anh đã làm rồi. Giờ em có cần từ biệt bạn bè không?”

Sherlock nhìn quanh. Có những đứa nó quen, nhưng có đứa nào trong đám đó thật sự là bạn không?

“Không”, nó nói. “Chúng ta đi thôi”.

Chuyến đi Farnham mất vài tiếng. Sau khi đi qua Dorking, nơi có những cụm nhà gần Trường Deepdene nhất, chiếc xe ngựa tiếp tục lóc cóc chạy dọc theo những con đường quê, bên dưới những cành cây chìa ra đường, chạy qua những mái nhà tranh đây đó hay những căn nhà to hơn và dọc theo những cánh đồng lúa mạch chín. Ánh nắng gay gắt từ bầu trời không một gợn mây làm chiếc xe như cái bếp lò dù đã có những cơn gió nhẹ thổi vào. Côn trùng vo ve một cách lười biếng bên ngoài cửa sổ. Sherlock nhìn vạn vật lướt qua một lúc. Họ dừng lại ăn trưa ở một quán trọ với thịt giảm-bông, phô-mai và nửa ổ bánh mì. Sherlock ngủ gà ngủ gật. Khi nó tỉnh lại, nhiều tiếng đồng hồ đã trôi qua, chiếc xe ngựa vẫn

tiếp tục chạy qua những phong cảnh không đổi. Sherlock nói chuyện một lúc với Mycroft về tình hình ở nhà, về người chị gái, và về sức khỏe yếu ớt của mẹ. Mycroft hỏi thăm chuyện học hành của Sherlock, và Sherlock kể cho anh nghe về các bài học khác nhau mà nó đã học được và nhiều chuyện về các thầy giáo. Nó nhái giọng và kiểu cách trưởng giả của họ, làm cho Mycroft cười vỡ bụng vì sự cay độc và hài hước của nó khi đóng vai họ.

Sau một lúc đã có nhiều nhà hơn nằm ở ven đường và chẳng bao lâu họ đi qua một thị trấn lớn, vó ngựa gõ lộp cộp trên đá sỏi. Ló đầu ra ngoài cửa xe, Sherlock nhìn thấy một tòa nhà trông như tòa thị chính – ba tầng, tường thạch cao màu trắng và xà nhà màu đen, một chiếc đồng hồ lớn treo trên một giá đỡ bên ngoài hai cánh cửa lớn “Farnham à?” Nó đoán.

“Guildford”, Mycroft trả lời. “Sắp tới Farnham rồi”.

Con đường rời Guildford đi dọc theo một dãy đồi, hai bên mặt đất thoải xuống thấp, những cánh đồng và rừng nằm rải rác như đồ chơi, với những mảng hoa vàng vắt qua chúng.

“Dãy đồi này tên là Hog’s Back[1]”, Mycroft nói. “Có một trạm truyền tin ở phía trước, trên đồi Pewley, là một trong chuỗi trạm truyền tin bắt đầu từ tòa nhà Bộ Hải quân ở London đến tận cảng Portsmouth. Họ có dạy cho em về truyền tin ở trường không?”

Sherlock lắc đầu.

“Thật điển hình”, Mycroft càu nhàu. “Nhồi vào sọ thằng bé tất cả tiếng Latin, nhưng lại không dạy nó những thứ có thể áp dụng trong thực tế”. Anh ấy thở dài một cách nặng nề. “Truyền tin là phương pháp để truyền tin tức một cách nhanh chóng qua khoảng

cách xa mà người ta có thể mất nhiều ngày nếu dùng ngựa. Trạm truyền tin có những tấm bảng đặt trên mái nhà có thể nhìn thấy từ xa, có sáu lỗ lớn có thể đóng hay mở bằng cửa chớp. Tùy theo lỗ nào mở hay đóng mà tấm bảng thể hiện một ký tự. Một nhân viên ở trạm truyền tin sẽ quan sát trạm trước và trạm sau bằng kính viễn vọng. Nếu anh ta thấy một tin nhắn được phát ra anh ta sẽ viết nó lại và sau đó lặp lại thông qua bảng truyền tin của anh ta, và nhờ vậy các tin nhắn được truyền đi. Chuỗi truyền tin đặc biệt này bắt đầu từ Bộ Hải quân, rồi đi qua Chelsea và Kingston đến đây, rồi đi thẳng đến Xưởng đóng tàu Portsmouth. Có một chuỗi khác chạy xuống Xưởng đóng tàu Chatham, và những chuỗi khác đến Deal, Sheerness, Great Yarmouth và Plymouth. Chúng được xây dựng để Bộ Hải quân có thể truyền tin nhanh chóng đến lực lượng Hải quân trong trường hợp người Pháp xâm chiếm đất nước. Bây giờ, nói cho anh biết, nếu có sáu cái lỗ, và mỗi cái có thể đóng hoặc mở, thì có bao nhiêu kết hợp khác nhau có thể biểu thị ký tự, chữ số hay những ký hiệu khác?”

Cố gắng hết sức để chứng tỏ với anh trai rằng mình vừa kết thúc học kỳ. Sherlock nhắm mắt lại và tính toán một thoáng. Một lỗ có hai trạng thái: mở và đóng. Hai lỗ có bốn trạng thái: mở-mở, mở-đóng, đóng-mở, đóng-đóng. Ba lỗ... Nó tính nhanh trong đầu, và rồi một kết quả hiện ra. Cuối cùng nó nói “Sáu mươi bốn”.

“Giỏi lắm”. Mycroft gật đầu. “Anh mừng vì môn toán của em ít nhất cũng đạt yêu cầu”. Anh nhìn ra cửa sổ bên phải. “A, Aldershot, Một nơi thú vị. Cách đây mười bốn năm nó được nữ hoàng Victoria chọn làm căn cứ địa của quân đội Anh. Trước đó nó là một

xóm nhỏ với chưa đến một ngàn dân. Bây giờ thì có khoảng mười sáu ngàn người và con số vẫn còn tăng thêm”.

Sherlock vươn cổ nhìn qua hướng anh trai để xem có gì ở ngoài, nhưng từ góc nhìn đó nó chỉ thấy vài căn nhà rải rác và dường như là một đường xe lửa chạy song song với con đường ở cuối con dốc. Nó lại dựa người vào ghế và nhắm mắt lại, cố gắng không nghĩ đến những gì chờ đợi ở phía trước.

Một lúc sau nó có cảm giác xe đang chạy xuống dốc và một lúc sau xe quẹo vài lần, tiếng vó ngựa gõ xuống mặt đá đã chuyển thành mặt đất nện. Nó nhắm mắt thật chặt, cố trì hoãn thời điểm nó phải chấp nhận hiện thực.

Chiếc xe dừng lại trên sỏi. Tiếng chim hót và tiếng gió thổi qua lá tràn ngập trong xe. Sherlock có thể nghe tiếng bước chân lạo xạo đi về phía họ.

“Sherlock”, Mycroft nhẹ nhàng nói. “Đã đến lúc trở về hiện thực”.

Nó mở mắt ra.

Xe dừng lại ngoài cổng một căn nhà lớn. Căn nhà được xây bằng gạch đỏ, cao vút tầm mắt: ba tầng cộng thêm một loạt các phòng ở tầng áp mái với những cửa sổ nhỏ nằm giữa lớp ngói xám. Một người hầu chuẩn bị mở cửa xe cho Mycroft. Sherlock nhích qua để bước xuống sau Mycroft.

Một phụ nữ đang đứng trong bóng mát ở bậc trên cùng của ba bậc đá dẫn tới vòm cổng ngay trước lối vào chính. Bà ta mặc toàn màu đen. Mặt bà ồm và choắt lại, môi mím chặt, mắt ti hí, như thể ai đó đã bỏ giấm vào tách trà của bà sáng nay. “Chào mừng quý vị đến trang viên của gia đình Holmes; tôi là bà Eglantine”, bà ta nói

với giọng khô khốc và lạt lẽo. “Tôi là quản gia ở đây”. Bà ta liếc nhìn Mycroft. “Ông Holmes sẽ tiếp ông ở thư viện, khi ông đã sẵn sàng”. Bà ta chuyển ánh nhìn chăm chăm sang Sherlock. “Người giúp việc sẽ mang... hành lý của cậu... lên phòng cậu, thưa cậu Holmes. Buổi trà trưa sẽ được dọn lúc ba giờ. Xin vui lòng ở yên trong phòng cho đến lúc đó”.

“Tôi không ở lại dùng trà được”, Mycroft nói một cách nhẹ nhàng. “Thật tiếc vì tôi phải quay về London”. Anh quay về phía Sherlock, ánh mắt vừa có vẻ thông cảm, vừa trù mến của một người anh và vừa như nhắc nhở. “Hãy cẩn thận nhé, Sherlock”, anh nói. “Anh chắc chắn sẽ quay lại vào cuối hè để đưa em về trường, và nếu có thể anh sẽ ghé thăm em trong kỳ nghỉ hè. Hãy là một cậu bé ngoan, và tìm dịp để khám phá khu vực xung quanh. Anh nghĩ là chú Sherrinford có một thư viện hiếm có. Hãy hỏi chú nếu em muốn đọc những điều khôn ngoan chứa ở đó. Anh sẽ để lại địa chỉ liên lạc của anh cho bà Eglantine – nếu cần em hãy gửi điện tín hoặc viết thư cho anh”. Anh vươn tới đặt tay lên vai an ủi Sherlock. “Họ là những người tốt”, anh nói nhỏ để bà Eglantine không nghe thấy, “nhưng như mọi người trong họ nhà Holmes, họ có tính lập dị. Hãy để ý và cẩn thận đừng chọc giận họ. Hãy viết thư cho anh nếu em gặp rắc rối. Nhớ là em sẽ không ở đây suốt đời. Chỉ vài tháng thôi. Can đảm lên”. Anh siết vai Sherlock một cách trù mến.

Sherlock cảm thấy một cơn giận và cảm giác thất vọng sôi trào lên cổ họng và chặn ngang ngực nó. Nó không muốn Mycroft nhìn thấy phản ứng của nó và cũng không muốn khởi đầu thời kỳ ở Trang viên Holmes một cách tồi tệ. Điều nó làm trong vài phút tới

có thể sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ thời gian nó ở đây.

Nó đưa tay ra. Mycroft mỉm cười ấm áp bỏ tay khỏi vai Sherlock và nắm lấy tay nó.

“Tạm biệt”, Sherlock nói với giọng điềm tĩnh nhất mà nó có thể. “Cho em gửi lời thăm mẹ và Charlotte. Nếu anh có thêm tin gì về ba nhớ cho em biết”.

Mycroft quay đi và bước lên các bậc thang vào sảnh. Bà Eglantine nhìn thẳng mặt Sherlock một thoáng với vẻ vô cảm, rồi bà quay đi và dẫn đường cho Mycroft vào nhà.

Quay lại nhìn, Sherlock thấy người hầu đang cố gắng nhấc cái rương của nó lên vai. Khi đã lấy được thăng bằng, anh ta loạng choạng bước lên lầu, Sherlock bước theo với nỗi chán chường.

Tiền sảnh được lát gạch trắng, đen, chân tường ốp gỗ gụ, với chiếc cầu thang lộng lẫy bằng đá hoa cương từ lầu trên chảy xuống như một thác băng, trên tường treo vài bức tranh tôn giáo, phong cảnh và thú vật. Mycroft vừa bước qua cửa một căn phòng ở bên trái cầu thang. Sherlock thoáng thấy trong phòng đầy những cuốn sách bìa bọc da màu xanh lá cây. Một ông già gầy gò mặc bộ đồ đen kiểu cũ đang đứng lên khỏi một chiếc ghế bọc da hợp màu một cách hoàn hảo với những cuốn sách phía sau. Ông ta để râu, mặt nhìn góc cạnh và nhọn nhọt, da đầu lốm đốm những vết đồi mồi.

Cửa phòng đóng lại khi họ đang bắt tay nhau. Người hầu đi qua sàn gạch đến chân cầu thang, xốc lại cái rương trên vai anh ta. Sherlock đi theo sau.

Bà Eglantine đang đứng ở chân cầu thang, bên ngoài thư viện. Bà ta nhìn chòng chọc phía trên đầu Sherlock về phía cửa thư

viện.

“Cậu bé, hãy nhớ rằng cậu *không* được chào đón ở đây”, bà ta rít lên khi nó đi ngang qua.

CHƯƠNG 2

Ngồi ở cánh rừng bên ngoài Farnham, Sherlock có thể nhìn thấy từ chỗ nó, mặt đất dốc về phía một con đường đất chạy ngoằn ngoèo qua những bụi cây thấp giống như một lòng sông cạn cho đến khi biến ra khỏi tầm mắt. Phía bên kia thị trấn, trên lưng đồi có một lâu đài nhỏ nép mình bên rặng cây. Không có ai khác ở quanh đó. Nó ngồi đó thật lặng lẽ và thật lâu đến mức các con thú đã dần quen với nó. Rất hay có tiếng sột soạt trong đám cỏ cao khi một chú chuột nhắt hoặc chuột đồng chạy qua, trong khi những con diều hâu lượn vòng một cách lười biếng trên bầu trời xanh cao, chờ đợi một con thú nhỏ nào đó khờ khạo xuất hiện ở khoảng trống.

Gió thổi xào xạc trên những tán lá phía trên nó. Nó để đầu óc mình thờ thẩn, cố không nghĩ đến quá khứ hay tương lai, cố chỉ sống những giây phút này càng lâu càng tốt. Quá khứ như một vết bầm làm nó đau đớn, còn tương lai gần thì không phải là thứ nó muốn nhanh chóng đối mặt. Chỉ có cách để tiếp tục là không nghĩ về bản thân, để mình bị cuốn theo tiếng gió thổi nhẹ và để các con thú di chuyển quanh nó.

Đến giờ nó đã sống ở Trang viên Holmes được ba ngày, và mọi thứ cũng không tốt hơn cảm nhận ban đầu của nó. Điều tệ nhất là bà Eglantine. Bà quản gia là một bóng ma luôn hiện hữu ở mọi góc ngách của căn nhà. Bất cứ khi nào quay đầu lại, dường như nó đều thấy bà, đứng trong bóng tối quan sát nó bằng đôi mắt nheo lại. Bà hiếm khi nói quá ba câu với nó. Còn nó, theo nó biết

được yêu cầu xuất hiện vào bữa sáng, bữa trưa, buổi trà xế và bữa tối, không nói năng gì, ăn ít hết mức có thể, rồi biến mất cho đến bữa ăn sau; cuộc đời của nó sẽ tiếp diễn như vậy cho đến khi kỳ nghỉ hè kết thúc và Mycroft đến để giải thoát nó khỏi cái án tù này.

Sherrinford và Anna Holmes – chú và thím nó – thường có mặt vào bữa sáng và bữa tối. Sherrinford có dáng vẻ oai vệ: cao như người anh trai nhưng ốm hơn nhiều, gò má cao, trán dô ra ở phía trước nhưng lại lõm vào ở hai bên thái dương, bộ râu trắng rậm rạp dài đến tận ngực nhưng tóc thì lại thưa thớt đến nỗi Sherlock thấy giống như vẽ từng sợi tóc lên trên da đầu, sau đó quét một lớp véc-ni mỏng. Giữa các bữa ăn ông biến mất trong phòng làm việc hay thư viện. Từ những mẩu đối thoại, Sherlock biết được rằng ông đang viết những cuốn sách tôn giáo và các bài thuyết giáo cho các cha xứ khắp cả nước. Trong ba ngày qua, điều duy nhất có nội dung mà ông nói với Sherlock khi nhìn nó chằm chằm một cách đáng ngại trong buổi ăn trưa là: “Trạng thái tâm hồn của con là gì vậy cậu bé?” Sherlock chớp mắt, đưa nĩa lên miệng. Nhớ đến thầy Tulley, giáo viên tiếng Latin ở Deepdene, nó đáp: “Extra ecclesiam nulla salus;”. Câu này nó khá chắc chắn nghĩa là: “Không có sự cứu rỗi nào bên ngoài nhà thờ”. Câu trả lời có vẻ hiệu quả: Sherrinford Holmes gật đầu, lẩm bẩm: “À, Thánh Cyprian của Carthage, tất nhiên rồi”, và quay lại với đĩa thức ăn.

Bà Holmes – hay thím Anna – là một phụ nữ nhỏ nhắn, như một con chim, luôn chuyển động không ngừng. Ngay cả khi đang ngồi tay của bà cũng vịn vịn liên tục, không bao giờ để yên phút nào dù đang ở đâu. Theo Sherlock thì bà nói liên tục, nhưng không thật

sự nói với bất kỳ ai. Dường như bà thích độc thoại không ngừng mà không mong bất kỳ ai tham gia vào hay trả lời những câu hỏi tu từ của bà.

Thức ăn ở đây ít nhất là ăn được – khá hơn những bữa ăn ở Trường Deepdene. Hầu hết là rau củ – cà rốt, khoai tây và bông cải mà Sherlock đoán được trồng trên đất của trang viên – nhưng bữa ăn nào cũng có thịt, và không như cái thứ thịt xám xám, sùng sục và thường là khó nhận ra thịt gì mà nó hay ăn ở trường, món thịt ở đây luôn thơm ngon: đùi heo giảm-bông, đùi gà, thịt phi-lê nghe nói là cá hồi, và một dịp còn có những miếng thịt lớn lạng ra từ tảng vai cừu đặt ở giữa bàn ăn. Nếu không cẩn thận nó có thể sẽ tăng cân rất nhiều và sẽ bắt đầu giống như Mycroft.

Phòng của nó ở tầng áp mái, không hoàn toàn là khu của người hầu nhưng cũng không nằm trong khu của người nhà. Trần của căn phòng nghiêng dần từ cửa đến cửa sổ cùng độ nghiêng với mái nhà, nghĩa là muốn đi quanh quẩn trong phòng nó phải khom người xuống, trong khi sàn nhà là những tấm gỗ láng được bao phủ bằng một tấm thảm cổ bạc màu. Giường của nó cũng cứng như cái giường ở Trường Deepdene. Hai đêm đầu, sự yên lặng làm nó thao thức hàng giờ. Nó đã quen nghe tiếng ngáy của ba mươi thằng con trai, tiếng tụi nó lằm bằm trong mơ hay nức nở lặng lẽ, việc thiếu những tiếng động này làm nó khó chịu, rồi nó mở cửa sổ cho thoáng và phát hiện ra rằng đêm tối không hề yên lặng chút nào, mà tràn ngập một loại tiếng động tinh tế hơn. Từ đó nó được ru ngủ bởi tiếng cú kêu, tiếng cáo hú và tiếng vỗ cánh đột ngột khi có gì đó làm những con gà phía sau nhà hoảng sợ.

Mặc dù anh nó có khuyên, nó cũng không thể vào thư viện và ngồi đó với một quyển sách. Sherrinford Holmes ở trong đó suốt ngày, nghiên cứu những quyển sách tôn giáo hay thuyết giáo, và Sherlock sợ quấy rầy ông. Thay vào đó, nó lang thang ngày càng xa, bắt đầu là khu đất ở trước và sau nhà, khu vườn có tường bao, khu chuồng gà và khu trồng rau cải, rồi trèo qua những bức tường đá bao quanh nhà ra ngoài đường, và cuối cùng là mở rộng ra khu rừng cổ nép sát phía sau ngôi nhà. Trước đây nó thường đi khám phá khu rừng sau nhà một mình hoặc với chị nó, nhưng những khu rừng ở đây thì già và bí hiểm hơn.

“Dân thành phố có thể thật sự ngồi yên như vậy hả?”

“Cậu cũng vậy thôi”, Sherlock trả lời với giọng nói phía sau nó. “Cậu ngồi nhìn mình nửa tiếng rồi”.

“Sao cậu biết?” Sherlock nghe tiếng ục ịch một cái như có người nào vừa nhảy từ một cành cây thấp xuống đám dương xỉ phủ kín mặt đất.

“Cây nào cũng có chim đậu trừ một cây – cái cây cậu ngồi đó. Rõ ràng là cậu làm cho tụi nó sợ”.

“Mình không làm hại tụi nó, cũng như mình không hại cậu”.

Sherlock chậm rãi quay đầu lại. Giọng nói là của một thằng bé trạc tuổi nó, người nhỏ nhưng chắc hơn cái thân hình gầy và cao lêu nghêu của nó. Tóc thằng bé dài vừa chấm vai. “Mình không chắc là cậu có thể”, nó nói điềm tĩnh hết mức có thể trong hoàn cảnh đó.

“Mình có thể đánh lén, và mình có một con dao”. Thằng bé nói.

“VẬY à, nhưng mình đã coi rất nhiều trận đấu bốc ở trường, và mình có sải tay dài”. Sherlock nhìn trừng trừng thằng bé với vẻ trầm trọng. Quần áo thằng bé đầy bụi, may từ loại vải thô và bị sờn ở nhiều chỗ, mặt, hai bàn tay và các móng tay dơ bẩn.

“Trường học?” thằng bé hỏi. “Họ dạy đấu bốc ở trường hả?”

“Trường mình có dạy. Họ nói môn đó làm tội mình cứng rắn lên”.

Thằng bé ngồi xuống kế bên Sherlock. “Chính cuộc sống làm cậu cứng rắn”, nó lăm băm rồi nói thêm: “Tên của mình là Matty. Matty Arnatt”.

“Matty giống như Mathews hả?”

‘Mình nghĩ vậy. Cậu sống ở căn nhà lớn phía dưới con đường hả?’

Sherlock gật đầu. “Chỉ những ngày hè thôi. Với chú và thím mình. Tên mình là Sherlock – Sherlock Holmes”.

Matty liếc nhìn Sherlock với vẻ trầm trọng. “Đó không phải là tên riêng”.

“Cái gì, Sherlock hả?” Nó nghĩ một lúc. “Tên đó có gì không đúng?”

“Cậu có biết người nào khác tên Sherlock không?”

Sherlock nhún vai. “Không”.

“Vậy tên ba cậu là gì?”

Sherlock nhíu mày. “Siger”

“Còn chú cậu? Người mà cậu đang ở nhờ?”

“Sherrinford”.

“Cậu có anh em trai không?”

“Có, một”.

“Tên anh ta là gì?”

“Mycroft”.

Matty lắc đầu với vẻ trầm trọng. “Sherlock, Siger, Sherrinford and Mycroft. Đúng là một mớ bòng bong! Sao không đặt tên gì truyền thống hơn, như Matthew, Mark, Luke hay John?”

“Đó là họ”, Sherlock giải thích. “Và đó đều là những cái tên truyền thống. Tất cả những người đàn ông trong gia đình mình đều có những cái tên như vậy”. Nó ngừng một lúc rồi tiếp. “Có lần ba mình nói một nhánh của gia đình mình đến Anh từ vùng Scandinavia, và những cái tên chắc xuất phát từ nơi đó. Mình nghĩ “Siger” có thể là tên của người Scandinavia nhưng những cái tên khác nghe giống như địa danh trong tiếng Anh cổ. Mặc dù nơi xuất phát cái tên “Sherlock” là một bí ẩn. Có thể lúc đầu nó là Sher Lock hay là Sheer Lock tên một con kênh nào đó”.

“Cậu có vẻ biết nhiều thứ”, Matty nói, “nhưng cậu không biết nhiều về các con kênh đâu. Mình chưa đi qua bất kỳ con kênh nào tên là Sher Lock hay Sheer Lock hết. Còn chị em cậu? Họ có vài cái tên ngớ ngẩn chứ?”

Sherlock cau mày, nhìn qua chỗ khác. “Cậu sống ở quanh đây hả?”

Matty liếc nhìn Sherlock một lát, rồi dường như chấp nhận chuyện Sherlock muốn thay đổi chủ đề câu chuyện. “Ừ”, nó nói, “chỉ một thời gian thôi. Mình là loại người hay đi đây đó”.

Sherlock ngẩng lên chú ý. “Đi đây đó. Ý cậu là cậu là dân Di-gan? Hay là người của gánh xiếc?”

Matty khịt khịt mũi vẻ chế giễu. “Khi có ai gọi mình là dân Di-gan mình sẽ đâm vào mặt họ. Mà mình cũng không ở bất cứ gánh xiếc nào. Mình nói thật đó”.

Sherlock bắt chợt nhớ ra vài điều thẳng bẻ đã nói trước đó. “Cậu nói là chưa thấy con kênh nào tên là Sher Lock hay Sheer Lock hết. Cậu sống trên kênh rạch hả? Gia đình cậu có một con thuyền hả?”

“Mình có một chiếc thuyền nhỏ, nhưng mình không có gia đình. Chỉ có một mình thôi. Mình và Albert”.

“Ông của cậu hả?” Sherlock đoán.

“Một con ngựa”, Matty sửa lại. “Albert kéo chiếc thuyền”.

Sherlock chờ một lúc để nghe Matty nói tiếp. Khi nó không nói gì, Sherlock hỏi: “Gia đình cậu thì sao? Việc gì xảy ra với họ?”

“Cậu có thấy là cậu hỏi quá nhiều không?”

“Đó là cách duy nhất để biết mọi việc”.

Matty nhún vai. “Ba mình từng ở trong Hải quân. Ông ấy ra khơi trên một con tàu rồi không bao giờ quay về. Mình không biết là ba mình chết chìm hay là ở lại một cảng nào đó trên thế giới, hay đã trở lại nước Anh và không buồn trở về nhà. Mẹ mình chết cách đây vài năm. Bệnh phổi”.

“Mình rất tiếc”.

“Họ không cho mình gặp mẹ”, Matty tiếp tục như không nghe thấy, mắt nhìn ra xa. “Bà yếu dần. Ốm và nhợt nhạt hơn, giống như

là bà chết dần từng phân một. Bà ho ra máu hằng đêm. Mình biết họ sẽ đưa mình vào trại tế bần khi bà mất nên mình trốn đi. Mình không thể vào trại tế bần. Hầu hết những người vào đó đều không thể trở ra lại, hay nếu có thể ra họ cũng không thể ra ngoài một cách lành lặn, cả về thể xác lẫn tinh thần. Đi bằng đường kênh đào nhanh hơn là đi bộ, mình có thể đi xa hơn trong thời gian ngắn”.

“Cậu lấy chiếc thuyền ở đâu?” Sherlock hỏi. “Có phải của gia đình cậu không?”

“Gần như không”, Matty thở hắt ra nói. “Cứ xem như là mình tìm thấy nó và đừng bàn về nó nữa”.

“Vậy làm sao cậu sống được? Cậu làm gì để kiếm ăn?”

Matty nhún vai. “Mùa hè mình làm việc ở các cánh đồng, hái trái cây hoặc cắt lúa mì. Mọi người đều muốn nhân công rẻ, nên họ không ngại mướn trẻ em. Mùa đông mình làm những việc lật vật: nơi này thì làm vườn, nơi khác thì thay ngói đầu mái nhà thờ. Mình làm mọi thứ trừ việc lau ống khói và làm việc dưới hầm mỏ. Đó là những cái chết từ từ”.

“Cậu nghĩ đúng”, Sherlock đồng ý. “Cậu ở Farnharm bao lâu rồi?”

“Khoảng hai tuần. Một nơi tốt đấy”, Matty thừa nhận. “Mọi người ở đây khá thân thiện và họ không quấy rầy cậu nhiều. Đây là một thị trấn đáng tin và đáng kính”. Nó do dự một chút. “Ngoại trừ việc...”

“Ngoại trừ việc gì?”

“Không có gì”. Nó lắc đầu, tự kiểm chế mình. “Nghe nhé. Mình đã quan sát cậu một hồi lâu. Cậu không có bạn bè ở đây và trông cậu không ngu ngốc. Cậu có thể hiểu ra vấn đề. Thế này, mình nhìn

thấy một thứ ở thị trấn và mình không thể giải thích được”. Nó hơi xấu hổ nhìn ra chỗ khác. “Mình nghĩ là cậu có thể giúp mình”.

Sherlock nhún vai, háo hức. “Mình sẽ cố. Cái gì vậy?”

“Tốt nhất là mình cho cậu xem” Matty lau hai tay lên quần. “Cậu có muốn đi vòng quanh thị trấn trước không? Mình có thể nói với cậu đâu là nơi tốt nhất để ngồi ăn uống và ngắm người qua lại. Và đâu là con hẻm tốt nhất để chạy trốn và những đường cùng mà cậu cần tránh”.

“Cậu cũng chỉ mình chiếc thuyền của cậu nhé?”

Matty liếc nhìn Sherlock. “Có thể. Nếu mình quyết định là có thể tin cậu”.

Cả hai đưa cùng nhau đi xuống con dốc về phía con đường dẫn vào thị trấn. Bầu trời trong xanh, và Sherlock có thể ngửi thấy mùi khói từ một lò sưởi và tiếng ai đó xa xa đang chặt cây nghe đều đặn như tiếng tích tắc của đồng hồ bỏ túi. Khi hai đứa băng qua một bãi cây tạp, Matty chỉ vào một con chim đang lượn trên cao. “Chim ó”, nó nói ngắn gọn. “Chúng luôn theo dõi mọi thứ”.

Chúng mất gần một giờ để đến thị trấn cách đó vài dặm. Sherlock cảm thấy các bắp thịt ở chân và phần dưới lưng căng ra mỗi khi nó bước đi. Ngày mai nó sẽ bị căng cơ và đau nhức, nhưng ngay lúc này việc vận động làm tan đi cái cảm giác chán nản u ám thường trực từ khi nó đến Trang viên Holmes.

Khi chúng đến gần thị trấn hơn, các căn nhà bắt đầu xuất hiện ngày càng thường xuyên dọc hai bên đường, Sherlock bắt đầu nhận ra một thứ mùi mốc meo khó chịu theo gió bay qua vùng quê.

“Mùi gì vậy?” nó hỏi.

Matty hít hít mũi. “Mùi gì đâu?”

“Cái mùi đó đó. Chắc chắn cậu phải ngửi thấy chứ? Mùi giống như một tấm thảm bị ướt và không được phơi khô”.

“Đó là mùi từ nhà máy bia. Có khá nhiều nhà máy rải rác dọc theo con sông. Nhà máy của Barratt là cái lớn nhất. Ông ta đang mở rộng nhà máy vì quân đội vừa đóng ở Aldershot. Đó là mùi của lúa mạch ướt. Bia đã biến ba mình thành người xấu. Ông ấy vào Hải quân để trốn nó, nhưng ở đó ông ấy lại dính vào rượu mạnh”.

Bây giờ bọn nó đã đến rìa nội thị, có nhiều căn nhà gạch và nhà gỗ hơn là đất trống. Nhiều căn nhà được xây bằng gạch đỏ, với mái lợp bằng tranh buộc chặt và phòng lên như ổ bánh mì hoặc với mái ngói màu đỏ sậm. Đằng sau những ngôi nhà là một con dốc thoải thoải dẫn đến một lâu đài đá màu xám nằm chót vót phía trên thị trấn. Con dốc chạy lên cao hơn, vượt qua tòa lâu đài, đến một đỉnh dốc phía xa xa. Sherlock không thể không thắc mắc tại sao lại xây lâu đài ở vị trí đó nếu bất kỳ kẻ tấn công nào cũng có thể lên cao hơn nó và dội xuống đó một trận mưa tên, đá và lửa cho đến khi chán thì thôi.

“Ở đây họ họp chợ mỗi ngày”, Matty tình nguyện giới thiệu. “Ở quảng trường thị trấn, người ta bán cừu, bò, bánh và mọi thứ. Đây là chỗ tốt để mót đồ ăn sau khi mọi người dọn hàng vào cuối ngày. Họ luôn vội vã ra khỏi đây trước khi mặt trời lặn nên có đủ thứ món rớt khỏi các quầy hàng, hoặc bị vứt đi vì hơi bị hư hoặc bị sâu. Cậu có thể ăn được kha khá những thứ họ để lại”.

“Thật thú vị”, Sherlock nói không hào hứng. Các bữa ăn ở Trang

viên Holmes ít nhất cũng đáng mong đợi, mặc dù bầu không khí trong bữa ăn thì không.

Giờ chúng đã vào nội thị, và đường sá đầy người đến nỗi hai đứa phải bước khỏi vỉa hè và đi xuống lòng đường lồi lõm để khỏi đụng người đi đường. Sherlock bỏ hầu hết thời gian để dòm chừng những đồng phân, cố không đập trúng. Quần áo nhìn chung đã khá hơn, với áo vét và cà vạt trang nhã cho đàn ông và áo đầm cho phụ nữ lẫn át các kiểu quần ống túm, áo chần và áo khoác ngoài được những người chúng đã gặp ở nông thôn hay mặc. Có nhiều chó ở đây, cả được chăm sóc tốt và được dẫn đi dạo lẫn chó hoang ghẻ lở đang tìm thức ăn. Những con mèo ốm o, mắt to đang ngồi dưới các bóng râm. Trên đường phố những con ngựa kéo xe chở hàng và các cỗ xe qua lại ở cả hai hướng, đè nghiêng lên các đồng phân làm chúng lún sâu hơn vào các vết hằn trên đường.

Khi bọn nó đến con hẻm rẽ ngang khỏi đường chính, Matty ngừng lại.

“Có chuyện gì vậy?” Sherlock hỏi.

Matty lưỡng lự. “Thứ mình đã nhìn thấy”. Nó nhún vai. “Nó ở phía dưới đó, cách đây vài ngày. Có gì đó mà mình không biết”.

“Cậu có muốn chỉ cho mình không?”

Thay cho câu trả lời, Matty chạy xuôi con hẻm. Sherlock chạy nước rút để bắt kịp nó.

Vượt qua khúc quanh gắt, chúng đến một con hẻm hẹp đến nỗi Sherlock có thể đưa tay ra chạm vào những căn nhà ở cả hai bên hẻm. Mọi người đang nhô người ra khỏi những cửa sổ ở tầng trên nói chuyện với người khác dễ dàng như họ đang tựa vào hàng rào

sân vườn. Matty nhìn chăm chăm lên một cái cửa sổ. Căn phòng trống không, cửa ra vào phía dưới đang đóng. Chỗ này nhìn như bị bỏ hoang.

“Nó ở trên đó”, nó nói. “Mình thấy một làn khói, nhưng nó di chuyển được. Nó đi ra phía ngoài cửa sổ, bò lên tường rồi biến mất trên mái nhà”.

“Làn khói không làm được như vậy”, Sherlock nói.

“Nhưng cái làn khói này đã làm vậy”, Matty khẳng định.

“Hay là gió thổi nó”.

“Có thể”. Matty dường như chưa bị thuyết phục. Chân mày nó nhíu tít lại khi hồi tưởng chuyện đã xảy ra. “Mình nghe tiếng ai đó thét lên bên trong. Rồi mình bỏ chạy, vì mình rất sợ, nhưng sau đó mình có quay lại. Lúc đó, có một chiếc xe ngựa trước nhà và người ta chất một xác chết vào xe. Có một tấm vải liệm đắp lên cái xác, nhưng nó bị vướng ở cửa rồi rơi ra. Mình nhìn thấy cái xác. Mình đã nhìn thấy khuôn mặt”. Nó quay sang Sherlock, mặt nó trông như một cái mặt nạ đầy sợ hãi và hoang mang. “Anh ta bị bao phủ bởi mụn nhọt – những nhọt lớn màu đỏ, đầy trên mặt, cổ và hai cánh tay – và mặt của anh ta co rúm lại giống như anh ta chết trong cơn đau tột độ. Cậu có nghĩ đó là bệnh truyền nhiễm? Mình có nghe nói về nó, nó đã tàn phá đất nước này trước đây. Cậu có nghĩ nó đã quay trở lại?”

Một cảm giác ớn lạnh chạy dọc hai vai Sherlock. “Mình nghĩ đó có thể là sự bắt đầu của một đại dịch, nhưng một người chết thì chưa phải là dịch. Có thể đó là bệnh ban đỏ hay một thứ nào đó khác.

“Vậy còn cái bóng mình thấy di chuyển lên mái nhà – đó là cái gì? Đó có phải là linh hồn của người chết? Hay thứ đến lấy linh hồn của ông ta?”

“Đó chỉ là ảo giác do các tia nắng và bóng mây lướt qua lúc đó tạo ra”, Sherlock khẳng định. Nó nắm vai Matty và kéo nó đi. “Thôi nào, mình đi đi”.

Nó hướng Matty đi xa khỏi căn nhà và xuôi con đường hẹp. Chỉ trong giây lát bọn nó đã trở lại con đường chính đi qua Farnham. Matty trông nhợt nhạt và lặng lẽ.

“Cậu ổn chứ?” Sherlock hỏi nhẹ nhàng.

Matty gật đầu. “Mình xin lỗi”, nó nói, mặt ngượng ngùng. “Chỉ là... nó làm mình sợ. Mình không thích bệnh tật, kể từ khi...”

“Mình hiểu. Nhìn nè, mình không biết cậu đã nhìn thấy gì, nhưng mình sẽ suy nghĩ về nó. Chú mình có một thư viện – câu trả lời có thể ở đó. Hoặc ở chỗ lưu trữ báo của thị trấn”.

Cả hai đi qua một chiếc cầu nhỏ và trở lại thị trấn. Con đường đi qua một loạt cửa gỗ gắn trong một bức tường đá.

Một con thú gì đó đang nằm bên các cánh cổng, chân đuôi dài cứng nhắc, không nhúc nhích. Lông nó dơ và xám xịt. Mới đầu Sherlock nghĩ đó là con chó, nhưng khi đến gần hơn nó thấy cái mõm nhọn, những cái chân ngắn, những đường sọc vằn trắng đen – giờ thành màu xám nhạt và xám đậm – chạy dọc đầu nó. Đó là một con lửng, và Sherlock để ý thấy bụng nó gần như dẹp lép trên mặt đường. Nó đã bị cán, thủ phạm có lẽ là bánh xe ngựa.

Matty đi chậm lại khi tiến đến gần. “Cậu nên cẩn thận khi đi

ngang qua đây”, nó giải bày như thế nó hoàn toàn an toàn, còn Sherlock mới là người phải lo lắng. “Mình không biết người ta làm gì trong đó, nhưng có những bảo vệ ở trong.

Họ có dùi cui và câu liêm. Cả những gã “khỉ đột” nữa”.

Sherlock đang tính nói rằng rất có thể những người đàn ông đang bảo vệ tiền lương của công nhân thì cánh cổng mở ra. Có hai người đàn ông bước ra ngoài đường, mặt họ méo mó, đầy sẹo và hung tợn nhưng những bộ quần áo bằng nhung đen của họ lại không tì vết. Họ nhìn trái nhìn phải, quan sát bọn trẻ một thoáng và không để ý đến chúng, rồi ra dấu cho ai đó bên trong.

Một chiếc xe được một con ngựa ô kéo chậm chậm ra khỏi sân. Đánh xe là một người đàn ông đồ sộ với hai bàn tay như hai cái xẻng, cái đầu trọc của ông ta đầy sẹo. Bọn họ đóng cổng, nhảy lên phía sau xe, bám chặt khi chiếc xe rời đi.

“Để xem những ngài quý phái này có cho chúng ta đồng xu lẻ nào không”, Matty huýt sáo. Trước khi Sherlock có thể cản lại, nó đã chạy về phía chiếc xe.

Do ngạc nhiên, con ngựa khựng lại trên hai cái càng xe. Người lái xe cố gắng kìm lại bằng cách quật nó bằng roi da, nhưng ông ta chỉ làm mọi thứ xấu đi. Chiếc xe xoay vòng trong khi con ngựa nhảy dựng lên để tránh Matty.

Qua cửa sổ xe, Sherlock sửng người khi nhìn thấy một khuôn mặt tái nhợt trông như sợ người với mái tóc bạc lưa thưa đang thản nhiên nhìn nó với đôi mắt nhỏ màu hồng giống như mắt chuột bạch. Nó cảm giác ngay tức thì một nỗi sợ bản năng như khi nó với tay để lấy rau diếp trên đĩa thức ăn nhưng lại chạm phải

con sên. Nó muốn nhúc nhích, muốn lùi lại, nhưng nó như bị cái nhìn xấu xa xám xịt trói chặt không thể di chuyển được. Cuối cùng thì người đánh xe lực lưỡng đã kiểm soát được tình hình và con ngựa chạy nước kiệu nhỏ qua hai cậu bé, kéo theo chiếc xe và cả những người trên đó.

“Không có lấy một cơ hội”, Matty rên rỉ, tự trách móc mình. “Mình đã nghĩ rằng gã khỉ đột kia sẽ quất mình bằng cái roi đó”.

“Người đàn ông trên xe là ai vậy?” Sherlock hỏi, giọng yếu ớt.

Matty lắc đầu. “Mình thậm chí chưa bao giờ nhìn thấy ông ta. Trông ông ta giàu không?”, nó hỏi đầy hy vọng.

“Ông ta nhìn giống như người chết được ba ngày rồi”, Sherlock trả lời.

CHƯƠNG 3

Những đám mây hơi nước từ ống khói xe lửa thối cuộn lên qua những tấm ván lát cầu, làm nóng bỏng chân bọn con trai. Sherlock chạy một hướng, Matty chạy hướng khác, cả hai cười đùa và ướt đầm mồ hôi. Chiếc xe lửa chạy một cách đường bệ bên dưới chúng để vào ga Farnham, chậm rãi khi đến ga, bọn chúng chạy về giữa chiếc cầu gỗ nối liền hai sân ga, xem chiếc xe lửa từ từ dừng lại trong tiếng loảng xoảng của các nối toa và tiếng rít chói tai khi người lái tàu cho làn hơi nước cuối cùng thoát ra.

Đó là buổi sáng ngày hôm sau. Sân ga vắng lặng trước khi xe lửa đến, nhưng chỉ trong tích tắc, sân ga thay đổi kỳ lạ với cả đồng người vội vã chen chúc nhau ở cửa ra. Các quý ông trong những chiếc áo choàng dài màu đen và mũ chóp cao, trông giống như những con côn trùng nằm trong kén, xuất hiện từ toa hạng nhất chen vai với các ông bụng phệ mặc áo khoác vải tuyết, đội mũ dẹt và các bà trong những chiếc áo choàng trang nhã từ toa hạng hai, và những người làm công lực lưỡng, dày dạn sương gió trong những chiếc áo xơ xác và những chiếc quần đầy mảnh vá từ toa hạng ba. Những người đàn ông mặc đồng phục đang mở cái cửa trượt ở một toa và dỡ những thùng gỗ và bao mà Sherlock nghĩ là đựng thư từ. Các phu khuân vác xuất hiện từ một văn phòng nào đó mà những lúc khác chẳng ai thấy mặt họ và bắt đầu đưa các thùng và túi từ tàu lên xe đẩy. Chỉ sau vài phút sân ga gần như trống trơn, ngoại trừ một nhóm người còn sót lại đang nói chuyện với nhau về mọi sự kiện diễn ra trong tuần. Một người bảo vệ, tỏ vẻ quan trọng

trong áo đồng phục và mũ màu xanh, đi tới, nghiêng ngó suốt đoàn tàu, đưa còi lên miệng và thổi một tiếng ngắn và sắc. Chiếc tàu dường như rùng mình và bắt đầu chạy ra khỏi ga, lúc đầu chậm chậm, sau đó nhanh dần. Các toa kêu loảng xoảng khi khớp nối toa bị kéo căng và các toa di chuyển sau đầu máy.

“Chuyến xe lửa này đi London hay từ London đến?” Sherlock hỏi.

Matty nhìn tới nhìn lui đường ray. “Đi London”, Cuối cùng nó trả lời. “Từ đây nó dẫn đến Tongham, Ash, Ash Wharf rồi đi tiếp đến Brookwood và Guildford. Từ đó cậu có thể đón tàu đi thẳng đến London”.

London. Sherlock nhìn theo đường ray đến nơi con tàu vừa quẹo ở khúc cua và ra khỏi tầm mắt. Ở cuối hành trình của chiếc tàu, cách một hay hai dặm là chỗ anh Mycroft. Anh chắc đang ngồi ở văn phòng đọc tài liệu, hay đang mải mê nghiên cứu tấm bản đồ thế giới, những chỗ màu đỏ là nơi để chế Anh đang hiện diện. Trong một thoáng, niềm ước ao được chạy theo đoàn tàu và leo lên hầu như hoàn toàn xâm chiếm tâm trí nó. Nó nhớ anh, nhớ cha mẹ và em gái. Thậm chí nó nhớ cả Trường Nam sinh Deepdene, mặc dầu không nhiều bằng.

“Có gì ở Brookwood?” nó hỏi, cố tình đánh lạc hướng tâm trí sang chuyện khác.

Matty dường như rùng mình. “Đừng có hỏi”, nó nói.

“Không, thật mà”. Sherlock bây giờ mới bắt đầu quan tâm. “Nơi đó có gì đáng để tụi mình đi xem không?”

Matty lắc đầu. “Ở đó không có gì cậu muốn xem vào ban ngày

đâu”, sau cùng nó trả lời, “và tin mình đi, cậu sẽ không muốn ở đó vào ban đêm đâu”.

“Mình nghĩ là chúng ta có thể tìm hai chiếc xe đạp”, Sherlock thúc ép. “Hãy đi và khám phá. Ngắm những khu làng và những thị trấn quanh đây”.

Matty nhìn nó, mặt nhăn lại. “Tại sao chúng ta phải làm vậy?”

“Do tò mò thì sao?” Sherlock trả lời. “Chẳng lẽ cậu chưa bao giờ tự hỏi mọi thứ trông thế nào trước khi cậu thấy chúng sao?”

“Thị trấn nào cũng giống nhau, làng nào cũng như làng nấy”, Matty khẳng định, “và mọi người đều y nhau. Cuộc đời là vậy. Nào, chúng ta đi thôi”.

Nó dẫn Sherlock đi dọc theo chiếc cầu, bước xuống những bậc thang bằng sắt đúc đến sân ga nơi các hành khách vừa xuống tàu trước đó. Từ đó chúng đi ra đường.

Một chiếc xe ngựa dừng lại bên đường, và có ba người đàn ông đang chất những kiện đá vôi lên xe bằng cách nhấc lên xe. Đó là những kiện hàng vừa được dỡ từ xe lửa xuống.

Một trong số đó là một gã mặt chồn với hàm răng ố vàng.

Gã nhìn bọn nhỏ một cách căm ghét khi chúng đi ngang qua.

“Thưa cậu Sherlock”, một giọng nói sắc lạnh cất lên phía sau chúng. “Tôi rất thất vọng khi thấy cậu giao du với một đứa bụi đời bẩn thỉu. Cậu làm mất thể diện anh cậu”.

Sherlock quay lại, mặt nó đỏ lên mặc dù chưa biết ai đang nói với mình, và trông thấy người quản gia, bà Eglantine đứng cách đó vài bước. Hai người đàn ông Sherlock nhận ra là người của Trang

viên Holmes đang chất một loạt thùng tạp hóa lên chiếc xe được thắng vào một con ngựa lớn và có vẻ điềm tĩnh. Những cái thùng này hầu như chắc chắn được chuyển đến bằng xe lửa.

“Đưa bụi đời?” Sherlock nhìn quanh. Chỉ có mình Matty đang đứng đó nhìn bà Eglantine một cách thận trọng, có vẻ nó sẵn sàng bỏ chạy nếu mọi việc xấu đi. “Nếu bà nghĩ cậu ấy là đưa bụi đời thì bà cần phải đi ra ngoài nhiều hơn, bà Eglantine”, nó nói một cách bướng bỉnh, bức bối trước thái độ của bà ta.

Miệng bà ta mím chặt lại. “Ông chủ muốn gặp cậu khi cậu quay về”, bà ta nói khi hai người đàn ông đang chất thùng hàng cuối cùng lên xe. “Đừng để ông phải chờ”. Bà ta quay đi và leo lên một trong những chiếc ghế phía trước. “Bữa trưa sẽ được dọn ra dù cậu có mặt hay không”. Bà ta nói thêm khi một người đàn ông leo lên ghế trước với bà và người còn lại leo lên phía sau. “Bạn cậu *không* được mời”.

Con ngựa chạy nước kiệu, kéo theo chiếc xe phía sau. Bà Eglantine không xoay lại nhìn Sherlock mà nhìn chăm chăm về phía trước. Người đàn ông ngồi sau xe đưa tay chạm lược trai của chiếc mũ dẹt, liếc nhìn cậu bé và gật đầu một cách cảm thông. Anh ta bị mất vài cái răng và có một vết đứt trên tai giống như bị cắt bằng dao hay rìu hay một thứ gì đó.

“Đó là ai vậy?” Matty đi lên bên cạnh Sherlock.

“Bà Eglantine. Quản gia nơi mình đang ở”. Nó ngừng lại một chút. “Bà ta không thích mình”.

“Mình đoán là bà ta cũng không thích bất kỳ ai đâu”. Matty trả lời.

“Tốt hơn là mình nên về”, Sherlock nói. “Sẽ mất khoảng nửa tiếng nếu mình đi nhanh, và bà ta nói nghiêm túc về chuyện bữa ăn. Mình sẽ chịu đói đến bữa ăn tối nếu mình bỏ lỡ bữa này”. Nó quay lại nhìn Matty. “Ngày mai mình sẽ gặp nhau chứ?”

Matty gật đầu. “Ở đây, khoảng mười giờ nhé”.

Sherlock mất gần bốn mươi phút để về trang viên, vừa kịp lúc tiếng cồng gọi ăn trưa. Nó phủi qua những vết bụi dơ nhất trên quần áo rồi vào phòng ăn. Khác với bình thường, Sherrinford Holmes đang ngồi ở đầu bàn ăn, đọc một quyển sách nhỏ. Thím Anna đang lảng xảng kiểm tra việc bếp núc và tự nói với chính mình. Bà Eglantine đứng sau chú Sherrinford. Bà ta không phản ứng khi Sherlock bước vào, nhưng cái cách bà ta cố tình không nhìn vào nó cho nó biết bà ta biết sự hiện diện của nó.

“Thưa chú Sherrinford, thưa thím Anna”. Sherlock nói một cách lịch sự khi nó ngồi xuống.

Chú Sherrinford gật gật đầu về phía nó nhưng mắt vẫn không rời quyển sách. Thím Anna kết hợp âm thanh giống như lời chào vào màn độc thoại không ngừng của bà.

Một người hầu bước vào với liễn súp và bắt đầu múc nó ra chén, dưới sự giám sát của bà Eglantine. Sherlock quan sát không mấy quan tâm cho đến khi Sherrinford đặt quyển sách xuống rồi nghiêng người về phía nó nói: “Cậu bé, sau buổi ăn trưa chú có khách, và chú rất biết ơn nếu con có thể có mặt. Anh của con nhắc chú hãy đảm bảo là con vẫn tiếp tục việc học trong thời gian nghỉ hè và cậu ấy cũng mong chú giúp con tránh xa những rắc rối. Để làm được những điều đó chú đã thuê một gia sư. Ông ta sẽ dạy con

mỗi ngày ba tiếng trừ ngày Chủ nhật, vì ngày đó chú muốn con đi nhà thờ với các thành viên trong gia đình. Tên của ông ta là Amyus Crowe”. Chú khịt khịt mũi. “Ông Crowe là khách từ Thuộc địa tới đây, chú nghĩ thế, tuy vậy đã thể hiện mình là một người có học thức và nhận thức. Tiếng Latin và Hy Lạp của ông ta rất tốt. Chú mong con tôn trọng những hướng dẫn của ông ta”.

Sherlock có cảm giác mặt của nó như cháy lên vì cơn giận bất chợt. Khi mới đến Trang viên Holmes nó thấy ngày cứ dài ra, trống rỗng và khô khan, nó không biết làm gì để giết thời gian, nhưng việc gặp gỡ Matty Arnatt đã mở ra cho nó hàng loạt chuyện để làm. Bây giờ có vẻ như họ làm cho mọi việc đóng lại trước mắt nó lần nữa.

“Cám ơn chú Sherrinford”, nó lẩm bẩm. Cố làm ra vẻ vui thích, nhưng mặt nó không tuân theo ý nó. Bà Eglantine không nhìn mặt nó, nhếch mép cười.

Món bánh pa-tê với bánh nướng dày và nước sốt theo sau món súp và sau đó là món bánh pudding mùa hè. Sherlock ăn nhưng hầu như chẳng cảm thấy mùi vị gì. Suy nghĩ của nó vẫn quanh quẩn với việc những ngày nghỉ của nó sắp biến thành địa ngục, và nó không thể chờ đến ngày quay lại với sự ổn định và có thể dự đoán ở trường.

Sau bữa trưa, Sherlock xin phép rời bàn ăn.

“Đừng đi xa”, Sherrinford nhắc nhở. “Hãy nhớ đến vị khách của chú”.

Sherlock loang quanh trong sảnh trong khi những thành viên trong gia đình đi theo những hướng khác nhau – chú Sherrinford

đến thư viện còn thím Anna đi về phía nhà kính. Nó dành thời gian ngắm những bức tranh và cố đánh giá xem bức nào có tính nghiệp dư nhất. Một lúc sau, một người hầu đến. Cô cầm cái khay bằng bạc, trên có một lá thư.

“Thưa cậu Holmes”, cô ta lặng lẽ nói, “lá thư này gửi cho cậu sáng nay”.

Sherlock chụp lấy lá thư. “Cho tôi? Cảm ơn!”

Cô ta mỉm cười và quay đi. Sherlock nhìn quanh, lường trước là bà Eglantine sẽ xuất hiện và giật lấy lá thư, nhưng chỉ có một mình nó trong sảnh. Lá thư quả thực ghi tên người nhận là “Cậu Sherlock Holmes, Trang viên Holmes, Farnham”. Dấu bưu điện từ phố Whitehall. Là Mycroft! Là Mycroft gửi! Nó háo hức luồn ngón tay xuống dưới dấu niêm phong và mở thư.

Có một tờ giấy bên trong. Địa chỉ phòng Mycroft ở London được in đầu trang, và bên dưới là những chữ viết tay trang nhã một cách kỳ lạ của Mycroft. Nó đọc:

<Em Sherlock thân yêu,

Anh mong là em vẫn khỏe. Anh chắc là lúc này em đang cảm thấy bị bỏ rơi và cô đơn, cảm giác đó làm em tức giận. Anh hiểu cảm giác của em và ước gì anh có thể làm gì đó để giúp em.>

Đúng vậy ! Sherlock nghĩ. Anh hãy đến đây và đón em tới sống với anh trong những ngày nghỉ ! Nó xua đi cái ý nghĩ đó nhanh như lúc nó đến. Mycroft cũng có những vấn đề của anh: công việc đầy áp lực, và thực tế đang đóng vai trò người đứng đầu gia đình trong khi cha vắng mặt, chăm sóc mẹ đang đau yếu, và người em gái với những vấn đề của cô. Không, Mycroft đã làm điều tốt nhất cho cả

hai. Sherlock nghĩ đôi khi người ta chỉ có toàn những lựa chọn xấu, trong trường hợp đó người ta phải chọn điều ít xấu nhất. Có cảm giác đó là những vấn đề của riêng người lớn, và nó không thích cái hàm ý rằng cuộc sống của người lớn là như vậy.

Bất cứ thư nào em gửi cho anh theo địa chỉ này sẽ tới tay anh sau một ngày, anh hứa là sẽ đáp ứng ngay lập tức bất cứ yêu cầu nào của em – ngoại trừ cái yêu cầu trước đây của em là muốn đến London sống với anh.

À, lúc nào cũng chặn đầu em trước , Sherlock trầm ngâm. Anh nó luôn thể hiện một khả năng phi thường là đoán được trước những gì nó muốn nói. Nó đọc tiếp:

Anh có đề nghị chú Sherrinford thuê một gia sư để dạy thêm cho em. Anh nghe tiếng một người tên là Amyus Crowe, và anh đã báo cho chú Sherrinford. Anh tin là em sẽ tin tưởng ông Crowe. Theo anh biết, ông ta cũng có con gái. Hy vọng qua cô bé em sẽ có những người bạn cùng trang lứa ở đó.

Điều này cho thấy anh chẳng biết gì , Sherlock nghĩ. Em đã bắt đầu có bạn rồi .

Cuối cùng, anh muốn em nhớ rằng tình trạng hiện nay hoàn toàn chỉ là tạm thời. Mọi thứ sẽ thay đổi, cuộc đời là thế. Hãy tìm những cơ hội cho mình trong tình trạng này. Như nhà thơ Ba Tư, Omar Khayyam đã viết: Tôi ngồi đây dưới tán lá cùng một ổ bánh mì, một bầu rượu, một cuốn thơ – và bạn, bên cạnh tôi hát ca trong hoang dã – và giờ đây hoang dã là thiên đường...”

Đọc những từ này, Sherlock cố suy ra ý nghĩa của bài thơ. Nó khá quen thuộc với cuốn Rubaiyat của Omar Khayyam mà dịch giả

Richard Burton đã tặng cho thư viện Trường Deepdene. Nội dung chung của các câu thơ dường như nói rằng bánh xe của số phận quay liên tục và không ai có thể ngừng nó lại được, mặc dù vậy con người vẫn có thể kiếm được những niềm vui dọc theo con đường đó. Khổ thơ mà Mycroft trích dẫn ngụ ý rằng Sherlock nên tìm kiếm “ổ bánh mì” của chính mình – một thứ đơn giản có thể giúp nó vượt qua những ngày này. Không biết Mycroft có ý gì đặc biệt hay đó chỉ đơn giản là lời khuyên chung chung? Sherlock muốn viết thư trả lời ngay để yêu cầu anh nó giải thích chi tiết hơn, nhưng nó cũng hiểu đủ về Mycroft để biết là một khi anh nói điều gì, hiếm khi anh giải thích tường tận ý của mình.

Sherlock quay lại những dòng thư cuối.

<Lời khuyên cuối – em hãy dè chừng bà Eglantine. Mặc dù bà ấy được tin cậy nhưng bà ấy không phải là bạn của gia đình Holmes.

Anh biết em sẽ không để lá thư này đâu đó một cách bất cẩn, mà cất nó ở nơi an toàn.

Anh thân yêu của em

Mycroft>

Một cảm giác ớn lạnh chạy dọc sống lưng Sherlock khi nó đọc những dòng cuối thư. Việc Mycroft trực tiếp nhắc nhở nó phải dè chừng bà Eglantine hoàn toàn khác với tính cách của anh ấy, và điều đó gợi nên một câu hỏi, tại sao anh ấy lại nói thẳng tuột như vậy? Có phải vì anh muốn Sherlock hiểu đúng ý kiến của anh về bà Eglantine? Đề nghị cuối của anh ấy – không, phải gọi là *hướng dẫn* cuối – không để lá thư hờ hênh là cách Mycroft ngầm bảo nó phải *hủy* lá thư đi. Điều này thì lại đúng tính cách của anh ấy.

Nó nhét nhanh lá thư vào phong bì, nhưng có gì đó ở trong – vài tờ giấy. Sherlock kéo ra, và nhìn thấy một tờ giấy báo nhận tiền của bưu điện. Năm shilling! Nó đang ngại phải nói về tiền tiêu vặt với chú và dì, nhưng có vẻ như Mycroft sẽ cấp cho nó.

Đọc thư xong Sherlock cảm thấy phân vân. Một mặt nó cảm thấy an tâm và hạnh phúc hơn vì Mycroft đã liên lạc và bây giờ nó biết Mycroft là người đã chọn Amyus Crowe, nhưng mặt khác bây giờ nó phải chủ động lo nghĩ về điều trước đây chỉ là nỗi lo ngại dai dẳng – bà Eglantine, và rõ ràng là bà ấy không ưa nó.

“Một lá thư thú vị?”

Giọng nói trầm ấm với cách phát âm mà Sherlock không xác định được của người vùng nào. Nó quay lại, gấp thư và bỏ vào túi.

Đứng ở trước cửa là một người đàn ông cao ráo, ngực nở. Mái tóc bù xù ngổ ngược trắng toát và làn da cổ nhăn nheo, nhưng tư thế của ông ta làm người ta phải đoán sai tuổi thật. Da ông ta nâu và sần chắc, trông như ông ta hay ở ngoài trời ở một nơi nào đó nhiều ánh nắng hơn London. Ông ta mặc một bộ đồ màu ghi với cách cắt và chất liệu trông rất lạ, trong tay ông ta là một cái mũ rộng vành.

“Vâng, từ anh Mycroft của cháu”, Sherlock trả lời và không biết nên làm gì tiếp theo. Nó không biết nên gọi người hầu hay mời ông ta vào?

“À, Mycroft Holmes”, người đàn ông nói. “Tôi hiểu, chúng tôi có quen nhau. Và vì tôi tin cậu không phải là ông Sherrinford Holmes, nên tôi đoán cậu chính là cậu Sherlock trẻ”.

“Sherlock Scott Holmes, sẵn sàng phục vụ” Sherlock nói, người

đứng thẳng. Nó nhìn quanh. “À mời ông vào, thưa ông...?”

“Ông Amyus Crowe”, người đàn ông đáp lời. “Trước đây tôi ở Albuquerque, bang New Mexico, thuộc nước Mỹ. Và cậu thật tốt bụng”. Ông ta bước vào trong. “Nhưng lúc đầu hẳn cậu cũng có thể đã đoán ra tôi là ai. Tôi đến đây theo lời giới thiệu của anh trai cậu, và anh cậu không thể không nhắc đến điều đó trong thư, có phải không?”

“Cháu sẽ tìm một người hầu, hay-”

Trước khi nó dứt câu, bà Eglantine bước ra từ khoảng tối bên cạnh cầu thang chính. Không biết bà ta ở đó bao lâu rồi?

Bà ta có thấy Sherlock đọc thư?

“Ông Crowe phải không?”, bà hỏi. “Ông chủ đang chờ ông. Xin vui lòng đi theo hướng này”. Bà ta ra hiệu về phía cửa thư viện.

Người Sherlock run lên dù cố nén. Bà ta không cách nào biết nội dung thư trừ phi mở ra đọc rồi niêm lại, nó cố không nghĩ là bà ta làm vậy, tuy vậy nó vẫn có cảm giác như bị bắt quả tang đang làm điều gì sai.

Amyus Crowe tiến vào trong sảnh và treo mũ và chiếc gậy lên mắc áo. Ông ta bước đến gần Sherlock, đặt tay lên vai nó rồi nói: “Chúng ta sẽ nói chuyện sau”. Sherlock khá cao so với lứa tuổi, nhưng Amyus Crowe cao ngất ngưỡng, làm nó có cảm giác như là mới mười tuổi. “Đi loanh quanh một chút đi, con trai”. Ông ta nhìn xung quanh sảnh. “Trong khi chờ đợi cháu hãy thử phát hiện xem có bao nhiêu bức tranh ở đây là tranh giả?”

Bà Eglantine cứng người. “Không có bức tranh nào trong những bức này là giả cả!” Bà ta rít lên giận dữ. “Ông chủ sẽ không bao giờ

cho phép điều đó!”

““Không có bức tranh nào trong những bức này” là một câu trả lời chấp nhận được”. Crowe nói và nháy mắt đầy ngụ ý với Sherlock khi đi ngang nó. Ông ta đưa danh thiếp cho bà Eglantine. “Tôi rất biết ơn nếu bà thông báo sự có mặt của tôi”.

Bà Eglantine dẫn Amyus Crowe vào thư viện. Vài phút sau bà ta bước ra và bỏ đi chỗ khác mà không nhìn tới Sherlock. Nó dõi theo bà ta khi bà mất hút sau gầm cầu thang rồi tự hỏi không biết bà ta có đang dừng ở đó rồi quay người lại và theo dõi nó.

Từ thư viện văng ra các giọng nói nhưng Sherlock không nghe lọt từ nào. Nó đi thò thẩn dọc các bức tường ốp bằng gỗ sồi, lần lượt nhìn kỹ từng chi tiết của các bức tranh. Không bức nào dán tên tranh. Thưởng thức nghệ thuật không nằm trong chương trình học của Trường Deepdene, và nó nhận thấy những bức tranh phong cảnh thiên nhiên, biển cả và săn bắn không làm nó thích. Với nó tất cả đều giả, những cây cối hoàn hảo, biển cả hoang vu và những con ngựa có cẳng chân khảng khiu.

Albuquerque. Nước Mỹ. Những cái tên này nghe có vẻ lãng mạn. Sherlock biết rất ít về đất nước đó, ngoại trừ thông tin là người Anh đến đó định cư trên hai trăm năm trước, rồi khoảng một trăm năm sau họ đã nổi dậy chống lại sự cai trị của người Anh và họ độc lập và ngạo mạn. À, và ở đó đã xảy ra một cuộc nội chiến cách đây vài năm liên quan đến chế độ nô lệ. Nhưng nó thích Amyus Crowe ngay, và nếu như ông ta tiêu biểu cho những con người ở đó thì Sherlock muốn đến Mỹ một ngày nào đó.

Có lẽ khoảng nửa tiếng sau, cửa thư viện mở và Amyus Crowe

bước ra. Ông mỉm cười và bắt tay Sherrinford Holmes. Phía sau họ, những hàng sách bọc da màu xanh lá cây lờ mờ như phong cảnh một đồng cỏ.

“À, Sherlock”, Sherrinford nói. “Ông Crowe, cho phép tôi giới thiệu cháu tôi, Sherlock”.

“Chúng tôi vừa gặp nhau lúc nãy”, ông Crowe nói, gật đầu với Sherlock.

“Tốt quá. Cảm ơn ông đã đến đây. Tôi sẽ cho một người hầu tiễn ông”.

“Không cần đâu, thưa ông Holmes – Tôi sẽ tản bộ qua khuôn viên cùng cậu Holmes, nếu ông cho phép”.

“Tất nhiên, tất nhiên là được”. Sherrinford rút về phòng đọc như một con rùa thụt đầu vào mai của nó, và Crowe rảo bước về phía Sherlock đang đứng.

“Sao? Bức tranh nào? Nếu có”. Ông ta hỏi nó.

Sherlock dán mắt vào những bức tranh. Mặc dù đã quan sát kỹ nó vẫn không chắc chắn. Nó ngáp ngừng chỉ vào bức tranh đặc biệt vụng về vẽ một người đang cưỡi một con ngựa với những cái chân không khoèo như sắp gãy dưới sức nặng. Nó đánh bạo nhận xét, “Đó không phải là bức tranh đẹp lắm. Phối cảnh thì méo mó và hình họa thì sai về giải phẫu. Có phải là tranh giả không?”

Crowe ngắm bức tranh rồi nói, “Vấn đề của tranh giả là ở chỗ những kẻ ít tài năng hơn bị phát hiện khá nhanh. Những bức tranh giả thường thuyết phục hơn tranh thật. Cậu đứng ở chỗ bức tranh này được vẽ một cách vụng về, nhưng nó là tranh thật”. Ông ta di chuyển đến một bức tranh vẽ phong cảnh bờ biển khá ấn

tượng, những con sóng đang đập vào bờ trong khi một chiếc tàu đang trông chừng ở hậu cảnh.

“Đây là bức tranh giả”.

Sherlock nhìn bức tranh hỏi, “Làm sao ông biết?”

“Phần nhiều những bức tranh của chú cậu đều được vẽ bởi Claude Joseph Vernet. Chú cậu có vài bức của Vernet con, Horace. Vernet cha vốn nổi tiếng với những bức tranh vẽ phong cảnh bờ biển. Bức tranh này vẽ cảnh cảng Dover, nhưng Vernet chưa bao giờ đến Anh. Những chi tiết trong tranh quá thật: nó phải được vẽ tại chỗ; vì vậy, chắc chắn nó không phải của Vernet. Bức này nhái theo phong cách của ông ấy”.

Sherlock chống chế, “Cháu không thể biết được. Cháu chưa bao giờ học về Vernet hay bất kỳ họa sĩ nào khác”.

“Và điều đó nói lên gì?” Crowe nhìn chăm chăm xuống Sherlock, cặp mắt màu xanh lam của ông gần như bị khuất sau những nếp nhăn của da.

Sherlock nghĩ một chút rồi nói, “Cháu không biết”.

“Cậu có thể suy luận theo ý cậu, nhưng tất cả sẽ vô nghĩa nếu cậu không có kiến thức. Tâm trí của chúng ta giống như một cái xa quay sợi, nó cứ quay mãi không ngưng và không mục đích cho đến khi được mắc chỉ vào, khi đó nó mới tạo ra sợi. Thông tin là nền tảng của mọi suy nghĩ có lý trí. Hãy tìm kiếm nó. Cất giữ nó một cách cẩn thận. Hãy nạp vào đầu càng nhiều thông tin càng tốt. Đừng có cố phân biệt thông tin quan trọng hay tầm thường: Tất cả đều có tầm quan trọng tiềm tàng”.

Sherlock suy nghĩ một lúc lâu. Nó đã chuẩn bị cho tâm trạng khó

chịu và bị tổn thương, nhưng trong giọng của Crowe không có chút phê phán nào, và những điều ông ta nói là đúng. Nó nói và gật đầu, “Cháu hiểu rồi”.

“Tôi tin là cậu hiểu”, Crowe đáp. “Chúng ta hãy tản bộ và xem có thể phát hiện ra điều gì”.

Crowe lấy mũ và gậy bên cạnh cửa rồi họ cùng nhau bước ra ngoài ánh nắng hè rực rỡ. Crowe băng qua bãi cỏ trước nhà, đi về phía rừng cây, miệng nói về việc các đám mây hình thành như thế nào trên trời và mối liên hệ của chúng với thời tiết.

Một lúc sau ông ta hỏi, “Có khi nào cậu nghĩ về cáo và thỏ không?”

“Không nhiều”, Sherlock đáp, trong lòng không biết sự thay đổi đề tài này sẽ dẫn đến đâu.

“Cậu thử tưởng tượng có một trăm con cáo và một trăm con thỏ trong cánh rừng này, xung quanh rừng là một hàng rào không con nào thoát ra được. Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?” Sherlock suy nghĩ một chút. “Những con thỏ sẽ có thỏ con, những con cáo sẽ có cáo con và cáo sẽ ăn thịt thỏ”.

“Ăn hết thỏ hả?”

“Gần hết. Sau đó những con thỏ còn lại sẽ hiếm, vì chúng bắt đầu trốn”.

“Rồi việc gì sẽ tiếp diễn?”

Sherlock nhún vai, nó không chắc điều này sẽ dẫn đến việc gì. “Cháu nghĩ những con cáo sẽ bắt đầu chết vì đói”.

“Còn bọn thỏ thì sao?”

“Chúng có thể trốn, ăn cỏ và sinh sôi, do đó số lượng thỏ sẽ tăng dần”. Một tia sáng bỗng lóe lên trong đầu nó. “Và rồi số lượng cáo sẽ lại bắt đầu tăng lên vì chúng bắt được nhiều thỏ hơn, ăn uống đầy đủ, và sinh sôi nảy nở. Và cuối cùng số lượng cáo quá nhiều nên chúng sẽ ăn thỏ ngày càng nhiều hơn, rồi số lượng thỏ lại giảm một lần nữa”.

“Và cái qui trình đó sẽ tiếp tục lặp đi lặp lại, như hai con sóng, con lên con xuống đuổi theo nhau. Ở một nơi nào đó là tận cùng của qui trình đó có một ngành toán học được gọi là phép tính vi phân, đó là cái cậu nên lưu tâm. Nó hữu dụng một cách lạ kỳ. Cậu có thể áp dụng cùng những phương trình đó cho lượng tội phạm và cảnh sát trong một thành phố, nếu cậu thích”. Ông ta bất thành linh phá lên cười. “Các cảnh sát không thường ăn thịt tội phạm nhưng những nguyên lý cơ bản thì cũng như nhau. Isaac Newton và Gottfried Leibniz phát triển môn toán một cách độc lập, nhưng gần đây Augustin Cauchy và Bernhard Riemann đã phát triển bộ môn này lên mức cao hơn. Riemann chết cách đây vài tháng. Tôi tin đây là một thiệt thòi lớn cho thế giới mặc dù tôi không chắc là thế giới có nhận ra điều đó chưa”.

Bản thân Sherlock không hề tin là toán học lại có vai trò quan trọng như thế nên thường không quan tâm đến. Nó rất hạnh phúc nếu “nạp đầy đủ” nó những gì liên quan đến nghệ thuật và âm nhạc, đó là những thứ nó thấy thú vị, nhưng phương trình thì có lẽ không.

Sau một hồi họ đi đến bức tường đá là nơi đánh dấu ranh giới của Trang viên Holmes. Crowe chỉ về hướng bên phải. “Cậu đi

hướng này – hái số nấm nhiều nhất mà cậu có thể mang được. Tôi sẽ đi theo hướng kia. Sau nửa tiếng chúng ta sẽ gặp nhau ở đây, và tôi sẽ chỉ cậu cách phân biệt nấm độc và nấm lành. Nhớ là đừng có ăn thử trước khi tôi bảo cậu. Chắc chắn đó là một kỹ thuật phân tích có cơ sở vững chắc, nhưng nó cũng có thể dẫn đến tai họa chết người”.

Crowe chậm chậm đi về phía trái, dùng cây gậy gạt những bụi cây và lùm cỏ qua một bên, mắt nhìn chăm chú xuống đất. Sherlock đi theo hướng ngược lại, mắt dán chặt xuống đất để tìm kiếm những vết trắng, những mụn nấm mập mạp trồi lên giữa đám dương xỉ.

Trong vài phút nó đã khuất khỏi tầm mắt của Amyus Crowe. Nó tiếp tục đi, nhưng ngoại trừ vài tai nấm nâu có hình dáng như cái đĩa mọc ra từ một bên thân cây mà nó không chắc là có nên hái hay không, nó không tìm được thứ gì khác.

Có một vệt màu thấp thoáng trong lùm cây thu hút sự chú ý của nó: những chấm đỏ trên nền trắng. Nó đến gần hơn, nghĩ đó là một cụm nấm độc mọc trên đất, nhưng hình thù của vật đó có gì đó làm nó băn khoăn. Trông giống như...

Có một đám mây khói nhỏ lơ lửng trên vật đó ngay khi Sherlock nhận ra đó là cái gì: một thân người nằm còng queo trên mặt đất. Đám khói đung đưa theo gió nhưng không có dấu hiệu của lửa. Lúc đầu, Sherlock nghĩ người đàn ông này nằm hút thuốc bằng cái tẩu, mặt ông ta vì một lý do nào đó quấn trong một cái khăn tay màu trắng chấm đỏ, nhưng khi đến gần nó nhận ra là những chấm đỏ không phải ở trên nấm độc cũng như trên khăn tay trắng.

Đó là những mụn máu trên mặt một xác người.

CHƯƠNG 4

 myus Crowe rút từ túi áo ra một chiếc khăn tay và đưa cho Sherlock. Từ một túi khác, ông lấy ra một cái chai kim loại đẹp và thân chai ôm cong theo người. Có một sợi dây da vòng quanh cái chai. Ông tháo nắp và đổ một ít chất lỏng màu nâu vào chiếc khăn tay Sherlock đang cầm làm nó ướt đẫm. Mùi xông lên từ chiếc khăn ướt gây ngứa mũi và chảy nước mắt.

“Rượu mạnh”, Crowe nói để đáp lại vẻ ngờ vực của Sherlock. “Đề phòng trường hợp người đàn ông này chết vì bệnh truyền nhiễm. Chúng ta không muốn bị nhiễm cái thứ đã mang anh ta ra khỏi cõi đời này”. Ông ta lấy thêm một cái khăn tay nữa từ một túi khác và làm giống y như vậy.

“Thứ đã giết anh ta?” Sherlock nói vẻ băn khoăn. “Chắc chắn là một loại bệnh. Hãy nhìn mặt anh ta xem!”

Cặp mắt màu xanh dương sáng của Crowe dán lên khuôn mặt Sherlock. Ông nhìn nó chằm chằm một lúc đầy thích thú trong khi vẫn cầm chặt chiếc khăn tay. “Cậu nghĩ rằng bệnh tật là nguyên nhân – và cái bệnh này đã phát triển tự nhiên trong cơ thể này?”

“Cháu giả sử thôi”, Sherlock chấp nhận. “Cháu chưa bao giờ thật sự nghĩ về chuyện này”.

“Nhưng cậu biết là dịch bệnh có thể lây từ người này sang người khác nếu cậu đến gần người bệnh hay đụng vào họ”.

“Đúng...”, Sherlock trả lời một cách thận trọng, nó không biết câu chuyện đang dẫn đến đâu.

“Vậy thì không có lý sao khi một thứ gì đó lây từ người bệnh

sang người lành và làm cho họ cũng mang bệnh?”

Sherlock giữ im lặng. Nó hiểu câu hỏi này sẽ dẫn đến một bài học khác, cho dù là nó có trả lời như thế nào.

“Tôi đã sống ở Vienna vài năm trước đây”, Crowe nói. “Tôi đã gặp một người Hungary tên Ignaz Semmelweis. Ông ta làm việc với các sản phụ sắp sinh. Ông ta để ý thấy những sản phụ được các bác sĩ hoặc sinh viên y khoa đỡ đẻ sẽ dễ chết vì sốt hậu sản hơn những người được các bà mụ đỡ. Semmelweis là một người thông minh. Những bác sĩ khác sẽ cho qua việc đó, nhưng ông ta nhận ra là các nhân viên y tế thường đến thẳng phòng sinh từ nơi khám nghiệm tử thi. Ông ta đã yêu cầu các bác sĩ rửa tay bằng nước và chất khử trùng Chlorine trước khi khám cho sản phụ, và tỉ lệ sản phụ chết vì sốt hậu sản ở bệnh viện của ông ta giảm hẳn. Rõ ràng là Chlorine đã giết chết hoặc phá hủy cái gì đó trên tay các bác sĩ, thứ đã truyền từ xác chết đến các sản phụ”.

Ông giơ khăn tay lên. “Vì thế ta dùng rượu mạnh, có công dụng tương tự”.

“Thứ gì đó là loại nào?” Sherlock hỏi.

Crowe mỉm cười. “Nhà văn La Mã Marcus Terentius Varro đã viết, “... có những sinh vật nhỏ sinh sôi nảy nở mà chúng ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nó trôi nổi trong không khí và vào cơ thể người qua miệng và mũi và gây ra những bệnh nguy hiểm”. Tôi đoán đây không phải những loại bệnh căn bản cậu đã được học ở trường. Mọi người đã nói về những vi sinh vật hàng thế kỷ nay, nhưng các nhà y học lại không xem đó là điều quan trọng”.

“Nhưng chúng ta có thể đơn giản là để cái xác lại đây và đi báo

cho ai đó không?” Sherlock hỏi. “Như vậy có an toàn cho chúng ta hơn không?”

Crowe nhìn quanh cây cối và các lùm bụi. “Có nhiều khả năng một con cáo hoặc lửng đến và chén một bữa no nê. Tôi chưa bao giờ gặp người này, nhưng tôi cũng không mong việc đó xảy đến cho bất kỳ ai, dù còn sống hay đã chết. Không, anh ta phải được đưa ra khỏi rừng vào một lúc nào đó để chôn cất, và bây giờ cũng là một thời điểm tốt. Chúng ta sẽ an toàn chừng nào không sờ vào anh ta và đeo những cái khẩu trang này”.

Crowe cột chặt khăn tay quanh mặt. Mùi của rượu mạnh làm ông ta chảy nước mắt. Ông ta cười, những nếp nhăn sâu quanh mắt ông ta hằn lên như sỏi sỏi lạnh. “Tôi chưa bao giờ nói đó là loại rượu ngon”, ông ta nói. “Cậu vui lòng đừng quan tâm đến mùi vị của nó. Bây giờ hãy chạy đi và mang cái xe cút kít để ở vườn ra đây. Dem nó lại đây, nhanh”.

Bỏ lại Crowe đang cúi người trên xác chết, nhét chiếc khăn vào túi để lát nữa dùng, Sherlock bước nhanh theo hướng cũ qua khu rừng về phía trang viên. Nó định hướng bằng những thân cây, bụi rậm và nấm mà Amyus Crowe đã chỉ cho nó xem dọc đường đi khi này, nhảy qua những bụi cây thấp và cảm thấy cỏ quất vào mắt cá chân khi nó chạy. Mùi của dương xỉ khô và oải hương trộn lẫn trong mũi nó. Nó có thể nhận thấy mồ hôi đang túa ra trên trán và giữa hai xương bả vai, nhỏ xuống má và chảy dọc xương sống.

Khi ra khỏi rừng và về đến cái trảng trống ngăn giữa khu rừng với trang viên, nó dừng lại để thở và bình tĩnh lại. Ánh nắng trưa làm nó bị chói mắt nhất thời, giống như khi bị một cú đánh vào

đầu. Nó cúi người, hai tay chống lên đầu gối, hóp lấy luồng không khí ẩm áp. Những âm thanh đã bị rừng chặn lại – tiếng chẻ củi, tiếng heo kêu ỉn ỉn xa xa, tiếng ai đó hát – bỗng vang lên làm nó chú ý.

Đứng thẳng người lên, nó thấy có một bóng người phía xa, trên lưng ngựa. Người ngựa đứng bên kia cổng dẫn ra con đường, phía ngoài bức tường cao. Con ngựa đứng yên một chỗ, bóng người trông như đang quan sát nó. Nó nheo mắt, đưa tay lên che bớt ánh nắng mặt trời, nhưng ngay khi tay nó vừa che khuất tầm nhìn thì con ngựa di chuyển và bóng người biến mất.

Quên đi chuyện bóng người, Sherlock tìm thấy một chiếc xe cút kít gần chuồng gà và nhanh chóng đẩy vào rừng, nơi có cái xác. Nó thấy Crowe đang lục túi người chết.

“Không có gì để cho biết người này là ai”, ông ta nói mà không ngoái lại. Giọng ông ta bị cái khăn làm nghẹt đi. “Cậu có nhận ra người này không?”

Sherlock liếc nhìn cái mặt sừng phòng, bụng nó cuộn lên một cách khó chịu. Nó cố nhìn xuyên qua những cái mụn và các vết đỏ để tìm nét mặt. Cuối cùng nó nói, “Cháu không nhận ra, nhưng cũng khó thấy mặt”.

“Hãy nhìn tai”, Crowe nói. “Tai mọi người hoàn toàn khác nhau. Vài người không có dái tai, một số thì tai nhăn nheo, một số thì có tai giống hệt cái vỏ sò. Đó là cách đơn giản để phân biệt mọi người, đặc biệt nếu họ cố tình muốn che giấu thân phận”.

Sherlock kìm lại không đáp trả rằng người đang nằm chết trên đất này khó có lý do để che giấu thân phận, và thay vào đó nó tập

trung vào vành tai bên trái lộ ra của người chết. Nó để ý thấy có một vết đứt dễ nhận thấy trên da nằm ở nửa trên của tai, như thể bị chém bằng dao trong một lần đánh nhau ở đâu đó, hay là bị trúng lưỡi rìu khi đang chẻ củi. Suy nghĩ đó làm nảy ra một hồi ức: nó đã gặp người đàn ông này *trước đây*. Nhưng ở đâu?

“Cháu nghĩ anh ta là người làm của chú cháu”, cuối cùng nó thốt lên. “Cháu đã từng thấy anh ta đánh xe ngựa”.

“Lúc nào?” Crowe hỏi.

“Chỉ mới sáng nay”. Sherlock cau mày. “Nhưng bây giờ trông anh ta như đã bị bệnh lâu ngày. Khi cháu thấy anh ta, anh ta còn khỏe mạnh”.

“Thông tin hữu ích đây”, Crowe lẩm bẩm. “Tốt lắm; chúng ta hãy đặt anh ta vào xe cút kít và đẩy về trang viên. Bà quản gia mặt buồn nhà cậu sẽ mời thầy cưa xương [3] của vùng này đến”.

“Thầy cưa xương?”

“Là bác sĩ đó”, Crowe cười. “Trước đây cậu chưa bao giờ nghe từ “thầy cưa xương” à?” Sherlock lắc đầu.

“Gọi như vậy là vì không lâu lắm trước đây đó là tất cả những gì họ có thể làm – cắt ngón tay hay ngón chân, bàn tay hay bàn chân, cánh tay hay cẳng chân nếu có tai nạn xảy ra”. Crowe khụt khịt mũi. “Rất may là văn minh nhân loại đã có chút phát triển kể từ đó”. Ông cúi xuống cái xác rồi đứng thẳng lại nhìn Sherlock. “Nhớ – không được đụng vào da anh ta”, ông cảnh báo. “Chỉ nắm quần áo của anh ta. Tốt nhất là không mạo hiểm”.

Chuyến về qua rừng mất khoảng nửa tiếng. Amyus Crowe đẩy chiếc xe chở người chết nằm lắc lư bên trong. Sherlock chạy trước

xe, nó lom khom gạt hết đá hoặc cành cây có thể cản bánh xe hay làm Crowe vấp ngã. Hai bàn tay của người đàn ông hất lên hất xuống khi xe bị xóc, làm anh ta trông như đang ráng ngồi dậy. Sherlock cố không nhìn cảnh đó.

Khi nhìn thấy trang viên, Sherlock đã bắt đầu thở hỗn hển, nó cảm giác các cơ bắp bồng rập vì mỏi. Hẳn có ai đó đã trông thấy họ vì bà Eglantine đang bước nhanh về phía họ.

Bà ta đến nơi lúc họ vừa đến hàng cây.

“Các anh *không* được mang thứ đó vào bất cứ nơi nào gần nhà”, bà ta nói một cách kiên quyết.

“*Thứ này*”, Crowe khiển trách bà ta nhẹ nhàng, “là một trong những người làm của chủ nhân bà. Tôi biết là anh ta đã chết, nhưng tôi nghĩ anh ta dù sao cũng xứng đáng được tôn trọng một chút”.

Bà Eglantine khoanh tay lại. “Người làm hay không”, bà ta nói, “thì tôi cũng không cho đem vào bất kỳ nơi nào gần nhà. Nhìn anh ta đi. Tôi không biết là bệnh đậu mùa hay dịch hạch, nhưng cái xác này cần phải bị thiêu hủy”.

“Tôi đồng ý”, Crowe nói, “nhưng tôi muốn trước hết phải có một bác sĩ xem xét cái xác. Và tất nhiên, gia đình của anh ta cũng cần được thông báo. Xin vui lòng gọi một bác sĩ từ thị trấn đến. Trong khi chờ, có chỗ nào có thể để cái xác vào không?”

Bà Eglantine khịt mũi. “Có một cái kho để chứa phân”, bà ta nói. “Nó đang bỏ không. Bỏ anh ta vào đó”. Bà ta ngừng lại một chút rồi nói tiếp, “Sau đó chúng ta có thể đốt cái kho”, rồi quay đầu trở về trang viên.

“Thật là một quý bà đáng yêu”, Crowe lầm bầm.

Sherlock đi quanh trang viên đến nơi phân được chất thành đống trước khi mang đi rải ở các luống rau và vườn cây ăn quả. Mùi phân hôi thối và tươi, mặc chiếc khăn tắm ướt rượu mạnh, chui vào mũi và miệng nó và bao phủ cổ họng nó với cái dư vị mắc ói.

Căn nhà kho đã xiêu vẹo, Sherlock và Crowe phải di chuyển hàng đống những thanh gỗ mục và những dụng cụ làm vườn gỉ sét trước khi họ có thể mang cái xác vào trong. Ánh nắng mặt trời xuyên qua những lỗ hổng trên mái nhà và vách tạo nên những đốm sáng bằng bàn tay trên cái xác, phần còn lại của cái xác hoàn toàn chìm trong bóng tối. Đối với Sherlock, cái xác trông giống như một con búp bê kỳ cục có kích thước như người thật bị quăng đi một cách cẩu thả, tay và chân đung đưa trên thành xe cút kít.

“Chúng ta không có lý do gì để ở lại trong này”. Crowe nói, bước ra ngoài và tháo cái khăn tay. “Cậu quay về nhà ngay. Bảo một người hầu chuẩn bị nước tắm cho cậu – phải là nước nóng. Cậu hãy chà kỹ người bằng xà bông khử trùng carbolic. Thay đồ, bộ này đem đốt đi nếu cậu có đủ quần áo để thay. Nếu không thì đưa cho người hầu mang đi giặt”.

Sau khi tắm xong, khi da nó đỏ ửng lên và tươi hồng vì chà xát với xà bông carbolic màu đỏ sậm, Sherlock thay đồ khác và rời nhà. Nó vẫn còn nghe mùi nhựa than mà xà bông để lại trên da, và mắt nó cay xè. Đi vòng qua góc nhà, chùi hết những giọt nước mắt còn vương lại, nó trông thấy Amyus Crowe đang đứng nói chuyện với một người đàn ông lực lưỡng khoác áo choàng đen trước cửa

căn nhà kho xiêu vẹo. Đó hẳn là bác sĩ của vùng này. Khi đến gần hơn, Sherlock nghe tiếng ông bác sĩ nói lớn tiếng, giọng kênh kiệu, “Chúng ta cần báo động những người có trách nhiệm trong khu vực. Đây là cái xác thứ hai được tìm thấy có cùng những triệu chứng. Nếu đây là dịch hạch thì chúng ta cần phải đề phòng ngay lập tức. Hội chợ ngày mai sẽ phải bị hủy bỏ và tất cả những nơi công cộng cần đóng cửa để ngăn bệnh lây lan. Trời ơi, thậm chí chúng ta có thể phải chặn những con đường ra vào thị trấn cho đến khi nguy hiểm qua đi!”

“Hãy bình tĩnh”, Amyus Crowe nói chậm rãi với giọng trầm. “Chúng ta chỉ có hai cái xác. Hai giọt mưa không thể làm nên một cơn mưa đông”.

“Nhưng nếu anh chờ đến khi mưa đổ ụp xuống đầu trước khi che dù thì anh sẽ bị ướt”, người bác sĩ cãi lại.

Bất thành linh Sherlock nhận ra nó biết nhiều hơn bọn họ. Cái xác, mụn nhọt, đám khói – tất cả chính xác là những gì Matty Arnatt đã nhìn thấy khi người đàn ông trong thị trấn chết. Đám khói là cái gì?

“Ít nhất chúng ta hãy đợi cho đến khi một chuyên gia đến xem xét cái xác”.

Ông bác sĩ bực mình lắc đầu. “Chuyên gia nào? Tôi có thể khám nghiệm tử thi nhưng chỉ cần nhìn các hạch sưng phù này là quá đủ rồi. Chúng ta phải nhìn nhận là chúng ta đang đối mặt với bệnh dịch hạch và hành động cho phù hợp”.

Crowe giơ tay trấn an. “Tôi quen một giảng viên đại học chuyên ngành bệnh nhiệt đới hiện sống ở Guildford. Giáo sư Winchcombe.

Chúng ta có thể mời ông ta đến. Tôi sẽ viết một lá thư”.

“Cứ viết nếu ông thấy cần”, bác sĩ nói, “nhưng trong khi ông làm việc đó, tôi sẽ nói chuyện với thị trưởng và hội đồng thị trấn và cả ngài giám mục của xứ Winchester”.

“Ông ấy liên quan gì đến chuyện này?” Crowe hỏi.

“Lâu đài Farnham là nơi ở chính thức của Ngài”.

Sherlock tiến đến gần hơn, nhưng Amyus thoáng thấy và ra hiệu cho nó đi chỗ khác. Sherlock cảm thấy hơi bực. Nó là người phát hiện ra cái xác, nhưng bây giờ dường như Crowe muốn nó đứng ngoài mọi việc. Crowe muốn nó làm gì bây giờ – loanh quanh cho đến khi cuộc nói chuyện chấm dứt và đến nghe tiếp bài giảng đang giảng dở? Nó có nhiều việc để làm. Nếu Crowe muốn phản nài thì cứ viết thư cho Mycroft.

Trong lòng bực bội, nó xoay người bỏ vào rừng.

Ở giữa cây cối, chỉ trong vài phút nó đã không nhìn thấy trang viên nữa. Mặt đất tơi xốp dưới bước chân khi nó bước đi. Xung quanh chỉ toàn tiếng lắc rắc khe khẽ của cây lá khô rang dưới ánh nắng trưa và thỉnh thoảng là tiếng sột soạt của một chú chim hoặc cáo đang di chuyển trong bụi rậm. Mùi của lá mục dậy lên từ mặt đất, che đi dư vị khét mũi của rượu mạnh mà nó vẫn còn ngửi thấy và dư vị hăng hơn của carbolic. Không có đường mòn và lối đi xuyên qua những bụi rậm nên Sherlock phải bước thật chậm qua những thân cây đổ và đi vòng quanh những bụi cây táo gai để tiến tới.

Nó vào rừng theo một hướng khác với hướng nó và Crowe đã vào lúc trước và nó không biết chắc mình đang ở đâu. Sau vài phút

nó không thể thấy trang viên, và nó phát hiện ra là mình không biết chắc hướng đi. Nó có thể đang ở giữa rừng hoặc là ở bìa rừng, và nếu không cẩn thận nó sẽ tiếp tục đi sâu vào giữa rừng. Không có cách nào để kiểm tra hướng đi, mặc dù nó cố ghi nhớ hình dáng của những cái cây nó đã đi qua nhưng rồi cuối cùng nó nhận ra là cây nào trông cũng như nhau.

Có một điều gì đó đã lôi cuốn nó đi sâu hơn vào rừng, điều gì đó mang tính bản năng mà nó không hiểu. Có người đã nói về các thị trấn và thành phố như thể chúng có hồn riêng, Sherlock đã trải nghiệm điều này ở London, trong những dịp đi chơi hiếm hoi với ba nó, cũng như ở mức độ thấp hơn là lần đến Farnham với Matty Arnatt, nhưng cái hồn mà nó cảm nhận ở đây thì khác. Một thứ gì đó vô tận và tối tăm. Dù là gì đi nữa, thì thứ đó cũng đã nhìn thấy cái chết của người nông dân và đứng đưng, cũng như đã đứng đưng với cái chết của hàng trăm, hàng ngàn, hàng triệu thú vật và con người trong hàng thiên niên kỷ mà nó đã chứng kiến.

Giữ bỏ những cảm xúc, Sherlock thấy mình vấp phải vết lún sâu do xe cút kít tạo nên và nó theo dấu đó để quay lại nơi nó đã phát hiện ra cái xác. Cây cỏ bị đè bẹp bên dưới cái xác đã vươn lên lại, nên không còn dấu của chỗ cái xác đã từng nằm. Nó biết chính xác vị trí là nhờ vào vết bánh xe cút kít ngừng tại đó.

Sherlock quan sát mặt đất dù không biết chính xác nó đang tìm gì. Nó cố hình dung những giây phút cuối cùng của người chết. Có phải là anh ta loạng choạng đi vào khu đất, bị hôn mê, khụy gối trước khi cả thân người đổ sập xuống, hay là anh ta đang đi mà không biết mình bị bệnh trước khi ngất xỉu và nằm mê man trong

khi những mụn nhọt trên mặt và tay anh ta bắt đầu mọc ra? Phải có cách để hình dung câu chuyện từ bước chân của anh ta. Nếu anh ta bị mê sảng, bước chân anh ta sẽ chệch choạng, trong khi nếu anh ta đi bình thường, các bước chân phải ngay hàng thẳng lối. Sẽ có ích cho bác sĩ nếu ông ta biết bệnh diễn tiến nhanh như thế nào, và nếu không có gì khác thì nó có thể làm Amyus Crowe ấn tượng trước khả năng suy diễn của nó.

Sherlock cúi xuống thật thấp để quan sát mặt đất. Đôi ủng của người này tạo những vết hằn khác biệt trên mặt đất – gót của một chiếc bị mòn hơn chiếc kia, Sherlock có thể dễ dàng phân biệt vết chân của anh ta với của mình và của Amyus Crowe. Nó lần theo dấu chân trở vào đám cây. Dấu chân có vẻ kỳ cục; có khi bước chân đi theo một hướng có khi lại theo hướng khác, giống như anh ta đang xoay vòng.

Khiêu vũ chăng? Không, ý tưởng này thật ngớ ngẩn. Anh ta bị chóng mặt? Điều này thì có khả năng hơn. Có lẽ cơn bệnh – dù là bệnh gì – đã tác động đến khả năng giữ thăng bằng của anh ta.

Sherlock đi theo con đường xiêu vẹo của những dấu chân xa khỏi khu đất cho đến một nơi các dấu chân thành hình ngay hàng thẳng lối. Từ chỗ đó các dấu chân theo đường thẳng, thỉnh thoảng lại vòng qua một gốc cây hoặc một thân cây đổ hướng về phía mà nó nghĩ là Trang viên Holmes. Trông như thể cái gì đó tác động lên anh ta đã xuất hiện đột ngột: một phút trước anh ta đang đi đứng bình thường, một phút sau đó lại đi loạng choạng thành vòng tròn như thể bị say rượu, rồi không lâu sau đó ngã lăn ra. Và chết.

Quay lại nơi dấu chân bắt đầu thay đổi, Sherlock đứng lặng,

nhìn quanh một cách hoang mang. Có một điều gì đó ở khu đất gần đó làm nó bồn chồn. Nó nhìn lên cây, bụi rậm và đám cỏ một lúc, cố tìm ra lời giải, và rồi nó nhận ra. Cỏ ở đây có màu hơi khác – hơi vàng hơn cỏ ở những nơi khác trong rừng. Sherlock quỳ xuống và chạm nhẹ ngón tay lên đất. Đất đổi màu và vụn như bụi. Có gì đó rải rác ở đó – một thứ không thuộc về nơi này.

Sherlock vê các đầu ngón tay lại với nhau. Chúng trơn láng. Dù thứ bột vàng này là gì thì cũng không giống bất kỳ thứ gì nó có thể nghĩ ra. Trong một lúc nó hoảng sợ, tim đập thật nhanh, nó sẽ thế nào nếu loại bột màu vàng này gây bệnh cho người đàn ông, rồi sau một giây suy nghĩ nó tự thuyết phục mình rằng chút bột này không thể mang đến bệnh tật. Nó truyền trực tiếp từ người sang người. Thuốc độc là một khả năng khác, nhưng là loại chất độc gì làm cho mặt và tay bệnh nhân phủ toàn mụn nhọt?

Nghĩ thật nhanh, Sherlock lấy trong túi ra phong bì chứa lá thư của Mycroft. Nó rút thư ra rồi nhét trở vào túi, rồi cầm phong bì bằng các cạnh để nó mở ra như một cái miệng nhỏ rồi hít dọc theo đám cỏ. Một chút bụi vàng rớt vào trong bao. Nó nhanh chóng gấp bao thư lại rồi cất vào một túi khác. Nó không biết thứ này có quan trọng không, nhưng Amyus Crowe có thể nhận ra thứ bụi này.

Tha thẩn qua rừng, cuối cùng nó thấy mình đứng trên một con đường – nó không biết con đường đó dẫn về Trang viên Holmes hoặc một nơi nào khác. Con đường uốn cong ở cả hai đầu làm nó không thể xác định mình đang ở đâu. Nó ngồi xuống lề đường và chờ đợi. Nó nghĩ cuối cùng thì cũng sẽ có một chiếc xe ngựa đi

ngang qua và nó có thể xin đi nhờ.

Giờ đã xế chiều. Nó muốn đi đâu – về trang viên hay ra thị trấn? Sau vài giây nó quyết định rằng về trang viên bây giờ thật buồn chán. Ra thị trấn có vẻ hấp dẫn hơn.

Mười hay mười hai chiếc xe ngựa đầu tiên đi qua đều đi cùng hướng, chúng chất đầy thùng, sọt và các bao tải bằng vải bạt. Khuôn mặt của những người đánh xe và hành khách lộ vẻ lo sợ. Sherlock không chắc lắm, nhưng nó có cảm giác họ đã nghe nói về hai cái chết và đang đi khỏi Farnham, càng xa nơi có thể có dịch càng tốt. Thậm chí nó không buồn xin đi nhờ: vẻ mặt họ cho nó biết họ sẽ không giúp. Cuối cùng, có lẽ khoảng nửa tiếng sau nó nghe tiếng lóc cóc của bánh xe ngựa trên mặt đường cứng theo hướng ngược với những chiếc xe khác. Nó đứng lên chờ cho đến lúc chiếc xe vòng qua khúc quanh.

“Xin lỗi”, nó gọi với người đánh xe tóc bạc có khuôn mặt gầy. “Ông đang đi theo hướng nào?”

Người lái xe gật nhẹ đầu, chỉ con đường phía trước. Ông ta không buồn nhìn mặt nó mặc dù ít ra ông ta cũng kéo cương cho con ngựa đi chậm lại.

“Về Trang viên Holmes đi hướng nào?” Sherlock hỏi.

Người đàn ông nghiêng đầu hất nhẹ ra để chỉ về con đường phía sau.

“Ông có thể cho cháu đi nhờ về thị trấn không?” Nó hỏi.

Người đàn ông suy nghĩ một chút rồi hất đầu về thùng xe phía sau. Xem đó là câu trả lời “đồng ý”, Sherlock leo lên xe. Chiếc xe tăng tốc ngay khi nó leo lên làm nó suýt rớt lại xuống đất. Thay vào

đó, nó té lộn nhào về phía trước vào đồng rơm trên xe.

Suốt chuyến đi người đánh xe chẳng nói gì và Sherlock cũng không biết nói gì với anh ta. Nó lần lượt suy nghĩ về người chết, về người đánh xe bí ẩn, và về nhân vật Amyus Crowe bí hiểm với tính cách lôi cuốn. Từ một nơi ban đầu là địa ngục của sự buồn chán, Trang viên Holmes và khu vực lân cận đã trở thành một cái gì đó nhưng chắc không phải là buồn chán.

Suy nghĩ của nó chuyển sang câu chuyện Matty từng kể về người chết được mang ra khỏi một căn nhà ở Farnham và cái đám mây lạ trôi bên ngoài cửa sổ. Sherlock đã không để ý đến câu chuyện này lúc đó – ít nhất là chuyện đám mây – nhưng bây giờ nó đang nghĩ lại. Nếu Amyus Crowe đúng về việc bệnh dịch là do những “sinh vật nhỏ” có thể truyền từ người sang người thì đó có phải là thứ mà nó và Matty nhìn thấy – đám mây những sinh vật nhỏ gây bệnh?

Không có lý. Trước đây chưa ai từng nói về việc nhìn thấy đám mây vi sinh vật. Chắc chắn nó và Matty không thể là những người duy nhất vô tình nhìn thấy. Có một điều gì khác đang xảy ra.

Chỉ đến khi chiếc xe ngựa lắc mạnh để ngừng lại nó mới nhận ra họ đang ở Farnham. Người đánh xe vẫn ngồi yên như tượng, chờ nó leo xuống, rồi khởi hành lại mà không hề đưa mắt liếc ra sau trong khi Sherlock đang loay hoay tìm tiền lẻ trong các túi để trả cho anh ta.

Sherlock nhìn quanh. Nó nhận ra con đường: đây là con đường chính duy nhất chạy qua trung tâm Farnham. Đầu đường là một tòa nhà lớn, vuông vức xây bằng gạch đỏ với những vòm cửa vẩy

quanh mà Matty nói là kho ngũ cốc. Nó đảo mắt một vòng; thị trấn đang hoạt động bình thường, với nhiều người đi lại dọc ngang trên đường, ngừng lại ở các cửa kính trưng bày hàng hay các quầy bánh, nói chuyện với nhau hoặc đang tính toán chuyện làm ăn. Thật khó tìm cảnh nào đối lập hơn với sự hiu quạnh tối tăm của rừng bằng khung cảnh này.

Có thể là do nó tưởng tượng, nhưng dường như có những nhóm người tụ tập ở góc đường và bên ngoài các cửa hàng. Đầu họ có vẻ chụm lại, như thể họ đang thì thầm, và họ liếc nhìn mọi người qua đường với vẻ cảnh giác trong mắt. Có phải họ đang bàn về khả năng xảy ra dịch hạch ở trong làng? Phải chăng họ đang nhìn kỹ mặt những người đi ngang để tìm kiếm dấu vết của mụn hạch hay những khuôn mặt đỏ lên vì sốt?

Sherlock nhanh chóng điếm lại những chỗ may ra có thể tìm thấy Matty. Còn một hay hai tiếng nữa các quầy hàng ở chợ mới đóng cửa, vì vậy có ít khả năng Matty đang dạo quanh chợ để mong tìm kiếm trái cây hay rau cải bị vứt về hướng nó, và theo lịch chạy của xe lửa mà Sherlock ghi nhớ cẩn thận để phòng trường hợp nó không thể chịu nổi Trang viên Holmes nữa thì từ giờ đến tối không có chuyến xe lửa nào. Nó đoán có lẽ Matty đang lảng vảng bên ngoài một trong các quán rượu với hy vọng lượm được đồng xu nào đó do một gã say quăng ra.

Cuối cùng Sherlock nhận ra nó không có đủ dữ liệu để tìm ra *chỗ* Matty vào lúc này. Như là Mycroft đã từng nói: “Kết luận mà không có bằng chứng là một sai lầm vô cùng tai hại, Sherlock”. Thay vì tìm kiếm, nó đi xuyên qua các con đường cho đến khi đến

chỗ Matty đã chỉ cho nó biết – căn nhà nơi người đàn ông đầu tiên chết, và đám mây chết chóc bò ra khỏi cửa sổ, lên tường rồi qua mái nhà.

Căn nhà dường như bị bỏ hoang. Cửa ra vào và cửa sổ bị đóng chặt, và ai đó dường như đã đóng một tấm bảng vào cửa. Sherlock nghĩ nội dung của nó là cảnh báo rằng trong nhà có người đã chết vì bệnh sốt. Nó cảm nhận sự giằng xé trong suy nghĩ của mình: một phần thì muốn vào trong ngó một vòng xem có dấu vết của chất bột màu vàng không, nhưng phần khác, cái phần ban sơ hơn trong nó, thì lại sợ. Mặc dù nó vẫn còn cái khăn tay tẩm đầy rượu mạnh được cuộn tròn trong túi, nó vẫn không muốn tự đưa mình vào tình thế có thể bị nhiễm bệnh.

Cánh cửa của ngôi nhà chọt hé ra, Sherlock lùi vào khoảng tối của ngưỡng cửa nhà đối diện. Ai ở trong đó? Ai đó đang mạo hiểm dọn dẹp căn nhà, hay ai đó đã chuyển đến ở, hay là chuyển vào lại, bất chấp nguy hiểm? Trong một lúc cánh cửa không mở thêm nữa, và Sherlock cảm giác, hơn là thấy, có bóng người ở trong bóng tối bên kia, đang quan sát. Nó lùi sâu hơn vào khoảng tối, tim đập thình thịch mặc dù nó không biết tại sao.

Cuối cùng cánh cửa mở rộng hơn, chỉ vừa đủ cho một người lách qua. Người này mặc toàn màu xám nhiều sắc độ khác nhau. Anh ta liếc nhanh trước sau dọc con đường trước khi lên ra ngoài. Có một cái bao bố trên tay anh ta.

Trên bàn tay cầm miệng bao phủ đầy bột mịn màu vàng.

Bị lôi cuốn vì chất bột và thái độ của người đàn ông, cho thấy anh ta không muốn bị trông thấy khi rời khỏi căn nhà, Sherlock

quan sát khi anh ta đi theo con đường để vòng ra một con đường lớn hơn. Người đàn ông quẹo trái. Sherlock dừng lại một chút rồi theo sau anh ta. Nó không biết điều gì đang diễn ra, nhưng nó dự định tìm hiểu.

Có điều gì đó quen thuộc một cách kỳ lạ ở người này. Sherlock đã trông thấy anh ta trước đây. Anh ta có khuôn mặt hẹp giống như con chồn và hàm răng hô ố vàng vì hút thuốc. Rồi nó nhớ ra – người này có mặt ở ga Farnham lúc nó và Matty ở đó. Anh ta đang chất những thùng đá lên xe ngựa.

Quãng đường người này đi kéo dài từ đầu này đến đầu kia của Farnham. Sherlock theo anh ta suốt, nó núp vào các ngưỡng cửa hoặc sau lưng người khác khi nó nghĩ anh ta sẽ quay đầu lại. Cuối cùng thì người lạ rẽ vào một con đường nhánh mà Sherlock đã nhận ra. Đó là con đường mà nó và Matty đã đến sáng hôm đó, và suýt bị chiếc xe ngựa chở một người lạ có đôi mắt màu hồng đụng phải.

Người đàn ông đi nép sát dọc theo bức tường cao được tô vữa cho đến khi đến cánh cổng gỗ, nơi chiếc xe ngựa đã từ đó đi ra, và gõ cửa – tiếng gõ theo một nhịp điệu phức tạp mà Sherlock không tài nào nhớ nổi ngay cả khi nó cố ghi nhớ. Cánh cửa kẹt mở và anh ta len vào trong. Cánh cửa đóng lại trước khi Sherlock có cơ hội nhìn xem có gì bên trong.

Nó nhìn quanh quất rồi thất vọng. Nó muốn nhìn qua bức tường xem có gì bên trong nhưng không biết làm thế nào. Mọi thứ có vẻ liên kết với nhau theo một cách nào đó – hai cái chết, đám mây di chuyển, chất bột vàng – nhưng nó không nhìn ra những mối nguy

hiếm tạo nên sự liên kết đó. Câu trả lời nó cần có thể ở sau bức tường đó, nhưng cũng có thể là đang ở Trung Quốc.

Mặt trời đã xuống thấp và đỏ rực trên bầu trời. Không còn bao lâu nữa trước khi nó phải quay về Trang viên Holmes, tắm rửa sạch sẽ để sẵn sàng cho bữa tối. Không còn nhiều thời gian nữa. Thất vọng, nó nhìn quanh. Đằng sau nó, nơi góc tường, vừa bị vỡ vụn ra vì xe ngựa và xe cút kít quẹt vào trong nhiều năm và bị nước mưa xói mòn thêm nữa. Những viên gạch lốm chốm bị lộ ra do mất đi lớp vữa vừa đủ để nó đặt chân vào, đu người lên bức tường.

Việc này đáng để thử.

Không còn thời gian nghĩ ngợi, Sherlock đi nhanh đến góc tường rồi nhìn quanh. Không có ai quan sát nó. Nó vươn người cao hết mức có thể, để cho những ngón tay bám được vào một kẽ hở giữa hai viên gạch, rồi quơ chân phải tìm chỗ đặt chân vừa tầm. Khi đã ổn, nó đu người lên. Các cơ ở chân bật căng vì cử động đột ngột, nhưng nó sẽ không bỏ cuộc lúc này. Nó vươn tay trái lên cao hết mức và đung được vào đầu tường. Cố bám thật chặt hết mức, nó giơ chân trái lên cao rồi rà xuống tìm chỗ bám cho đến khi tìm ra. Nó chuyển toàn bộ trọng lượng cơ thể từ chân phải sang chân trái, trong lòng mong là viên gạch nó đặt chân sẽ không bị rơi ra. Viên gạch vẫn giữ được, nó kéo tay trái lên và đẩy bàn chân trái cùng lúc. Người nó chà mạnh trên tường, rồi thật kỳ diệu khi nó thấy mình nằm sòng soài trên bờ tường, người bập bênh trên đầu tường, chỉ chực rơi xuống cái sân lộ ra phía dưới.

CHƯƠNG 5

 ừ chỗ nằm trên bờ tường, Sherlock có thể nhìn thấy toàn bộ cái sân trải ra trước mắt. Không có ai ở đó. Có một căn nhà gỗ một tầng không có cửa sổ – trông giống nhà kho hơn bất kỳ thứ gì khác – khoảng sân bao quanh căn nhà đầy đất và cỏ dại. Có nhiều vết lún sâu của bánh xe kéo dài từ hai cánh cửa gỗ khổng lồ ở mặt trước căn nhà đến cánh cổng ở bức tường. Vài vết chỉ sâu hơn vết hằn trên mặt đất trong khi những vết khác sâu hoắm và chứa đầy nước từ cơn mưa gần đây. Sherlock nghĩ xe ngựa hoặc xe bò không chở hàng đã đến nhà kho tạo ra những vết lún nông của bánh xe, và khi rời đi mang theo hàng nặng tạo ra những vết lún sâu hơn trên đất mềm. Nhưng hàng hóa gì được chứa hoặc sản xuất ở kho, và có liên quan gì đến cái chết của người đàn ông mà Matty nhìn thấy, hoặc với chất bột màu vàng?

Sherlock vắt một chân qua tường, chuẩn bị nhảy xuống đất, nhưng những tiếng động hỗn loạn bất chợt làm nó rút chân lại ngay lập tức. Một cái gì đấy sẫm màu và nhanh nhẹn phóng vụt ra từ bóng tối quanh kho trên một đám chân mờ đi do phi nhanh. Sherlock có thể thấy một cái đầu bự thịt, đôi tai nhỏ nằm ép sát sọ và cái thân hình nhỏ được bao phủ đám lông cứng. Con chó không sủa Sherlock, thay vào đó nó gầm gừ – tiếng gầm gừ sâu và kèn kẹt như tiếng lưỡi cưa khi cưa một khúc gỗ cứng. Nước dãi nhỏ ra từ hai hàm răng nhe ra của nó. Con chó ghì chân dừng lại ngay bên dưới chỗ Sherlock nằm và tiến đến nhìn nó chằm chằm, những cái chân ngắn bè ra cứ liên tục giậm hết bên này đến bên kia, đuôi hạ

thấp.

Sherlock phải vào trong cái kho đó. Ở đó có một câu đố, và Sherlock ghét những câu đố không giải được. Nhưng con chó này có vẻ đỏi và được huấn luyện để tấn công.

Nó nhìn lại mặt tường bên ngoài, chỗ nó vừa trèo lên. Còn đường nào khác để vào không? Không thể nào, và con chó sẽ chạy vòng theo, vì nó đã đánh hơi được Sherlock. Liệu nó có thể làm thân với con chó? Rất khó, chắc chắn là không thể nếu như nó không tuột từ bờ tường xuống, và hình phạt dành cho thất bại sẽ quá khủng khiếp không thể tính chuyện thực hiện. Nó có thể tìm một viên gạch lỏng lẻo trên tường hoặc một cục đá lớn rồi thả xuống đầu con chó, nhưng cách này dường như tàn nhẫn quá mức cần thiết. Nó có thể thuốc con chó bằng một cách nào đó không? Nó giả sử mình có thể chạy ngược về chợ Farnham và mua một súc thịt với số tiền ít ỏi nó có, nhưng rồi thì sao?

Nó nhìn thật chăm chú mặt đất ở hai bên chân tường, cố tìm thứ hữu ích. Ở mặt đất đằng góc tường, gần cánh cửa, nó trông thấy một thứ gì giống cái mũ lông bị bỏ đi. Đó là con lửng chết nó thấy lúc trước. Nó nhanh chóng nửa nhảy nửa thả người xuống bức tường và chạy vài bước đến chỗ con lửng nằm còng queo. Nó nhặt cái xác con vật lên. Bộ lông khô và dơ, xác của nó nhẹ tênh, như thể thứ linh hồn đã rời đi khi con vật chết thật sự có khối lượng. Nó có thể ngửi thấy cái mùi thum thum và kinh tởm. Lắm lần xin lỗi, nó cúi nhẹ người, dang rộng tay quăng con lửng qua bức tường. Các chân cứng đờ của con vật giờ ra như đang bay, lượn xoay vòng. Con vật biến mất sau bức tường gạch, Sherlock

nghe tiếng động khi con vật chạm đất. Vài giây sau âm thanh mà nó hy vọng vang lên: tiếng cào của móng vuốt trên nền đất khô và tiếng gầm gừ của con chó khi rằng nó cắn ngập xác con vật chết. Sherlock nhanh nhẹn trườn lại lên bờ tường và liếc nhìn. Con chó giữ con lửng bằng những móng trước, và đang vật cái xác tới lui bằng cái hàm khỏe mạnh, xé những miếng thịt ra khỏi cái xác. Khi nó nhảy xuống đất, con chó đột ngột ngừng lại, liếc nhìn một cách nghi ngờ về hướng nó, rồi lại tiếp tục kéo cái xác. Hoặc nó nghĩ Sherlock là bạn vì đã cho nó món đồ chơi lớn, hoặc muốn để dành Sherlock cho lần chơi sau. Sherlock hết sức cầu mong lời giải thích đầu là đúng.

Thật nhanh, trước khi việc xé con lửng thành những mảnh nhỏ hết hấp dẫn con chó, Sherlock chạy hết tốc lực băng qua sân đến kho. Có một cánh cửa bên hông tường, và nó mở hé ra. Yên lặng và tối tăm. Nó đẩy cửa rộng hơn, lén vào, và đóng cánh cửa lại.

Phải mất một lúc mắt Sherlock mới quen với bóng tối, nhưng khi đã quen nó thấy không gian bên trong được soi sáng bởi ánh sáng trời. Ánh nắng mặt trời chiếu qua những tấm kính dơ bẩn, tạo thành những cột ánh sáng xéo như thể giữ mái nhà bằng một giàn giáo ảo giác. Nơi này có mùi đất cũ, khô và mùi mồ hôi, nhưng bên dưới những mùi này là một mùi khác biệt – một mùi ngọt và thơm của hoa. Có hàng đồng thùng và kiện gỗ đặt rải rác trong kho, và ở phía xa của kho có vài công nhân đang chất chúng lên xe ngựa. Người đàn ông nó bám theo ở Farnham cũng ở trong số đó. Cái bao bố anh ta mang lúc này đang được quăng cầu thả ở trên mặt đất gần đó. Một con ngựa được thẳng sẵn vào càn xe và đang

lặng lẽ nhai cỏ từ cái túi treo dưới mõm nó bằng sợi dây da quàng qua đầu. Một chiếc xe ngựa khác đang đậu ở một bên nhà kho, càn xe chúi xuống, gác trên mặt đất.

Một đồng kiện gỗ rỗng được chất ngổ ngang gần đó, nó lặng lẽ di chuyển đến và núp đằng sau. Nó chăm chú quan sát khi mấy người đàn ông chất lên xe ngựa đợt hàng có vẻ là cuối cùng. Họ đang chửi rủa và chen lấn nhau khi nhấc các thùng lên và chuyển từng thùng một lên xe. Theo như mớ bụi đất bám trên quần áo và mồ hôi trên mặt thì những người này đã làm việc được một lúc rồi.

Sau khi khiêng chiếc thùng cuối cùng, người đàn ông nó bám theo ở Farnham xoa tay rồi chùi lên chiếc áo gi-lê cứ như anh ta đã làm việc ở đó cả ngày. Những vết bụi vàng không biết là chất gì từ tay anh ta bám lên mặt vải thô. Một trong những gã khác – một võ sĩ nhà nghề to lớn với cái đầu cạo trọc, cánh tay đầy những hình xăm kéo dài tới cổ tay trông như hai tay áo và trên thắt lưng đeo một chiếc đèn dầu đang cháy – nhìn anh ta một cách khinh miệt.

“Chuyến đi nhỏ vui chứ?” gã hỏi với vẻ quan tâm đầy chế giễu.

“Có gì đâu, công việc thôi”, người đàn ông trả lời.

“Vậy còn vụ thằng Wint thì sao?”

Người mới đến lắc đầu. “Nam tước đã đúng – hắn đã bí mật lấy hàng của chúng ta và đang cố bán ra. Áo khoác và quần dài chất đống bên giường hắn”.

“Có ai thấy mày không?”

“Không ai đâu. Tao giống như chuột cống vậy”.

“Mày đã lấy lại hết chứ?”

Người đàn ông hất đầu về hướng cái bao bố. “Tao gom lại rồi để hết trong đó”.

“Được rồi – liệng cái bao đó lên xe ngựa luôn”.

Khi người mới đến đi lại chỗ cái bao bố, tên đồng sự vạm vỡ hỏi với theo: “Mày đã đốt chỗ thằng Wint chưa?”

Người mới đến lắc đầu. “Tao thấy không cần thiết”.

Gã vạm vỡ nhún vai. “Khi gặp Nam tước mày có thể giải thích với ông”.

“Ê Clem, chúng ta không cần lấy thêm một chiếc xe nữa à”, một gã la lên, hất đầu về phía chiếc xe đang chất đầy hàng.

Gã vạm vỡ xoay nửa người về phía tốp khuân vác. “Để đó”, hắn nói. “Dù sao đi nữa chúng ta cũng sẽ không cần đến nó, nhưng Nam tước không thích làm gì khinh suất. Nam tước là một người thận trọng”. Hắn quay lại phía người mới đến và chỉ vào những vết bột màu vàng vương trên chiếc áo gi-lê. “Mày bị dính thứ đó lên người. Đồ của thằng Wint cũng sẽ bị lây nhiễm. Nam tước muốn đốt chỗ nó, cũng như ông ấy muốn đốt chỗ này. Phải xóa sạch mọi bằng chứng”.

Người mới đến nhìn xuống cái áo gi-lê. “Thứ này là gì vậy?” anh ta hỏi.

Gã đồng sự cười, tiếng cười nghe như một sự kết hợp giữa tiếng thở phì phò và tiếng ho. “Tốt nhất là đừng nên biết”, hắn nói.

Người mới đến nhìn chăm chăm vào hai bàn tay mình. Anh ta nhìn ngược trở lại gã vạm vỡ, mặt anh ta đột ngột tái mét và trắng

bệch. “Này Clem, có phải nghĩa là điều đã xảy ra với Wint cũng sẽ xảy ra với tao?”

Clem lắc đầu. “Không sao nếu mày gột rửa đúng cách Nam tước đã dặn chúng ta”. Hắn quay về hướng những gã khác đang đứng nói chuyện xung quanh chiếc xe ngựa đã chất đầy. “Được rồi tất cả – đã đến lúc đi. Martin và Joe sẽ đi với xe ngựa. Tụi bây đã biết chỗ đi rồi đó. Stouffer và Flynn – hai đứa đi sau Nam tước”. Hắn quay sang người mới đến. “Denny, mày và tao sẽ giải quyết chỗ này. Đốt trụi. Chỗ này lớn quá nên không thể biết là có thể để sót cái gì lại”.

Người mới đến – Denny – nhìn quanh nhà kho. “Có cần phải vậy không?” anh ta hỏi một cách tiếc nuối. “Hãy thử nghĩ về những việc chúng ta có thể làm ở đây khi Nam tước đã xong việc của ông. Có thể là kinh doanh ở đây hay chuyển nó thành quán rượu lớn nhất nơi này. Chúng ta sẽ thuê các cô gái đến hát, múa và làm mọi thứ. Thật đáng tiếc khi phải đốt nơi này”.

Mặt Clem cau lại trong cơn giận bùng bùng. “Mày muốn thì đi mà nói về cái dự tính của mày với Nam tước, cứ tự nhiên. Còn tao, tao sẽ làm theo lệnh”.

Denny co người lại dưới cái nhìn giận dữ của gã kia. “Tao chỉ nói thế thôi”, hắn nói.

Một trong những gã đứng gần chiếc xe giờ tay lên để Clem để ý đến. “Khi nào tụi tao mới được trả tiền?” gã hỏi.

“Khi những thứ đồ này được phân phát xong”, Clem càu nhàu. “Mọi người gặp nhau ngày mai ở quán rượu Molly. Tao sẽ lấy tiền từ Nam tước rồi chia cho tụi bây”.

“Làm sao tụi tao biết là mày có đến hay không?” một gã khác

hỏi, cánh tay gã đưa lên giữa chừng rồi ngưng lại vì gã nghĩ tốt nhất là không nên giờ thêm.

Clem nhìn gã chăm chăm làm gã phải cúi mặt xuống. “Là vì Nam trước muốn mua sự im lặng của chúng ta – của tội bây và của tao. Nếu mày không nhận được tiền rồi quyết định đi kể cho ai đó chuyện chúng ta đang làm thì Nam trước sẽ tìm tao tính sổ, và đó là điều tao không muốn. Mọi người sẽ được trả công sòng phẳng, được chưa?”

Gã đàn ông gạt đầu đầu dụi. “Được rồi”.

Sherlock cố gắng núp sâu vào phía trong đồng thùng gỗ khi bọn chúng tản ra, hai gã leo lên chiếc xe ngựa, hai gã khác đến mở rộng cánh cửa gỗ để xe ra, Clem đứng giám sát mọi việc trong khi Denny đứng quanh đó trầm ngâm. Gã lái xe ngựa tặc lưỡi và thúc roi vào mông ngựa, con ngựa bắt đầu bước đi trong lúc vẫn tiếp tục ăn cỏ ở cái túi treo dưới mõm.

Clem bước về phía hai cánh cửa gỗ lớn, chiếc đèn dầu treo trên thắt lưng đập mạnh vào đùi khi hắn đi. Không ngoái đầu lại, hắn hất ngón tay cái về hướng Sherlock đang núp. “Đóng cánh cửa đó lại”, hắn càu nhàu, “rồi ra cửa trước gặp tao”.

Tim Sherlock đập thành thịch khi Denny bước về hướng nó núp. Nếu hắn đi vòng quanh đồng thùng, chắc chắn hắn sẽ thấy Sherlock và khi đó nó không có nhiều cơ hội sống. Nó chuyển tư thế, sẵn sàng chạy. Nó có thể chạy kịp đến cánh cửa bên hông trước khi Denny bắt được nó không? Nó không chắc lắm, nhưng cũng còn chắc hơn việc có cách giải quyết nào khác.

Denny đến gần đồng thùng hơn, mùi mồ hôi và mùi quần áo bẩn

bay phảng phất quanh nó, Sherlock liếc nhanh về phía Clem, cố tính toán xem liệu cái gã vạm vỡ đó có đủ gần để giúp Denny bắt nó. Giờ Clem đã ra gần đến cửa chính. Sherlock nhanh chóng núp quanh hông các kiện gỗ. Khi Denny đi qua, Sherlock lại núp theo hướng ngược lại. Nếu Clem quay đầu lại nhìn trước khi bước ra cửa, hẳn sẽ thấy Sherlock rõ hơn bất kỳ thứ gì khác, nhưng hẳn đã không làm thế. Sherlock nín thở quan sát Clem cho đến khi hẳn bước ra ngoài ánh sáng. Một giây sau một cánh cửa bắt đầu đóng lại trong tiếng rít của cạnh gỗ chà xát trên đất và tiếng của bản lề gỉ sét kêu ken két.

Sherlock nhìn qua phía trên đồng kiện gỗ. Denny vừa kiểm tra cánh cửa hông mà Sherlock vào khi này xem đã đóng chặt chưa rồi gài chốt cửa lại để chắc chắn không ai vào được. Ngay khi hẳn bỏ đi, Sherlock có thể đến mở chốt cửa rồi thoát ra ngoài.

Denny nhặt một cái khóa móc dưới đất rồi móc vào lỗ của chốt cửa trên cao nhất, rồi lại cài qua một cái khoen kim loại được bắt vào khung cửa. Cái khóa móc được bấm lại kêu một tiếng *tách* dứt khoát, Denny rút chìa khóa ra bỏ vào túi. Rồi hẳn quay đi, vừa huýt sáo vừa băng ngang qua kho để ra ngoài.

Đến giờ Sherlock mới cảm thấy được tiếng tim đập và hai lòng bàn tay ướt nhẹp. Nó ngoái nhìn nhanh cánh cửa bị khóa. Trông có vẻ chắc chắn. Nó không thể ra ngoài theo hướng đó được, ít nhất là không hồi hả và gây nhiều tiếng động. Nó phải chờ khoảng năm phút cho đến khi Denny và Clem đã đi khỏi, rồi mới ra theo lối bọn chúng đã ra.

Denny ra đến cửa khi Clem đang đẩy đóng cánh cửa thứ hai từ

bên ngoài. Ánh sáng hình tam giác chiếu qua cánh cửa ngày càng hẹp dần, thành hình một thanh dọc, rồi một đường thẳng và biến mất. Cánh cửa đóng *sầm* lại.

Tim của Sherlock chùng xuống rồi tắt ngấm giống y như ánh sáng chiếu qua cửa khi nãy, khi nó nghe tiếng động không thể nhầm lẫn của một thanh chắn bằng gỗ nặng được cài ngang cửa. Không còn lối ra nữa!

Trong vài giây nó thoáng nghe tiếng nói chuyện của hai gã nhưng không nghe được chúng đang nói gì. Nó đứng thẳng lên, chuẩn bị đi đến cửa để nghe xem chúng nói gì, nhưng một tiếng động vang lên làm nó đứng yên tại chỗ.

Đó là tiếng cây đèn dầu của Clem bị đập vào cửa.

Tiếng thủy tinh bể và tiếng chảy thành dòng của chất lỏng tung tóe trên mặt gỗ. Yên lặng một chút, và rồi có tiếng lách tách không lành khi ngọn lửa từ tim đèn bắt qua gỗ tẩm ướm dầu.

Clem và Denny đã đốt kho.

Sự hoảng sợ đe dọa lấn át Sherlock. Nó muốn chạy nhưng không biết chạy đi đâu, vì vậy cuối cùng nó đứng tại chỗ nhìn trước, sau. Miệng nó đầy vị chua như kim loại gỉ, và tim nó đập nhanh đến nỗi nó có thể cảm nhận nhịp đập ở cổ họng và thái dương. Trong vài phút nó không nghĩ được gì rõ ràng, không thể kết nối hai suy nghĩ lại liền mạch, nhưng dần dần nó từ từ đè nén sự hoảng sợ bằng cách tự lặp đi lặp lại là phải có một cách thoát ra. Việc cần làm là tìm ra cách đó. Nó cảm thấy trái tim đang đập thình thịch của nó dần chậm lại đến mức bình thường và tay chân nó bắt đầu bớt căng cứng lại.

Mùi của khói bắt đầu tràn đầy kho. Những ngọn lửa nhỏ bắt đầu tìm ra cách để thò những ngón tay tò mò qua giữa các thanh gỗ cửa.

Nghĩ đi, nó tự nói với mình. Hãy tập trung hơn bất cứ khi nào trong đời.

Nó nhìn thật kỹ xung quanh nhà kho. Phần lớn các thùng gỗ đều đã bị Clem và những gã khác đem đi, và nó vẫn không biết có gì trong đó. Những cái kiện gỗ thừa nó trốn phía sau vẫn còn chất cao bên cạnh cánh cửa hông đã khóa, nhưng những cái thùng đó trống rỗng.

Nó chạy qua một bên vách nhà kho và dùng vai thúc mạnh vào vách gỗ. Cái vách rung lên vì lực tác động, nhưng không cong hay bể. Nó cố thêm lần nữa. Vô ích. Nếu muốn làm bể vách nó phải có một cái rìu, một cái búa hay là một thứ gì đó chứ không thể chỉ bằng hai vai.

Trong khi tuyệt vọng nhìn quanh kho tìm kiếm một dụng cụ nào đó có thể dùng để làm bể vách hay bầy vách ra, mắt nó bất ngờ đụng chiếc xe ngựa dự phòng bị bỏ lại một bên vách. Nó trông còn xài được, và gã Clem nói là lẽ ra chúng đã dùng tới nếu có đủ thùng. Bằng một cách nào đó, Sherlock có thể dùng chiếc xe để thoát ra không? Thậm chí nó có thể *di chuyển* chiếc xe không?

Chỉ có một cách để biết. Sherlock chạy qua nắm lấy một trong hai cái càng xe dùng thẳng ngựa vào để kéo xe chạy. Nó có thể nâng càng xe lên dễ dàng. Nó kéo thử nhưng chiếc xe không nhúc nhích. Nó kéo một lần nữa, lần này mạnh hơn, chiếc xe nhích một chút nhưng cái càng xe kia vẫn còn nằm dưới sàn nhà kho và những cố

gắng của Sherlock chỉ đẩy nó càng lúc càng sâu hơn vào đám đất làm chiếc xe không di chuyển được.

Suy luận, phải sử dụng suy luận. Nếu nó không thể kéo được chiếc xe ngựa có lẽ nó có thể đẩy được. Bỏ qua còng xe, Sherlock dồn hết sức nặng của nó lên đằng trước xe, chỗ người đánh xe hay ngồi. Nó đã nhúc nhích! Toàn bộ xe nhích được vài phân ra phía sau! Nó phải cảm ơn gã Nam tước bí ẩn kia, dù gã là ai thì gã cũng làm cho bọn người làm quá ấn tượng vì tính cẩn thận của gã đến nỗi bọn chúng không chỉ sắp xếp sẵn một cái xe dự phòng mà còn bôi trơn trục bánh rất tốt. Nó lùi lại mấy bước để lấy đà rồi lao tới, vai thúc mạnh vào thành gỗ. Bên vai này nó đã dùng để thúc vào vách nhà kho, nó cảm thấy một cơn đau nhói lan nhanh từ cánh tay lên tận cổ, nhưng chiếc xe chỉ lặn khoảng một mét ra sau trước khi dừng lại.

Nó bị cay mắt vì khói bay ngang mặt. Nó quay lại nhìn và thấy ngọn lửa đang liếm lên trên cánh cửa và khung cửa.

Theo lý, cửa nhà kho bị yếu đi vì bị cháy có thể là chỗ lý tưởng để nó tông mạnh chiếc xe qua nếu nó có thể di chuyển được chiếc xe đủ xa và đủ nhanh, nhưng nó sẽ phải quay đầu chiếc xe để hướng về phía cửa, và cạnh nó là những ngọn lửa đe dọa. Cơ hội có thể thành công là đâm mạnh xe xuyên qua bức tường ở cuối nhà kho.

Mặc kệ cơn đau xé ở vai, Sherlock đẩy tay mạnh hết sức lên phía trước xe, chân tì mạnh lên đám đất mềm trên nền kho, đầu gối rùn xuống. Người gần như cúi rạp, nó sử dụng tất cả sức bình sinh – hơn cả những lần nó dùng để chơi bóng bầu dục trên sân Trường

Nam sinh Deepdence, hay những khi thượng đài đấu quyền Anh trong nhà tập thể thao. Trong một hồi lâu, người nó như bị treo lơ lửng giữa hai vật không chuyển động, rồi chiếc xe bắt đầu chuyển động. Một trong những bánh xe ngựa bị vướng vào một cái gì đó – một hòn đá hoặc một cục đất – và chiếc xe đe dọa sẽ lùi lại điểm khởi hành, nhưng Sherlock cắn chặt chân xuống và đẩy cho đến khi các cơ bắp của nó thét lên đau đớn. Bánh xe vượt qua được vật cản rồi bắt đầu lăn càng lúc càng êm về phía sau. Sherlock nhấc chân trái rồi lại chân phải lên thành từng bước dài. Đất đã cho chân nó chỗ trụ, và nó dốc hết sức di chuyển xe, từng phân một. Như một đầu máy xe lửa, chiếc xe bắt đầu tăng tốc khi chạy. Chỉ sau vài giây, nó đã chuyển từ kéo lê ịch ịch sang đi chậm rồi đi nhanh và sau cùng là chạy nước kiệu. Sherlock nghe thấy có tiếng *tách* trong vai nó khi các dây chằng của nó bị kéo căng trên xương giống như tiếng dây đàn violin bị búng bằng ngón tay. Cánh tay nó đe dọa rơi thõng xuống, nhưng với sức mạnh tuyệt đối của ý chí, nó vẫn khóa chặt tay mình lên phía trước càng xe và sau vài phút cảm giác tay tê như kim châm giảm xuống. Chiếc xe ngựa vẫn tiếp tục lăn. Nó không dám nhìn lên xem khoảng cách tới bức tường còn bao xa vì sợ làm giảm đi lực đẩy lên xe khiến xe chậm đi. Tất cả những gì nó làm là đếm những bước chân: một, hai, ba, bốn, năm, sáu.. – bước sau nhanh hơn bước trước. Chắc chắn lúc này nó phải tới vách tường rồi chứ? Hơi nóng sục lên phía sau cổ nó khi ngọn lửa nuốt chửng những cánh cửa. Nó có thể nhìn thấy bóng mình do lửa hắt ra phía trước được viền màu đỏ và nhảy nhót qua lại.

Bất thành linh đuôi xe tông vào vách hậu. Toàn bộ sức nặng của chiếc xe ngựa lao qua, những tấm ván gỗ bung ra quanh xe và những cây đinh để giữ chúng lại ngoác ra trong tiếng kêu thảm thiết. Không khí trong lành ủa vào, sượt qua đầu Sherlock, thổi bật khói ra sau nhưng lại làm lửa lan ra. Hai bánh sau của chiếc xe vướng vào gỗ nhưng Sherlock có thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày đang chiếu quanh những cạnh khối của thân xe. Nó bò lên chỗ người đánh xe, trườn qua thùng xe, rồi bước ra ngoài không khí trong lành và ánh nắng tuyệt vời.

Thật ngây thơ, nó cứ tưởng sẽ nhìn thấy đám đông và đội cứu hỏa địa phương bên ngoài với máy bơm tay và các xô nước, nhưng ngoài sân vắng ngắt. Ngay cả con chó cũng trốn mất, có lẽ là theo chân những gã côn đồ đi ra theo lối cửa chính. Mặc dù bên trong nhà kho nguy hiểm gần như ở địa ngục nhưng bên ngoài lại khó để phân biệt ánh lửa với bầu trời sáng, và chỉ có một vệt khói mỏng bay lên gần như không lớn hơn khói bếp. Cuối cùng thì cũng sẽ có người để ý và đến xem xét, nhưng phải mất một lúc nữa.

Cổng chính đã đóng, và Sherlock nghĩ Clem và những gã đồng bọn khi rút đi đã xích và khóa cửa lại. Bọn chúng luôn thể hiện sự thận trọng như thế trong mọi việc chúng làm. Không để tâm đến bọn chúng nữa, Sherlock nhìn quanh tường tìm chỗ thích hợp để trèo ra ngoài. Mặt tường bên trong không tô nên nó không gặp khó khăn gì trong việc leo lên.

Nó dừng lại trên bức tường và nhìn lại nhà kho. Ngọn lửa bắt đầu liếm lên phần mái và xà nhà đang bắt đầu cháy. Nó cần thoát ra khỏi đó.

Nửa nhảy và nửa thả người xuống đất, Sherlock khập khiễng rời khỏi nhà kho. Nó cứ đi cho đến khi cảm thấy phổi của nó như muốn vỡ tung ra và các cơ bắp ở chân đang van xin nó ngừng lại. Ngồi sụp xuống cạnh một bức tường đá thấp, nó bắt đầu cảm thấy sự kiệt sức và nỗi hoảng sợ mà nó đã đẩy lùi trong một khoảng thời gian gần như vô tận. Nó hít đầy không khí vào phổi và để cho sự run rẩy chất đầy trong người quét qua ngực, cánh tay và chân. Sau một lúc, nó cảm thấy đủ khỏe để có thể nhấc tay lên trước mặt. Da nó xây xức và rướm máu, còn hai lòng bàn tay găm đầy những mảnh dằm mà nó không hay. Nó lần lượt nhổ ra từng mảnh dằm một, để lại lòng bàn tay lấm tẩm những chấm máu.

Sau tất cả những cố gắng, những hiểm nguy đó, nó biết được chính xác điều gì? Đó là nếu cái chết của người đàn ông trong căn nhà ở Farnharm là một tai nạn thì tai nạn đó do một loại hoạt động tội phạm gây ra. Gã đàn ông bị chết đã trộm của đồng bọn một thứ gì đó và chính thứ đó đã làm hắn ta bị giết. Bọn tội phạm đã đóng gói phần còn lại của thứ đó trong những cái thùng và chở đi bằng xe ngựa đến nơi nào không rõ rồi đốt cái kho để phi tang các hoạt động của chúng. Và toàn bộ những việc này được thực hiện dưới sự chỉ đạo của một gã “Nam tước” bí ẩn.

Rồi Sherlock chợt nhớ lại lần đầu nó đứng bên ngoài cổng dẫn đến cái kho đó, khi ấy nó với Matty suýt bị một chiếc xe ngựa cán qua. Người đàn ông trong xe – người có nước da trắng bệch và đôi mắt màu hồng – có phải ông ta là Nam tước? Nếu đúng là ông ta thì chính xác ông ta đang muốn làm gì?

Bất chợt Sherlock nhận ra trời đã tối thế nào. Mặt trời gần như

đã lặn và nó không những phải về Trang viên Holmes mà còn phải tắm rửa sạch sẽ và thay quần áo – mọi thứ phải xong trước khi bà Eglantine phát hiện có điều gì đó đã xảy ra. Trong chốc lát trước đây, Sherlock đã nghĩ rằng mọi rắc rối của nó đã trôi qua, nhưng giờ trái tim nó chùng xuống vì nó chợt nhận ra là những rắc rối chỉ mới bắt có một nửa.



herlock suýt lỡ bữa ăn sáng. Cuộc phiêu lưu hôm trước đã làm nó mệt mỏi và đau nhức toàn thân, đầu nó nhức như búa bổ theo nhịp tim đập. Nó cảm thấy ngực bị co thắt và đau rát ở cổ, có thể là do khói mà nó đã hít phải. Nó bỏ bữa tối qua, nhưng thím đã để dành cho nó một khay thịt nguội và phô-mai. Hẳn phải là do thím – bà Eglantine dĩ nhiên là không nhọc công làm việc đó. Cả đêm không yên giấc, nó lơ mơ lúc thức lúc ngủ, lúc mơ lúc tỉnh, cho đến khi không còn phân biệt được đâu là mơ đâu là tỉnh. Nó chỉ vừa mới rơi vào giấc ngủ sâu, không mộng mị thì mặt trời đã mọc, theo đó là tiếng cồng báo hiệu giờ ăn sáng đánh thức nó – chỉ có mười phút để chuẩn bị cho ngày hôm đó.

Thật may là một người hầu đã lảng lạng để sẵn một thau nước trong phòng mà không làm nó thức giấc. Nó vĩa nước rửa mặt, đánh răng bằng bàn chải cán xương lông heo rắc kem đánh răng dạng bột có vị quế và nhanh chóng mặc quần áo. Nó sẽ phải nhờ ai đó giặt quần áo cho nó thật nhanh – nó đã bắt đầu hết quần áo sạch để thay.

Khi chạy xuống cầu thang nó xem giờ trên cái đồng hồ đứng lớn ở sảnh. Bảy giờ đúng.

Vội vàng vào phòng ăn, lơ đi cái nhìn chòng chọc đầy u ám của bà Eglantine, nó tự lấy cho mình món kedgeriee đặt trên cái bàn dài bày đầy các đĩa thức ăn ở một bên phòng. Nó chưa bao giờ ăn món cơm trộn với cá tuyết xông khói và trứng đầy hương vị này trước khi đến Trang viên Holmes, nhưng bắt đầu thấy thích. Nó cố

hết sức tránh nhìn vào mắt ai, tọng thức ăn vào miệng nhanh đến mức chỉ vừa đủ để biết vị của nó. Nó đói ghê gớm: những việc xảy ra hôm qua lấy đi của nó rất nhiều năng lượng và giờ nó phải bù vào. Chú Sherrinford đang đọc một tập thơ Kinh thánh trong khi ăn còn thím Anna thì đang đọc thoại như thường lệ. Theo những gì Sherlock biết, mọi ý nghĩ lướt qua đầu thím đều ngay lập tức được phát ra thành tiếng, dù có phù hợp với hoàn cảnh hay không.

“Sherlock”, chú nó ngược mắt khỏi cuốn sách mỏng đang đọc, “chú cho là con có dính dáng đến sự kiện không may hôm qua”. Có chút cháo yến mạch dính trên bộ râu dài.

Sherlock sững sờ một lúc, nó tự hỏi bằng cách nào chú lại biết chuyện nhà kho và đám cháy, nhưng sau đó nó nhận ra là Sherrinford đang nói về xác chết mà nó và Amyus Crowe phát hiện trong rừng. “Dạ đúng, thưa chú”.

Nó trả lời.

“Con người, được một người phụ nữ sinh ra, chỉ có một thời gian ngắn ngủi để sống”, Sherrinford ngâm nga, “một cuộc sống đầy bất hạnh. Họ lớn lên, và bị ngắt như một bông hoa; họ lướt qua cuộc đời như một cái bóng, và sẽ không bao giờ ở một nơi mãi mãi”. Ông nói tiếp trong khi vẫn chăm chú nhìn Sherlock “Ở giữa cuộc đời chúng con đã chết: chúng con biết tìm sự cứu rỗi của ai, trừ Ngài, Đức Chúa, Ngài đau lòng vì những tội lỗi của chúng con?”

Không biết phải phản ứng thế nào, Sherlock chỉ còn biết gật gật đầu như thể nó hiểu chính xác những điều chú nói.

“Con có một cuộc sống yên bình với anh của ta và vợ anh ấy”, Sherrinford nói. “Con chưa biết nhiều về cái chết, nhưng nó là một

phần trong những điều tự nhiên Chúa đã định sẵn. Đừng để cái chết làm con lo lắng. Nếu cháu cần nói chuyện với ai đó thì cửa phòng làm việc của chú luôn rộng mở”.

Sherlock xúc động vì chú Sherrinford đã cố giúp nó theo cách riêng của chú. “Cám ơn chú”, nó nói. “Có phải người đàn ông được tìm thấy đó làm việc ở đây không ạ?”

“Chú nghĩ anh ta là người làm vườn”, Sherrinford nói. “Chú không thể nói là biết anh ta nhưng chúng ta sẽ cầu nguyện cho anh ta và gia đình. Người nhà của anh ta sẽ được giúp đỡ”.

“Anh ta là người mới”, thím Anna nói. “Thím tin là anh ta chỉ vừa mới tới. Trước đây anh ta làm việc cho một xưởng vải ở Farnham do một bá tước hay tử tước hay ai đó thuộc giới quý tộc làm chủ. Thư giới thiệu về anh ta được viết rất hay...”

“Tại sao anh ta chết ạ?” Sherlock hỏi, nhưng thím nó vẫn cứ tiếp tục màn độc thoại của bà.

“Chủ đề này không thích hợp để bàn luận trong bữa ăn sáng”, bà Eglantine nói từ chỗ đứng gần bàn để thức ăn, Sherlock liếc nhìn bà ta, nó ngạc nhiên cả vì sự trơ tráo trong câu nói của bà lẫn vì chú và thím nó không la rầy bà. So với cương vị một người hầu, bà ta rất đường đột. Nó chợt nhớ đến lời nhắc nhở của Mycroft – bà ta không phải là một người bạn của gia đình Holmes – và nó tự hỏi liệu có nhiều chuyện về bà Eglantine, và sự hiện diện của bà ta trong căn nhà này, hơn là nó biết không.

“Cậu bé này có óc tò mò”, Sherrinford nói khi đưa đôi mắt từ dưới đôi chân mày rậm rạp nhìn nó. “Chú khuyến khích tính tò mò. Óc tò mò, cùng với linh hồn bất tử của chúng ta, là điều để phân

biệt chúng ta với thú vật”. Quay lại với câu hỏi của Sherlock, ông ta tiếp tục: “Cái xác được chuyển đến một bác sĩ địa phương, và ông ta đã gửi điện tín cho Phòng Điều tra những cái chết bất ngờ của North Hampshire. Họ sẽ công bố nguyên nhân cái chết theo nhận định của họ, nhưng theo chú hiểu, mặt và bàn tay của anh ta nổi đầy những mụn giộp là dấu hiệu của bệnh đậu mùa hoặc là bệnh dịch hạch”. Ông lắc đầu, mày chau lại. “Dĩ nhiên chúng ta không muốn một bệnh sốt nào đó bùng phát. Ông bác sĩ sẽ không đủ sức đối phó nếu có thêm người nào khác bị bệnh. Chú nghe nói có vài thương gia đã dẹp quầy hàng và chuyển đi nơi khác. Sự hoảng loạn lan ra còn nhanh hơn bệnh dịch. Farnharm tồn tại được là nhờ giao thương – cừu, ngũ cốc, len và nhiều thứ khác. Nếu các hoạt động này dờn qua thị trấn khác thì sự thịnh vượng của Farnharm sẽ lụi tàn đi và chấm dứt”.

Sherlock liếc xuống cái đĩa của nó. Nó đã ăn kedgerie đủ no và giờ nó muốn quay lại Farnharm xem Matty có quanh quẩn đâu đó không. “Con xin phép”, nó nói. Chú nó gật đầu và nói, “Amyus Crowe nhờ chú nhắn với con là ông ta sẽ quay lại vào giờ ăn trưa để tiếp tục hướng dẫn con. Hãy chắc chắn có mặt ở nhà vào lúc đó”. Có thể là thím nó đã nói điều gì đó trong cuộc độc thoại không ngừng. Sherlock đứng lên và đi về phía cửa, nhưng một ý nghĩ bất chợt làm nó quay ngược lại.

“Thím Anna?” nó gọi. Thím nó ngược lên. “Hồi nãy thím nói người chết trước đây làm việc cho một bá tước hoặc tử tước phải không ạ?”

“Đúng rồi con”, bà trả lời, “Thật ra, thím nhớ là_”

“Có thể nào là nam tước không ạ?”

Bà dừng lại một lúc để suy nghĩ. “Thím nghĩ con nói đúng. Người đó là một nam tước. Dì để lá thư ở đâu đó. Trong thư viết_”

“Thím có nhớ tên của ông ta không ạ?”

“Maupertuis”, thím Anna trả lời. “Tên ông ta là Nam tước Maupertuis. Cái tên này thật buồn cười. Chắc là người Pháp, hay cũng có thể là người Bỉ. Tất nhiên là ông ta không tự viết thư giới thiệu, thư đó là do_”.

“Cảm ơn thím”, Sherlock đáp và đi trong khi thím vẫn tiếp tục nói.

Nó rùng mình khi bước ra sảnh. Chắc không phải là trùng hợp? Hình như cả hai người bị giết bằng cùng một cách, một người trong họ có liên hệ với nhóm côn đồ làm việc trong một nhà kho ở Farnharm thuộc sở hữu của một gã “Nam tước” bí ẩn và người kia thì vừa mới nghỉ làm ở chỗ một “Nam tước Maupertuis”. Không thể có hai ông Nam tước cùng liên quan đến vụ này được, đúng không? Người chủ của cái nhà kho, gã đàn ông lạ mặt mà Sherlock và Matty đã thấy rời khỏi đó trong chiếc xe ngựa hẳn phải là Nam tước Maupertuis. Và nếu người đàn ông mà nó và Amyus Crowe phát hiện xác trong rừng từng làm việc cho một xưởng quần áo của Nam tước Maupertuis thì có phải cái xưởng đó đặt tại căn nhà kho ở Farnharm? Và có phải điều này nghĩa là thứ mà gã Wint quá cố bị cho là trộm từ nhà kho – thứ mà nó đã nghe Clem và Denny nói với nhau – chính là quần áo?

Có cảm giác là vô số mảnh hình ráp đang trôi nổi trong đầu nó bất thành hình kết nối được với nhau. Bức tranh chưa rõ ràng lắm –

vẫn còn vài mảnh ráp chưa tìm thấy – nhưng tất cả bắt đầu trở nên hợp lý lạ lùng.

Dựa trên những thông tin nó có về xưởng may, về những bộ quần áo, Nam tước, và hai người đã chết, Sherlock có thể suy ra vài điều. Không hoàn toàn chỉ là suy đoán mà nó còn đưa ra một vài giả thuyết khả dĩ. Chẳng hạn như hai gã đàn ông có cùng mối liên hệ với xưởng may đều bị chết, có vẻ do bệnh đậu mùa hoặc dịch hạch. Điều này phải chăng có nghĩa là những bộ quần áo vì một lý do nào đó đã bị nhiễm bệnh? Dựa trên những điều nó thu hoạch được khi đọc báo của ba nó, Sherlock biết là hầu hết quần áo được sản xuất ở những thị trấn công nghiệp ở miền Bắc nước Anh, Scotland và Ireland, nhưng cũng có một số được nhập khẩu từ nước ngoài – lụa từ Trung Quốc và muslin và vải bông thường là từ Ấn Độ. Có thể một chuyến hàng cập cảng nước Anh từ những nước trên đã bị nhiễm bệnh, hoặc chứa đầy những côn trùng mang mầm bệnh, và công nhân ở xưởng đã bị lây nhiễm. Đây là một cách giải thích có lý và Sherlock cảm thấy một áp lực, một thôi thúc phải nói chuyện này với ai đó. Ngay lập tức nó nhớ đến chú nó, nhưng nó gạt ngay ý nghĩ đó đi. Sherrinford Holmes là người lớn nhưng ông không có vẻ từng trải lắm và ông có thể sẽ gạt đi những giả thuyết của nó. Tim Sherlock chùng xuống một hồi. Còn ai khác nữa không?

Và nó nhớ tới Mycroft. Nó có thể viết thư kể mọi thứ cho anh nó. Mycroft làm việc cho chính phủ Anh. Anh ấy sẽ biết nên làm gì.

Nó cảm thấy mối lo trong lòng giảm đi khi nghĩ về người anh chín chắn và đáng tin cậy Mycroft, nhưng rồi nó bỗng thắc mắc

không biết Mycroft sẽ làm gì nếu biết chuyện. Liệu anh có bỏ việc đang làm chạy về Farnham để điều tra? Anh sẽ chuyển thông tin cho bên quân đội? Hay là anh chỉ gửi điện tín cho chú Sherrinford nhắc chú quản thúc nó.

Sherlock ra khỏi nhà và tắm mình trong nắng sớm, nó ngừng lại một chút để tận hưởng bầu không khí. Nó ngửi thấy mùi khói củi, mùi cỏ mới cắt và mùi ngai ngái thoảng qua của men bia ở Farnham. Mặt trời vừa mới lên trên ngọn cây, ánh nắng chiếu sáng lá cây và viền sáng quanh rìa lá, đổ bóng dài qua bãi cỏ đến nơi nó đứng như những ngón tay vươn dài.

Còn có một cái bóng khác ở đằng kia - một cái bóng chuyển động. Sherlock lần theo cái bóng qua bãi cỏ đến bức tường ngăn cách căn nhà và khu đất với con đường bên ngoài. Ở đó, phía bên kia bức tường có một người ngồi trên lưng ngựa và dường như đang quan sát nó. Khi nó giơ tay lên che bớt ánh nắng cho khỏi chói mắt thì người cưỡi ngựa thúc ngựa chạy đi. Con ngựa chạy nước kiệu dọc theo con đường rồi biến mất phía sau cái hàng rào cao.

Sherlock đi ra phía cổng. Người và ngựa đã đi rồi nhưng nếu may mắn thì hình dáng vó ngựa in trên đất hay một thứ gì đó do người cưỡi ngựa làm rớt có thể giúp nó nhận ra họ.

Không có dấu vó ngựa, không có thứ gì người cưỡi ngựa làm rớt nhưng Sherlock nhìn thấy Matty Arnatt đang ngồi ở cạnh cổng cùng với hai chiếc xe đạp.

“Cậu lấy mấy chiếc xe ở đâu ra vậy?” Sherlock hỏi.

“Mình kiếm được. Mình nghĩ cậu muốn chạy một vòng.

Để hơn đi bộ và chúng ta có thể đến nhiều nơi hơn”.

Sherlock nhìn nó chăm chăm một lát. “Tại sao?”

Matty nhún vai. “Chẳng có chuyện gì khác để làm”. Nó ngưng lại và nhìn ra xa. “Mình đã nghĩ tới việc rời khỏi đây, chèo chiếc thuyền xuôi theo con kênh một quãng xa, nhưng điều đó có nghĩa là lại bắt đầu ở một thị trấn mới – tìm chỗ kiếm ăn và kiếm đồ dùng. Ít nhất ở đây mình quen mọi người, mình quen cậu”.

“Thôi được. Mình có thể hoạt động một chút. Từ hôm qua đến giờ, các cơ bắp của mình vẫn còn bị căng cứng”.

“Hôm qua đã xảy ra chuyện gì?”

“Mình sẽ kể trong khi chúng ta đạp xe”. Sherlock nhìn xuống con đường chạy ngang qua cổng. “Cậu có thấy ai cưỡi ngựa đi qua đây và có dừng lại một lát không?”

“Ừ có. Họ chạy vượt qua mình rồi dừng lại chỗ đó”. Nó hất đầu chỉ về nơi lúc nãy Sherlock đã thấy người cưỡi ngựa.

“Giống như là họ nhìn cái gì đó rồi cưỡi ngựa đi”.

“Cậu có nhận ra là ai không?”

“Mình không chú ý lắm. Có quan trọng không?”

Sherlock lắc đầu. “Có thể không”.

Bọn nó cùng nhau đạp xe xuôi hướng Farnham, ngược với hướng của người cưỡi ngựa. Đã lâu rồi Sherlock không chạy xe đạp, nó chạy khá loạng choạng theo Matty nhưng chỉ sau vài phút nó đã làm chủ tay lái và đuổi kịp. Trong khi cả hai đạp xe kề bên nhau dọc theo con đường mát rượi mà cây cối đan lại thành một cái vòm phía trên đầu chúng và đi qua những cánh đồng đầy hoa

màu vàng tươi, nó kể cho Matty nghe chuyện xảy ra hôm trước – về người đàn ông nó theo dõi từ căn nhà mà Matty đã trông thấy đám mây lạ, chuyện căn nhà kho, chuyện chiếc xe ngựa chất đầy các thùng vuông và chuyện đám cháy. Matty liên tục đặt câu hỏi và Sherlock thấy mình liên tục trở lại và kể lại từng chi tiết câu chuyện, bất chợt chuyển đề tài để giải thích những điều khác và nói chung là không đi vào trọng tâm. Nó không phải là người có tài kể chuyện hấp sinh, và có lúc nó mong có ai đó có thể lấy những sự kiện trong đầu nó và sắp xếp lại cho mạch lạc.

“Cậu còn sống ra khỏi đó là may”, Matty nói khi nghe Sherlock kể xong. “Cách đây vài tháng mình làm việc ở một tiệm bánh. Tiệm đó bị cháy. Mình may mắn mới thoát ra được”.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Sherlock hỏi.

Matty lắc đầu. “Tay thợ làm bánh là một gã ngốc. Gã quẹt diêm để châm tẩu thuốc ngay khi bọn mình vừa mở các bao bột”.

“Tại sao làm vậy lại gây cháy?”

Matty nhìn nó một cách lạ lẫm. “Mình nghĩ tất cả mọi người đều biết, bột mì lơ lửng trong không khí sẽ giống như thuốc nổ. Nếu một hạt bột bắt lửa thì trong vòng một giây nó sẽ lan sang những hạt còn lại, giống như có tia lửa xẹt từ hạt này sang hạt kia vậy”. Nó lắc đầu. “Cả tiệm bánh bị biến thành đồng gạch vụn. May cho mình là lúc đó mình đang đứng sau cái bàn. Dù vậy thì cũng phải mất một tháng tóc mình mới mọc lại như cũ”. Liếc sang Sherlock nó hỏi: “Dù sao đi nữa, cậu muốn làm gì bây giờ?”

“Bọn mình nên kể cho cảnh sát khu vực”, Sherlock nói. Ngay khi nói ra thì nó đã biết là không nên làm thế. Hai cái xác, đám mây

chết kỳ lạ, thứ bột bí ẩn màu vàng và một nhóm vô lại đốt nhà kho – tất cả giống như một trò chơi trong trí tưởng tượng của bọn con nít. Ngay cả nếu một nửa câu chuyện được chứng thực bằng những sự kiện có thật – hai người đã chết, tro tàn ám khói của nhà kho có thể nhìn thấy khi đến đó – thì những chuyện còn lại giống như một sự pha trộn giữa sự suy đoán không căn cứ và những giả thiết hoang đường được xâu lại với nhau để lấp đầy những lỗ hổng.

Nhìn mặt Matty nó biết Matty đang nghĩ giống hệt nó về việc này. Nó cảm thấy miệng mình đang mím lại đầy thất vọng. Không người nào ở đây có thể giúp nó, còn người có thể giúp nó thì lại không ở đây. Thật là ngược đời!

Và rồi nó nhớ đến người gây ấn tượng mạnh với nó, Amyus Crowe. Một cảm giác tin tưởng quét qua nó, xua tan đi đám mây hoang mang đang tụ lại quanh nó, giống như làn nước mát rửa trôi đi rác rưởi và rong rêu bám trên tảng đá. Dường như Crowe có thể nói chuyện với bọn trẻ như thể chúng là người lớn, ông tư duy theo kiểu suy luận, sử dụng bằng chứng như những bậc thang để dẫn đến kết luận chứ không kết luận hồ đồ. Ông ta là người duy nhất có thể thật sự tin tưởng bọn chúng.

“Chúng ta sẽ kể cho Amyus Crowe”, nó nói.

Matty có vẻ không tin tưởng. “Cái lão cao to với giọng nói buồn cười và cái đầu tóc trắng hỏ?” Nó hỏi. “Cậu có chắc không?”

Sherlock gật đầu một cách quả quyết. “Chắc”. Nhưng mặt nó chợt xịu xuống, cả người thẫn ra. “Nhưng mình không biết ông ta sống ở đâu. Chúng ta phải chờ cho đến khi ông ấy xuất hiện ở nhà

chú mình. Hay là mình hỏi chú mình địa chỉ của ông ấy”.

Matty lắc đầu. “Ông ta muốn một căn nhà ngoài rìa thị trấn”, nó nói. “Trước đây đó là nhà của người gác rừng. Chúng ta đạp đến đó mất khoảng nửa tiếng”. Nhìn vẻ mặt ngạc nhiên của Sherlock nó nói thêm, “Cái gì? Mình biết gần hết những người sống ở đây. Nhờ đó mà mình biết có thể kiếm thức ăn ở đâu bất kể lúc nào trong ngày. Mình cần phải biết nơi này hoạt động như thế nào – mọi người sống ở đâu, họ làm việc ở đâu, chợ ở đâu, nơi nào chứa lúa mì, canh sát khu vực ở đâu vào buổi sáng, trưa và tối, và vườn cây ăn trái nào có bảo vệ và nơi nào không có. Đó là chuyện sống còn của mình”.

Đó là óc quan sát, Sherlock nghĩ, và nhớ lại những câu Amyus Crowe nói với nó. Cuối cùng thì mọi việc đều là vấn đề óc quan sát. Nếu bạn có đủ dữ kiện, bạn sẽ giải quyết rất ráo mọi chuyện.

Và đó là cũng là vấn đề với hai cái xác và đám mây chết – bọn nó hiện không có đủ dữ kiện.

Cả hai đạp xe băng qua thị trấn, tránh những đường phố chính có nhiều người đi lòng vòng. Chuyển đi gần như chấm dứt trước khi bắt đầu bởi vì tâm trí Sherlock vẫn còn đang sôi sục với những sự kiện nóng hổi, những phỏng đoán và giả thuyết khi bọn nó đến bức tường đá của căn nhà nơi Amyus Crowe đang sống.

Ở một bên có một chuyển động làm nó chú ý. Nó nhìn qua và thấy một con ngựa đang ăn cỏ trên cánh đồng. Con ngựa màu đen với một vệt màu nâu ngang qua cổ.

Đến giờ nó đã thấy con ngựa này hai lần, mỗi lần đều do một người bí ẩn cưỡi và quan sát nó.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc hai cánh tay và ngực nó làm nó nổi da gà. Chuyện gì đang xảy ra đây?

Matty dừng lại chờ ở cổng khi Sherlock bước qua vườn trước nhà. Sherlock quay lại nhìn nó dò hỏi. Mặt thẳng bé nhìn lại vẻ cáu kỉnh. “Mình sẽ ở ngoài này”, nó nói.

“Có chuyện gì sao?”

“Mình không quen lão đó. Có thể lão không ưa mình”.

“Mình sẽ bảo ông ấy cậu là người tốt, rằng có thể tin cậu.

Mình sẽ nói cậu là bạn mình”.

Khi từ “bạn” tuôn ra khỏi môi nó, Sherlock đột nhiên cảm thấy ngạc nhiên. Nó xem Matty là một người bạn nhưng ý nghĩ đó làm nó bối rối. Trước đây nó chưa bao giờ thật sự có bạn – tất nhiên là không có ở trường, và ngay cả khi về căn nhà của gia đình, nơi nó nghĩ là nhà – cũng không có luôn. Bọn trẻ có khuynh hướng né tránh nhà nó và mọi người trong đó vì chúng nghĩ họ thuộc tầng lớp cao hơn, “những chủ đất”, nên Sherlock luôn ở một mình. Ngay cả Mycroft cũng không hơn một hình bóng vờn chãi ngồi trong thư viện của cha họ làm việc với lượng sách đồ sộ được gia đình sưu tầm qua nhiều thế hệ. Thỉnh thoảng Sherlock chia tay Mycroft tại thư viện sau bữa ăn sáng và đến giờ ăn tối nó thấy anh ấy vẫn ngồi yên đó, không thay đổi vị trí, điểm khác biệt duy nhất là chồng sách chưa đọc vơi đi và chồng sách đọc rồi cao lên.

“Cũng thế thôi”, Matty nói, “Mình sẽ chờ bên ngoài”.

Một ý nghĩ xuất hiện trong Sherlock. “Ở bên ngoài”, nó lặp lại. “Cậu thích không gian ở ngoài hơn phải không? Từ lúc quen cậu

đến giờ mình chưa thấy cậu ở trong nhà bao giờ”.

Mặt Matty càng cau có, nó tránh không nhìn Sherlock mà nhìn sang hướng khác. “Không thích các bức tường”, nó lầm bầm. “Không thích chỗ chỉ có một cửa ra vào trong khi không biết ai đang ở bên ngoài cánh cửa đó”.

Sherlock gật đầu. “Mình hiểu rồi”, nó nói nhẹ nhàng. “Mình không biết sẽ ở trong đó bao lâu. Có lẽ mình sẽ gặp cậu khi mình ra”. Nó liếc nhìn lại cánh cửa. “Là nếu như có ai đó ở nhà”. Nhìn nhanh về phía chú ngựa đen đang nhổ từng búi cỏ lên mà nhai, nó gõ mạnh vào cửa.

Khi quay đầu lại thì Matty đã biến mất cùng với chiếc xe đạp.

Một lát sau cánh cửa mở ra. Sherlock hơi nhìn lên, mong gặp Amyus Crowe đứng bên trong, và trong giây lát nó thấy bối rối vì không thấy gì. Cái nhìn của nó hạ xuống, và nó thấy tim mình đập trật nhịp khi dừng ở khuôn mặt của một đứa con gái cao bằng cỡ nó. Con nhỏ mặc đồ màu sẫm và vì đứng trong bóng tối của cái sảnh đợi, mặt con bé như đang trôi giữa khoảng không.

“Tôi – tôi tìm ông Crowe”, nó nói và cảm thấy đỏ mặt vì giọng nói lắp bắp của mình. Nó cực kỳ mong ước có thể nói một cách tự tin và “phót Ăng-lê” như Mycroft.

“Cha tôi ra ngoài rồi”, đứa con gái trả lời. Nó có giọng mũi giống như Amyus Crowe – chắc là giọng Mỹ? – làm câu nói có vẻ như là trôi ra ngoài. Dù là giọng gì đi nữa thì cũng làm cho nó một nét cuốn hút kỳ lạ. “Tôi sẽ nói với cha là ai đã ghé thăm?”

Sherlock biết là nó không thể rời mắt khỏi khuôn mặt của con nhỏ. Con nhỏ khoảng trạc tuổi nó. Mái tóc dài màu vàng hung, tuôn

chảy và xoắn tít quanh vai giống như là một thác nước bằng đồng đang đổ xuống bỗng dừng phải những tảng đá và bắn tung tóe lên. Đôi mắt của con nhỏ có sắc tím nhạt mà Sherlock chỉ từng nhìn thấy trên những bông hoa dại, da nó màu nâu và có tàn nhang như thể ở ngoài trời suốt ngày.

“Tôi là Sherlock” nó nói. “Sherlock Holmes”.

“À là đứa bé cha đang dạy kèm”.

“Tôi không phải là đứa bé; tôi lớn bằng cậu”. Nó nói với tất cả sự can đảm có thể có.

Con nhỏ bước ra ngoài nắng, và Sherlock có thể nhìn thấy nó đang mặc quần cưỡi ngựa ôm sát màu nâu, thích hợp cho con trai hơn là con gái, và một cái áo sơ-mi vải lanh làm tôn lên hình dáng khuôn ngực nó.

“Tôi sẽ nói với cha là cậu đến”, nó nói như thể không nghe Sherlock nói gì. “Tôi nghĩ ông đến nhà chú của cậu để tìm cậu. Hôm nay ông muốn gặp cậu”.

“Tôi đang trí quá”, nó thấy mình đang giải thích. Một ý nghĩ chợt đến ngay khi nó nhìn thấy chiếc quần cưỡi ngựa và con ngựa ở bãi giữ ngựa gần đó. “Cậu đã theo dõi tôi!” nó thốt lên không kịp suy nghĩ, một cơn phẫn khích bất ngờ trào lên vì ngượng và cả vì hơi bị xúc phạm.

“Đừng có mơ”, con nhỏ nói. “Tôi chỉ nhìn thấy cậu đôi lần khi đi cưỡi ngựa, chỉ có vậy thôi”.

“Cậu cưỡi ngựa đi đâu? Quanh trang viên chỉ có chốn đồng không mông quạnh”.

“Thì đó là nơi tôi đến để cưới ngựa mà”. Con nhỏ nhướn một bên mày. “Cậu có biết cưới ngựa không?” Sherlock lắc đầu.

“Cậu nên học. Rất vui”.

Nó nhớ lại hình ảnh người cưới ngựa mà nó đã nhìn thấy từ xa. “Cậu cưới ngựa như một người đàn ông”.

“Ý cậu là gì?”

“Khi phụ nữ cưới ngựa, họ thường ngồi một bên yên ngựa, hai chân để về một phía. Họ gọi đó là kiểu ngồi một bên. Cậu cưới giống đàn ông, thả chân hai bên ngựa”.

“Đó là cách tôi được dạy”. Giọng nó có vẻ tức giận. “Những người ở đây cười nhạo tôi vì cưới ngựa kiểu đó, nhưng nếu tôi cưới theo cách họ muốn, tôi sẽ ngã khi ngựa chạy quá nước kiệu. Cái đất nước này thật kỳ cục. Không giống như ở nhà”.

Con nhỏ bước qua nó, cánh cửa đóng lại phía sau, rồi con nhỏ sải bước về phía bãi giữ ngựa.

“Cậu tên gì?” Sherlock gọi với theo.

“Biết để làm gì?”

“Để tôi không phải nghĩ đến cậu như là con gái của Amyus Crowe”.

Con nhỏ ngừng lại và nói mà không quay đầu lại. “Virginia. Đó là một vùng ở Mỹ. Một bang nằm dọc theo bờ biển ở phía đông, gần thủ đô Washington”.

“Tôi có nghe về nó. Có phải nó ở gần Albuquerque?”

Con nhỏ quay người lại, khuôn mặt pha trộn giữa sự coi thường và thích thú. “Không hề gần. Cách xa hàng ngàn dặm. Virginia chủ

yếu là rừng và núi còn Albuquerque thì nằm giữa một sa mạc. Mặc dù là nơi đó cũng có các dãy núi”.

“Nhưng cậu đến từ Albuquerque”.

Con nhỏ gật đầu.

“Sao cậu rời khỏi đó?”

Virginia không trả lời. Thay vào đó nó quay lưng lại và tiếp tục đi về hướng bãi giữ ngựa. Sherlock lẻo đẻo theo sau, thấy mình giống như một con rối bị giật dây không làm theo ý mình được một cách kỳ lạ. Nó liếc quanh, hy vọng là Matty không ở đó và chứng kiến chuyện đang xảy ra, nhưng thằng bé và chiếc xe đều bất tăm hơi.

“Cậu không báo với ai cậu sẽ đi đâu sao?” nó hỏi khi Virginia đặt một chân lên bàn đạp, tay trái bám lấy đầu yên rồi búng mình ngồi lên lưng ngựa. Bàn tay phải của con nhỏ vuốt ve bờm ngựa.

“Ở nhà không có ai”, con nhỏ trả lời. “Cha tôi ra ngoài rồi, nhớ không”.

“Vậy còn mẹ cậu?” nó hỏi. Khuôn mặt con nhỏ chuyển sang một vẻ gì đó cứng cõi nhưng lại mong manh một cách kỳ lạ đến mức nó muốn thu lại ngay lập tức những lời vừa nói.

“Mẹ tôi chết rồi”. Con nhỏ nói thẳng. “Mẹ tôi chết trên tàu trên đường vượt Đại Tây Dương sang Liverpool. Đó là lý do tôi ghét đất nước này, ghét ở đây. Nếu gia đình tôi không đến đây mẹ tôi có lẽ vẫn còn sống”.

Giật nhẹ dây cương, con nhỏ làm con ngựa xoay một vòng rồi bắt đầu chạy nước kiệu đi. Sherlock nhìn theo con nhỏ, áy náy vì

nét đau khổ trên khuôn mặt con nhỏ và giận mình vì đã gây ra chuyện đó.

Cuối cùng, khi xoay người lại để đi, nó thấy Amyus Crowe đang đứng dựa vào cây gậy một cách kiên nhẫn ở cuối con đường. Ông đang nhìn Sherlock chăm chăm.

“Tôi thấy cậu đã gặp con gái tôi”, cuối cùng ông ta nói với giọng giống của Virginia.

“Có vẻ cháu không gây được ấn tượng tốt với cô ấy”. Sherlock thú nhận.

“Chẳng có ai gây được ấn tượng tốt với con bé. Suốt ngày nó cưỡi ngựa rong ruổi ở đồng quê, ăn mặc thì giống như con trai”. Miệng ông ta vẹo sang một bên nhăn nhó. “Không thể trách con bé. Bị lôi từ Albuquerque sang đây đủ để làm cho một đứa trẻ rơi vào tâm trạng xấu, mà không-” Ông ta đột ngột ngưng lại, Sherlock có cảm giác ông ta đã sắp nói một điều gì đó và tự dừng lại kịp. “Cậu gặp tôi có chuyện gì không, hay chỉ là muốn học bài mới?”

“Thật ra thì có chuyện”, Sherlock nói. Nó nhanh chóng tóm tắt mọi việc xảy ra ở Farnham cho Crowe – người đàn ông với đám bột màu vàng, căn nhà kho, đám cháy. Nó kể một hơi đến hết, ý thức được là nó đang thừa nhận điều có thể được gọi là hoạt động phạm pháp nếu nhìn vào vẻ mặt khó đoán của Crowe khi nghe kể.

Nghe xong hết, Crowe chỉ lắc lắc đầu nhìn ra phía xa. “Cậu đã trải qua những chuyện thật hấp dẫn”, ông nói. “Nhưng tôi không chắc là tất cả mọi thứ nói lên điều gì. Vẫn có hai người chết, và bệnh dịch có khả năng bùng phát. Nếu cậu cần biết ý kiến của tôi thì nó sẽ là: Đừng lo lắng. Hãy để các bác sĩ và nhân viên công vụ

giải quyết vấn đề này. Có một qui luật rất có ích trong cuộc sống là ta không nên cố gắng tham gia tất cả các trận chiến xuất hiện trên đường đời của chúng ta. Hãy chọn những trận chiến quan trọng và để những người khác giải quyết những trận còn lại. Trong trường hợp này thì đây không phải là trận chiến của cậu”.

Sherlock cảm nhận sự thất vọng trào lên bên trong nhưng nó giữ yên lặng. Nó có cảm giác rất mạnh rằng đây là trận chiến của nó, nếu không ai khác trông thấy gã đàn ông trên xe ngựa hay nghĩ về tầm quan trọng của chất bột màu vàng, nhưng Amyus Crowe có lý. Có lẽ việc cố thuyết phục Crowe rằng có chuyện đang xảy ra không phải là cuộc chiến mà Sherlock nên tham gia. Có lẽ có cách khác để giải quyết mọi chuyện.

Thay vì vậy nó hỏi, “Vậy thời khóa biểu của hôm nay là gì?”

“Tôi tin là chúng ta chưa nói hết chuyện loại nấm nào có thể ăn được”, Crowe đáp. “Hãy đi một vòng và xem chúng ta có thể tìm thấy gì. Nhân tiện, tôi sẽ chỉ cho cậu vài loại cây dại có thể ăn sống, nấu ăn hoặc nấu thành một loại nước uống để giảm đau”.

“Hay quá”, Sherlock nói.

Vài tiếng tiếp theo, nó và Amyus Crowe lang thang xuyên qua vùng đồng quê gần đó, ăn thử những thứ an toàn và dễ hái. Dù tâm trạng không thoải mái, Sherlock cũng học được rất nhiều về việc sống ở nơi hoang dã, và không chỉ sinh tồn mà còn sống khỏe. Crowe còn chỉ nó cả việc làm một cái giường ngủ tiện nghi bằng cách chõng những nhánh dương xỉ điều hâu lên cao bằng vai, leo lên đó dùng sức nặng của mình để làm cho nó xẹp xuống bằng chiều dày và độ mềm mại của một tấm nệm.

Sau đó khi đạp xe về lại Trang viên Holmes, nó cố nghĩ về chuyện hai người chết, nhà kho cháy, đám bột màu vàng và đám mây chết chóc bí ẩn biết trườn, nhưng ý nghĩ của nó thường xuyên bị cắt ngang bởi hình ảnh mái tóc đỏ của Virginia xoa quanh vai, sự kiêu hãnh, cái lưng thẳng, bộ đồ cưỡi ngựa ôm sát và cái thân mình nhún nhảy khi cô phi ngựa đi. Nó nhớ lại mẩu bột vàng nó hót trên mặt đất trong rừng và cất trong phong bì. Nếu những gã giang hồ trong nhà kho nói đúng thì có thứ gì đó liên quan đến cái chết của hai người đàn ông có thể gây lây, nhiễm bệnh hoặc ít nhất là gây vấn đề về sức khỏe nếu chạm phải. Tạm coi như đám bột vàng chính là nguyên nhân, nó cần tìm ra đám bột đó là gì bất chấp sự cảnh báo tế nhị của Amyus Crowe. Chắc chắn nó không có đủ kiến thức hay dụng cụ để tự tìm hiểu việc này. Nó cần một nhà hóa học hay một người bào chế thuốc hoặc ai đó tương tự có thể phân tích đám bột, và nó không thể tìm ra ai như vậy ở Farnham. Trên đường anh nó đưa nó đến Farnham, họ có đi qua Guildford. Do Guildford là thị trấn lớn gần nhất nên đó cũng là nơi nó có thể tìm ra ai đó có kiến thức về khoa học tự nhiên để cho nó biết chất bột đó là gì. Amyus Crowe có nhắc đến một chuyên gia ở đó – Giáo sư Winchcombe. Có lẽ Sherlock có thể đi gặp ông ta.

Việc nó phải làm bây giờ là đi Guildford.

Ngay hôm sau, Sherlock tìm được Matty Arnatt ở chợ. Nó bắt đầu có thể đoán được chỗ của Matty. Lúc này đã gần trưa, những người buôn bán ở chợ đã làm việc từ sáng sớm đến giờ. Có lẽ họ đang nghĩ tới bữa ăn và có thể thay nhau đi tìm gì đó để ăn – một người phải trông chừng hai quầy hàng trong khi người kia đi mua bánh mì, thịt, hoặc bánh nướng và có thể là một vài bia. Điều này có nghĩa là giờ ăn trưa là một trong những lúc họ ít chú ý nhất, vì thế Matty có cơ hội thó một ít trái cây hoặc rau từ một góc quầy hàng mà không bị phát hiện. Sherlock không đồng tình với việc trộm cắp, nó nghĩ vậy, nhưng nó cũng không đồng tình với việc có người bị chết đói và những đứa trẻ bị thu gom và đưa vào các trại tể bắn, vì vậy nó cho là chuyện này lâm vào thế khó xử về đạo đức, và thành thật mà nói nó cũng bức bối với Matty về những trái táo bị sâu cắn nham nhở. Việc này chẳng làm Đế chế sụp đổ.

Chợ nằm trên một bãi đất nhỏ với ba mặt là những tòa nhà. Có những quầy bán hàng đồng hành và củ cải, khoai tây và củ cải đường và nhiều loại rau đủ đầy màu sắc mà Sherlock thậm chí không nhận ra là rau gì. Các quầy khác treo lủng lẳng các đùi thịt muối trên móc với hàng lũ ruồi vo ve xung quanh, và cá thì nằm trên lớp rơm. Nhiều người bán vải và quần áo – dạ thô và vải chéo go, barragons và vải chéo len, tub green và vải xéc. Một bãi quây thú dã chiến đang nhốt bày cừu và vài con heo đang nằm dài ngủ bất chấp sự ồn ào. Bao trùm lên tất cả là sự pha trộn giữa các loại mùi, và chỉ một chút thoáng thoáng mùi thối rửa trong không khí.

Sherlock nghĩ, khi mặt trời lặn nơi này sẽ toàn mùi hôi thối của rau hư và cá ươn, lúc đó hầu hết những người mua hàng đã ra về, chỉ còn lại những người nghèo ở địa phương nán lại với hy vọng những người bán sẽ bắt đầu hạ giá để giải quyết hàng tồn.

Bầu không khí ở chợ đường như khá yên lặng. Nó không náo nhiệt như Sherlock nhớ. Thay vì sự chen lấn, hối hả mà một cái chợ nhỏ ở thị trấn phải có, nơi mọi người xem như một sự kiện xã hội – một cơ hội để mua bất cứ món gì họ cần, những người đi chợ đường như tìm thẳng tới những món họ cần và mua ngay mà không trả giá rồi đi ngay.

“Crowe có nhà không?”, Matty hỏi khi Sherlock đến. Nó đang ngồi trên một cái kiện gỗ thừa úp ngược, chăm chăm quan sát những người bán hàng để tìm một khoảnh khắc bất cẩn của họ.

“Lúc đầu thì không, nhưng có gặp con gái của ông ta”.

“À mình có thấy con bé ở quanh đó”.

“Đáng lẽ cậu nên nói trước với mình về nó”, Sherlock than phiền. “Mình rất sửng sốt, mình không nghĩ đến việc gặp nó ở đó. Mình hẳn trông như thằng ngốc”.

Matty liếc nhìn Sherlock một lúc, từ đầu đến chân. “Đúng, khá giống”, nó nói.

Sherlock cảm thấy mắc cỡ, nó đổi đề tài. “Mình có một ý-”

Nó ngừng lại vì Matty bất thành linh đâm bổ vào đám đông, chen vào giữa những người mua hàng như một con lươn. Sau vài phút, thằng nhóc quay lại, phủi đất khỏi miếng bánh thịt heo. “Miếng bánh rớt ra khỏi quày”, nó nói một cách hãnh diện. “Mình đang chờ chuyện đó xảy ra. Nhiều hàng thế, chất lên cao thế thì cuối

cùng cũng phải có thứ bị rớt thôi”. Nó cắn một miếng lớn rồi đưa qua cho Sherlock.

“Nè, ăn thử đi”.

Sherlock gặm một chút ở phần rìa bánh. Nó mặn, có vị của bơ và chắc. Nó cắn thêm miếng nữa, và ngoạm được một miếng nhân thịt hồng hồng và mỡ thịt đông trong suốt bên trong bánh. Phần nhân thịt giàu hương vị, có rải những mẩu trái cây nhỏ – có lẽ là mận chẳng? Dù là trái gì đi nữa thì sự kết hợp này ngon tuyệt.

Nó đưa miếng bánh lại. “Mình đã ăn ít táo và phô-mai rồi”, nó giải thích. “Cậu ăn hết đi”.

“Cậu vừa nói là cậu có một ý tưởng”.

“Mình cần phải đi Guildford”.

“Đi xe đạp mất vài giờ đó”, Matty trả lời, mắt nó vẫn dán chặt vào chỗ đám đông.

Sherlock nhớ lại chuyến đi của nó từ Trường Nam sinh Deepdene tới Farnham, ngang qua Guildford và Aldershot.

Nó không đặc biệt thích thú với việc đạp xe nguyên quãng đường đến Guildford rồi quay lại, và nó cũng không chắc là nó có thể đi được trong vòng một ngày – và còn phải tìm chuyên gia để hỏi về chất độc và bệnh dịch nữa.

Nó thở dài. “Thôi quên đi”, nó nói. “Đó là một ý nghĩ ngu ngốc”.

“Không nhất thiết”, Matty đáp lại. “Còn có cách khác để đi Guildford”.

“Mình không biết cưỡi ngựa, mà mình cũng không có ngựa”.

“Xe lửa thì sao?”

“Mình cần làm việc này bí mật – không thể để ai biết. Bà Eglantine có vẻ thân thiết với tay trưởng ga. Mình không muốn để bà ta biết hết việc mình làm”.

Bà ấy không phải là người bạn của gia đình . Những từ trong lá thư của Mycroft bất ngờ xuất hiện trong đầu, làm nó rung mình.

“Còn có đường khác”, Matty nói một cách thận trọng.

“Đường gì?”

“Sông Wey”.

“Đường nào?”

“Không phải, sông Wey. Con sông Wey chạy từ đây đến Guildford”.

Sherlock cân nhắc ý tưởng đó một chút. “Chúng ta cần một chiếc thuyền”. Và rồi trước khi Matty kịp nói gì nó reo lên, “Và cậu có một chiếc – ít nhất là một chiếc thuyền nhỏ!”

“Và một con ngựa để kéo nó”.

“Mất bao lâu để tới đó?”

Matty ngẫm nghĩ một lúc. “Có lẽ là cũng lâu bằng đi xe đạp nhưng ít tốn sức hơn. Mình nghĩ hôm nay không thể đi được. Cậu gặp mình sáng mai lúc bình minh, chúng ta sẽ có một ngày trên sông nước, nhưng với cách này cậu sẽ không có nhiều thời gian ở Guildford”.

“Nếu tụi mình đi trước lúc bình minh thì sao?”

Matty liếc nó một cách tò mò. “Chú thím cậu không lo lắng à?”

Đầu Sherlock kêu ong ong như chiếc đồng hồ quả lắc lớn sắp báo giờ. “Mình sẽ quay về lúc ăn tối, xong nói với họ là mình đi

ngủ. Mình sẽ lên ra khỏi nhà sau đó, khi trời tối và mọi người đã ngủ – Mình chắc là làm được. Chưa có ai kiểm tra mình cả. Mình sẽ để lại một tờ giấy nhắn ở phòng ăn là mình dậy sớm trước giờ ăn sáng để ra ngoài với Amyus Crowe. Đến sáng mọi người mới trông thấy tờ giấy đó. Cách này sẽ thành công”.

“Nhánh sông gần nhà chú cậu”, Matty nói. “Mình sẽ vẽ bản đồ cho cậu và tụi mình sẽ gặp nhau ở đó. Chúng ta sẽ ở Guildford vào buổi sáng và về đây trước lúc mặt trời lặn”.

Matty nhanh nhẹn dùng một miếng đá nhọn vẽ bản đồ trên một miếng gỗ nó kéo ra từ cái kiện gỗ nó đang ngồi lên. Sherlock ngờ rằng thằng nhóc không biết chữ, nhưng tấm bản đồ nó vẽ rất hoàn hảo và gần như chính xác về mặt tỷ lệ. Sherlock có thể hình dung ra nơi bọn nó sẽ gặp nhau.

“Mình cần cậu giúp một việc”. Sherlock nói.

“Việc gì?”

“Hỏi thăm xung quanh. Tìm hiểu về người đàn ông đã chết – người chết ở căn nhà mà cậu đã đứng bên ngoài đó.

Tìm xem anh ta đã làm gì”.

“Ý cậu muốn biết gì?”

“Công việc của anh ta. Chỗ anh ta kiếm tiền. Mình có cảm giác điều này quan trọng”.

Matty gật đầu. “Mình sẽ làm những gì có thể,” nó nói, “Nhưng người ta thường không nói hết mọi chuyện với một thằng bé đâu”.

Sau đó mọi thứ đều suôn sẻ. Sherlock đạp xe về trang viên vừa kịp lúc mọi người trong nhà đang ngồi xuống để ăn trưa. Nó cố suy

xét cẩn thận kế hoạch của mình, phân tích từng bước đi để đối phó với những sự việc bất ngờ xảy ra và kiểm tra những chi tiết để loại trừ sai sót, nhưng nó phát hiện ra ý nghĩ của nó vẫn không ngừng xoay quanh Virginia Crowe. Nó không thể nào đẩy ra khỏi đầu đường nét của gương mặt con bé và mái tóc chảy như thác của nó.

Amyus Crowe đến sau buổi ăn trưa, và ngồi nhiều tiếng cùng nó ở hàng hiên để kiểm tra quy trình suy nghĩ của nó bằng những trò chơi trí não và các câu đố. Có một thứ đặc biệt mắc kẹt trong đầu nó.

“Hãy tưởng tượng là có ba người muốn chia nhau tiền phòng khách sạn”, Crowe nói. “Giá phòng là ba mươi shilling một đêm bao gồm ăn sáng và tối – rõ ràng là một nơi có tiếng tăm. Vì thế mỗi người sẽ trả cho người quản lý mười shilling.

Cậu theo kịp không?’ Sherlock gật đầu. “Tốt. Vào sáng hôm sau người quản lý nhận ra anh ta đã mắc một sai lầm nghiêm trọng. Có giá đặc biệt cho căn phòng đó do khách sạn đang sửa chữa. Vì thế anh ta bảo một cậu hầu phòng mang năm shilling đến trả lại cho họ. Bọn họ rất vui nên giữ lại mỗi người một shilling và boa cho người hầu phòng hai shilling. Vì thế cuối cùng bọn họ trả mỗi người chín shilling thay vì mười, và cậu bé hầu phòng thì được 2 shilling. Đúng không?”

Sherlock gật đầu lần nữa nhưng đầu nó đang tính rất nhanh. “Khoan đã – nếu cuối cùng mỗi người trả 9 shilling thì tổng cộng có 27 shilling tất cả. Cộng thêm 2 shilling người hầu phòng nhận là 29 shilling. Vậy còn 1 shilling bị mất ở đâu?”

“Cậu nói đúng”, Crowe nói. “Vậy hãy cho tôi biết 1 shilling đang

ở đâu”.

Sherlock bỏ ra cả hai mươi phút tiếp theo để tính toán, đầu tiên là tính nhẩm và sau đó tính trên giấy. Cuối cùng nó thừa nhận là bó tay. “Cháu không biết”, nó nói. “Người quản lý trả lại 5 shilling vì vậy ông ta không giữ nó, mỗi người đàn ông lấy 1 shilling vậy họ cũng không giữ luôn”.

“Vấn đề ở đây là cách diễn giải”, Crowe giải thích. “Đúng là ba lần chín shilling là bằng 27, nhưng tiền bo đã nằm trong đó. Sẽ không đúng nếu cộng 2 shilling tiền bo vào để thành 29 shilling. Nếu cậu sắp xếp lại bài toán, cậu sẽ nhận ra là bọn họ trả tất cả 25 shilling cho tiền phòng và 2 shilling để bo rồi nhận lại 1 shilling cho mỗi người, tổng cộng đúng 30 shilling. Và kết luận của câu chuyện này là...”

Sherlock gật đầu. “Đừng để ai khác diễn giải vấn đề cho mình bởi vì họ có thể dẫn dắt mình đi sai hướng. Hãy lấy những chi tiết mà họ cung cấp, sau đó sắp xếp lại vấn đề theo cách hợp lý để mình có thể giải quyết được nó”.

Amyus Crowe đi khỏi trước buổi ăn tối, và Sherlock quay lại phòng mình để suy nghĩ những thứ vừa học. Nó trở xuống lại để yên lặng ăn tối trong khi chú nó đọc sách còn thím nó thì đọc thoại. Bà Eglantine quan sát nó với vẻ ngờ vực từ một phía của phòng nhưng nó không nhìn bà ta. Đoạn đối thoại duy nhất là khi chú nó ngược lên trên quyển sách đang đọc và hỏi người quản gia: “Bà Eglantine, chúng ta có thức ăn dự trữ nào trong vườn của trang viên không?”

“Đối với rau, chúng ta trồng đủ ăn”, bà nói, miệng nhon hoắt.

“Trứng và gia cầm cũng vậy. Đối với thịt và cá, có lẽ chúng ta có thể cầm cự trong vài tuần nếu dùng dè sẻn”.

Chú Sherrinford gật đầu. “Tôi nghĩ chúng ta nên đề phòng trường hợp xấu nhất. Hãy chuẩn bị để xông khói hay bảo quản bằng cách khác càng nhiều thịt càng tốt. Dự trữ những thứ cần thiết. Nếu bệnh dịch bùng phát ở Farnham, chúng ta có thể bị cô lập một thời gian. Tôi biết là Amyus Crowe đang khuyến cáo phải thận trọng, nhưng chúng ta nên phòng ngừa thì hơn”. Chú quay sang nó. “Nhắc mới nhớ – ông Crowe nói là con không dành nhiều thời gian cho tiếng Latin và tiếng Hy Lạp”.

“Con biết”, Sherlock nói. “Ông Crowe và con tập trung nhiều vào... môn Toán”.

“Thời gian của ông Crowe rất quý giá”, chú Sherrinford trở nên trầm ngâm, đắn đo. “Và anh của con phải trả khá tiền cho ông ta. Con nên cố tận dụng nó”.

“Dạ vâng, thưa chú”.

“Ông Crowe sẽ quay lại vào trưa mai. Có lẽ con nên dịch cho ta vài bài”.

Nhớ lại ước tính của Matty là đến giờ ăn tối bọn nó mới về tới, Sherlock cau mày. Tuy vậy nó không thể nói với chú là nó sẽ đi Guildford. Nó có thể bị cấm đi. Liếc nhìn lên nó bắt gặp bà Eglantine đang nhìn nó chằm chằm bằng cặp mắt nhỏ, tròn và sáng lóe. Bà ta đã biết gì rồi?

“Con sẽ có mặt”, nó hứa, dù khi nói ra là nó biết không thể quay về kịp giờ. Nó lo lắng nghĩ đến việc giải thích khi việc đã xảy ra.

Ăn tối xong nó xin phép về phòng và đẩy mở cửa thư viện. Chú

nó vẫn đang ăn trong phòng ăn và cách đây một hay hai ngày chú nói nó có thể đến thư viện nếu muốn, nhưng nó vẫn có cảm giác mình là khách không mời ở căn phòng yên tĩnh với những tấm màn được buông xuống ngăn ánh nắng và với mùi của da và giấy cổ chất đầy mọi góc ngách, xó xỉnh. Nó đọc lướt qua các kệ sách để tìm kiếm cuốn nào đó liên quan đến địa lý ở nơi này. Nó tìm được vài bộ sách bách khoa toàn thư khác nhau, những tập san tôn giáo được đóng thành quyển, vô số sách chứa các bài thuyết giáo nó nghĩ là của một mục sư nổi tiếng trước đây, rất nhiều sách về lịch sử của Giáo hội Ki-tô, và cuối cùng nó đến vài kệ đựng sách lịch sử và địa lý của địa phương. Chọn một cuốn sách viết về đường thủy của Surrey và Hampshire, nó rời khỏi thư viện để trở về căn phòng áp mái của nó.

Trong khoảng nửa tiếng, nó đã sáng tác ra được một lá thư giải thích là nó phải ra ngoài sớm và có thể về trễ. Những nỗ lực đầu tiên của nó có quá nhiều chi tiết, đặc biệt là những chi tiết không thật về chuyện nó sẽ làm gì và ở đâu, nhưng không bao lâu sau nó nhận ra rằng thư càng đơn giản và chứa ít thông tin có thể kiểm chứng thì càng tốt. Khi đã viết xong thư, nó nằm dài trên giường đọc quyển sách lấy từ thư viện.

Sherlock đọc thật kỹ quyển sách để tìm thông tin về sông Wey, tốt nhất là một cái bản đồ mà nó có thể nhớ, chẳng bao lâu nó tìm được hơn cả mong đợi. Sông Wey, chẳng hạn, không phải chỉ là một con sông – nó dường như là một thứ được gọi là “đường thủy”. Các con sông có khuynh hướng chảy uốn quanh địa hình theo những hướng không dự đoán được, trong khi đó các con

kênh - vốn được đào vì mục tiêu thương mại giữa các thị trấn - chảy thẳng ở những nơi có thể và sử dụng các công trình giống như bậc thang được gọi là “cửa cống” để nâng và hạ mực nước tùy theo địa hình của khu đất. Còn “đường thủy”, nó được, là một con sông được làm để phù hợp cho tàu bè đi lại bằng cách xây dựng các đập và cửa cống - làm biến đổi con sông tự nhiên thành một kiểu giống một con kênh hơn.

Đầu Sherlock ù lên vì những chi tiết của nhiều ngón nghề xây dựng cần thiết để chuyển hướng một con sông theo ý muốn của con người, và thời gian nhiều năm để làm điều đó. Cuối cùng nó cố ngủ vì biết sẽ có một ngày dài trước mặt. Mặc dù đầu óc vẫn rất phấn khích với những ý tưởng, hình ảnh và các sự kiện, nó chìm vào giấc ngủ không mộng mị lúc nào không hay. Khi nó thức, trời vẫn còn tối nhưng một làn gió trong lành đang thổi vào qua cửa sổ và chim bắt đầu hót trên cành và trong các bụi cây. Lúc này là bốn giờ sáng.

Nó yên lặng mặc quần áo, và trong tích tắc nó lên qua căn nhà đang nằm trong bóng tối, đi ra đầu cầu thang tầng áp mái rồi xuống cầu thang gỗ hẹp, nó cố bước lên phía ngoài của các bậc thang để không phát ra tiếng cọt két, rồi cẩn thận đi dọc theo đầu cầu thang lầu một, đi ngang qua phòng ngủ của chú thím, phòng thay đồ và phòng tắm của họ, cố gắng không thở mạnh, rồi men theo cầu thang chính uốn cong xuống sảnh tầng trệt, đi sát tường và cảm nhận độ nặng của những bức tranh treo bên trên nó, những khung tranh bằng gỗ được chạm khắc trang trí làm bức tranh trông có vẻ nhỏ đi một cách không cân xứng. Chỉ có tiếng

động của chiếc đồng hồ lớn đứng ở góc nơi cầu thang tiếp giáp với mặt sàn lát gạch.

Nó ngừng lại khi xuống đến sảnh. Bây giờ nó phải băng qua phần sảnh rộng lát gạch để ra cửa trước. Không còn tường để men theo – nó có thể bị lộ cả người nếu có ai tình cờ ra khỏi cửa hay nhìn xuống từ ban-công tầng trên. Nó quỳ xuống một chút, cố nhìn xem có chút ánh sáng nào dưới các kệ cửa, nhưng tất cả đều tối om. Cuối cùng nó lấy hết can đảm băng ngang qua sảnh. Ngay khi đến cửa chính, tim nó đập thành thịch nhanh gấp hai lần tiếng tích tắc của đồng hồ.

Cánh cửa được cài then, nhưng nó nhấc then lên và đẩy nhẹ cửa. Sáng nay ai đó sẽ để ý là cửa không cài then nhưng hy vọng họ cho là có người khác đã mở cửa trước mình.

Cánh cửa gần khép lại khi Sherlock chợt nhớ đến lá thư nó cần phải để lại để giải thích lý do nó ra ngoài sớm. Nó tì hết sức nặng vào cửa đẩy nó mở lần nữa, rồi len trở lại vào trong để lá thư lên cái bàn nhỏ trong sảnh bên cạnh giá để mũ, nơi thư sáng và thư chiều thường được để ở đó chờ người đến nhận.

Không khí bên ngoài thật mát và trong lành so với không khí ngột ngạt trong nhà, đã thấy thấp thoáng ánh sáng trên các ngọn cây, nơi bóng đêm đã dần nhường chỗ cho màu xanh dương của bình minh. Sherlock chạy nhanh hết mức có thể khi băng qua con đường trải đá dăm, nghe thấy tiếng đá dăm kêu lạo xạo dưới chân trước khi chạm vào yên lặng khi chạy đến bãi cỏ.

Mất khoảng mười phút để đến bờ sông theo hướng Matty chỉ. Một vật dài màu đen nằm dọc trên con sông ánh bạc, nhấp nhô nhẹ

nhàng theo sóng nước. Nó trông lạ lùng như một túp lều dài thấp tè nằm bên trên một chiếc sà lan hẹp. Chỉ có duy nhất một khoảng trống ở phía dưới đuôi, nơi không có mái lều, có sàn thuyền đủ chỗ cho hai người đứng, một trong hai người giữ bánh lái. Một sợi dây thừng buộc vào mũi thuyền văng xuống mặt nước rồi ngóc lên nơi một con ngựa đang yên lặng nhai cỏ trên bờ. Không giống như con ngựa ô non đẹp tuyệt của Virginia Crowe, đây có vẻ là một sinh vật nặng nề với những cái chân mập và cái bờm rậm rạp. Nó tò mò liếc Sherlock một lát, rồi lại tiếp tục ăn.

Matty đang chờ ở đầu mũi thuyền hẹp, một mảng tối in trên nền trời lúc rạng đông, như một tượng người gắn ở mũi tàu hay ở đầu hồi các nhà thờ. Nó đang cầm một cái câu liêm – một cái sào dài bằng gỗ có một cái móc bằng kim loại ở một đầu.

“Đi thôi”, nó nói khi Sherlock trèo lên thuyền. “À nhân tiện, đó là Albert”. Nó tặc lưỡi. Con ngựa quay lại nhìn nó với vẻ luyến tiếc trên khuôn mặt dài, rồi bắt đầu bước dọc bờ sông. Sợi dây giữa nó và chiếc thuyền căng ra, rồi chiếc thuyền bắt đầu chuyển động khi Albert kéo nó đi. Matty dùng cái sào cắm thuyền đẩy chiếc thuyền hẹp ra xa khỏi bờ để nó không bị mắc vào đám sậy.

“Con ngựa có biết nó đang đi đâu không?” Sherlock hỏi.

“Biết nghĩa là gì? Nó đi dọc theo bờ sông kéo thuyền phía sau. Nếu gặp vật cản, nó sẽ ngừng lại và mình sẽ giải quyết vấn đề. Cậu ở phía sau và đặt tay lên bánh lái. Nếu chiếc thuyền bắt đầu trôi giạt ra phía ngoài sông thì cậu lái nó hướng về phía bờ. Có một cái mền trên boong, nếu cậu thấy lạnh. Đó là mền của con ngựa, nhưng nó sẽ giữ cho cậu ấm như một cái mền xịn”.

Chiếc thuyền hẹp trôi đi. Nước vỗ hai bên mạn thuyền theo một nhịp điệu đều đều ru nó ngủ lơ mơ gần như trong trạng thái thôi miên. Không có gì trên sông ngoại trừ sự xuất hiện hiếm hoi của vài con vịt hoặc ngỗng.

“Cậu có tìm được gì về người đàn ông bị chết không?”, sau một lúc Sherlock hỏi với lên. “Người đầu tiên. Gã ở trong nhà đó”.

“Anh ta là thợ may”, Matty hét lớn để trả lời. “Làm việc cho một công ty chuyên may quân phục ở Aldershot. Đơn hàng lớn, hình như vậy, vì thế công ty đang tuyển mọi người địa phương có khả năng cắt và ráp”.

“Làm thế nào cậu biết?”

Matty cười lớn. “Mình nói mình là con của ông ta, và mẹ mình muốn tìm xem ông ta có được chủ trả cho chút tiền nào không. Hình như anh ta còn vài tháng lương chưa lãnh nhưng người chủ nhà trọ đã nhắm để xiết tiền thuê phòng”.

“Thế công ty đó ở đâu?”

“Văn phòng chính ở gần chợ, nhưng họ có nhà kho ở ngay bên ngoài thị trấn nơi gã đó làm việc. Có thể đó là chỗ bị đốt trụi!”

Sherlock ngẫm nghĩ trong khi chiếc thuyền trôi theo lực kéo của con ngựa. Người đàn ông chết là thợ may, chuyên may quân phục. Căn nhà kho anh ta làm việc chất đầy thùng vuông, những cái thùng được bọn họ chất lên xe ngựa. Các thùng đựng quân phục? Dường như là vậy. Nhưng điều đó không giải thích được tại sao người đàn ông chết, hay nguyên nhân cái chết, và không giải thích được về cái chết của người đàn ông thứ hai, gã trong rừng.

Bầu trời ở hướng đông màu tím đậm như da mới bị bầm, và hàng cây dọc bờ sông hiện ra như những hình thù tối hơn nổi trên lớp phong tối. Một ngôi sao cô đơn đang chiếu lấp lánh gần đường chân trời. Phía trước, Sherlock nhìn thấy một vòm cong màu đen bằng ngang đường chúng đi: có lẽ là một cái cầu. Có thể đó là cây cầu mà chỉ một hay hai ngày trước nó và Matty đã ngồi ngắm cá bơi dưới sông.

Albert hí lên giống như có điều gì đó làm nó hoảng sợ. Sherlock nhìn chăm chăm lên bờ, cố gắng phân biệt hình dáng của con vật và bóng tối của bờ gấu chạy dọc theo bờ. Tiếng vó ngựa gõ trên đường đã thay đổi. Đối với Sherlock tiếng động này giống như con ngựa đang cố thoát ra khỏi một thứ gì đó đang ở quá gần nó.

Matty điềm tĩnh nói điều gì đó, giống như là một tiếng động để trấn an con ngựa hơn là những lời nói thật sự – nhưng Sherlock có thể nhận ra từ giọng nói là nó đang lo lắng. Chuyện gì đã xảy ra? Có phải một con chó hoang đang lớn vờn xung quanh làm cho con ngựa sợ, hay là con ngựa ngửi thấy mùi gì đó nó không thích?

Sherlock vừa muốn gọi Matty hỏi xem có vấn đề gì thì trên cầu có một cái gì đó di chuyển ngay phía trên cái bóng của đầu và vai Matty.

Sherlock dán mắt vào cái bóng đen đang băng qua sông trên đầu họ. Có một điều gì đó phá vỡ cái vòm cong êm ái của chiếc cầu: một cái bóng dị dạng ở vị trí hơi lệch khỏi điểm giữa cầu. Hai cái bóng dị dạng, khi một cái bóng thứ hai nhập hội cái bóng đầu tiên. Họ tụ lại với nhau vài giây, hai thân người cúi xuống chụm lại và rồi tách ra.

Cư dân ở Farnham, ra ngoài sớm vậy sao? Những kẻ câu trộm, có lẽ đúng hơn.

Suy luận của Sherlock sai ngay khi nó nhìn thấy ngọn lửa bùng lên từ que diêm trong giây lát soi sáng khuôn mặt ngăm đen mà nó nhận ra ở căn nhà kho.

Gã đó tên là Clem.

Ngọn lửa tạo thành luồng ánh sáng ấm áp trên chiếc cầu đá. Clem đang giơ cây đèn dầu lên cao chiếu ánh sáng của nó xuống chiếc thuyền hẹp đang dần tiến tới. Ngay khi thuyền của bọn nó vừa đến cầu, Sherlock có thể thấy một nụ cười độc ác nở trên môi hắn. Ánh sáng từ cây đèn làm rõ hình dáng Matty khi nó đứng ở mũi thuyền. Nó dường như muốn nói gì đó, nhưng Clem vung cây đèn lên cao qua đầu làm cho bóng hắn nhảy nhót khắp nơi, rồi ném cây đèn xuống đầu Matty.

Matty hụp đầu xuống, chiếc đèn nảy lên hai lần trước khi bể nát ở đuôi thuyền, dầu cháy bắn ra khắp nơi. Những tia lửa nhỏ bắt nhanh lên gỗ, liếm một cách đói khát lên lớp gỗ mặt. Sherlock nhìn quanh. Chúng đang ở trên sông, ôi trời, và nó nhận ra là nó không có cách nào để đưa nước lên những chỗ cần thiết!

Mắt nó dán lên tấm mền ngựa mà Matty đã chỉ cho nó, xếp thành đống trong góc của sàn gần bánh lái. Sherlock kéo cái mền lên, ném về trước lên đám lửa, tay vẫn giữ một góc để mền không tuột xuống nước. Khói bốc lên từ bên dưới mền nhưng lửa đã tắt. Sherlock kéo mền về hướng mình. Phần nửa đám cháy đã tắt nhờ cái mền dày nhưng những tàn lửa vẫn còn âm ỉ ở các khe gỗ trên thuyền.

Matty la lên khi một cái đèn dầu khác đụng vào cạnh thuyền gần đầu Sherlock rồi rớt xuống sông, chỗ đèn chìm nghe xèo một tiếng khi chiếc bắc đèn đụng vào nước. Sherlock xoay người nhúng cái mền xuống nước ở một bên thuyền, tay vẫn nắm chắc một góc mền. Trước khi cái mền thấm đẫm nước, nó kéo lên khỏi mặt nước và phủ lên mặt gỗ một lần nữa. Lúc này các tàn lửa kêu xèo khi bị cái mền ướt dập tắt.

Sherlock nhìn chăm chăm lên cầu khi chiếc thuyền hẹp đi qua dưới vòm cầu, lo là chiếc đèn thứ ba sẽ được ném xuống đầu nó nhưng sự tấn công không còn nữa. Thay vào đó Sherlock kinh hoàng khi thấy một bóng người nhảy xuống hướng vào nó. Clem vừa nhảy xuống. Hắn đụng nóc thuyền, làm gỗ gãy răng rắc dưới đôi ủng. Hắn rớt xuống phía sau sàn thuyền. Lồm cồm đứng dậy, răng nghiến chặt, mắt trắng dã, hắn tiến về phía Sherlock. Hạ tay phải xuống thắt lưng, hắn rút ra một con dao cong nhọn hoắt.

“Mày nghĩ mày có thể đột nhập nhà kho của tụi tao rồi trốn thoát được à?”, hắn gầm gừ. “Mày bị nhìn thấy chạy ra khỏi ngọn lửa như một con chuột nhắt”. Hắn vươn tay trái ra nắm tóc Sherlock. “Chuẩn bị đi chầu trời đi!”

Sherlock lùi dần vào trong góc sàn thuyền nhỏ xíu, nó cảm thấy một luồng gió nhẹ từ những ngón tay Clem sượt qua trước mắt nó. Gã đàn ông ở gần đến nỗi Sherlock ngửi thấy mùi mồ hôi hôi thối bốc lên từ bộ quần áo xù xì và nhìn thấy cặn bẩn bám dưới các móng tay sứt mẻ của hắn.

Clem chồm người tới và xoắn các ngón tay vào tóc Sherlock, kéo thẳng bé tới trước. Sherlock không thể la lên nổi vì cơn đau điếng

khi tóc nó gần như bị giật mạnh khỏi da đầu. Trong một khoảnh khắc, thật kỳ lạ, hình ảnh của Albert đang nhai cỏ ngoài bờ sông lại tràn ngập trong đầu nó.

Clem kéo Sherlock đến sát áo hần và nhìn chăm chăm vào mắt thằng bé. Sherlock cảm thấy bàn tay phải cầm dao của hần đang hướng lên cổ họng nó. Chỉ vài giây nữa là nó bị cắt cổ, và nó thậm chí không biết tại sao!

Một thứ gì đó đập mạnh vào lưng Clem. Mắt hần trợn lên vì choáng, và Sherlock cảm thấy bàn tay đang nắm chặt tóc nó buông lỏng. Nó bước ra sau một bước, đẩy Clem ra bằng cả hai tay. Gã đàn ông không chống lại, mà loạng choạng lùi lại trước khi đảo người một vòng, bước từng bước cực kỳ cẩn thận.

Matty đang đứng đằng sau Clem. Nó đang giơ cao thanh câu liêm trên hai tay. Trong một khoảnh khắc Sherlock hoàn toàn không thể lý giải điều gì đã xảy ra, và rồi, khi Clem quay hần người về phía Matty, Sherlock nhìn thấy một vết thương dài, sâu và đầm máu chạy dài từ đỉnh đầu đến cái cổ mập đầy cơ bắp. Da hần bị toạc ra và Sherlock có thể thấy xương trắng dưới đám máu. Matty đã đánh vào sau đầu hần rất mạnh bằng cái câu liêm.

Clem bước một bước đến Matty, rồi thêm một bước nữa. Hần giơ cánh tay đang cầm chặt con dao lên, nhưng dường như hần không biết nên làm gì với nó. Hần nhìn chăm chăm vào con dao một cách ngu ngốc, và rồi hần ngã người ngang qua, rơi khỏi chiếc thuyền hẹp xuống sông như một cái cây bị đốn ngã. Khi hần chạm vào mặt nước, nước bắn lên hầu như đến tận cây cầu. Trong một tích tắc, Sherlock có thể nhìn thấy mặt Clem khi hần chìm xuống

nước, cái vẻ không thể tin được trong cặp mắt điên dại của hắn, và rồi hắn dần biến vào trong bóng tối và cặn bùn ở đáy sông. Tay hắn là thứ cuối cùng biến mất, những ngón tay ve vấy như rong rêu trong dòng nước, và rồi chúng cũng biến mất.

CHƯƠNG 8

 Sherlock vẫn còn run rẩy khi mặt trời đã lên khỏi chân trời và treo lơ lửng như trái cây chín mùi trên bầu trời phía sau bóng đen của những hàng cây. Bên vai bị Clem bầu chặt đau xé lan xuống lưng nó. Nếu nhìn chắc chắn nó sẽ thấy những vết bầm trên đó - năm vết bầm hình bầu dục do năm ngón tay để lại.

Sau cuộc tấn công, khi Clem đã chìm xuống nước và gã đồng bọn tháo chạy, Matty và Sherlock chỉ nhìn sửng nhau một lúc, chúng vẫn còn sốc vì chuyện bạo lực xảy ra đột ngột và cái kết cũng đột ngột không kém.

“Hắn ta không cố cướp chiếc thuyền”, sau cùng Matty lẩm bẩm. “Hắn cố phá hủy nó. Trước đây cũng có những gã muốn cướp thuyền nhưng tại sao lại có người muốn đốt nó? Mình chưa bao giờ gặp chúng trước đây. Mình đã từng làm gì chúng sao?”

“Chúng muốn mình”, Sherlock miễn cưỡng nói. “Đó là một trong những gã ở nhà kho. Mình nghĩ hắn là tên đứng đầu - ít nhất là đứng đầu những gã ở đó. Gã Nam tước mà chúng nói đến mới thật sự là tên đầu sỏ. Hắn là hắn đã nhìn thấy mình rời khỏi nhà kho đang cháy và nhận ra là mình đã nghe lỏm mọi việc. Nhưng mình không biết làm sao chúng theo dấu chúng ta đến tận chiếc thuyền”. Nó lắc đầu không tin. “Chúng đang làm gì đến nỗi sẵn sàng giết chúng ta để bảo vệ bí mật? Việc gì quan trọng đến vậy?”

Matty nhìn Sherlock chăm chăm như thể nó bị phản bội, rồi nó đột ngột quay đi giật sợi dây thừng để khiến con ngựa đi tiếp.

Và giờ đây, khi mặt trời đang lên cao và vai Sherlock đang đau

như khi rằng bị sâu, bọn nó đang đi vào khu vực Guildford, và nó vẫn không tìm ra được điều nó muốn biết. Trong đầu nó chỉ toàn những câu hỏi, và cuộc tấn công đã bồi tiếp những câu hỏi mới.

Một bầy chó lôi thôi lếch thếch đi theo chúng dọc bờ sông, dõi theo với hy vọng sẽ được quăng cho vài thứ đồ ăn. Sherlock thoáng cười, về mặt này thì bọn chúng giống Matty. Nó liếc ra phía trước, nhìn gáy Matty, và nụ cười tắt dần trên mặt. Nó đã đặt chiếc thuyền của thằng nhỏ – ngôi nhà thực sự và duy nhất mà Matty sở hữu – vào tình thế nguy hiểm. Tệ hơn nữa là nó đưa *cuộc sống* của thằng nhỏ vào tình thế nguy hiểm. Và tất cả vì cái gì?

Bây giờ đã có người xuất hiện ở hai bên bờ sông. Vài người rõ ràng là đang trên đường vào hoặc ra khỏi thị trấn, họ sử dụng bờ sông như một tuyến đường thuận tiện, trong khi những người khác thì đang ngồi trên những cái thùng và vẩy mấy cái cần câu tạm bợ xuống nước với hy vọng kiếm vài con cá cho bữa sáng. Trên trời phía trước chúng có khói bốc lên, vì cư dân Guildford đang bắt đầu nấu nướng cho ngày hôm đó. Nhà cửa bắt đầu xuất hiện dọc hai bờ: những căn lán tạm bợ được dựng từ những thanh gỗ đóng chằng đóng chéo và những nhà khá giả hơn xây bằng gạch. Những phiến đá lát đường bắt đầu xuất hiện, ban đầu chỉ rời rạc nhưng dần dần hình thành cả một con đường lát nhiều loại đá chạy dọc bờ nước.

Một lúc sau, khi bọn nó bắt đầu tiến dần đến một cụm các ngôi nhà trông giống như nhà kho tụ thành một đám trên bờ sông, Matty bắt đầu kéo dây thùng. Con ngựa đi chậm lại, và chiếc thuyền nhẹ nhàng đi men vào trong bờ. Matty chọn thời điểm rất

khéo: cuối cùng chiếc thuyền dừng lại ngay cạnh một vòng sắt lớn được gắn vào một trong những tảng đá. Sherlock nghĩ Matty sẽ quấn dây thừng quanh cái vòng sắt, nhưng Matty lại đi đến mũi thuyền và kéo ra một sợi dây xích có vẻ như được gắn vào một lỗ đục âm vào gỗ. Nó ném sợi dây xích lên bờ rồi nhảy lên theo. Quấn dây xích xung quanh cái vòng sắt xong, nó lấy từ trong túi áo ra một ổ khóa lớn đã cũ và móc nó qua vài mắt xích.

“Không thể tin bất kỳ ai quanh đây”, nó lau bầu mà vẫn không nhìn Sherlock. “Họ có thể cắt dây thừng, nhưng một sợi dây xích và khóa móc sẽ làm họ mất nhiều thời gian. Mình tính là còn nhiều thời gian hơn cả giá trị của chiếc thuyền”.

“Còn con ngựa thì sao?” Sherlock hỏi.

“Nếu nó tìm thấy ai đối xử với nó tốt hơn mình thì cứ đi”, Matty nói. Nó bước một bước lên cỏ, rồi quay lại nhìn Sherlock. Biểu hiện của nó không hẳn là hối hận, nhưng ít ra bây giờ nó đã chịu nhìn vào mắt Sherlock. “Nó già quá rồi, lại khập khiễng nữa nên không kéo cày hay kéo xe nổi”, nó giải thích. “Kéo thuyền là hết mức của nó rồi và ngay cả thế nó vẫn chậm. Nó không đáng để trộm”.

“Mình xin lỗi vì chuyện đã xảy ra”, Sherlock nói, ngượng ngịu.

“Không phải lỗi của cậu”, Matty nói, đưa tay áo lên chùi miệng. “Cậu bị rơi vào một chuyện và nó bám chặt lấy cậu. Mình cũng bị vướng vào. Tốt nhất là chúng ta cố thoát ra càng nhanh càng tốt, rồi tiếp tục việc của mình”. Nó nhìn quanh. “Đây là bến tàu Dapdune”, nó nói. “Nếu chúng ta bị lạc nhau, có thể lắm, thì nhớ là gặp lại nhau ở đây. Mình sẽ không đi nếu không có cậu”. Nó nhìn

Sherlock một cách nghiêm trọng. “Và mình khá chắc là cậu sẽ không thể đi mà không có mình. Bây giờ thì tên của cái lão mà cậu muốn tìm là gì?”

“Giáo sư Winchcombe”, Sherlock nói.

“Vậy thì chúng ta hãy đi tìm ông ta. Trên đường đi, có lẽ chúng ta cần tìm cái gì đó ăn sáng”.

Hai đứa cùng nhau đi khỏi con sông, dọc theo một con đường mòn hứa hẹn dẫn chúng đến một con đường khác lớn hơn. Chúng đi bộ khoảng một tiếng, hỏi thăm vài khách qua đường thì mới phát hiện ra là nhà của Giáo sư Winchcombe ở đường Chaelis, con đường này cắt với Đại lộ. Sau đó chúng mất thêm nửa tiếng để tìm ra Đại lộ, con đường này dẫn lên dốc từ con sông và dọc theo nó có những cửa hàng hai và ba tầng được xây dựng với những xà nhà gỗ đen và tường trát vữa trắng. Bảng hiệu treo bên ngoài: những tấm bảng gỗ vẽ hình cá, bánh mì, rau và đủ loại hàng hóa khác. Những người đi dọc đường và nhìn ngắm hàng hóa trong các cửa sổ bày hàng phần lớn ăn mặc đẹp hơn dân Farnham. Quần áo của họ may bằng loại vải tốt, viền đăng ten và ruy-băng, nhiều màu sắc và sạch hơn là Sherlock từng thấy ở Farnham.

Vài quầy hàng bán trái cây và thịt đông nằm ở cuối Đại lộ, dọc theo một bức tường cao đến thắt lưng ngăn cách thị trấn và con sông. Matty chuẩn bị bò dọc theo bức tường, sau lưng các chủ quầy hàng để tìm kiếm thức ăn rơi khỏi quầy, nhưng Sherlock đã đi tới và dùng một ít tiền trong mớ tiền đã teo tóp mà Mycroft đã gửi cho nó để mua cho cả hai một ít đồ ăn sáng. Matty nhìn nó một cách nghi ngờ: Sherlock có cảm giác là Matty nghĩ rằng thức ăn vì

một lý do nào đó sẽ ngon hơn nếu không phải trả tiền. Theo Sherlock biết thì thức ăn sẽ ngon hơn nếu không lẫn trong cát bụi hay nếu bạn không phải giành ăn với một con chó.

Đường Chaelis nằm ở nửa trên của Đại lộ, và cả hai đứa một hết thở khi đến được đầu đường. Con đường ngoặt gấp che khuất tầm mắt và Sherlock bước dọc con đường, nhưng nó ngừng lại khi nhận ra Matty không đi theo. Nó quay lại nhìn thẳng bé dò hỏi.

“Có chuyện gì vậy?”

Matty lắc đầu. “Đây không phải chỗ của mình”. Nó nói, mắt nhìn những căn nhà cao và những vườn cây được chăm sóc cẩn thận nằm dọc đường. “Cậu đi tiếp đi. Mình sẽ chờ ở đây”. Nó nhìn quanh. “Dù sao chẳng nữa, một nơi nào đó quanh đây”.

Sherlock gật đầu. Matty nói đúng – vẻ bề ngoài mà bà Eglantine mô tả là “một thằng bụi đời” có thể sẽ gây rắc rối cho chúng. Phủi bụi trên quần áo hết mức có thể, nó đi tiếp.

Căn nhà nó tìm nằm ngay khúc quanh. Nó đẩy cổng và tiến tới cửa chính nằm dưới mái đón kiểu Hy Lạp. Một cái biển bằng đồng được bắt ốc vào một trong các cột, trên đó khắc: “Giáo sư Arthur Albery Winchcombe. Giảng viên về bệnh nhiệt đới”.

Trước khi nổi lo sợ lẫn át, Sherlock kéo chuông.

Một người đàn ông trong bộ com-lê đen đơn giản và áo gi-lê xám ra mở cửa. Ông ta nhìn xuống Sherlock qua cặp kính nhỏ chỉ vừa đủ che mắt.

“Giáo sư Winchcombe có nhà không ạ?” Sherlock hỏi.

Người đàn ông – mà Sherlock nghĩ là quản gia – yên lặng một

lúc. “Tôi có thể thông báo là ai đến?” Cuối cùng ông ta hỏi.

Sherlock mở miệng, sắp tự giới thiệu mình, rồi lại ngần ngừ. Có lẽ tốt hơn là nó nên nhắc tên một người khác – người mà giáo sư có thể từng nghe nói đến. Có lẽ là Mycroft? Hay Amyus Crowe? Xưng danh ai là tốt nhất?

Cuối cùng nó chọn đại. “Xin vui lòng thông báo với giáo sư là học trò của ông Amyus Crowe mong được tham vấn”. Nó nói.

Người quản gia gật đầu. “Cậu có thể vui lòng chờ ở phòng đợi không?” ông ta hỏi, tay giữ cánh cửa mở. Cư xử với Sherlock như thể nó là quý tộc, chứ không phải là một thằng bé bồi rồi, ăn mặc nhếch nhác, ông ta ra hiệu về hướng một cánh cửa bên kia sảnh.

Căn phòng được bao phủ bằng loại giấy dán tường có hình những thân cây cao và mảnh mà Sherlock không nhận ra loại cây gì, trông như một loài cỏ khổng lồ. Những cái cây này dường như có các vòng bao quanh thân, cách khoảng đều nhau từ dưới lên trên. Nó mê mẩn mấy cái cây này và vẫn còn đang nhìn chúng thì cửa phòng mở ra và một người đàn ông bước vào. Ông ta nhỏ con – nhỏ hơn Sherlock – và bụng phình ra như thể có độn một cái gối bên dưới áo vét. Ông ta đội một cái mũ nhỏ màu đỏ ngọ nghĩnh không có cả vành lẫn lưỡi trai: trông giống như một cái tháp mập, lùn làm bằng vải lụa đỏ.

“Cây tre”, ông ta nói.

“Xin lỗi?”

“Những cái cây trên giấy dán tường. Cây tre. Nó là loại cây rừng thường xanh lâu năm thuộc họ thân cỏ. Tôi đã ở Trung Quốc nhiều năm khi còn trẻ và trở nên rất quen thuộc với nó. Cậu biết đấy, tre

là loại cây rừng tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Ở những điều kiện nhất định, những cây to có thể cao lên hơn sáu mươi phân mỗi ngày. À nhân tiện, giấy dán tường này là của Trung Quốc. Giấy gạo”.

Sherlock có vẻ không chắc là nó hiểu đúng. “Giấy làm từ gạo?”

“Một hiểu lầm thông thường”, Giáo sư đáp lại. “Thực ra, giấy gạo là loại làm từ phần lõi xốp của một loài cây nhỏ, *Tetrapanax papyrifer*”. Ông ta hất đầu sang một bên. “Cậu nói cậu là học trò của Amyus Crowe?”, ông ta hỏi. Cặp mắt ông ta, đằng sau cặp kính, sáng và trông như mắt chim, sinh động đầy sự tò mò.

“Dạ đúng, thưa ngài”, Sherlock nhắc lại, có cảm giác lạ lùng như thể nó đã trở lại Trường Deepdene”.

Tôi vừa nhận được thư của ông Crowe sáng nay. Rất lạ. Quả thực rất lạ. Có phải đó là lý do cậu đến đây?”

“Có phải thư viết về hai người bị chết?” Giáo sư gật đầu. “Đúng là như vậy”.

“Đó là lý do cháu đến đây. Cháu nghe thầy Crowe nói Giáo sư là chuyên gia bệnh học”.

“Tôi chuyên về bệnh nhiệt đới, nhưng cũng đúng, chuyên môn của tôi bao gồm hầu hết những bệnh truyền nhiễm trầm trọng, từ bệnh sốt Tapanuli và Black Formosa Corruption đến bệnh dịch tả và bệnh thương hàn. Tôi nghĩ hai gã đó chết vì một chứng bệnh lạ”.

“Cháu không chắc”. Sherlock lục trong túi áo khoác và lấy ra cái bì thư mà trước đây đựng bức thư của Mycroft, giờ đang chứa mẩu bột màu vàng. “Cháu đã thu thập mẩu này ở gần chỗ của một cái xác, nhưng cháu biết nó có mặt ở cả hai xác chết”, nó nói vội

vàng. “Cháu không biết đó là chất gì, nhưng cháu nghĩ nó có liên quan đến những cái chết. Nó có thể là chất độc”.

Giáo sư đưa tay ra cầm cái phong bì. “Trong trường hợp đó, tôi sẽ cẩn thận với thứ này”. Ông nói.

“Ông tin cháu à?” Sherlock hỏi.

“Cháu đã đi một quãng đường xa đến gặp tôi, vì vậy tôi cho là cháu nghiêm túc. Ít nhất tôi có thể coi trọng việc này như cháu. Ngoài ra, tôi biết Amyus Crowe và tôi tin ông ta là một người chính trực. Tôi không thể tin là ông ấy lại nhận một học trò ham mê những trò đùa bỡn”. Ông mỉm cười, đột ngột mặt ông trở nên hiền hậu. “Giờ chúng ta hãy đi xem cái mẫu mà cháu mang đến cho ta”.

Ông ta dẫn Sherlock ngang qua sảnh và vào một phòng khác. Căn phòng này đầy sách, và có một cái bàn lớn đặt cạnh cửa sổ nơi có ánh sáng tốt nhất. Trên bàn là một chiếc kính hiển vi đặt trên tờ giấy thấm màu xanh lá cây, giữa những giấy tờ và báo chí rải rác và ngọn nến đang cháy.

Giáo sư Winchcombe ngồi trên chiếc ghế tựa bọc da sau bàn giấy và ra hiệu cho Sherlock kéo cái ghế khác đến bên cạnh ông. Ông lấy một tờ giấy da dê từ ngăn kéo và đặt nó lên trên tờ giấy thấm cạnh kính hiển vi, rồi cẩn thận rọc nắp bì thư bằng dao rọc giấy và đổ những thứ bên trong lên miếng giấy da. Trong chốc lát, ông ta đã có một nhúm bột vàng trước mặt. Dùng mũi dao rọc giấy, ông lấy một ít hạt bột và để lên tấm kính đựng mẫu đã được kẹp sẵn vào bàn soi kính hiển vi – một cái đĩa phẳng bên dưới các vật kính. Ông điều chỉnh một tấm gương bên dưới bàn soi, nghiêng nó để nó phản chiếu ánh sáng từ nền lên qua một lỗ trên bàn soi và

qua tấm kính đựng mẫu để đến các thấu kính. Trong khi Sherlock quan sát, cố gắng không thở quá mạnh để không làm bay các hạt mẫu, Giáo sư nhìn qua kính hiển vi, vặn núm chỉnh hội tụ và sau đó là các núm tinh chỉnh để nhìn rõ các hạt.

“A”, ông nói, và rồi, “Ừm”. Ông tháo cái mũ đỏ ra, gỡ đầu, và đội lại cái mũ vào đúng chỗ cũ.

“Nó là cái gì vậy?” Sherlock thì thầm.

“Phấn ong”, Giáo sư nói. “Hoàn toàn không sai”.

“*Phấn ong?*” Sherlock lặp lại, không chắc mình có nghe lầm hay không.

“Đã bao giờ cậu học về loài ong chưa?” Giáo sư hỏi, lưng dựa vào ghế. “Một sinh vật hấp dẫn. Tôi đề nghị cậu nên nghiên cứu về chúng một cách nghiêm túc”. Ông tháo kính và lấy tay xoa mắt. “Bọn ong thu phấn hoa và mang về tổ của chúng”.

“Phấn hoa là cái gì?” Sherlock hỏi, nó có cảm giác thất vọng một cách kỳ lạ. “Cháu có nghe từ này trước đây, nhưng cháu chưa bao giờ hiểu rõ nghĩa của nó”.

“Phấn ong”, Giáo sư nói, “là một loại bột bao gồm microgametophytes, tạo ra giao tử đực, hay tế bào sinh sản, của cây trồng. Phấn hoa được nhị hoa, hay cơ quan sinh sản đực của hoa tạo ra và được gió hay do côn trùng đưa đến nhụy hoa, hay cơ quan sinh sản cái, của một bông hoa khác cùng giống. Ở đó chúng thụ tinh để sinh ra hạt”. Ông xem xét cặp kính của mình, đoạn đeo nó lại lên mũi. Sherlock cố gắng sắp xếp những gì giáo sư nói với nó, nhưng nhận ra rằng ông lại nói tiếp. “Trong trường hợp loài ong, chúng hút phấn từ các bông hoa và mang về tổ trong những

viên giống như trái banh ở chân sau. Tất nhiên cái lợi cho cây trồng là trong khi ong bay từ hoa này sang hoa khác, nó làm rớt phần hoa lấy từ nhị của một bông hoa sang nhụy của một hoa khác, nhờ vậy trợ giúp cho việc sinh sản của cây. Bây giờ, trên những chân sau của ong có những cái lông rất nhỏ, những cái lông này như những cái túi ở đó các con ong cuộn các hạt bụi phần lại, trộn chúng với mật hoa tạo thành viên. Và đó là cái chúng ta gọi là “phấn hoa”.

“Và nó an toàn?”

“Cho hầu hết mọi người, đúng thế, mặc dù có vài người không may có cơ thể dị ứng với nó”. Giáo sư dựa ra sau và ngẫm nghĩ một hồi. “Không biết đó có phải là những mụn mủ bị sưng lên như trong thư mô tả của ông Crowe không? Hừmm, tôi nghi ngờ điều đó. Dị ứng với phấn hoa thường giống như phát ban hơn là các mụn mủ, và tìm được hai người đàn ông ngẫu nhiên nhạy cảm với phấn hoa là không thể”. Bất thành linh giáo sư đấm mạnh tay xuống bàn. Sherlock nháy dựng lên. “Tất nhiên rồi! Tôi đã bỏ qua một đáp án hiển nhiên!”

“Hiển nhiên?” não của Sherlock chạy hết tốc độ. Cách giải thích hiển nhiên cho những vết như mụn mủ khi có sự tham gia của ong là gì? Và rồi một nhận thức rõ ràng chọt bùng lên trong nó như một tia chớp. “Các vết chích!” nó la lên.

“Giỏi lắm, cậu bé. Đúng là vết ong chích. Rất độc. Hầu hết ong ở nước mình, ít nhất là thế, có những vết chích gây đau nhức và tạo nên những đốm hơi sưng, nhưng không có loại nào giống như những mụn mủ mà ông Crowe mô tả”. Giáo sư liếc nhìn Sherlock.

“Cậu cũng nhìn thấy chúng. Những vết đó lớn không?”

Sherlock giơ bàn tay phải lên. “Cỡ bằng đầu ngón tay cái của cháu”. Nó trả lời.

“Nó cho thấy đó là một loại ong có nọc độc rất mạnh, có lẽ đây là một loại rất hung dữ”.

“Sao Giáo sư biết nhiều về loài ong thế?” Sherlock hỏi.

Giáo sư mỉm cười. “Tôi đã kể là tôi sống nhiều năm ở Trung Quốc. Người Trung Quốc nuôi ong đã vài ngàn năm, và tôi thấy họ đánh giá rất cao mật ong vì những lợi ích của nó trong việc trị bệnh. Theo những y văn trong cuốn sách y nổi tiếng *Bản thảo Cương mục* hay *The Compendium of Materia Medica* , được viết bởi một người đàn ông tên là Li Shizhen (Lý Thời Trân) cách đây ba trăm năm, mật ong có khả năng làm tâm trạng nhẹ nhàng, làm giảm cơn đau, loại bỏ chất độc, làm giảm sự khó chịu, làm sáng mắt và kéo dài tuổi thọ”. Giáo sư nhìn ra phía bức tường, và Sherlock có cảm tưởng ông nhớ hết những chuyện đã xảy ra nhiều năm trước. “Ở Vương quốc Anh, chúng ta đã quen với những loài ong châu Âu khá hiền, *Apis mellifera* . Loại ong núi của châu Á, *Apis dorsata*, hung dữ hơn rất nhiều và có vết chích rất đau, tuy vậy người Trung Quốc vẫn nuôi để lấy mật từ tổ của chúng. Không giống như tổ ong của chúng ta, có hình dạng như quả chuông, người Trung Quốc sử dụng những khúc gỗ rỗng ruột hay những cái giỏ đan hình trụ để nuôi ong. Thỉnh thoảng cậu có thể thấy những người nông dân Trung Quốc mang tổ ong đi vào trong núi, hai tổ một lúc, treo lủng lẳng trên hai đầu một thanh tre mà họ gánh trên vai, trong khi những con ong bu xung quanh họ như một

một đám mây khói”.

Đám mây khói. Những từ này như một cú đấm mạnh vào giữa hai mắt Sherlock.

“Đó là hình dạng của nó”, nó thì thào.

“Cái gì?”

“Cháu đã trông thấy một cái bóng chuyển động ra khỏi một trong những cái xác, và bạn cháu cũng trông thấy thứ tương tự di chuyển ra khỏi cửa sổ nơi một cái xác khác được tìm thấy. Nó hẳn phải là ong”.

Giáo sư gật đầu. “Hẳn là chúng phải rất nhỏ nên cậu mới lầm chúng với một cái bóng, và có thể là chúng màu đậm, có phần nào đó đậm hơn màu vàng nhạt và màu đen của loài ong nghệ của chúng ta. Tôi nghĩ đến một loại ong châu Phi nhỏ và gần như đen, bọn chúng cũng rất hung hăng”.

“Giáo sư có thể giúp cháu một việc không?” Sherlock hỏi. “Tất nhiên”.

“Giáo sư có thể viết một lá thư cho Amyus Crowe, nói với ông ấy điều mà ông nghĩ gây nên cái chết của hai người đàn ông? Cháu sẽ về Farnham và đưa thư cho ông ấy”. Nó tránh nhìn thẳng vào giáo sư, cảm thấy mặt mình đỏ bừng. “Cháu nghĩ là cháu sẽ gặp rắc rối với chú thím cháu khi cháu trở về, và có thể lá thư sẽ giúp cháu khỏi bị phạt”.

Giáo sư gật đầu. Ông đổ bột màu vàng – bột vô hại, Sherlock phải tự nhắc mình – từ tờ giấy da dê lên tờ giấy thấm. Vươn tay lấy hộp mực ở cạnh bàn, ông rút cây viết lông ngỗng và bắt đầu viết trên tờ giấy da dê. Chữ viết ông khẳng khiu nhưng Sherlock có thể

nhận ra được mặt chữ.

<Ông Crowe thân mến,

Tôi rất vui được biết cậu học trò của ông->

“Tên cậu là gì cậu bé?”, ông quay về Sherlock, hỏi.

“Holmes, thưa giáo sư. Sherlock Holmes”.

<Cậu Sherlock Holmes - cậu ấy đã đưa cho tôi mẫu bột màu vàng mà cậu ấy tìm thấy gần thi thể những người không may mà ông đã mô tả cho tôi trong lá thư tôi nhận được sáng nay. Khi xem xét đám bột tôi nhận ra nó đơn giản là phấn hoa, và vì vậy tôi cho rằng hai người kia chết không phải vì bệnh dịch hạch hay là những bệnh nặng khác mà do bị ong chích. Nếu ông yêu cầu bác sĩ địa phương kiểm tra những mụn “mủ”, tôi đề nghị ông ấy nên tìm những ngòi ong gắn trong mỗi mụn, hay ít nhất là những dấu vết để lại khi bị chích như vậy. Tôi xin khen ngợi cậu trai trẻ đã mang mẫu bột đến cho tôi. Nếu cậu ta không làm vậy, những lời đồn đại về bệnh sốt gây chết người lan tràn ở miền quê sẽ gây nên sự hoảng loạn lớn.

Tôi mong được gặp lại ông nếu ông rảnh.

Kính thư,

Ông (Giáo sư) Arthur Winchcombe.>

Gấp thư lại, ông ta bỏ nó vào trong chiếc phong bì lấy từ ngăn kéo, dán thư bằng một viên sáp tròn từ cây đèn cầy ông dùng để chiếu sáng kính hiển vi, và đưa cho Sherlock.

**“Tôi tin là cái này sẽ giúp cậu không bị phạt quá nặng”, ông nói.
“Hãy chuyển sự kính trọng của tôi đến gia sư của cậu”.**

“Cháu sẽ chuyển lời”. Sherlock ngừng lại một lát rồi nói tiếp: “Cảm ơn Giáo sư”.

Giáo sư Winchcome rung chiếc chuông nhỏ trên bàn, cạnh kính hiển vi. “Quản gia của tôi sẽ đưa cậu ra. Nếu cậu muốn tìm hiểu nhiều hơn về các căn bệnh nhiệt đới, về việc nuôi ong, hay về Trung Quốc thì cứ đến gặp tôi”.

Ra tới bên ngoài, Sherlock ngạc nhiên khi thấy mặt trời không thay đổi vị trí nhiều, chỉ hơn vài độ trên bầu trời. Nó có cảm giác đã ở trong nhà Giáo sư Winchcombe hàng giờ đồng hồ.

Matty đang ngồi trên tường rào. Nó đang ăn gì đó trong một cái cốc giấy. “Đã xong việc chưa?” nó hỏi.

Sherlock gật đầu. Nó ra hiệu về hướng cái cốc giấy. “Cậu có gì trong đó vậy?”

“Sò và ốc hút”, thằng bé trả lời. Nó đưa miệng cốc về hướng Sherlock. “Muốn ăn không?”

Bên trong cốc, Sherlock thấy một mớ sò. “Chín chưa?” nó hỏi.

“Luộc rồi”, Matty trả lời ngắn gọn. “Mình thấy một quầy bán cá. Có lẽ cá được đưa từ Portsmouth về đêm qua. Mình phụ người bán một chút, sắp xếp các thùng, bỏ thêm đá và đem thêm cá. Anh ta cho mình một cốc này để trả công”. Nó lấy một con sò trong cốc ra. Để cốc trên bờ tường, nó lấy một con dao xếp trong túi và lấy mũi dao nạy vỏ sò, đâm vào thứ ở bên trong. Sau vài giây nó kéo ra một thứ gì đó đen và dai, rồi thả vào trong miệng. “Thật là ngon”, nó cười rạng rỡ. “Mấy thứ này không có thường xuyên, trừ khi cậu sống gần biển. Một món ăn ngon”.

“Mình nghĩ mình sẽ không ăn”, Sherlock nói. “Chúng ta hãy về nhà đi”.

Lần này bọn chúng đi xuôi Đại lộ đến sông, rồi đi dọc theo bờ sông cho đến khi nhìn thấy chiếc thuyền hẹp. Đúng như dự đoán của Matty, cả thuyền và ngựa đều vẫn còn đó. Sherlock thắc mắc không biết chúng sẽ làm sao để quay mũi thuyền, nhưng Matty dẫn ngựa đi dọc theo bờ hướng về thị trấn cho đến khi chúng gặp một cây cầu, rồi dẫn ngựa đi băng qua cầu để sang bờ bên kia, kéo mũi thuyền quay ngược lại trong khi Sherlock dùng cây câu liềm để ngăn không cho thuyền đụng bờ. Và rồi khi thuyền chậm chậm trôi trong chuyến về, lần này Sherlock đứng ở mũi để điều khiển ngựa tiếp tục đi, còn Matty ở phía sau điều khiển bánh lái.

Hai đứa nói chuyện khi con thuyền chậm chạp xuôi dòng. Sherlock kể cho Matty nghe về Giáo sư Winchcombe và giải thích của ông về ong và các vết chích. Lúc đầu Matty còn nghi ngờ, nhưng dần dần Sherlock thuyết phục nó là không cần cách giải thích siêu nhiên nào cho chuyện đám mây chết. Matty dường như bị giằng xé giữa sự nhẹ nhõm vì bệnh dịch chưa đến Farnham và sự bức bối vì lời giải thích quá tầm thường. Sherlock không nói gì, nhưng trên đường đi nó ngày càng trở nên chắc chắn là chúng vừa gỡ bỏ một bí mật và làm lộ ra một bí mật khác. Tại sao ong chích hai người đàn ông ở hai nơi khác nhau nhưng không có ai khác bị chích? Tại sao lại có ong châu Phi ở nước Anh trong vụ đầu tiên? Có liên hệ gì giữa ong và nhà kho, những cái thùng được chất lên xe ngựa bởi những gã giang hồ và tên Nam tước bí ẩn?

Một lúc sau, Sherlock nhận ra là có một con ngựa khác đang đi

cùng với ngựa của chúng trên bờ sông. Đó là con ngựa ô đen bóng với một mảng nâu trên cổ, và Virginia Crowe đang cưỡi nó. Cô bé vẫn mặc chiếc quần cưỡi ngựa ống túm và áo cánh, với một chiếc áo khoác bên ngoài.

“Chào cậu!” Sherlock gọi. Cô bé vẫy tay đáp lại.

“Matty, đây là Virginia”, nó gọi vọng ra sau. “Virginia, đây là Matty Arnatt. Matty”.

Matty gật đầu với Virginia, và cô gật đầu lại, nhưng cả hai không nói gì.

Sherlock đứng, cẩn thận giữ thăng bằng trên mũi thuyền một lúc, cảm thấy nó trôi thành bên dưới, rồi nhảy lên bờ. Sherlock cầm vòng dây thừng buộc quanh cổ ngựa hướng nó về phía trước, rồi đi bộ bên cạnh Virginia và con ngựa của cô bé.

“Đây là Albert”, cuối cùng nó nói.

“Đây là Sandia”, Virginia đáp lại. “Cậu biết đấy, cậu thật sự nên học cưỡi ngựa”.

Sherlock lắc đầu. “Chưa bao giờ có cơ hội”.

“Đơn giản thôi, nhưng đám con trai mấy người luôn làm ầm ĩ là cưỡi ngựa khó. Dùng đầu gối để điều khiển, đừng dùng dây cương. Dây cương chỉ dùng để làm cho con ngựa chậm dần”.

Sherlock không nghĩ ra câu trả lời thích hợp để đáp lại.

Bọn nó tiếp tục đi bộ trong im lặng lúng túng một lúc.

“Cậu đã ở đâu?” cuối cùng Virginia hỏi.

“Guildford. Mình muốn gặp một người”. Sực nhớ, nó thò tay vào túi áo khoác lấy ra lá thư mà Giáo sư Winchcombe đã viết. Mình

cần đưa cái này cho cha cậu. Cậu có biết ông đang ở đâu không?”

“Cha mình vẫn đang tìm cậu. Theo lịch hôm nay cậu có một buổi học”.

Sherlock liếc cô bé xem nó có nghiêm túc không, nhưng một nụ cười thoáng qua môi con bé. Cô bé nhìn xuống nó, và nó quay mặt đi.

“Đưa thư cho mình”, cô nói. “Mình sẽ đưa cho cha”.

Nó giờ lá thư lên cho cô bé, nhưng rút tay lại. “Lá thư này quan trọng”, nó ngập ngừng nói. “Về hai người đàn ông bị chết”.

“Vậy thì mình sẽ đưa ngay cho cha”. Cô bé lấy lá thư từ bàn tay đưa ra của nó. Các ngón tay của cô bé không chạm vào tay nó, nhưng nó cảm giác được sức nóng của chúng khi lướt qua tay nó. “Những người chết vì dịch hạch phải không?”

Mọi người đang nói vậy”.

“Không phải bệnh dịch. Là do ong chích. Đó là lý do tại sao mình đến Guildford – mình cần nói chuyện với chuyên gia bệnh học”. Nó nhận ra mình đang nói nhanh hơn, nhưng nó không thể dừng lại được. “Mình tìm thấy chất bột màu vàng gần hai xác chết. Mình muốn ai đó nói cho mình biết bột đó là gì, nên mình mang theo bột đến Guildford. Hóa ra đó là phấn hoa. Đó là lý do bọn mình khẳng định ong là thủ phạm”.

“Nhưng cậu không biết điều đó khi cậu tìm thấy thứ bột này”. Virginia chỉ ra.

“Không”.

“Hay là khi cậu thu thập chất bột và mang nó đến Guildford”.

“Tất cả những gì cậu biết là nó là thứ gì đó *gây ra* bệnh dịch. Một thứ dễ lây nhiễm”.

Sherlock cảm giác nó đang bị dồn vào góc. “Đúng”, nó nói, từ này khi ra khỏi miệng nó bị kéo dài thành âm giống như là “Đu-u-ú-ng”.

“Vậy là cậu mạo hiểm tính mạng của mình dựa trên việc cậu nghĩ là những người khác đã sai và cậu có thể *chứng minh* là họ sai”.

“Mình nghĩ thế”. Nó cảm thấy hơi ngượng. Cô bé đã đúng – việc đi đến tận cùng của bí ẩn đối với nó quan trọng hơn là an toàn của bản thân. Nó có thể sai – nó không biết nhiều về bệnh dịch hay cách bệnh lây lan. Chất bột vàng có thể là một thứ gì đó mà cơ thể người chết đã tạo ra do ảnh hưởng của bệnh, như là da nhiễm khuẩn bị khô – một thứ gì đó có thể chứa mầm bệnh và có thể lây. Nó đã quá bị cuốn hút vào việc giải câu đố đến nỗi không nghĩ gì tới việc đó.

Phần còn lại của quãng đường trở về Farnham trải qua trong yên lặng.

 on đã làm ta thất vọng, cậu bé”.

Sherrinford Holmes đang ngồi ở bàn làm việc đồ sộ bằng gỗ sồi trong phòng làm việc, Amyus Crowe đứng sau ông ở bên trái và bà Eglantine đứng bên phải, bộ đồ đen của bà tiếp màu với bóng tối phía sau đến nỗi chỉ thấy mặt và bàn tay bà ta. Vì bộ râu dài trắng xóa của chú Sherrinford và vì chất đồng trên bàn làm việc là nhiều loại sách Kinh thánh tiếng Do Thái, Hy Lạp, Latin, Anh nên Sherlock nghĩ nó như đang bị Chúa, với hai thiên thần báo thù đứng sau ngai vàng của Ngài, khiển trách, chỉ có một điều làm phá hỏng quang cảnh đó là chú Sherrinford đang mặc chiếc áo ngủ dài trên người.

Mặt Sherlock đỏ ửng vì xấu hổ và tức giận. Nó muốn cãi lại là nó đã hành động vì những lý do đúng đắn nhất, nhưng khi nhìn khuôn mặt chú, nó biết tranh cãi là vô ích. “Con rất tiếc, thưa chú”, nó nói sau một lúc lâu yên lặng trôi qua và nó nhận ra chú nó đang chờ một lời đáp. “Con sẽ không làm vậy lần nữa”.

“Cha con – anh của ta – giao cho ta trách nhiệm chăm sóc con, có nghĩa là ta sẽ dạy đạo đức cho con và ngăn con không dính vào bạn xấu hay làm những việc xấu. Ta xấu hổ khi nhận ra là ta đã thất bại trong cả hai việc đó”.

Một khoảng yên lặng kéo dài. Sherlock cảm thấy bị áp lực phải nói xin lỗi lần nữa, nhưng nó cảm thấy rằng xin lỗi lần nữa sẽ được xem như dấu hiệu cho thấy nó là đứa trơ tráo. “Con biết là con không nên đi một mình đến Guildford”, cuối cùng nó nói.

“Đó là lỗi nhẹ nhất trong các lỗi của con”, chú Sherrinford tuyên bố. “Sáng nay con bò ra khỏi nhà trước khi mặt trời mọc như một tên trộm”.

“Cậu ta còn chưa lên giường”, Bà Eglantine ngắt lời. “Cậu ta hẳn đã phải rời khỏi nhà trước nửa đêm”.

Sherlock cảm thấy vai nó run lên vì cố gắng kiềm chế cơn giận. Nó biết là bà ta đã nói dối – nó đã ngủ, trong vài giờ, và chỉ rời nhà trước bình minh – nhưng nó không thể cãi lại dù trái với mong ước cháy bỏng là nói lên sự thật. Nó biết bà ta cố làm cho nó lún sâu vào rắc rối, cãi lại bà ta được xem là thách thức, và sẽ bị trừng phạt đích đáng.

“Ta sẽ viết thư cho anh con”, Sherrinford nói tiếp, “kể với cậu ấy là sự tin tưởng ta đặt ở con đã bị phản bội. Và con sẽ không được phép rời khỏi nhà trong tuần tới”.

“Nếu tôi có thể”, Amyus Crowe kéo dài giọng từ phía sau Sherriford, “Tôi muốn nói một vài câu thay cho cậu bé”.

Ông ta thò tay vào trong chiếc áo vét trắng lóa lấy ra một phong thư. “Lá thư này cậu bé mang về từ vị giáo sư xuất sắc Winchcombe đã xóa tan nỗi sợ về sự bùng nổ bệnh dịch trong khu vực này. Mang mẫu phấn hoa đi xác định đã cho thấy ý chí mạnh mẽ, sự độc lập trong suy nghĩ và không tin trước khi kiểm chứng – tất cả những tính cách đó tôi nghĩ nên được khuyến khích, tôi cho là thế”.

“Vậy ông đang đề nghị là cậu bé này nên thoát khỏi sự trừng phạt, có phải không ông Crowe?” bà Eglantine hỏi bằng giọng nói ngọt như đường phèn.

“Không hề”, Crowe nói tiếp theo. “Tôi đề nghị rằng thay vì cấm cậu ta ra khỏi nhà hoàn toàn, ông nên quy định rằng cậu ta chỉ được phép ra khỏi nhà với tôi. Theo cách đó tôi có thể giữ được giao kết giữa tôi với anh cậu ta”.

Sherrinford Holmes cân nhắc một lúc, tay phải vuốt vuốt hàm râu. Rồi thì ông tuyên bố, “Rất tốt. Chúng ta sẽ thỏa hiệp. Con bị cấm ra khỏi nhà hôm nay và ngày tiếp theo. Sau đó thì con phải ở nhà cả ngày trừ thời gian học với ông Crowe. Khi ở nhà, con sẽ ở trong phòng mình trừ các bữa ăn”. Mồm ông mím chặt. “Mặc dù thế ta cho phép con lấy bất kỳ quyển sách nào con muốn trong thư viện của ta để giết thời gian. Hãy sử dụng nó khôn ngoan để làm cho mình tiến bộ, và thể hiện trong các hành động của con”.

“Dạ vâng, thưa chú”, Sherlock trả lời, cố gắng thốt nên lời. Sự căng thẳng đè nặng trên vai nó đã giảm phần nào.

“Cảm ơn chú”.

“Bây giờ thì đi đi và đừng xuất hiện trước bữa ăn tối”.

Sherlock xoay người rời khỏi phòng làm việc. Nó rất muốn tranh cãi, để chứng minh việc nó làm là *đúng*, nhưng nó đủ hiểu thế giới của người lớn để nhận ra là tranh cãi sẽ làm mọi việc xấu hơn. *Đúng* không quan trọng. Quan trọng là *tuân theo các quy tắc*.

Nó đi theo cầu thang rộng, trải thảm lên lầu một, rồi theo cầu thang gỗ hẹp hơn lên tầng áp mái, chỗ phòng nó. Nó nằm dài trên giường, nhìn lên trần nhà, để các suy nghĩ ngổn ngang trong đầu.

Ngày hôm đó và ngày kế tiếp trôi qua trong mơ hồ. Cơ thể Sherlock, mệt mỏi và đờ đẫn vì chuyến đi, đã nhân cơ hội để tự phục hồi bằng cách ngủ càng nhiều càng tốt, nhưng khi tỉnh dậy nó

nhận thấy những suy nghĩ của mình dao động không mục đích giống như những con thiêu thân quanh ngọn đèn cầy. Điều gì đang xảy ra? Kế hoạch của Nam tước Maupertuis chính xác là gì, và ai sẽ ngăn cản nó?

Nó dành thời gian cố gắng sắp xếp trong đầu một lá thư gửi cho anh mình, không phải vì nó mong Mycroft sẽ làm gì nhưng nó muốn kể cho ai đó nó tin tưởng về những việc đã xảy ra. Cuối cùng khi nó đã tìm được cách thể hiện những câu muốn nói, nó viết ra giấy.

<Mycroft thân,

Em mong là có thể nói với anh rằng em đang làm theo lời khuyên của anh, là đang tự quay cuồng trong mớ sách trong thư viện của chú Sherrinford và đang lang thang ở vùng đồng quê xung quanh, nhưng dường như em đã tự đưa mình vào rắc rối và em không biết làm gì tiếp theo. Tin tốt – nếu có – là em có hai người bạn. Một người tên là Mathew Arnatt, bạn ấy sống trên một con thuyền nhỏ trên kênh. Em nghĩ anh có lẽ sẽ thích cậu ấy. Người kia là Virginia Crowe. Bạn ấy là con gái góa Amyus Crowe. Ông ấy nói sẽ dạy em về tự nhiên và về việc khám phá thế giới xung quanh, nhưng em nghĩ điều mà ông ấy thực sự dạy em là cách suy nghĩ. Em ước là anh đã không nghĩ rằng cần tìm gia sư cho em trong các kỳ nghỉ, nhưng trong tất cả những gia sư anh có thể tìm thấy, em nghĩ ông Crowe là người giỏi nhất.

Có vài chuyện lạ xảy ra ở Farnharm, và em mong có thể nói chuyện với anh về chúng. Một xác người đầy mụn nhọt được tìm thấy trong thị trấn, và một xác khác được tìm thấy ở đây, trong

khu đất của Trang viên Holmes. Người trong thị trấn nghĩ đó là bệnh dịch, nhưng một giáo sư tên Winchcombe đã chứng minh rằng họ bị giết vì hàng trăm vết chích của ong. Em nghĩ đàn ong có liên quan đến một người tên là Nam tước Maupertuis, người sở hữu một nhà kho ở Farnham, nhưng em không biết liên quan như thế nào.

Cái nhà kho đã bị cháy, tất cả bằng chứng bị thiêu hủy. Em sẽ kể cho anh nghe mọi việc xảy ra thế nào khi gặp anh.

Tóm lại, cuộc sống ở đây thích thú hơn em tưởng – khi em có thể đi ra khỏi nhà. Em hiện đang bị cấm túc trong phòng vì đã đi đến Guildford gặp Giáo sư Winchcombe, nhưng đó là một câu chuyện khác em sẽ kể khi gặp anh.

Có tin gì mới về cha không? Cha vẫn trên đường đi Ấn Độ phải không, và anh có thông tin gì thêm là khi nào những vấn đề ở đó có thể chấm dứt không?

Cho em gửi lời thăm mẹ và chị. Anh mau đến thăm em nhé.

Em của anh, Sherlock>

Sau khi viết xong và thẩm mực lá thư, nó để lá thư ở trên bàn trong sảnh vào giờ ăn trưa, lá thư sẽ được một người hầu lấy và mang gửi ở bưu điện Farnham. Khi nó xuống lại để ăn tối, lá thư không có ở đó. Bà Eglantine đang đi ngang sảnh, khuôn mặt bà ta thấp thoáng trong bóng tối, và bà ta mỉm cười một cách không vui với nó. Bà ta có thấy lá thư không? Bà ta có *đọc* không? Thư có đến được bưu điện hay là bà ta đã hủy nó? Sherlock tự bảo rằng mình thật ngớ ngẩn – bà ta có lý do gì để làm những chuyện đó? – nhưng lời cảnh báo của Mycroft vẫn văng vẳng trong đầu nó. *Bà ta không*

phải người thân trong gia đình Holmes .

Nằm dài trong phòng, những suy nghĩ cứ chạy qua đầu. Tiếng cồng báo hiệu giờ ăn tối đã đánh thức nó khỏi giấc ngủ lơ mơ, và nó đi xuống đất. Bà Eglantine vừa rời phòng ăn. Bà nhìn nó, nhếch mép cười, rồi bỏ đi.

Sherlock không thấy đói. Nó nhìn cánh cửa một lúc, cố ép mình phải ăn gì đó để khỏe hơn, nhưng nó không làm được. Nó quay đi và đi về phía thư viện để xem có thể tìm được cuốn sách nào nói về ong hoặc việc nuôi ong không.

Bằng qua sảnh, nó để ý một lá thư nằm trên chiếc đĩa bạc trên chiếc bàn ở góc phòng. Lá thư đã ở có đó từ trước hay là nó đã không để ý? Trong một thoáng nó nghĩ đó là một lá thư khác của Mycroft, vì thế nó cầm lên. Tên nó ở trước, nhưng đó không phải là chữ viết của Mycroft. Chữ này tròn hơn. Nhìn... nữ tính hơn. Sao lại như vậy?

Sherlock nhìn quanh, không hoàn toàn tin rằng mình sẽ thấy bà Eglantine đang đứng trong bóng tối và quan sát, nhưng cả sảnh chẳng có ai ngoại trừ nó. Nó lấy lá thư, mở cửa trước và đứng trong ánh nắng chiều nhưng vẫn ở ngưỡng cửa nên không thể bị kết tội là ra khỏi nhà.

Có một tờ giấy bên trong. Màu tím. Trên đó, dưới tên và địa chỉ, thư viết:

<Sherlock,

Có một hội chợ tổ chức ở đồng cỏ phía dưới khu lâu đài. Gặp mình ở đó ngày mai lúc chín giờ sáng - nếu cậu dám!

Đến một mình.

Virginia>

Nó thấy choáng váng một lúc, và phải hít một hơi sâu. Virginia muốn gặp nó? Nhưng tại sao? Hai lần gặp nhau nó có cảm giác cô bé không thích nó đến mức đó. Bọn nó đâu có nói nhiều với nhau. Và nữa, bây giờ cô bé muốn gặp nó – một mình?

Nhưng nó không thể đi. Nó bị cấm ra khỏi nhà!

Suy nghĩ của nó chạy đua trong đầu, cố đặt ra một lý lẽ bào chữa để cho phép mình ra khỏi nhà vào sáng mai mà không bị rắc rối. Chắc chắn là nó phải đặt ra một lý lẽ logic để đối phó với sự kiểm tra nghiêm ngặt của chú Sherrinford. Virginia bảo nó gặp cô. Từ những gì ít ỏi nó biết về cô bé, nó có thể nói là cô bé độc lập hơn các cô gái Anh ở cùng tuổi. Cô có thể cưỡi ngựa – đúng kiểu, chứ không phải ngồi một bên – và cô hoàn toàn có khả năng ra ngoài một mình. Nhưng nếu cô bé là người Anh, cô không thể đến hội chợ nếu không đi cùng gia đình. Và nghĩa là nó có thể diễn giải lá thư là một lời mời đi gặp cô bé *và cha cô*, và nghĩa là nó có thể ra khỏi nhà mà không phạm vào qui định mà nó đã đồng ý với chú nó. Sherrinford không thể tin được là một đứa con gái có thể sắp xếp gặp một thằng con trai mà không có sự hiện diện của gia đình cô ta. Sherlock biết rõ hơn về điều đó, nhưng nếu gặp thách thức thì nó sẽ không tiết lộ.

Một ý nghĩ thoáng qua – sẽ ra sao nếu có ai đó ở Trang viên Holmes đến hội chợ? – nhưng một ý nghĩ thứ hai thuyết phục nó là cả chú, thím nó hay bà Eglantine đều ít có khả năng đến đó, và nếu bất kỳ người hầu, người nấu bếp hay công nhân nào đến đó, có lẽ

họ thậm chí không nhận ra nó.

Phần còn lại của buổi chiều và phần lớn buổi tối nó cứ lưỡng lự giữa đi và không đi. Sáng đó nó vẫn không chắc, nhưng khi xuống cầu thang để ăn sáng nó thấy mình nghĩ đến khuôn mặt của Virginia, và nó quyết định sẽ đi. Nó sẽ đi.

Nó kiểm tra giờ trên chiếc đồng hồ đứng. Hơn tám giờ một chút. Nếu nó đi ngay, bằng xe đạp, nó có thể đến đó đúng giờ. Nó biết chỗ tòa lâu đài – nằm trên đồi ở trên thị trấn – và nó đoán hội chợ nằm ở khoảng đồng cỏ phía dưới lâu đài một đoạn.

Nó có nên viết vài dòng để lại? Sau những chuyện gần đây, nó nghĩ đó là cách khôn ngoan, vì thế nó viết một giải thích ngắn sau bì thư là nó ra ngoài để gặp Amyus Crowe, và để trên cái đĩa bạc, rồi vừa đi vừa chạy đến chỗ để xe đạp, cúi rạp người xuống khi chạy qua các cửa sổ và giấu mình sau tường bất cứ lúc nào có thể.

Đầu nó quay cuồng với những suy nghĩ và viễn cảnh khi đạp xe. Nó thật sự chưa có một đứa bạn gái nào ra trò trước đây. Nó có chị, tất nhiên, nhưng chị lớn hơn nó, và ý thích của chị khác nó – vẽ, đan móc, chơi dương cầm. Và, cũng tất nhiên, bệnh của chị đã làm chị tách biệt và nằm liệt giường suốt phần lớn thời gian khi Sherlock còn nhỏ. Nó chưa bao giờ thật sự kết bạn với bất kỳ ai chung quanh nhà ba mẹ nó, nói gì đến con gái, và Trường Deepdene là trường nam sinh. Nó hoàn toàn không biết cư xử thế nào với Virginia, nói gì hay cư xử thế nào.

Đạp xe đến Farnham, nó chạy theo đường dẫn lên đồi, hướng về phía lâu đài mà nó có thể thấy là nằm phía trên thị trấn. Nó dần tới cho đến khi chân nó nóng bừng lên, rồi xuống xe và dắt bộ. Khi

đến được khu đất của lâu đài, nó đã mệt lử.

Bằng ngang qua bãi cỏ, dưới ánh nắng sáng, Sherlock có thể nhìn thấy một góc của cuộc sống thường ngày. Như là một bản sao nhỏ của thị trấn ở ngay trung tâm, hàng quán và các khu được rào quanh bằng dây thừng được dựng lên ở hai bên những lối đi phủ cỏ, rộng, nơi mọi người đi dạo và chỉ trở cảnh xung quanh. Một làn khói treo lơ lửng trên mọi thứ, mùi của thịt được nấu nướng, mùi phân súc vật và mùi người làm mũi của Sherlock khó chịu. Có khu vực dành riêng cho những diễn viên xiếc, cho các trận quyền Anh, đấu kiếm và chọi chó. Những người bán thuốc dạo đang bán những phương thuốc gia truyền chẳng ai biết được làm từ thứ gì, những người diễn trò nuốt lửa đang đút vào miệng những hòn than cháy rừng rực trên chiếc chĩa kim loại và những người dân địa phương đang nhả nhổ làm mặt xấu để giành chiếc mũ giải thưởng, chạy đua để giành một cái đầm ngủ và ăn ngón ngấu bánh pudding để giành tiền thưởng cho người ăn nhiều nhất.

Nó lia mắt qua đám đông, tìm kiếm mái tóc màu đồng để phân biệt của Virginia, nhưng có quá nhiều người đến mức nó không thể phân biệt ai với ai. Cô bé không nói rõ nơi hẹn, vì vậy nó chỉ có hai chọn lựa là chờ và hy vọng cô bé sẽ đến gặp nó hay là ngụp lặn trong đám đông để kiếm cô bé. Và nó chưa bao giờ kiên nhẫn trong việc chờ đợi.

Với một chút lo lắng, Sherlock để chiếc xe đạp dựa vào hàng rào bên cạnh bãi thả ngựa. Nó không chắc lắm là chiếc xe sẽ còn đó khi nó quay lại, nhưng sự chen chúc của đám đông làm nó biết sẽ khó mà tiếp tục dắt xe đi cùng.

Nơi đầu tiên nó đến khi băng qua bãi cỏ là một thùng lớn đầy nước. Mọi người bu xung quanh đó, cười và đùn đẩy nhau. Mặt nước trông như đang sôi làm Sherlock nghĩ có gì đó đang được nấu bên trong, nhưng không có lửa ở bên dưới. Một người trong đám đông, trẻ và mảnh khảnh với chiếc khăn tay lấm tấm buộc trên cổ đang cố tạo ấn tượng với một cô gái má đỏ mặc chiếc váy yếm trắng đứng bên cạnh. Anh ta đưa một đồng xu cho người chủ đứng bên cạnh cái thùng, tay nắm chặt hai thành thùng nước và bất ngờ hụp đầu vào nước.

Sherlock há hốc miệng, vẫn đang nửa tin nửa ngờ là nước đang sôi, nhưng anh ta dường như không bị đau. Anh ta ngo ngoáy đầu hết bên này sang bên kia trong nước, như là đang tìm kiếm thứ gì, cái đầu nhanh như chớp hướng về phía trước trong vài giây rồi thụt lại. Cuối cùng anh ta rút đầu ra khỏi nước hoàn toàn. Nước chảy xuống mặt và cổ anh ta rồi tràn xuống quần áo nhưng dường như anh ta không quan tâm đến. Có cái gì đó được cắn chặt giữa hai hàm răng anh ta – một thứ gì đó óng ánh như bạc đang luồn lách điên cuồng để thoát ra. Mất một lúc Sherlock không hiểu đó là cái gì, và rồi nó nhận ra. Đó là một con lươn, chỉ dài hơn ngón tay người đàn ông một chút. Sherlock đi tiếp, kinh ngạc. Nó có nghe đến trò đớp táo, nhưng đớp lươn ư? Không thể tin được.

“Hãy xem con cừu lạ lùng nhất thế giới!” một người rao hàng la lên trước một quầy hàng. “Hãy nhìn con cừu với bốn chân và một nửa chân thứ năm. Bạn sẽ chẳng bao giờ thấy một con như thế!”. Anh ta bắt được cái nhìn của Sherlock khi nó đi ngang qua. “Cậu, chàng trai trẻ – hãy nhìn thứ gây kinh ngạc nhất trên trái đất xanh

này của Chúa. Cậu sẽ không bao giờ quên. Các cô gái sẽ nuốt lấy từng lời từ miệng cậu khi cậu kể cho họ về con cừu không thể tin được với bốn chân và nửa chân thứ năm”.

Nó đi qua một quầy có bày hai con rối bên cửa sổ, chúng hoạt động nhờ một người điều khiển rối núp bên trong quầy. Đầu chúng được tạc bằng gỗ với mũi và cằm nhô ra, quần áo của chúng được làm từ những dây ruy-băng sáng màu. Khi Sherlock nhìn, một con rối đặt đầu nó nằm trên thành cửa sổ – gần như phải gấp người lại để làm như vậy – còn con rối kia nhanh như chớp chặt đầu con kia bằng cái rìu nhỏ xíu. Cái đầu rớt ra và các ruy-băng màu đỏ tươi bung ra, trông giống như máu phun ra. Đám đông reo hò và vỗ mồm.

Có một cái ao nằm ở một bên khu hội chợ, và một người đàn ông mặc áo gi-lê màu tươi và đội mũ chóp cao quăng một con vịt vào. Chân con vịt được cột vào một quả cân bằng một sợi dây nhỏ, và quả cân kéo nó xuống. Xung quanh bờ ao, những con chó bị buộc dây thừng và dây da đang gầm gừ và chảy nước dãi. Nhìn cảnh đổi tiền của đám đông xung quanh, Sherlock có cảm giác khiếp hãi khi biết việc gì sẽ xảy ra tiếp sau đó. Người đàn ông mặc áo gi-lê lùi ra sau tay giơ lên. Đám đông im lặng, chờ đợi. Những con chó cố gắng gấp đôi khả năng để giật đứt dây buộc, những tiếng gầm gừ của chúng đủ khiến mặt đất run rẩy. Người đàn ông thả tay xuống hông, đám chó được chủ của chúng thả ra. Cả đám chó lao vào trong ao, cố gắng bắt con vịt đang kêu quàng quạc và làm nước văng khắp nơi. Hoảng hốt, con vịt bơi loạn xạ trên mặt nước trong tầm sợi dây và quả cân, tránh né sự tấn công. Về phần

mình, đám chó cố không ra chỗ nước quá sâu, ngoại trừ một con chó sục can đảm bơi điên cuồng ngang qua ao để săn vịt. Sherlock quay đi trước khi con chó cắn ngập hàm răng vào cổ con vịt. Đó là một cái kết được báo trước, điều không chắc chắn chỉ là chủ con chó nào sẽ lãnh giải mà thôi. Cảm thấy buồn nôn, Sherlock quay đi.

Nó đi ngang các quầy bán xúc xích nóng và những quả táo được bao bằng kẹo cứng lạnh xiên que, bánh quy và puffy hương cam, mùi da heo muối chiên giòn. Nó không chắc cảm giác nó thấy trong bụng là đói hay bồn chồn. Hay là cả hai.

Đám đông ngày càng đông và ồn ào, và Sherlock cảm thấy bị đẩy và bị hích từ phía sau. Mọi người xung quanh nó đang chế giễu và cầu nhàu. Một giọng nói lớn vang lên át những giọng khác: “Ai sẽ tiếp tục đấu với nhà vô địch? Ai có can đảm độ sức với Nat Wilson, nhà vô địch vùng Kensal Green? Một đồng sovereign nếu thắng; nếu thua thì không mất gì, chỉ bị coi thường và cười nhạo!”. Nó vấp ngã khụy gối. Khi đứng lên được thì bị đẩy nghiêng sang bên. Một thứ gì cứng đập mạnh vào lưng nó. Xoay người lại, nó bỗng thấy mình đang đứng phía trước đám đông. Thứ làm nó vấp là một cột gỗ, một trong bốn cái cột tạo thành các góc của hình vuông. Dây thừng được giăng giữa các cột. Một người không mặc gì ngoài cái quần túm bằng da đứng giữa vòng, tạo dáng và ra hiệu với đám đông. Ngực và cánh tay anh ta đầy cơ bắp. Một người khác mặc bộ com-lê dơ bẩn và đội mũ nỉ đang nhìn thẳng vào Sherlock.

“Chúng ta có người thách đấu!” gã la lên. Đám đông vỗ tay hoan nghênh.

Sherlock muốn lùi đi, nhưng đám đông thúc vào lưng nó. Những

cánh tay kéo dây thừng ra để tạo thành khoảng trống, và Sherlock bị đẩy vào trong khu bãi cỏ.

“Không!” nó la lên, thật sự nhận ra rằng không hiểu vì sao nó lại là người thách đấu. “Tôi không –”

Người rao trò cắt ngang lời nó. “Luật tiêu chuẩn Broughton [4]”, anh ta nói như hát. “Không dùng miếng lót và quả đấm sắt. Có thể sử dụng mọi thứ ngoại trừ việc đánh khi đối thủ đã ngã. Khi có người ngã anh ta có ba mươi giây để nghỉ và thêm tám giây để tiếp tục trận đấu. Trận đấu kết thúc khi một người không thể đứng dậy”. Anh ta liếc nhìn Sherlock, người đang đứng nhìn quanh với vẻ hoang mang, cố tìm một chỗ trống trong đám đông để bỏ chạy. “Cậu bé”, anh ta thì thầm, “tôi không đánh giá cậu hơn một phút mà không cần giúp đỡ. Nếu cậu có thể kéo dài đến năm phút, tôi sẽ tăng gấp đôi giải thưởng. Hãy làm cho những người đánh cược vui vẻ”.

“Tôi không nên ở đây!” Sherlock phản đối.

“Hơi trễ để nói không”, người rao trò đáp.

“Nhưng đây là tai nạn!”

“Không”. Ông ta mỉm cười, lộ ra hàm răng sâu đen đúa. “Đây là một cuộc thảm sát”.

Người rao trò hướng về một bên của võ đài, nơi nhiều người đang nâng dây thừng cho anh ta ra. Sherlock cố đi theo anh ta, nhưng những sợi dây thừng đã trở về vị trí cũ và những người đàn ông, đàn bà, con nít trong đám đông chế nhạo khi nó đến gần. Người ta ném đá vào nó, làm nó lùi lại về phía trung tâm của vòng tròn.

Gã võ sĩ kia tiến tới, đưa mắt một vòng nhìn đám đông và nhận được sự tán thưởng. Anh ta cao hơn Sherlock ít nhất mười lăm phân, và to hơn một vòng ôm. Tay anh ta như hai túi da lớn đầy quả óc chó. “Đứng vào vạch đi”, anh ta lầm bầm.

“Cái gì?”

Gã võ sĩ chỉ vào hai vạch song song được cắt vào cỏ, cách nhau khoảng gần một mét. “Mày đứng sau một vạch; tao đứng sau vạch kia. Khi chuông reo, chúng ta đánh nhau.

Đó là cách chơi”.

“Tôi không muốn đánh nhau”, Sherlock phản đối.

“Đó là do mày chọn, nhóc”, gã gầm gừ. “Tao sẽ phải kéo dài trận đấu trong năm phút, và đầu mày sẽ giống như thịt xay nếu mày không che chắn”. Mắt gã nhìn nó dò xét. “Có vẻ vẫn như thế dù mày cố che chắn”, gã nói thêm. Gã xô mạnh nó về hướng cái vạch gần nhất. “Giơ tay lên, che cái mặt. Và nhớ phải đứng thẳng. Nếu mày ngã, tao sẽ đá cho đến khi mày đứng lên lại”.

“Tôi nghĩ trọng tài nói không được đánh khi người ta ngã”. Gã võ sĩ nhún vai. “Không nói gì về chuyện đá”.

Sherlock hoài nghi di chuyển đến vạch của nó. Gã võ sĩ mang giày ống đứng ở đường vạch kia. Sherlock nhìn quanh, tìm kiếm ai đó, bất kỳ ai có thể giúp đỡ, nhưng những khuôn mặt nhìn lại nó với vẻ phẫn khích, đầy mồ hôi và méo mó vì hung hãn. Không có cách nào để thoát ra.

Chuông reo.

Sherlock bước lùi khi quả đấm của gã võ sĩ vụt qua mũi nó. Nó

giơ tay lên để tự vệ, lùi lại khi gã kia tiến tới. Đám đông la hét. Nó đã nhìn thấy những võ sĩ quyền Anh trong sách, xem vài trận ở phòng tập của Trường Deepdene, thậm chí có đấu vài trận, và nó đứng theo cách nó nhớ - nắm tay co lại và giơ cao lên trước - nhưng gã đấu thủ của nó không đọc cùng loại sách với nó và cứ nhào lên trước, hai cánh tay vung sang hai bên ngang tầm vai. Sherlock bị đâm một cú vào vai trái - cái tay đã bị Clem làm bị thương tối trước - và cảm thấy một cơn đau cực độ như kim loại lỏng tràn xuống cánh tay. Tay nó rơi bất lực xuống một bên thân. Làm thế nào việc này xảy ra? Một phút trước nó là kẻ vô danh trong đám đông, và giờ nó là trung tâm của mọi sự chú ý. Giống như là có cái gì đó, *ai đó*, đã hướng dẫn đám đông, lôi kéo họ đến đây đúng lúc này.

Gã võ sĩ tiến đến gần hơn, sẵn sàng đâm vào mặt Sherlock, vì thế Sherlock bước lùi lại và bất ngờ đánh tạt ra bằng tay phải. Không ngờ, nó đánh trúng mũi gã. Nó thấy có cái gì đó vỡ dưới những ngón tay, và máu tràn xuống cằm và ngực gã. Gã đấu sĩ lùi nhanh ra sau, thở mạnh, máu bắn tung tóe trên áo Sherlock, rồi gã đâm thẳng cánh tay phải vào ngực Sherlock. Tác động của cú đâm làm Sherlock giật lùi ra sau. Sự đau đớn lan khắp các xương sườn. Trong một lúc nó thấy như tim ngừng đập. Nó cố hít vào nhưng phổi không hoạt động. Nó gập người lại, cố lấy một chút không khí vào cổ họng. Một bàn tay tóm lấy gáy nó và quăng nó ra bãi cỏ. Sự va chạm giữa cơ thể nó và bãi cỏ giải phóng chút không khí còn sót lại trong phổi, và bất ngờ nó lại hít được một lượng lớn không khí. Nó lăn người đi kịp lúc một bàn chân giẫm mạnh vào đất ngay chỗ

đầu nó trước đó, và đập lên chân nó.

Gã võ sĩ giờ như đang đeo mặt nạ máu, chỉ còn hở hai con mắt hẹp đang điên cuồng và một hàm răng nghiêng lại thành đường thẳng. Gã tiến đến Sherlock và tung hai cú đấm một lúc, tay trái vào xương sườn Sherlock và tay phải vào một bên đầu. Cả người nó ngập trong đau đớn, máu phun đỏ và tươi. Mọi thứ như quá xa xôi. Nó đang rơi, nhưng không cảm thấy gì khi chạm đất.

Bóng tối chiếm lấy nó, và nó buông rơi một cách hài lòng.

Khi Sherlock tỉnh, đầu nó đau buốt. Vết thương hình như tập trung quanh thái dương phải, và nhói đau một cách kinh khủng theo nhịp tim của nó. Giống như có một khối mềm lớn đập mạnh vào giữa đầu làm nó không nhớ được quá khứ và không vượt qua được. Nó nằm trong bóng tối một lúc, không suy nghĩ, nhưng chỉ trôi dạt tới lui cùng cơn đau, chờ nó tan đi. Cuối cùng, cơn đau cũng hết.

Việc cuối cùng nó nhớ là bị đánh đến bất tỉnh trên bãi cỏ bên dưới lâu đài Farnham bởi một võ sĩ ở hội chợ. Bây giờ nó nằm trên một chiếc giường tiện nghi, đầu gối lên những chiếc gối lông. Nghĩa là nó không còn ở trong hội chợ, nằm dài trên võ đài cỏ lầy lội hay bị bỏ mặc trong lều chờ hồi phục. Ngoại trừ, tất nhiên, nó đang bị ảo giác, đó là một khả năng cao nếu xét đến việc nó bị thương ở đầu.

Không, nó quả quyết với chính mình: nó phải hành động dựa trên một giả thiết rằng cái nó cảm thấy, nghe, nhìn là thật, chứ không phải chỉ là sự bịa đặt của bộ não bầm dập.

Ánh sáng khuếch tán qua các cửa sổ có rèm cho nó biết giờ vẫn là buổi sáng. Nó không nằm trên giường của mình; điều này là chắc chắn. Giường của nó cứng hơn và gối thì cộm hơn. Hẳn ai đó trong Trang viên Holmes đã tìm thấy và mang nó trở về, nhưng đặt nó lên một cái giường tiện nghi hơn: một cái giường mà bác sĩ và người hầu có thể đến thăm dễ hơn, có lẽ vậy. Nó căng tai cố lắng nghe tiếng động bên ngoài cửa sổ, nhưng không có tiếng gì ngoài

trừ tiếng có thể là chim hót ở xa xa.

Nó sẽ gặp rắc rối đến mức nào? Suy nghĩ này làm môi nó buột ra tiếng rên ngoài dự định. Nó đã không tuân theo lời căn dặn rõ ràng của chú nó, và nó ngờ rằng bất cứ cố gắng nào để giải thích rằng mình đang đi gặp Amyus Crowe cũng sẽ bị bác một cách cay nghiệt. Tệ hơn là nó dính vào một trận đấm bốc ngoài chợ. Còn tệ hơn *thế* là nó đã thua. Điều này thì Sherrinford hay Anna Holmes chẳng lo lắng, nhưng nếu cha Sherlock mà nghe thấy thì ông sẽ giận dữ. Ông có một câu nói ưa thích là: “Một quý ông không bao giờ khởi đầu một trận đánh nhau, nhưng anh ta luôn kết thúc nó”.

Nếu nó may mắn, chú sẽ nhốt nó trong phòng đến tháng tới, và chỉ cho nó bánh mì và nước. Đó là nếu nó may mắn. Nếu nó *không* may... à, nó không chắc, nhưng nó nghi ngờ hình phạt có thể sẽ khủng khiếp. Có lẽ là một trận đòn? Bị đánh bằng gậy hoặc thắt lưng da? Chú nó có thể làm thế trong buồn phiền hơn là trong giận dữ, nhưng không biết câu “yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi” có trích từ Kinh thánh ra không?

Việc này sẽ không đưa đến điều gì tốt đẹp.

Sherlock đưa tay lên sờ đầu. Những ngón tay của nó chạm vào chỗ sưng phồng lên, và khi nó nhấn tay vào, một cơn đau sắc nhọn chạy suốt người nó.

Nó ngồi lên một cách thận trọng. Cả đầu lẫn bụng nó đều khó chịu khi nó cử động, nhưng cũng không tệ lắm.

Căn phòng được ốp gỗ, và giường là loại bốn cọc với chiếc màn thêu ở bên trên. Đây không phải là căn phòng quen thuộc với nó, và cách trang trí phòng theo nó nhớ, không theo kiểu ở Trang viên

Holmes. Nó nhìn xuống mình. Nó vẫn mặc như cũ mặc dù cái áo vét của nó không còn. Nó nhìn quanh, và trông thấy cái áo đang treo trên cái móc áo sau cánh cửa.

Bỏ cái mền đang phủ trên người ra, nó từ từ đứng lên. Thế giới chao đảo một lúc như nước lắc trong xô trước khi trở về trạng thái cân bằng. Giày của nó đã được tháo ra, nhưng nó nhìn thấy chúng đang nằm gọn ở gầm giường. Nó lảo đảo đi đến chỗ để giày và cố gắng hết sức để xỏ chân vào mà không phải cúi xuống. Cúi xuống có thể là một ý tưởng tồi, nó nghĩ.

Nó đi về phía cửa sổ và kéo màn lên, nhưng những hình ảnh đập vào mắt nó không hề giống như quang cảnh của Trang viên Holmes.

Khu đất bên ngoài bằng phẳng và cằn cỗi, không hề có cỏ hay cây cối. Mặt đất khô cằn màu nâu đỏ, và đến ngút mắt có đầy những thùng gỗ nằm trên bốn chân cứng cáp. Đó là những hộp giống như chuồng gà nhưng nhỏ hơn, và mỗi thùng có một lỗ nhỏ bên dưới, ngay gần điểm nối giữa đáy thùng và bốn cái chân. Sherlock nhân nhẩm trong đầu: khoảng năm trăm cái.

Dường như có khói bay lơ lửng bên trên vài cái thùng, nhưng gió đang thổi theo những cách kỳ lạ bởi vì khói ở những thùng khác nhau đang di chuyển theo hướng khác nhau. Vài làn khói tạo thành vệt dài hướng lên trên, vài làn hướng sang trái và vài làn sang phải, và vài làn chỉ treo xung quanh lối vào như thể cố vào trong thùng hay ra khỏi thùng.

Có một bóng người đang di chuyển phía sau một trong những cái thùng. Nó mặc một bộ đồ áo liền quần giống như may bằng vải

bạt, và đầu mang mũ trùm may bằng vải muslin đủ mỏng để nhìn xuyên qua, giữ cách xa mặt bằng một cái vành bằng gỗ. Cái bóng di chuyển từ thùng này sang thùng khác và cẩn thận mở nắp hộp. Thêm nhiều khói phụt lên trên và bám đầy đầu của nó. Cái bóng dường như không để ý đến chuyện đó. Nó cúi người xuống thấp hơn, nhìn vào trong thùng, rồi đẩy thùng lại và kéo ra một thứ giống như cái khay bằng gỗ từ bên dưới. Bóng người nhìn chằm chằm vào khay trong vài giây, rồi bước vài bước và đặt khay lên một chồng khay giống như thế.

Khi cuối cùng não nó cũng thức tỉnh một cách đúng đắn, Sherlock nhận ra nó đang nhìn cái gì. Đám khói nó từng thấy đang rời khỏi xác chết trong rừng quanh Trang viên Holmes, đám khói Matty từng chứng kiến, phấn hoa nó mang đến cho Giáo sư Winchcombe – cuối cùng mọi việc đã có nghĩa. Đây không phải là đám khói mà là bầy ong. Những con ong nhỏ màu đen. Và nghĩa là những cái thùng là tổ ong và người đàn ông mang mũ trùm đầu là người nuôi ong.

Nhưng đó là loại ong nào, dùng vào việc gì? Làm mật ong?

Tự vệ? Hay để làm gì khác?

Quan trọng hơn, nó đang ở đâu đây?

Sau lưng nó, cửa phòng ngủ mở ra. Nó quay nhanh lại. Hai người đàn ông đang đứng ở ngưỡng cửa. Họ mặc những bộ đồ bằng nhung đen hoàn hảo được cắt theo kiểu xưa – quần tùm, vớ, áo gi-lê và áo vét ngắn – và mặt họ mang mặt nạ nhung màu đen với những khe hở ở tầm mắt để nhìn ra.

Một người trong bọn họ ra hiệu qua vai mình. Ý của anh ta đã rõ

- Sherlock phải đi với bọn họ. Trong một thoáng nó chống lại - nó chưa bao giờ ngoan ngoãn nghe theo lệnh không có giải thích - nhưng một thoáng sau nó nghĩ nếu nó không làm theo, họ sẽ tóm nó và khiêng đi. Và có thể họ sẽ không nhẹ tay.

Một ý nghĩ khác chợt đến là đi theo họ có thể là cách duy nhất để tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Tim đập nhanh, nhưng Sherlock giữ vẻ trầm tĩnh, thậm chí không biểu lộ cảm xúc trên mặt, nó đi về phía cửa. Hai người hầu quay lại dẫn đường.

Cái sảnh bên ngoài phòng ngủ trang trí sang trọng với nhiều màu đỏ và tím, với hình gia huy được dệt nổi bật trên giấy dán tường và thêu lên trên tấm màn nhung. Một người hầu dẫn Sherlock đi xuống dãy cầu thang rộng bằng đá hoa cương trắng, trong khi người còn lại đi theo phía sau. Bước chân của Sherlock là tiếng động duy nhất: giày của những người hầu được bọc lại, và bước chân phát ra tiếng rất nhẹ.

Đến cuối thang người hầu thứ nhất dẫn Sherlock hướng về phía cánh cửa đóng kín bên cạnh một cái tủ nặng nề bằng gỗ tếch. Anh ta mở cửa ra về hướng mình rồi ra hiệu cho Sherlock đi vào. Ngần ngừ một chút, cậu bé làm theo.

Cánh cửa đóng lại sau lưng nó với một tiếng *thịch* không vang nhưng dứt khoát.

Căn phòng bên trong lối vào rộng, âm u và lạnh lẽo. Tất cả các cửa sổ được che rèm dày. Chỉ có vài tia sáng chéo xuyên qua được cảnh tối tăm, và trong ánh sáng yếu ớt, Sherlock chỉ nhận ra một đầu của một cái bàn gỗ lớn với một ghế tựa nặng nề đặt trước nó.

Mọi thứ khác chìm trong bóng tối ngoại trừ ánh sáng lấp lóe của có lẽ là đồ vật làm bằng kim loại treo trên bức tường đá.

Điều nó cần làm có vẻ đã rõ. Có thể cảm nhận những giọt mồ hôi lo lắng đang chảy thành dòng sau lưng, nó bước đến và ngồi vào ghế.

Một lúc lâu chỉ là sự yên lặng, ngoại trừ tiếng đập nhanh của trái tim nó. Nó căng mắt nhìn vào bóng tối, nhưng không nhận rõ thứ gì ngoài mặt bàn ở ngay trước mặt. Và rồi, dần dần, nó bắt đầu phân biệt được những tiếng động yếu ớt: tiếng kéo kẹt nhịp nhàng như tiếng vặn buồm của một con tàu khi nó dềnh lên hụp xuống trên sóng của một đại dương ma quái. Tiếng động dường như đến rồi đi, như thể tiếng gió nhẹ thổi từng cơn lên cánh buồm, kéo căng những sợi dây thừng ẩm ướt rồi lại thả chúng lỏng ra. Nó không nhận ra là thứ gì. Chắc chắn nó không thể ở trên một con tàu chứ? Nó đã nhìn thấy mặt đất bên ngoài cửa sổ phòng ngủ, và mặt sàn không bị nâng lên hay hạ xuống. Vậy tiếng động đó là cái gì?

“Người đã ở trong nhà kho”. Giọng một người đàn ông, chỉ lớn hơn tiếng thầm thì một chút, phát ra từ bóng tối ở đầu kia của cái bàn. Dường như có một chút lơ lơ trong phát âm – từ “the” nghe giống như “zee” hơn – nhưng Sherlock không biết ở nước nào người ta phát âm như thế. “*Tại sao* người lại ở trong nhà kho?”

“Ông là ai?”, Sherlock hỏi kiên quyết, giọng nó rắn như đá bởi một lòng can đảm mà nó không cảm nhận thấy.

“*Tại sao* người lại ở trong nhà kho?” giọng nói khẳng khẳng. Sherlock phải căng tai ra để nhận hiểu các từ trong tiếng kéo kẹt.

“Chú của tôi sẽ lo lắng cho tôi”, Sherlock nổi giận. “Sẽ có những đội tìm kiếm”. Nó không biết điều đó đúng hay sai, nhưng dường như nói thế là đúng. Nó phải làm người điều tra bí mật này mất thế chủ động.

“Ta chỉ hỏi người thêm một lần nữa, và rồi sau nó sẽ là hậu quả. Tại sao người ở trong nhà kho?”

“Tôi không biết ông đang nói gì?”

Có một cái gì đó lóe lên trong bóng tối, mảnh, đen và thẳng như một con rắn đang tấn công. Cái đó đánh trúng vào má bên phải của nó trước khi rút vào trong bóng tối. Nó co rúm lại, cảm thấy máu đang chảy thành dòng xuống da nó một tích tắc trước khi cơn đau bùng nổ trong da thịt.

“Tại sao người ở trong nhà kho?”, giọng nói khẳng khẳng.

Sherlock rờ tay lên cái má bỏng rát, rồi đưa tay ra và nhìn. Máu dính đầy trên các chỉ tay trong lòng bàn tay. “Ông làm tôi bị thương”, nó nói, không hoàn toàn tin được vào việc này.

Tiếng roi vút lên trong bóng tối một lần nữa. Lần này nó nhìn thấy đầu roi khi cái roi vút qua mặt nó. Có một nút thắt ở sợi dây da mảnh. Có tiếng đét khi nút thắt bung ra hết ga và rút về ngay cùng lúc với sự đau đớn cực độ của vết cắt ở đỉnh tai phải của nó. Nó la lên, ụp một tay lên một bên đầu. Lúc này nó cảm thấy máu tràn trong bàn tay và chảy thành dòng xuống cổ tay.

“Tại sao -”

“Tôi đi theo một người đàn ông từ căn nhà ở Farnham!”

Sherlock la lên. “Hắn ta đi vô nhà kho!”

Giọng nói yên lặng một chút, ngẫm nghĩ. Rồi:

“Tại sao người theo người đàn ông từ căn nhà đó?”

Máu từ tai Sherlock ẩm và nóng tràn xuống cổ nó lúc này. Toàn bộ khuôn mặt bên phải của nó đau kinh khủng. “Có người chết trong căn nhà đó. Tôi muốn tìm ra nguyên nhân”.

“Chắc hẳn họ chết vì bệnh dịch phải không?” giọng nói thì thầm. “Mọi người nói vậy”.

Sherlock kịp kìm miệng lại không nói gì về vết chích của ong, nhưng ngọn roi vụt đến gần nửa trong bóng tối và cắt vào trán nó ngay trên mắt trái. Đầu nó đập ra sau ghế, những cơn đau kinh khủng như sóng tràn bên trong đầu nó. Khi cố mở mắt nó thấy mắt như bị dán lại vì máu nhỏ giọt từ vết cắt hở miệng.

Nếu còn tiếp tục như vậy đầu nó sẽ bị đánh tura ra thành sợi.

“Anh ta chết vì bị ong chích”, nó la lên. “Hàng trăm con ong chích”.

Yên lặng. Cái đau từ ba chỗ bị đánh trên da Sherlock kết hợp với nhau thành một ổ đau cháy bỏng nhói buốt theo nhịp tim gấp gáp của nó.

“Còn ai khác biết chuyện những con ong?”

“Chỉ mình tôi!?” nó nói dối.

Lần nữa chiếc roi xé bóng đêm như một con rắn to, đập ngay bên cạnh mắt trái của nó, chỉ còn chút xíu nữa là cắt vào nhãn cầu. Máu nhuộm lông mi của nó: những đốm đen treo lơ lửng trong tầm nhìn của nó.

“Lần tới khi chuyên gia đánh roi của ta ra tay, anh ta sẽ làm mù

mắt trái của người”, giọng nói cất lên. “Lần sau nữa anh ta sẽ lấy đi mắt phải của người. Trả lời đầy đủ những câu hỏi của ta, và đừng có mà nói dối ta”.

Chuyên gia đánh roi của ta? Sherlock nghĩ. Nghĩa là người đang hỏi và người đang quất roi là hai người khác nhau. Còn bao nhiêu người nữa đang ẩn mình ở đây, trong bóng tối, quan sát và lắng nghe.

“Ta đã biết vài đáp án cho những câu hỏi mà ta hỏi người”, giọng nói tiếp tục, “và nếu câu trả lời của người khác đi người sẽ lãnh hậu quả, cả bây giờ và phần đời còn lại của người. Còn ai khác biết về bầy ong?”

“Giáo sư Winchcombe ở Guildford và Amyus Crowe ở Farnham”. Giọng Sherlock run lên trong nỗ lực kiềm chế cơn đau. “Chú tôi Sherrinford. Amyus Crowe đã báo với bác sĩ của khu vực. Tôi không biết ai khác”. Nó cố ý bỏ tên của Mathew Arnatt ra khỏi danh sách, hy vọng người đàn ông trong bóng tối không biết về cậu ta, hay không xem cậu ta là người quan trọng.

“Quá nhiều”, giọng nói cất lên. Sherlock có cảm giác giọng nói đó đang tự nói với chính mình chứ không phải với nó. Hay có lẽ nói với ai khác, một người đang giữ yên lặng. “Chúng ta phải đẩy nhanh chiến dịch”. Ngừng một lúc, như thể giọng nói đó đang suy nghĩ, và rồi: “Mang thẳng nhóc ra và giết nó đi. Làm giống như một tai nạn. Cho ngựa với xe cán qua nó. Đảm bảo là bánh xe phải nghiêng nát cổ nó”.

Sherlock bất ngờ nhớ lại hình ảnh kinh hoàng của con lửng mà nó nhìn thấy bên ngoài nhà kho – bụng nó dẹp lép bởi xe ngựa cán

qua. Và bây giờ một cái gì đó tương tự sẽ xảy ra với nó.

Những bàn tay tóm lấy vai nó lôi mạnh ra khỏi ghế. Bị đẩy mạnh bởi hai người hầu luôn đứng yên lặng sau nó trong suốt thời gian qua, nó đi loạng choạng về phía cửa. Đầu nó lóe lên như kính vạn hoa nhiều ý tưởng để trốn thoát, nhưng tất cả các cách đều phụ thuộc vào bước đầu tiên là tìm cách thoát ra khỏi những cánh tay đang giữ chặt, đang đẩy. Ánh sáng bất ngờ tràn vào khi cánh cửa được một gã hầu đẩy mở ra phía trước, gã này buông vai Sherlock ra trong một tích tắc. Sherlock quay lại, tung một cú đá, hy vọng làm gã kia bị đau và buông nó ra, nhưng giày của nó chỉ mới chạm đến một bên của đôi ủng da và bị nảy ra. Một cú đấm được tung ra và trúng một bên đầu. Hàng ngàn tia lửa pháo hoa nhảy nhót trong đầu nó.

Cánh cửa dẫn đến căn phòng tối đen chợt đóng lại sau lưng họ, Matty Arnatt đang đứng đó, tay cầm một cây chùy sắt có gai. Cây chùy trông giống như một thứ vũ khí các hiệp sĩ thời xưa thường dùng trong các trận đấu hay trên chiến trường.

Nó bổ mạnh xuống đầu gã hầu gần nhất. Gã ta ngã với tất cả sự duyên dáng của một bao tải than được quăng xuống hầm. Gã còn lại buông Sherlock ra và tiến về phía Matty, quắc mắt, vươn cánh tay lực lưỡng của hắn về phía đầu Matty. Sherlock tiến đến gần hắn và đấm mạnh vào háng hắn. Gã đàn ông gập người lại, há miệng để thở.

“Hướng này”, Matty rít lên, ra hiệu cho Sherlock đi theo mình.

Cả hai chạy xuôi hành lang của căn nhà xa lạ, những tấm gỗ sồi sẫm màu và những tấm rèm nhung đen, và những bức tượng nữ

thần Hy Lạp khóa thân trắng muốt đến sững sờ.

“Cậu lấy đâu ra cây chùy đó vậy?”, Sherlock la lên khi bọn nó chạy. Nó có thể nghe tiếng truy đuổi phía sau.

“Những bộ áo giáp và vũ khí đầy ở trong nhà này”, Matty trả lời vọng ra sau. “Mình cứ việc lấy thôi”.

“Và cậu đang làm gì ở đây?”

“Mình đang ở hội chợ. Mình thấy cậu bị lừa vào trận đấu như thế nào. Mình muốn giúp, nhưng cậu bị hai thằng cha to bự kéo lê đi. Chúng quăng cậu vào sau xe và chở cậu tới đây. Mình bám vào sau xe nơi chúng không thấy được mình, rồi nhảy xuống khi nó quẹo vào đây. Mình tìm kiếm cậu từ lúc đó đến giờ”.

“À”, Sherlock thở hỗn hển. “Chúng ta đang ở đâu?”

“Cách Farmham khoảng ba dặm. Ngược hướng với Trang viên Holmes”. Matty dẫn nó đến một cánh cửa không có gì đặc biệt dẫn vào trong khu vực có thể của người hầu, và từ đó đến một hành lang bằng gạch thô dẫn tới cánh cửa thông ra vườn. Chúng ra đến nơi có không khí trong lành và ánh nắng mặt trời rực rỡ.

“Cậu không mang theo mấy chiếc xe đạp hả?”

“Mang bằng cách nào?” Matty la lên, xỉ vả. “Mình đu người sau xe ngựa! Mình không thể mang chúng theo phải không?”

“Cậu nói đúng!”, Sherlock liếc xung quanh khi chạy. Chúng đang ở sau một căn nhà. Thay cho khu vườn, băng qua một hiên rộng được lát đá và một bức tường thấp là cánh đồng đầy những tổ ong mà nó trông thấy trước đây. “Vậy làm cách nào chúng ta chạy ra ngoài được?”

“Mình đã nhìn thấy một chuồng ngựa”, Matty nói, vẫn còn phiên lòng. “Có ngựa!”

“Mình không biết cưỡi ngựa!”

Phía sau chúng, ba gã mang mặt nạ đen và mặc đồ đen tiến ra từ một dãy cửa kính mở có lẽ dẫn đến phòng giải trí cho khách. Bọn chúng tiến đến từ những hướng khác nhau. Một tên trong bọn chúng nhìn thấy Sherlock và Matty, và la lớn lên.

Matty quắc mắt nhìn Sherlock. “À, cậu sẽ không có nhiều thời gian để học đâu, anh bạn!” nó nói.

Matty dẫn đường đi qua góc nhà. Một cái chuồng ngựa lớn nằm phía trước chúng. Hai thằng bé chạy băng qua sân, nghe tiếng chân vội vã chạy *thình thịch* phía sau. Bọn nó đến chuồng và chạy nhanh hết mức qua những cánh cửa mở.

Bên trong, chuồng ngựa nằm trong bóng tối, mắt Sherlock phải mất một lúc để làm quen. Matty, người đã từng ở đây trước đó, ngay lập tức băng ngang đến chỗ hai con ngựa đang được cột chặt vào cây cột gỗ bên ngoài ngăn của chúng. Cả hai đều đã được thắng yên cương.

“Lên đi, dùng cạnh vách ngăn làm bậc thang”.

Tiếng chân chạy bên ngoài đã gần hơn. Khi Matty chụp lấy yên của con ngựa nhỏ hơn, đặt chân vào bàn đạp và đu người lên, Sherlock đã đu được người lên vách gỗ chắn giữa các ngăn bằng chân phải, đặt chân trái vào trong bàn đạp của con ngựa cái lớn màu hạt dẻ và cố gắng bắt chước các động tác thuần thục của Matty trên con ngựa kia. Cuối cùng nó cũng ngồi vững trên yên ngựa nhờ may mắn nhiều hơn là óc suy xét. Con ngựa quay lại

nhìn nó bình thản. Nó dường như không bị phiền khi một người lạ bất ngờ nhảy lên ngồi trên lưng nó.

“Đi nào!” Matty hô. Nó nắm dây cương ngựa bằng một tay và cởi dây buộc ngựa bằng tay khác. Sherlock túm lấy dây cương và cố nhớ lời Virginia nói với nó về việc cưỡi ngựa. *Dùng đầu gối để điều khiển, đừng dùng dây cương.*

Dây cương chỉ dùng để ra lệnh cho con ngựa chạy chậm lại.

Không liếc lại phía sau, Matty thúc ngựa ra ngoài cửa chuồng. Nó tin là Sherlock có thể theo nó ngay. Sherlock giật mở sợi dây cột ngựa. Một làn sóng hoang mang quét qua người nó khi nó nhận ra là Virginia chỉ bảo nó cách điều khiển và dừng ngựa, chứ không chỉ cách thúc ngựa chạy. Ngập ngừng, nó thúc cả hai đầu gối vào hai bên hông ngựa. Con ngựa ngoan ngoãn bắt đầu bước. Sherlock cúi người tới trước trên yên để cân bằng lại lực lắc lư của ngựa. Nó thúc đầu gối mạnh hơn và thử kéo dây cương. Con ngựa chuyển sang nước kiệu, rồi nước kiệu nhỏ. Tại sao mọi người cho rằng cưỡi ngựa là rất khó? Chỉ là một loạt những hiệu lệnh và động tác thôi mà!

Khung cảnh bên ngoài với sự rực rỡ của sắc màu và hoạt động vỡ òa trước mắt Sherlock khi nó ra khỏi chuồng ngựa. Matty đang đua, với một đám người hầu đội mũ trùm đầu chạy bộ rượt theo và bị rút lại phía sau. Hai gã người hầu đang đứng trước Sherlock cố chặn đường nó. Một gã đang ve vẩy một cây súng lục ổ xoay. Hắn bắn về hướng Sherlock, và Sherlock cảm thấy có một cái gì nóng hổi sượt qua tóc nó. Nó thúc con ngựa phi nước đại. Con ngựa đâm thẳng vào giữa hai gã, cú va chạm làm chúng văng ra đất. Dùng đầu

gối, nó thúc con ngựa tăng tốc. Dường như là nó với con ngựa bay lướt ngang khu đất, đuổi kịp Matty.

Trong giây lát hai đứa đã đến được bức tường bao quanh khu đất. Nó phải cao đến hơn ba mét. Hai thằng bé hướng những con ngựa quẹo sang cổng chính. Hai con ngựa nện vó trên đất, tiếng vó ngựa thay đổi khi chúng chuyển từ nơi đất mềm sang đường đá. Tim Sherlock chùng xuống khi nó thấy cửa chính đang bị đẩy đóng lại. Hai gã hầu đội mũ trùm đầu đang đứng phía trước chúng, với súng sẵn trong tay chĩa về các con ngựa. Cùng lúc, Sherlock và Matty kéo mạnh dây cương. Đá bắn lên tung tóe, hai con ngựa dừng lại.

Một gã nhắm bắn. Tiếng nổ vang lên qua khu đất. Sherlock thoáng thấy viên đạn chì sượt qua chúng và làm tung ra một đám bụi lớn, giống như một bầy ruồi vỡ tổ.

Dùng đầu gối để khiến ngựa, giật bên trái của dây cương để nhấn mạnh theo bản năng, Sherlock kéo con ngựa chạy một vòng. Matty cũng làm như thế. Hai thằng bé thúc ngựa phi nước đại lần nữa. Căn nhà hiện ra lù lù trước mặt, âm u và nguy hiểm.

Liếc nhìn sang trái và phải, Sherlock nhìn thấy những gã đội mũ trùm đầu chạy vòng ra từ cả hai phía của tòa nhà, vũ trang với đủ bộ súng lục ổ xoay, súng săn, súng bắn chim, cây chĩa. Chỉ còn lại duy nhất một hướng thẳng đến cửa chính tòa nhà.

Matty bắt đầu chậm lại. Nó nhìn quanh bối rối.

Sherlock chạy nước kiệu vượt lên bạn nó, la lên: “Theo mình!”. Bên trái và phải bị chặn, phía sau cũng thế. Nó gần như có thể nghe giọng Mycroft nói: “Khi tất cả các lựa chọn đều không thể,

Sherlock, hãy đi theo con đường còn lại, dù không chắc sẽ được”.

Con ngựa, cảm nhận được ý của nó, nhảy vài bước lên đến ngưỡng cửa phía trước nhà và phi một cách hoàn hảo về phía cửa trước đang mở rộng.

Sherlock rạp người trên con ngựa phóng nước đại xuyên qua cánh cửa mở và vào trong sảnh đón, có cảm giác rầm đờ sụt qua tóc nó. Vó ngựa trượt và gõ碌碌 trên sàn gạch, gần như hất văng Sherlock ra trước khi con vật có thể lấy lại bước đi lần nữa. Cái sảnh tối tăm làm nó bối rối một lúc, nhưng mắt nó điều chỉnh được sau vài giây và nó thúc ngựa tiến lên phía trước, băng qua cầu thang đá hoa cương và tiến tới phía sau của tòa nhà. Những người hầu đội mũ trùm đầu chạy ra ngoài cửa và rút lại phía sau, kinh hoàng trước hai con ngựa đang bao trùm cả không gian. Thay vì tiến đến khu dành cho người hầu, Sherlock hướng con ngựa quẹo gấp sang phải, đẩy mở một cánh cửa dẫn vào nơi mà dựa trên vị trí và so sánh với Trang viên Holmes nó nghĩ là phòng giải trí dành cho khách. Nó đã đúng.

Căn phòng rộng rãi và đầy ánh sáng, với hai cánh cửa kính lớn dẫn ra ngoài hành lang. Và, như Sherlock nhớ ở lần chạy trốn trước, những cánh cửa được mở!

Trong vài giây, nó và con ngựa phi nước đại ngang qua phòng giải trí cho khách và ra ngoài hành lang. Nó nghe tiếng động khi ngựa của Matty đụng vào đồ đạc trong phòng ngay phía sau, và rồi tiếng vó ngựa gõ trên những phiến đá lát hành lang.

Phía trước, bên kia cánh đồng nuôi ong, nó nhìn thấy một cổng hậu nhỏ hơn, nơi người ta thường giao thực phẩm dự trữ và hàng

cung ứng. Ở đó có vẻ không có bảo vệ. Nó đua tới đó, bồm ngựa quất vào mặt và tiếng gió thổi lướt bên tai. Các thùng ong hình hộp tạo nên một mạng lưới hình học mà con ngựa đang phi nước đại theo đường thẳng xuyên qua. Những đám mây ong bay theo sau chúng, nhưng những con ngựa đã phi quá nhanh nên bầy ong chỉ bị khuấy động và quần lên trong bối rối.

Cánh cổng sau đang đóng, nhưng Sherlock chỉ mất một ít thời gian để xuống ngựa và mở chốt cửa. Nó quay người lại nhìn qua khu đất của căn nhà khi Matty chạy nước kiệu nhỏ bên cạnh nó. Những kẻ đội mũ trùm đầu, được trang bị vũ khí, đang đứng tùm lại ở phía bên kia cánh đồng nuôi ong. Bọn chúng rõ ràng không muốn mạo hiểm tiến vào khu vực đó. Một vài gã đang đánh gậy trong không khí khi lũ ong tức giận tấn công vật đầu tiên tiến đến gần chúng.

“Mình nghĩ mọi thứ đã ổn”, Matty nói. “Chúng ta sẽ ngồi chờ xem việc gì sẽ đến chứ?”

“Không nên thế”, Sherlock nói.

Amyus Crowe đã rửa xong những vết cắt trên mặt Sherlock bằng nỉ và một loại chất lỏng có mùi gắt và xót mỗi khi chạm vào vết thương. Ông bước ngang qua căn nhà và ngồi xuống chiếc ghế đan bằng cây liễu gai. Cái ghế kêu răng rắc dưới sức nặng của ông. Ông đẩy chân ngả người ra sau, giữ cân bằng chiếc ghế trên hai chân ghế sau, rồi lắc nó nhẹ nhẹ.

Suốt thời gian đó mắt ông dán chặt vào Sherlock.

Bên cạnh Sherlock, Matty nhấp nhồm bất an, giống như một con thú muốn bỏ chạy nhưng không biết lối nào an toàn. “Quả là một câu chuyện thú vị”, Crowe lẩm bẩm.

Nghĩ rằng những gì Crowe nói là một cách để phá vỡ sự yên lặng trong khi đang suy nghĩ, Sherlock giữ yên lặng. Crowe lắc lư ghế ra trước rồi ra sau, trong khi đó liếc nhìn Sherlock. “Đúng, quả là một câu chuyện thú vị”, một lúc sau ông nói.

Cái nhìn chăm chăm của ông làm Sherlock bực mình, vì thế nó nhìn đi chỗ khác, mắt nhìn lơ đãng quanh phòng. Căn nhà của Amyus Crowe lộn xộn, đầy sách báo và tạp chí bừa bãi đầy. Một chồng thư đặt trên mặt lò sưởi bằng gỗ với con dao nằm ở giữa, cạnh một chiếc đồng hồ chỉ hai giờ. Bên cạnh chỗ họ ngồi là một chiếc dép đi trong nhà, từ đó một nhúm điều xì gà thò ra như những ngón tay chực nắm. Trông có vẻ dơ bẩn, nhưng không có bụi, không có đất. Nơi này sạch sẽ nhưng không gọn gàng. Có vẻ như Crowe có cách riêng để cất đồ.

“Cuối cùng cậu tính sao đây?” sau cùng Crowe thách thức.

Sherlock nhún vai. Nó không muốn là đối tượng bị Crowe quan sát. “Nếu cháu biết”, nó trả đũa, “cháu đã không đến gặp ông”.

“Mọi việc sẽ tốt nếu một người luôn có thể tạo ra sự khác biệt”, Crowe đáp lại không chút bực bội, “nhưng trong thế giới đầy phức tạp của chúng ta, cậu thỉnh thoảng cần đến bạn bè, và thỉnh thoảng cần một tổ chức đứng sau lưng chúng ta”.

“Ông nghĩ chúng ta nên đi gặp cóm à?” Matty hỏi, rõ ràng là hoang mang.

“Cảnh sát hả?” Crowe lắc đầu. “Tôi nghi ngờ việc họ sẽ tin các cậu, và ngay cả khi họ tin thì họ cũng không làm được gì nhiều. Bất cứ ai sống trong một ngôi nhà lớn đó cũng sẽ chối hết mọi việc. Họ là người có quyền lực và thế lực, chứ không phải các cậu. Và các cậu phải thừa nhận đó là một câu chuyện phi lý dựa trên bề ngoài của nó”.

“Ông có tin bọn cháu không?” Sherlock thách thức.

Crowe nhăn mặt ngạc nhiên. “Tất nhiên tôi tin các cậu”, ông nói.

“Vậy tại sao? Như ông đã nói, đó là một câu chuyện phi lý”.

Crowe mỉm cười. “Mọi người làm mọi thứ khi họ nói dối”, ông đáp. “Nói dối gây căng thẳng, vì người ta phải giữ hai việc khác hẳn nhau trong đầu cùng một lúc – sự thật mà người ta muốn giữ kín và lời nói dối mà người ta muốn nói ra. Sự căng thẳng đó thể hiện theo một số cách nào đó. Người ta không nhìn vào mắt một cách thích hợp, họ xoa mũi, họ ngập ngừng và nói lắp nhiều hơn khi nói chuyện. Và họ sẽ đi vào chi tiết nhiều hơn mức cần thiết, như thể nó sẽ làm cho lời nói dối của họ đáng tin hơn nếu họ nhớ màu của giấy dán tường, và người kia có râu hay ria hay một cái gì

đó đại loại như vậy. Các cậu đã kể một câu chuyện thật, các cậu đã nhìn vào mắt tôi và các cậu không thêm thắt những chi tiết không liên quan. Trong khả năng đánh giá của tôi, các cậu đã kể thật – hay ít nhất, điều các cậu tin là sự thật”.

“Vậy chúng ta phải làm gì bây giờ?” Sherlock hỏi. “Có điều gì đó cứ lởn vởn quanh đây. Nó có liên hệ với mớ quân phục, những con ong, và cái nhà kho ở Farnham. Và người đàn ông trong căn nhà lớn – cháu nghĩ là tay Nam tước – đứng sau mọi việc, nhưng cháu không biết hẳn ta đang làm điều gì”.

“Vậy thì chúng ta phải tìm cho ra”. Amyus Crowe đẩy cái ghế đứng lại trên bốn chân của nó và đứng lên. “Nếu chúng ta không có đủ dữ kiện để đi đến kết luận thì chúng ta phải ra ngoài và tìm thêm dữ kiện. Hãy đi và hỏi vài câu”.

Matty nhấp nhồm. “Cháu phải đi”, nó lẩm bầm.

‘Đi với chúng tôi, cậu bé’, Crowe nói. “Cậu là một phần của chuyến phiêu lưu này, và cậu xứng đáng với việc khám phá việc gì đang diễn ra. Và ngoài ra, cậu Sherlock trẻ tuổi này có vẻ tin tưởng cậu”. Ông ngừng lại. “Nếu điều này giúp cậu lên tinh thần, tôi sẽ tìm vài thứ để ăn trên đường đi”.

“Cháu sẽ đi”, Matty nói.

Crowe dẫn họ ra ngoài. Ở chỗ bóng râm bên cạnh căn nhà, Virginia Crowe đang chải lông cho con ngựa của cô, Sandia. Bên cạnh nó là con ngựa cái lớn hơn màu hồng. Sherlock nghĩ đó là ngựa của ông Crowe. Hai con ngựa mà nó và Matty cưỡi ra khỏi nhà Nam tước đang yên lặng nhai cỏ ở một bên.

Virginia nhìn lên khi họ đến. Mắt cô chạm ánh mắt của Sherlock

và cô nhìn đi hướng khác ngay.

“Chúng ta sẽ đi cưới ngựa”, Crowe thông báo. “Virginia, con cũng đi cùng. Càng nhiều người hỏi, càng nhiều cơ hội có câu trả lời gần đúng”.

“Con không biết nên hỏi gì”, Virginia phản đối.

“Con đã đứng ngoài cửa, lắng nghe”, Crowe nói với nụ cười trên môi. “Cha nghe tiếng hí của con Sandia. Nó chỉ làm vậy nếu con ở đó nhưng không quan tâm đến nó. Và cha có thể nhìn thấy cái gì đó chuyển động, che ánh sáng ở chân cửa”.

Virginia đỏ mặt, nhưng vẫn liếc cha cô, có chút ngang ngạnh. “Cha vẫn dạy con tận dụng cơ hội”, cô nói.

“Hoàn toàn đúng, cách tốt nhất để học là lắng nghe”.

Crowe nhảy lên con ngựa của ông, và Virginia cũng vậy. Cô bé quan sát, mỉm cười, khi Sherlock và Matty leo lên ngựa của chúng, và gật đầu khích lệ Sherlock, “Không quá tệ”, cô nói.

Cả bốn chạy nước kiệu nhỏ dọc theo con đường, đi lại lộ trình mà Sherlock và Matty đã dùng để ra khỏi căn nhà. Mặt trời đang chiếu sáng, mùi của khói củi treo lơ lửng trong không khí, và Sherlock phải cố sức tự thuyết phục mình rằng nó chưa hề bị đánh gục, bị bắt giam, bị hỏi cung và gần như bị kết án tử. Mọi thứ đó dường như đã không xảy ra, có phải không? Không phải trong một ngày đầy nắng. Ngay cả những vết cắt trên mặt cũng đã ngừng đau.

Virginia thúc ngựa lên gần Sherlock hơn. “Cậu cưới ngựa khá tốt”, cô nói, “so với người mới bắt đầu”.

“Mình nhận được những lời khuyên hay”, nó nói, liếc nhìn cô bé

rồi nhìn sang nơi khác.

“Những chuyện cậu kể, lúc ở trong nhà. Tất cả là thật à?”

“Từng từ một”.

“Vậy thì cái vùng quê này không chán ngấy như mình đã nghĩ”.

Càng gần đến căn nhà lớn nơi nó bị giam, nó càng cúi kính. Cuối cùng Amyus Crowe ghìm cương cho ngựa dừng lại gần khu vực cổng nhà. Không có ai ở đó.

“Là chỗ này à?” Crowe hỏi.

Sherlock gật đầu.

“Có nhiều vết lún dẫn ra ngoài cổng và dọc theo con đường”, Crowe tiếp. “Tôi thấy có vẻ như họ chạy tháo thân”.

Sherlock nhìn Virginia, bối rối. Cô bé cười. “Rời khỏi”, cô giải thích. “Bỏ chạy”.

“Ồ, đúng”. Nó ghi nhớ từ đó để sau này dùng.

“Hãy đi xuôi con đường và xem chúng ta tìm được gì”, Crowe la lớn, và thúc ngựa lên. Virginia theo ngay sau ông.

Sherlock và Matty nhìn nhau rồi đi theo.

Khoảng hơn năm phút sau, họ tìm thấy một quán rượu – xây bằng gạch đỏ, các viên gạch xếp theo kiểu xương cá trích rất đặc trưng mà Sherlock đã để ý thấy trước đó, trát vữa trắng và xà nhà màu đen. Bàn ghế được đặt ở bên ngoài, trên cỏ. Khói bốc lên từ ống khói và Sherlock có thể ngửi thấy mùi thịt quay. Nó lập tức thấy đói.

Crowe ngừng lại và xuống ngựa. “Bữa trưa muộn”, ông nói. “Matty, Virginia ở đây trông chừng ngựa. Sherlock, cậu đi với ta”.

Sherlock đi theo người đàn ông Mỹ to cao vào quán. Trần nhà thấp, gần như được phủ bởi một lớp khói mờ từ một con cừu đang được quay trên một cái xiên trên bếp lửa. Mùn cưa mới phủ trên sàn. Có bốn người đàn ông ngồi cùng bàn, nhìn người mới đến một cách ngờ vực. Người thứ năm ngồi trên ghế đầu ở quầy, không chú ý đến họ, mãi nhìn chăm chăm vào ly của anh ta hơn. Chủ quán, đứng sau quầy và đánh bóng cái vại to bằng một miếng vải, gật đầu với Amyus Crowe.

“Xin chào các quý ngài. Muốn uống hay ăn hay cả hai?”

“Bốn đĩa bánh mì và thịt”, Crowe nói, và Sherlock kinh ngạc khi nghe ông nói mà không có chút giọng Mỹ như bình thường. Giọng của ông, trong khả năng nhận biết của Sherlock, được nói như thể ông là một nông dân hay người lao động chân tay từ một miền quê nào đó quanh London.

“Và bốn vại bia”.

Chủ quán mang ra bốn vại bia và để lên cái khay bằng thiếc. Crowe lấy một vại cho mình và gật đầu với Sherlock. “Mang chúng ra ngoài, chàng trai”, ông nói bằng giọng “Anh” cộc cằn. Sherlock cầm cái mâm và cẩn thận mang nó ra ngoài.

Nó để ý thấy Crowe thượng lên một cái ghế cao cạnh quầy.

Ở ngoài, Sherlock nhìn thấy Matty đã kiếm được một cái bàn và ghế dài gần quán. Virginia vẫn còn đang đứng với con ngựa. Nó đến chỗ Matty, và ngồi vào chỗ nó có thể nhìn vào quán qua một trong những cái cửa sổ. Matty lấy một vại bia và bắt đầu uống một cách thêm khát, nó dùng cả hai tay cầm vại bia.

Sherlock nhăm nháp từng ngụm chất lỏng màu nâu đậm. Đắng

và nhạt nhẽo, và để lại một hương vị khó chịu trong miệng sau khi uống.

“Cây hoa bia không ăn được phải không?” nó nói với Matty.

Thằng bé lưỡng lự. “Cậu có thể ăn nó, mình cho là thế, nhưng không ai làm vậy. Vị nó không ngon lắm”.

“Vậy thì vì lý do quái gì mà người ta nghĩ có thể làm ra một thứ nước uống từ nó?”

“Chả biết”.

Nhìn qua cửa sổ vào quán, Sherlock thấy Amyus Crowe đang tán chuyện với chủ quán. Theo độ nghiêng của đầu Crowe, có vẻ như ông đang hỏi và chủ quán trả lời trong khi vẫn đang tiếp tục đánh bóng các vại bia bằng miếng vải ngày càng dơ.

Một cô gái khoác tạp dề xuất hiện mang một cái khay với bốn đĩa thịt bốc khói. Cô ấy bước ra ngoài, đặt đĩa và dao xuống bàn rồi rời đi không nói lời nào.

Virginia bước đến tham gia với chúng, và Sherlock nhích ra chừa chỗ cho cô. Cô dùng nĩa xiên một miếng thịt cừu nóng. Khi đưa nĩa lên miệng, cô ngưng lại. “Cậu biết là mình không viết lá thư đó phải không?”

“Giờ mình mới biết”. Sherlock nhìn ra chỗ khác, xa về phía đồng quê, không thể nhìn thẳng vào mắt cô bé. “Lúc đó mình nghĩ là cậu, nhưng giờ mình cho rằng lúc đó mình muốn tin như vậy. Nếu mình chịu khó nghĩ một chút, thì mình phải biết không phải là cậu viết”.

“Làm sao biết?”

Nó nhún vai. “Lá thư trang nhã và rất nữ tính, câu cú rất chính

xác. Giống như ai đó cố giả làm một cô bé”. Nó tự chỉnh mình. “Mình muốn nói là một phụ nữ. Một phụ nữ trẻ. Ý mình là-”

“Mình hiểu ý cậu”. Cô bé cười nhẹ. “Vậy điều gì làm cậu nghĩ mình thường không dùng loại giấy viết nữ tính và có chữ viết đẹp?”

Lúc này nó có thể nhìn vào mắt cô bé, một lúc lâu. “Cậu chẳng giống bất cứ cô gái nào mình gặp ở Anh”, nó nói. “Cậu khác biệt. Mình vẫn đang cố hiểu cậu, nhưng mình nghĩ nếu cậu muốn mình đi đâu đó, như hội chợ chẳng hạn, cậu sẽ đến gặp và hỏi mình”. Nó ngưng lại và cân nhắc. “Hay, khả năng này cao hơn, đơn giản là bảo mình đi”, nó nói thêm.

Lúc này cô bé đỏ mặt. “Cậu nghĩ mình phách lối như vậy hả?”

“Không quá phách lối. Chỉ hơi hơi thôi”.

Cái nhìn của Matty chen vào giữa bọn họ. “Hai người đang nói gì thế?”

“Không có gì”. Sherlock và Virginia đồng thanh.

Nhìn qua cửa sổ lần nữa, Sherlock thấy Crowe đang tham gia vào nhóm bốn gã đàn ông đang ngồi cùng nhau. Có vẻ họ đang rất thân mật. Crowe ra hiệu cho chủ quán, ông này bắt đầu rót thêm bia từ một chiếc bình thiếc ở quầy.

“Cha cậu là một người đặc biệt”. Sherlock nói, xoay về hướng Virginia.

“Đôi khi ông ấy cũng thành công”.

“Ông ấy làm gì, hồi còn ở Mỹ?”

Cô bé nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn của mình. “Cậu thật sự

muốn biết hả?”

“Ừ”.

“Ông ấy là thợ săn”.

“Ý cậu là ông ấy săn thú?”

Cô bé lắc đầu. “Ông săn người. Ông theo dấu những kẻ giết người trốn tránh pháp luật, và ông ấy truy đuổi những người da đỏ tấn công những khu định cư cách trở. Ông theo dấu họ nhiều ngày qua những nơi hoang vắng cho đến khi ông biết đủ để bắt họ một cách bất ngờ”.

Sherlock không thể tin hoàn toàn vào điều nó đang nghe. “Và sau đó thì – ông ấy mang họ về đối mặt với công lý?”

“Không”, cô bé nói lặng lẽ. Đột ngột cô bé đứng thẳng lên và bỏ đi, về hướng những con ngựa.

Sherlock và Matty lặng yên, mỗi đứa theo đuổi ý nghĩ riêng trong đầu.

Cuối cùng thì Crowe cũng rời quán và ngồi cùng chúng, ép cái thân hình đồ sộ giữa cái ghế dài và bàn. “Thật lý thú”, ông nói, lại trở về với giọng Mỹ.

“Có chuyện gì thế?” Sherlock hỏi. “Bọn họ có biết gì về căn nhà không?”

“Và làm thế nào họ chịu trả lời những câu hỏi của ông?” Matty hỏi thêm. “Ông là người lạ ở đây, và bọn họ thường không chịu mở miệng với người lạ”.

“Tốt nhất là lúc đó đừng có làm người lạ”, ông lặp lại. “Nếu cậu chỉ ngồi đó một lúc, nói chuyện với người ở quầy, cậu sẽ trở thành

một phần của nơi đó. Rồi cậu tham gia câu chuyện, nếu cậu thấy một sự mở đầu, và nói với họ vài điều về mình – cậu là ai, tại sao cậu ở đây. Tôi nói với họ là tôi đang kiếm mua một trang trại để nuôi heo, vì quân lính mới đồn trú ở Aldershot sẽ cần nhiều thực phẩm. Họ rất muốn biết có bao nhiêu lính sẽ đóng ở đó, và chúng tôi nói chuyện với nhau về cơ hội kinh doanh. Tôi đã hỏi họ liệu có ai ở đây muốn tham gia đầu tư, hay ai có đất để cho thuê, và họ nói với tôi về cái điền trang ở cuối con đường này. Chủ nhân của nó là Maupertuis – một dạng Nam tước, hình như là người nước ngoài.

Sherlock liếc nhìn Matty và mỉm cười. Crowe dường như quên cái sự thật là ở đây chính ông ta là người nước ngoài.

“Chưa ai từng thấy ông Nam tước Maupertuis này, và ông ta luôn đi cùng bộ hạ của mình, không thuê người ở vùng này, điều này làm cho dân ở đây không thích lắm. Mọi thứ hàng cung ứng và những thứ khác nữa được mang đến từ nơi nào đó khác, chứ không mua ở gần đây. Dù sao đi nữa, ông chủ quán đang nghe chúng tôi nói chuyện và đã nói rằng cái ông Nam tước đó đã đi khỏi đây vào sớm hôm nay. Hình như có một đoàn xe ngựa hộ tống chạy xuôi con đường này, tất cả chất đầy các thùng và đồ đạc, với một chiếc xe đạp đen được cột sau xe. Và một lúc sau, có thêm nhiều xe ngựa đến, lần này được chất những thùng lớn hơn được che bằng những tấm phủ. Tôi nghi ngờ đó là những tổ ong mà cậu đã nhắc đến, chàng trai trẻ. Họ dùng khói để làm những con ong bị say và chúng ngủ đi. Đó là cách những người nuôi ong chuyên nghiệp làm khi họ di chuyển tổ ong”.

“Họ mang tổ ong đi cùng họ ư? Tại sao?”

Amyus Crowe gật đầu. “Đó là một câu hỏi hay. Khi cậu phải đi tản gáp, tại sao cậu phải mang toàn bộ tổ ong đi cùng? Nó sẽ làm cậu bị chậm, và cũng không dễ mang nhiều ong đến nơi khác”. Ông trầm ngâm một lát. “Có vẻ như việc trốn thoát của các cậu làm họ kinh hãi. Họ không thể mạo hiểm chờ cậu đến gặp cảnh sát và cảnh sát sẽ đến điều tra. Họ di chuyển đến nơi khác và chúng ta cần biết chỗ đó ở đâu”.

“Chúng ta có thể đi theo họ”. Sherlock nói.

Crowe lắc đầu. “Họ đã khởi hành từ lâu rồi”.

“Họ sẽ đi chậm”, Sherlock khẳng định. “Họ đi cùng với những tổ ong. Một người cưỡi ngựa có thể đuổi kịp họ”.

“Họ có nhiều con đường để đi”. Crowe vẫn kiên trì.

“Một đoàn xe dài hộ tống? Mọi người sẽ nhìn và nhớ nó. Và họ cũng không đi theo những con đường quê gập ghềnh – họ sẽ đi theo những con đường lớn. Việc này sẽ làm giảm bớt những khả năng”.

Crowe cười hóm hờ. “Suy nghĩ tốt lắm, chàng trai”.

“Ông đã nghĩ về điều đó à?” Sherlock hỏi, khó chịu.

“Đúng, nhưng tôi không muốn đưa sẵn cho cậu đáp án. Tôi muốn xem cậu có khả năng tư duy không, đặc biệt khi tôi đang dẫn cậu theo hướng khác”. Crowe đứng lên. “Tôi biết vài gã gần nhà tôi có ngựa và có thể làm việc đó nếu được trả vài shilling. Tôi sẽ bảo họ đi tìm đoàn xe. Tôi nghĩ cậu nên về Trang viên Holmes để giảng hòa với gia đình. Nói với họ là cậu đi với tôi suốt thời gian qua – điều đó sẽ làm mọi việc lắng xuống. Tôi sẽ tạt qua ngày mai

và nói cho cậu biết những gì tôi khám phá ra”.

Bốn người phi nước kiệu ngược trở lại những con đường đá và những lối đi xuyên qua miền quê cho đến khi tới gần Farnham, nơi họ chia tay. Matty hướng về phía con thuyền của nó, trong khi Crowe và Virginia phi nước kiệu về phía nhà họ. Sherlock để ngựa đứng yên một lát, cho những việc đã qua đọng lại trong đầu trở thành ký ức hơn là một mớ bòng bong những ấn tượng đầy cảm xúc. Cuối cùng, khi cảm thấy bình tĩnh, nó hướng ngựa về phía Trang viên Holmes.

Khi về đến nơi, Sherlock ngẩn ra một lúc về việc con ngựa. Xét cho cùng, ngựa không phải của nó. Mặt khác, người chủ trước của con ngựa dường như đã từ bỏ nó, và con ngựa rõ ràng là sự lên đời từ chiếc xe đạp lọc cọc cũ kỹ mà Matty đã tìm cho nó. Cuối cùng nó để con ngựa lại chuồng cùng với một mớ cỏ. Nếu ngày mai con ngựa còn ở đó thì nó sẽ xem đó là một dấu hiệu để giữ lại con ngựa.

Bữa ăn tối bắt đầu được phục vụ khi nó bước vào. Nó cư xử bình thường, như không có gì xảy ra, như là thế giới vẫn y như vậy sáng nay. Nó liếc nhìn quần áo, phúi bụi ở áo khoác, rồi hướng về phòng ăn.

Bữa ăn là một trải nghiệm siêu thực. Thím nó cứ nói suốt về những thứ không cụ thể như mọi khi, và chú nó thì đọc một cuốn sách lớn khi ăn, thỉnh thoảng lại vừa lẩm bẩm vừa thở. Bà Eglantine liếc nhìn nó từ chỗ của bà ở phía bên kia phòng gần bức tường. Thật khó để hòa hợp không khí bình lặng, lễ phép với việc nó đã bị đánh gục, bắt cóc, tuyên án tử và trốn thoát, tất cả chỉ

trong vài tiếng qua. Nó đói rồi, dù đã ăn một bữa thịt ở quán, và nó lấy đầy đĩa những lát thịt gà được hấp với rau củ và rưới thật nhiều nước sốt bên trên.

“Nhìn con giống như mới đi đánh trận về, Sherlock”, thím nó nói khi đang ăn món tráng miệng – câu hỏi trực tiếp nhất mà thím từng hỏi nó.

“Con... bị té”, nó nói, ý thức được những vết cắt nhức nhối trên mặt và tai. “Con không quen chạy xe đạp”.

Lời giải thích đã thỏa mãn được thím, và bà lại tiếp tục làm rằm một mình, tiếp tục những câu độc thoại không ngừng.

Sau khi đã nán lại đủ lâu cho phải phép, Sherlock đứng lên và đi về phòng. Nó dự định đọc sách một lúc, rồi sau đó có lẽ sẽ viết nhật ký một vài sự việc ngày hôm nay để khỏi quên, nhưng ngay khi ngã người xuống giường, nó thấy khó mà mở được mắt, và chỉ trong vài giây nó đã chìm vào giấc ngủ, vẫn mặc nguyên quần áo.

Nó thức giấc khi xung quanh tối đen và những con cú đang rúc ở đâu đó xa xa. Nó cởi quần áo ra và đẩy xuống dưới tấm nệm thô. Nó chìm vào giấc ngủ sâu như một người lặn vào một cái hồ tối đen, huyền bí.

Bình minh ngày hôm sau rực rỡ và gay gắt. Amyus Crowe đang đứng ở dưới lầu, trong sảnh khi Sherlock đi xuống ăn sáng. Ông mặc bộ đồ bằng vải linen trắng và đội cái mũ rộng vành.

“Chúng ta sẽ đi London”, ông nói lớn khi thấy Sherlock. “Tôi đi công việc, và chú cậu đã cho phép cậu đi với tôi. Đó sẽ là một buổi học. Chúng ta sẽ thăm vài phòng tranh, và tôi sẽ dạy cậu vài điều về lịch sử gắn liền với thành phố tuyệt vời đó”.

“Virginia có đi cùng không ạ?” Sherlock bật hỏi, và ngay lập tức ước rằng có thể thu lại những lời đó, nhưng Crowe chỉ cười toe toét, mắt nhấp nháy. “Tại sao, có chứ”, ông nói. “Tôi khó có thể để con bé một mình nơi miền quê này, phải không? Tôi là loại cha nào mà làm thế?”

“Tại sao lại là London?” Sherlock hỏi nhỏ hơn khi nó xuống tới cuối thang.

“Đó là nơi đoàn xe hướng tới”. Crowe đáp nhỏ không kém.

“Tôi nghi ông ta có một căn nhà khác ở đó”.

Với tiếng sột soạt khó nghe thấy của chiếc váy, bà Eglantine bước ra khỏi bóng tối ở cuối sảnh. “Cậu nên ăn sáng trước khi tôi dọn sạch bàn ăn, thưa cậu chủ Sherlock”, bà ta nói, giọng bà thể hiện ác cảm đủ để nhận thấy nhưng không đủ cho Sherlock có bất cứ phản ứng chủ động nào.

“Cảm ơn”, nó nói, rồi quay lại với ông Crowe. “Chúng ta có thể đi ngay không?”

“Hãy nạp một ít thức ăn”, Crowe trả lời. “Cậu có thể cần nó. Gói một gói nhỏ đủ cho hai ngày. Tôi sẽ đợi trong xe ngựa bên ngoài”. Ông quay sang bà Eglantine và giở mũ một cách cường điệu. “Xin chào quý bà”, ông ta nói, rồi bỏ đi.

Sherlock ăn bữa sáng nhanh hết mức, chỉ đủ nếm qua. London! Nó sẽ đi London! Và nếu may mắn nó có thể gặp Mycroft ở đó!

Amyus Crowe đang chờ trong chiếc xe ngựa bốn bánh bên ngoài Trang viên Holmes. Virginia ngồi bên cạnh ông. Cô bé có vẻ không thoải mái, bởi vì chiếc váy nhiều tầng và chiếc mũ có dây buộc ở

cầm hay bởi vì cô bé bị nhốt trong xe chứ không phải ở bên ngoài không gian mở.

“Trông cậu đẹp lắm”, Sherlock nói khi ngồi đối diện cô bé và người lái xe đang chất cái túi của nó lên chỗ bên cạnh.

Cô bé cúi kính nhìn nó.

Tiếng bánh xe lăn trên sỏi khi chiếc xe lăn bánh đã làm át câu trả lời của cô bé, nhưng dù sao Sherlock cũng không chắc là nó có muốn nghe không.

Khi họ đến ga Farnham, Matty đang chờ họ. Amyus Crowe mỉm cười với nó. “Cậu nhận được tin nhắn của tôi à?”

“Cháu bị người nhắn tin đánh thức. Làm thế nào ông biết chỗ cháu đậu thuyền?”

“Công việc của tôi là biết chỗ mọi thứ. Công việc và cũng là sở thích đặc biệt của tôi. Thích đi một chuyến không chàng trai?”

“Cháu không có quần áo để thay hay bất cứ đồ dùng nào”, Matty nói.

“Chúng ta sẽ mua những gì cháu cần ở London. Bây giờ hãy đi lấy vé”.

Crowe mua bốn vé đi London, toa hạng hai, và cả đoàn kéo xuống sân ga nơi người đánh xe ngựa đang dỡ đồ xuống. Ông canh giờ thực hoàn hảo. Xe lửa đến sau đó mười phút, một con vật khổng lồ, cái mũi hình ống phía trước đầu máy phun hơi nước, các piston đẩy lên đẩy xuống như những tay biên trong đồng hồ và các bánh xe bằng kim loại của nó, cao gần bằng Sherlock, kêu rít trên đường ray.

“Một đầu máy lớp Joseph Beattie “Saxon””, Amyus nhận xét. “Về tổng quát được nhắc đến như là một 2-4-0. Sherlock, cậu có thể giải thích cho tôi tại sao không?”

“Tại sao gọi là một “Saxon” hay tại sao là một “2-4-0”?”

Amyus gật đầu. “Việc thu thập thông tin phù hợp phụ thuộc chủ yếu vào cách phân tích câu hỏi phù hợp”, ông nhận xét. “Ý tôi muốn hỏi đến thứ bậc của “2-4-0”. Tôi nghĩ cái từ “Saxon” chỉ là một mẫu sở thích lịch sử của riêng người kỹ sư. Ông ta cũng thiết kế một đầu máy mà ông gọi là “Nelson””.

Sherlock dõi mắt một vòng khắp cái đầu máy. Nó nhận thấy bánh xe không cách đều nhau mà hợp thành cụm. “Cháu sẽ nói là do cách sắp xếp của các bánh xe”, nó đánh liều nói, “nhưng không thể như thế”.

“Thật ra, nó là như thế”, Crowe đáp. “Có hai bánh xe trên một trục đơn ở phía trước, xoay một cách độc lập cho phép động cơ vượt qua những đường cong. Rồi có bốn bánh xe gắn với động cơ, trên hai trục. Đó chính là những bánh động lực”.

“Và “0” là gì?” Sherlock hỏi.

“Vài đầu máy có một bộ bánh xe ở phía cuối”, Crowe đáp.

“Số “0” chỉ ra đầu máy này không có bộ bánh xe thứ ba”.

“Vậy người ta dùng một con số để chỉ ra là không có số”, Sherlock nói.

“Chính xác”. Crowe mỉm cười. “Nó có thể không dễ nhận thấy, nhưng cực kỳ logic, nếu cậu chấp nhận hệ thống họ đã chọn sử dụng”.

Họ tìm được toa của mình và ổn định chỗ ngồi cho chuyến đi. Sherlock chưa bao giờ đi xe lửa trước đó, và mọi thứ đều mới mẻ với nó: sự rung lắc của chỗ ngồi, vách toa và cửa sổ khi xe lửa di chuyển, mùi ngọt lạ lùng của khói bị tạt vào, các phong cảnh đồng quê lướt qua, liên tục thay đổi nhưng thống nhất một cách kỳ lạ. Matty mở to hai mắt và bồn chồn; Sherlock nghi là trước đây thằng bé chưa bao giờ trải nghiệm ngay cả sự xa hoa đậm bạc của một toa tàu hạng hai.

Các cánh rừng trôi qua nhường chỗ cho các cánh đồng, nhưng cây trồng ở các cánh đồng này không phải là bắp, lúa mì hay lúa mạch; chúng màu nâu, có một số cây mảnh khảnh với những chiếc lá xanh nhỏ, xoắn quanh các cọc cao khoảng mét rưỡi hai mét được cắm thẳng đứng trên đất. Sherlock vừa định hỏi Crowe đó là cây gì thì Matty, nhận thấy sự quan tâm của nó, đã chồm ra để nhìn.

“Cây hoa bia”, nó nói ngắn gọn. “Để làm bia. Vùng này được biết đến vì chất lượng bia của mình. Chỉ một mình Farnham thôi đã có đến ba mươi quán rượu và quán rượu kèm thức ăn”.

Chuyến đi cứ tiếp tục như thế, ngừng lại khi chuyển tàu ở Guildford, cho đến khi họ đến ga lớn cuối cùng, ga Waterloo, ở thủ đô náo nhiệt London.

Nơi này Mycroft Holmes sống và làm việc.

Sa Waterloo là một nơi tập trung một đám người náo nhiệt tỏa đi mọi hướng và mang vác đủ loại hộp, gói, va li, và hòm, tất cả bên dưới một mái vòm khổng lồ bằng kim loại và kính. Hơi ẩm mặt trời được khuếch đại bởi kính, làm nhà ga nóng hơn những con đường xung quanh. Những chiếc xe lửa xuất hiện ở sân ga và phun ra những đám mây hơi nước và thêm nhiều người hơn, làm tăng thêm sự ẩm áp. Sherlock có thể cảm thấy mồ hôi chảy thành dòng bên dưới cổ áo.

Amyus Crowe thuê ngay một người phu khuân vác và bảo anh ta mang túi của họ từ xe lửa xuống. Người phu khuân vác dẫn họ ra ngoài, nơi một hàng những chiếc xe ngựa hai bánh đang chờ rước một hàng khách. Thêm nửa penny tiền boia đã thuyết phục được người phu khuân vác dẫn họ dọc theo hàng xe đến nơi những chiếc xe mới đến thả hành khách xuống trước khi xếp hàng chờ khách. Vài phút mặc cả và họ leo lên một chiếc xe ngựa qua một cánh cửa trong khi những người khách trước đó leo xuống qua cánh cửa kia.

Amyus Crowe có vẻ quen thuộc với London, và bảo người đánh xe đưa họ tới khách sạn Sarbonnier. Chiếc xe lăn nước kiệu, mang theo Sherlock đang chồm ra ngoài một cửa sổ nhìn phong cảnh và Matty đang chồm ra cửa sổ còn lại.

Quy mô của các tòa nhà rất lớn nếu so với Farnham, Guildford và những tỉnh khác mà Sherlock quen thuộc. Nhiều tòa nhà lên đến năm, sáu tầng. Vài cột trụ đỡ lấy mái cổng phía trên những

cánh cửa trước và hàng dãy những bức tượng điêu khắc dọc theo diềm mái, vài cái có hình người rõ ràng và những bức khác là hình các sinh vật thần thoại có cánh, sừng, và nanh.

Chỉ trong vài phút họ đã đi qua một chiếc cầu bắc ngang một con sông rộng.

“Sông Thames?” Sherlock hỏi.

“Chính nó”, Crowe đồng ý. “Một trong những con sông dơ nhất, ùn tắc, và nhiều tội ác nhất. Tôi có những kinh nghiệm chẳng vui vẻ gì với nó”.

Chiếc xe ngựa lọc cọc chạy qua cầu về phía bên kia sông, quẹo vài lần, và dừng lại bên ngoài một tòa nhà dài được xây bằng đá màu cam. Người đánh xe nhảy xuống và giúp dỡ các túi xuống. Ba người khuôn vác xuất hiện từ cánh cửa xoay trước tòa nhà và mang hành lý đi.

Khi đã vào cái hành lang đầy ấn tượng – các cột màu trắng có bệ chạm trổ, trần nhà khảm tranh kính màu và sàn lát đá cẩm thạch hồng – Amyus Crowe bước nhanh đến cái quầy gỗ dài.

“Ba phòng, hai đêm”, ông nói với người đàn ông mặc đồng phục đứng sau quầy.

Người đàn ông gật đầu. “Vâng, thưa ngài”, ông ta nói, vươn tay lấy ba cái chìa khóa từ tấm bảng phía sau. Xoay lại, ông ta nói thêm, “Ông vui lòng ký vào sổ khách, thưa ông”.

Crowe ký tên với nét chữ bay bướm, người nhân viên đưa ông các chìa khóa. Chúng được buộc vào một quả cầu bằng đồng lớn, có lẽ để khách khỏi đánh mất chìa khóa, Sherlock đoán.

“Sherlock và Mathew ở một phòng”. Crowe nói và đưa chúng một chìa. “Virginia ở một phòng và tôi sẽ ở phòng thứ ba. Túi của mọi người sẽ được mang lên phòng. Mathew, tôi đề nghị cậu và tôi sẽ đi đâu đó mua quần áo và ít đồ vệ sinh cá nhân cho cậu”. Ông nhìn Mathew, đánh giá. “Và cắt tóc”, ông nói thêm. “Sherlock, Virginia – tôi đề nghị hai cô cậu ra ngoài, quẹo phải và đi đến cuối đường, và hai cô cậu sẽ thấy vài thứ có lẽ sẽ hấp dẫn. Trở lại sau một tiếng để ăn trưa. Nếu đi lạc, hãy hỏi đường về khách sạn Sarbonnier”.

Nghe lời Crowe, Sherlock dẫn Virginia ra ngoài và quẹo phải. Hai đứa ngay lập tức bị cuốn vào một đoàn người đang đi cùng hướng. Sợ bị lạc nhau, Sherlock vươn tay ra vẫy Virginia đến gần hơn với nó. Thay vào đó, tay cô bé nắm chặt tay nó một lúc, mềm mại và ấm áp. Tim nó đột ngột đập nhanh gấp hai lần bình thường. Nó giật mình liếc cô bé. Cô mỉm cười lại với nó, thoáng e lệ.

Chỉ mất vài phút để đi đến cuối dãy nhà. Con đường giờ mở rộng ra thành một quảng trường lớn, nơi ngự trị một cái cột cao mọc lên từ một bệ ở trung tâm. Trong một lúc Sherlock nghĩ về người đàn ông đang đứng trên đỉnh cột, ý nghĩ của nó bất ngờ trở về Trang viên Holmes, khi chú nó nói trong một bữa ăn tối về những ẩn sĩ tôn giáo khổ hạnh, những người đã từ bỏ cuộc sống bình thường và gia đình để sống trên đỉnh của những cây cột, suy ngẫm về Chúa và chỉ ăn những thứ mà người qua đường ném lên cho. Tập trung một lát nó nhận thấy hình người trên đỉnh cột không phải là một người đàn ông, mà là một bức tượng được tạc như thể mặc quân phục hải quân.

“Ai thế?” Virginia hỏi như bị mê hoặc.

“Mình nghĩ đó là Đô đốc hải quân Nelson”, Sherlock trả lời. “Người làm quảng trường Trafalgar này. Để ghi nhớ một chiến công lẫy lừng của hải quân năm 1805”.

Ở bệ cột có hai đài nước, nơi bụi nước phun lên các màu cầu vồng rực rỡ trong ánh nắng sớm. Đây là trái tim của London. Đây là điểm trung tâm của một đế chế trải dài đến tận nửa bên kia của địa cầu.

Và ở một nơi gần đây, Mycroft, anh của Sherlock có lẽ đang ngồi ở bàn giấy giúp điều hành đế chế.

Bọn chúng tha thẩn quanh quảng trường Trafalgar một lúc, ngắm mọi người và quan sát những tòa nhà đẹp nằm dọc những con đường xung quanh, và sau đó chúng trở về hướng khách sạn. Vừa đúng lúc: Amyus Crowe đang đứng đợi chúng ở sảnh. Ở cùng ông là một cậu bé trạc tuổi Matty Arnatt, nhưng với mái tóc gọn gàng, bộ đồ lịch sự và khuôn mặt cau có. Mất một lúc Sherlock mới nhận ra đó *chính là Matty*.

“Đừng”, Matty cảnh cáo. “... không được”.

Sherlock và Virginia cười phá lên.

Cả bốn người cùng vào phòng ăn gọi món cho bữa trưa. Xung quanh họ là những phụ nữ với lụa là, váy phồng, lông công và những mũ, những bao tay, các ông với những bộ ria óng và mặc áo choàng, nhưng không ai chú ý đến họ. Bọn họ được chấp nhận như một gia đình đi ngoạn cảnh thủ đô của quốc gia quan trọng nhất trên hành tinh.

Sherlock dùng món cốt-lết cừu, được nấu hoàn hảo – còn hồng hồng ở giữa – và bao quanh là khoai tây và đậu. Cả Matty và Amyus Crowe đều dùng món bít-tết và bánh pudding cất, trong khi Virginia, phiêu lưu hơn, thử món gà rừng ăn với nước sốt kiểu Pháp có tiêu, bắp và kem.

Khi họ đang ăn, Amyus Crowe cập nhật lại lý do họ ở đây.

“Tôi đã đánh điện cho một người quen ở đây”, ông nói, miệng đầy thức ăn. “Đại loại là một mối liên hệ công việc”.

Sherlock thắc mắc một chút về loại “công việc” mà Crowe có liên quan đến, ông chưa bao giờ nhắc tới trước đây, nhưng ông người Mỹ lại tiếp tục.

“Tôi báo với ông ta đường đi của đoàn xe, và bảo ông ta chặn chúng lại và tìm xem điểm đến cuối cùng của chúng là ở đâu. Tôi đã báo nơi tôi ở và ông ta gửi điện tín báo là đoàn xe cuối cùng đã dỡ các thùng cùng những thứ kiểu như vậy ở một nhà kho tại một nơi gọi là Rotherhithe. Ông ta đã báo tôi địa điểm của nhà kho”.

“Rotherhithe?” Sherlock hỏi.

“Vài dặm xuôi theo con sông – một chỗ ghê tởm nơi các thủy thủ giải trí giữa các chuyến đi biển và là nơi chứa hàng hóa trước khi xếp chúng lên tàu. Đó không phải là chỗ người ta muốn đến khi trời tối”. Ông lắc đầu ngán ngẩm. “Tôi không muốn mạo hiểm dẫn mọi người đến đó, nhưng vụ này quá lớn. Gã Nam tước đang dự định chuyện gì đó, và việc đó đủ quan trọng để hắn ta sẵn sàng giết người vì nó. Và hắn đã ra tay rồi. Giết hai cậu đối với hắn cũng chẳng khó hơn đạp lên một con nhện. Vấn đề ở đây là chúng ta phải kiểm tra xem những cái thùng trong xe có phải là những tổ

ong cậu nhìn thấy ở Farnham không, và nghĩa là tôi cần cậu đến Rotherhithe để nói một cái, Sherlock. Nhưng tôi cảnh báo trước – điều đó có thể nguy hiểm. Nguy hiểm thật sự”.

Sherlock gật đầu chậm chậm. “Cháu sẽ nắm lấy cơ hội. Cháu muốn khám phá điều gì đang xảy ra – tại sao hẳn ta muốn giết cháu”.

Crowe liếc qua Matty, đang xúc đậu ăn. “Còn cậu, cậu trai trẻ, tôi nghĩ cậu cũng đã tham gia trong vụ ở cầu tàu và nhà kho, thêm việc cả đời cậu dọc ngang trên chiếc thuyền nhỏ.

Và tôi cũng nghĩ cậu có thể xoay sở trong một trận đánh”.

“Nếu có đánh nhau”, Matty nói, miệng đầy đậu, “cháu sẽ chạy, nếu chạy được. Nếu cháu không chạy được, cháu sẽ đâm dưới thấp và đâm thật mạnh”.

“Tôi cũng chỉ làm được đến thế là cùng”. Crowe gật đầu. “Tất nhiên tôi sẽ đi với các cậu, nhưng chúng ta có thể phải chia nhau ra đi quan sát những khu vực khác nhau”.

“Vậy còn con?”, giọng Virginia cất cao lên vì phẫn nộ, đôi mắt tím lóa lên nguy hiểm. “Con làm gì?”

“Con ở đây”, Crowe nói một cách ảm đạm. “Cha biết con có thể xử lý tốt một trận đánh nhau, nhưng con không biết điều gì có thể xảy ra cho một cô gái trẻ ở Rotherhithe. Những kẻ sống ở đó còn tệ hơn súc vật. Cha sẽ không bao giờ tha thứ cho mình nếu có việc gì xảy ra cho con, không bao giờ sau khi–” ông ngừng đột ngột. Nhìn qua Virginia, Sherlock nhìn thấy mắt cô bé đột ngột sáng lấp lánh. “Ở đây”, Crowe lặp lại. “Nếu chúng ta chia nhau ra, chúng ta cần biết là có người ở đây để nhận và chuyển tin. Đó là việc của con”.

Virginia gật đầu, không nói gì.

Crowe nhìn lại hai cậu bé. “Khi các cậu sẵn sàng, chúng ta sẽ đi”.

Khi họ băng qua sảnh khách sạn, Sherlock quay lại nhìn Virginia. Cô bé đang liếc nhìn cậu. Cô cố cười, nhưng cặp môi méo xẹo vì lo lắng. Nó mỉm cười lại để cô bé yên tâm, nhưng nó ngờ là biểu hiện trên mặt nó chẳng thuyết phục hơn là mấy.

Thay vì đi xe ngựa đến Rotherhithe, Crowe dẫn hai cậu bé đến bờ sông Thames, nơi những bậc đá loang lổ rong rêu dẫn xuống một con sông màu nâu bốc mùi hôi thối. Phía bờ xa được che phủ bởi khói sương và một lớp chướng khí màu nâu có lẽ bốc lên từ chính con sông. Một chiếc thuyền đang bập bênh trên mặt nước. Người chủ của nó ngồi ở mũi, đang hút tẩu.

“Rotherhithe”, Crowe nói dứt khoát, quăng một đồng tiền. Người lái thuyền gật đầu, khéo léo chụp đồng tiền cản thử để chắc là tiền thật. Crowe và mấy thằng bé ngồi ở đuôi thuyền khi người lái bắt đầu chèo, anh ta ngồi quay về phía sau và kéo mái chèo để đẩy chiếc thuyền đi trên dòng nước.

Sherlock thấy chuyển đi lạ lùng và không yên tĩnh. Nước bì bõm dưới đáy thuyền và nhiều thứ trôi nổi trên sông mà nó cố không nhìn đến: chất thải của người, xác chuột chết, những thanh gỗ dài ướt đẫm phủ đầy rong rêu. Cái mùi quá kinh khủng đến nỗi nó phải thở bằng miệng, và ngay cả vậy nó vẫn chắc là nó vẫn có thể cảm thấy cái mùi đang phủ đầy lưỡi và cuống họng nó. Việc đó làm nó mắc ói. Có lúc một chiếc thuyền khác xuất hiện từ trong sương mù và vượt lên sát họ. Ai đó la lên chửi rủa, và người lái thuyền của họ đáp lại bằng một cử chỉ Sherlock chưa bao giờ trông thấy

trước đây nhưng nó có thể hiểu nghĩa.

Mất khoảng hai mươi phút để đến Rotherhithe, họ bước lên bờ theo những bậc thang gần như giống y những bậc họ đã bước xuống thuyền. Crowe dẫn đường đi lên trên.

Một ngõ hẹp lát đá cục chạy dọc theo bờ sông, bẻ cua ở cả hai đầu. Crowe dẫn Matty và Sherlock đi dọc theo con ngõ, vượt qua những căn nhà kho cao chót vót và những bức tường gạch, đi dọc theo bờ sông Thames nặng mùi và luôn men theo bóng tối ở bất kỳ nơi nào có thể. Sau khoảng mười phút ông dừng lại. Trước mặt họ là một trong những quán ăn có thể tìm thấy ở bất kỳ nơi đâu ở thủ đô. Tiếng nhạc chói tai của một cây piano đứng bị lạc nốt vọng ra qua cửa ra vào và cửa sổ, cùng một mớ lộn xộn những giọng ca đang hát những ca từ khác nhau cho cùng một giai điệu. Vài người phụ nữ đứng ở ngưỡng cửa và nhìn Amyus Crowe một cách thích thú trước quay đi khi họ nhìn thấy Sherlock và Matty.

“Tôi nghĩ nhà kho ở ngay khúc cua”, Crowe lẩm bẩm. Ông ta chú ý mọi thứ quanh họ, tìm các mối đe dọa. “Tôi đề nghị chúng ta kiểm tra lại vị trí khu đất và ổn định một chút”,

“Nếu chúng ta bị phát hiện thì sao?”

“Hồi ở Albuquerque, tôi là một kẻ săn người”, Crowe nói. “Tôi theo dấu vài trong số những gã nguy hiểm nhất. Có những thứ cần làm để giảm thiểu khả năng bị phát hiện. Để bắt đầu, đừng nhìn vào mắt, bởi vì các con thú phát hiện ra ánh mắt ngay. Nhìn ngang mọi thứ – nó sẽ nhạy hơn là nhìn thẳng, mặc dù các cậu sẽ không thấy màu rõ lắm. Đừng chớp mắt nếu còn giữ yên được, vì mắt được thiết kế để bắt lấy sự chuyển động, chứ không phải những

thứ bất động. Mặc quần áo màu êm – xám của đá, xanh của rêu, nâu của đất – không có những màu các cậu không thấy trong tự nhiên. Và không đeo bất kỳ thứ kim loại nào, vì kim loại không xuất hiện trong tự nhiên với số lượng lớn. Theo những quy tắc này, các cậu có thể đứng trước một bức tường gạch và người ta sẽ nhìn lướt qua cậu cho đến khi họ tìm thấy thứ gì đó hấp dẫn hơn”.

“Giống như ảo thuật”, Sherlock nói, không bị thuyết phục.

“Hầu như mọi thứ đều vậy trước khi cậu hiểu cách vận hành của nó”. Ông nhìn hai thằng bé soi mói. “Những vết cắt trên mặt cậu sẽ giúp cậu lẫn vào mọi người, Sherlock, nhưng cả hai cậu vẫn hơi sạch sẽ quá đối với nơi này. Cần làm cho các cậu trông dơ bẩn hơn một chút”. Ông nhìn quanh. “Được rồi, tôi cần các cậu lẫn lên mớ đá sỏi này một lúc. Làm cho bụi bám vào quần áo các cậu”.

“Việc đó không làm người ta nghi ngờ à?” Sherlock hỏi.

“Không, nếu cậu có lý do để làm chuyện đó”, Crowe giải thích. “Matty, xô mạnh vào ngực Sherlock”.

“Cái gì?” Matty phản ứng.

“Làm đi, còn Sherlock, dấn vào sau vai phải của cậu ta”.

Sherlock chợt hiểu. “Và cuối cùng chúng cháu đánh nhau trong cát bụi, việc đó sẽ giúp cho quần áo chúng cháu giống mọi người và giúp chúng cháu trở thành một phần của khu này. Nếu chúng cháu không phải dân địa phương, chúng cháu sẽ không đánh nhau ngoài đường”.

“Chính xác”, Crowe nói một cách hài lòng.

Sherlock vừa tính hỏi chúng nên đánh nhau trong bao lâu thì

Matty xô mạnh vào ngực nó. “Tao đã *cánh cáo* mày rồi!” Nó la lên.

Sherlock kiềm chế niềm thôi thúc bất chợt là đâm vào hàm Matty, thay vào đó nó đâm vào vai. “Sao mày dám”, nó hét lên, cảm thấy hơi ngượng.

Matty nhào người về phía Sherlock, kéo nó ngã xuống đất. Trong vài phút hai đứa đã lăn tròn trên đất, một đám mây bụi bốc lên xung quanh chúng. Sherlock ghì chặt tay Matty, nhưng những ngón tay Matty nắm chặt tóc nó và kéo đầu nó ra sau.

Sherlock đang dần tới chỗ quên là nó đang giả vờ đánh nhau khi cánh tay khổng lồ của Amyus Crowe nắm chặt vai của nó và Matty và nhắc bóng chúng dậy. “Được rồi cả hai cậu, tách ra”, ông nói, lại dùng giọng “Anh”, nhưng lúc này giọng thật thô lỗ.

Hai thằng con trai đứng đối mặt nhau, cố nín cười bất chấp tình huống nguy hiểm của họ. Sherlock liếc nhìn xuống người mình. Áo gi-lê của nó bị rách ở tay áo, và mọi thứ đều bị bao phủ bởi bụi và lông ngựa và thứ gì đó mà nó không muốn ngay cả nghĩ tới.

‘Đừng lo’, Crowe nói. “Sẽ giặt ra. Và nếu không ra, chúng ta sẽ mua thêm quần áo. Đồ dùng luôn có thể mua lại được.

Một thợ săn giỏi biết rằng có thể hy sinh bất kỳ thứ vật chất gì để theo đuổi con mồi”.

“Ông đã săn loài thú nào?” Matty hỏi.

“Tôi đâu có nói chúng là thú vật”, Crowe lầm bầm.

Trước khi hai đứa kịp hỏi thêm để hiểu rõ câu ông vừa nói, ông rời đi. Chúng đi theo, nhìn nhau băn khoăn.

Crowe ngừng ở một góc đường rồi liếc quanh. “Nhà kho ở

ngang đó”, ông nói lặng lẽ. “Sherlock, cậu ở đây. Ngồi xuống và chơi cái gì đó – vài viên đá nếu cậu có thể tìm thấy nó. Nhớ kỹ – không nhìn thẳng vào mắt ai hết, nhưng phải quan sát mọi việc bằng cách nhìn ngang. Matty đi với tôi. Cậu sẽ bao quát phía sau, và tôi sẽ di chuyển tới lui giữa hai cậu”.

“Ông đang muốn tìm gì?” Sherlock hỏi.

“Thứ gì đó khác thường. Thứ gì đó nói cho chúng ta biết chuyện gì đang xảy ra ở đây”.

Crowe và Matty bước đi, Crowe khoác vai Matty, còn Sherlock theo hướng dẫn ngồi xổm xuống và lấy vài viên sỏi trong đám bụi. Nó lăn chúng tới lui. Đó là một trò ngán ngẫm, nhưng đủ để giúp cho nó hòa lẫn với quang cảnh nơi đây, và nó nhận ra mình có thể nhìn thấy mọi việc xung quanh bằng đuôi mắt trong khi có vẻ như đang mãi chơi.

Căn nhà kho là một tòa nhà bằng gạch với mặt trước là hai cánh cửa gỗ lớn chiếm gần như toàn bộ bề mặt, có bản lề để mở cửa ra phía đường. Không có gì khả nghi ở đây, và Sherlock tự hỏi không biết họ có thật sự quan sát đúng chỗ không, hay chỉ chọn một cách ngẫu nhiên căn nhà này.

Crowe quay lại sau một lúc lâu tưởng như hàng giờ, nhưng có lẽ chỉ khoảng gần nửa tiếng. Mặc dù ông vẫn mặc bộ đồ lúc trước, và cũng không làm nó dơ một cách lộ liễu như nó và Matty, nhưng trông ông có vẻ nhếch nhác. Áo gi-lê cài lệch nút, làm vẻ ngoài của ông không cân xứng, áo sơ-mi tuột ra ngoài cái quần dài. Ông đi lướt nhẹ, mắt nhìn chăm chăm xuống đất ngay phía trước chân. Ông dừng lại gần Sherlock, ngồi tựa vào tường.

“Mọi thứ bình thường chứ?” ông thì thầm.

“Không có gì xảy ra”, Sherlock đáp, lặng lẽ.

“Cậu ổn chứ?”

“Chán quá”.

Crowe nén cười. “Xin chào mừng cậu đến cuộc săn. Sự nhàm chán sẽ kéo dài liên tục cho đến đúng giây phút vui vẻ và kinh hoàng”. Ông ngưng lại rồi nói tiếp: Tôi nghĩ là tôi phải bước vào cái quán ăn này một lúc, xem họ đang nói về chuyện gì”.

“Được. Ông mang cho cháu một ly nước được không?”

“Con trai, cậu uống nước sông Thames còn sạch hơn nước ở bất kỳ quán nào quanh đây. Nếu cậu đói hay khát hãy ghi nhận rồi gạt qua một bên. Đừng có cứ nghĩ về nó. Một người có thể sống ba hoặc bốn ngày không cần uống nước. Cứ tự nhủ với mình thế”.

“Ông nói thì dễ”.

Crowe cười lớn.

“Cháu có thể hỏi ông một việc được không?”

“Chắc rồi”.

“Ông đang làm gì ở Anh? “Công việc” mà ông đề cập lúc trước là gì?”

Crowe mỉm cười không vui, nhìn sang nơi khác, không nhìn mắt Sherlock. “Không phải để làm gia sư, chắc chắn là thế”, ông nói nhẹ nhàng, “mặc dù đó là việc giải trí hấp dẫn. Không, tôi được thuê bởi... à, nói là chính phủ Mỹ cho để hiểu, tìm kiếm một đám người đã phạm tội ác, hung tợn, làm những việc khủng khiếp trong suốt cuộc Nội chiến và tẩu thoát ra khỏi đất nước trước khi

bàn tay của luật pháp có thể chụp được vai chúng. Đó là lý do tại sao tôi biết anh cậu – anh ấy đã ký một thỏa thuận cho phép tôi ở đây. Và đó là lý do tôi đã xây dựng một hệ thống những người hữu dụng, đặc biệt ở bến tàu và ở cảng. Vì thế nên khi cậu bảo tôi gã Nam tước đang đẩy nhanh kế hoạch của hắn, bất kể là việc gì, tôi đã gửi yêu cầu tìm kiếm những chiếc xe ngựa của hắn. Và tôi phải nói là tôi đã ngạc nhiên vì người của tôi tìm thấy chúng quá dễ”. Ông nhìn lại Sherlock. “Thỏa mãn chứ?”

Sherlock gật đầu.

“Tôi không nói cho nhiều người biết chuyện này”, Crowe nói thêm. “Tôi rất biết ơn nếu cậu giữ bí mật”. Ông quay đi trước khi Sherlock kịp nói thêm bất cứ câu gì.

Sherlock tiếp tục với trò chơi của nó, lăn những viên sỏi tới lui, khi thời gian chậm chạp trôi, hết phút này tới phút khác. Nó tiếp tục quan sát cửa nhà kho, nhưng chúng vẫn đóng chặt và không có gì khuấy động. Nó bắt đầu nghĩ là tất cả bọn họ đang phí thời gian làm chuyện vô ích.

Một tiếng động bất chợt vang lên phía sau làm nó gần như quay lại và nhìn, nhưng nó ngưng lại kịp lúc. Nó để những viên sỏi lăn xa hơn, xoay người để lấy những viên sỏi và để mắt mình hướng lên phía quán ăn. Một cánh cửa mở và một nhóm người hiện ra, rõ ràng là đã say bét nhè. Họ giũ cột nhau một lúc, rồi quay người đi về hướng nó. Nó tập trung vào những viên sỏi, nghe xem họ có nói gì về nhà kho, về tổ ong, hay về Nam tước Maupertuis, hay bất cứ thứ gì liên quan đến bí ẩn không.

“Khi nào chúng ta đi?” một người hỏi.

“Khi tờ mờ sáng”, một người đáp. Giọng người này có vẻ quen quen, nhưng Sherlock không nhận ra là ai.

“Ai giữ bằng phân công?” giọng thứ ba hỏi.

“Ở trong đầu tao”, giọng thứ hai đáp. “Mày đi Ripon, Snagger đi Colchester, thằng Nicholson này sẽ có một chuyến đi dễ dàng đến Woolwich còn tao sẽ quay lại Aldershot”.

“Thay vì thế tao có thể đi Ascot không?” một giọng miền Bắc hỏi, có lẽ là của gã Nicholson.

“Mày đi nơi mày được phân công, ông trời con”, giọng thứ hai đáp. Khi đang nói, gã bước đến gần Sherlock. Chân gã đạp trúng hòn sỏi, đá nó qua đường hẻm. Không cố ý, Sherlock liếc mắt lên, và bắt gặp ánh mắt gã đàn ông.

Đó là Denny, gã mà Sherlock đã bám theo về nhà kho ở Farnham, gã đã có mặt khi tên Clem bạn gã nhảy xuống chiếc thuyền nhỏ tấn công Sherlock và Matty. Gã làm việc cho Nam tước Maupertuis.

Quá nhiều để phá mất sự vô hình. Mặt Denny ngay lập tức đỏ lên vì tức giận.

Sherlock lặn đi khi những cánh tay chộp lấy vai nó. Nó nhảy đứng lên và chạy nước rút xuôi con hẻm. Nó muốn chạy đến quán ăn, nơi có Amyus Crowe, nhưng những gã này chặn giữa nó và cửa quán ăn. Thay vì làm vậy, nó thấy mình chạy ngày càng xa Crowe, Matty và những gì nó biết.

Tiếng bước chân thành thịch đằng sau nó, tiếng vang của những bức tường ở những tòa nhà mà nó chạy qua. Hơi thở của nó

vướng ở cổ họng và tim nó đập nhanh như một sinh vật bị nhốt trong lồng ngực và đang chiến đấu để thoát ra ngoài. Đã hai lần nó cảm thấy những ngón tay sượt sau gáy và quờ quạng để nắm cổ áo nó, và hai lần nó phải giật thoát ra với một sự bùng nổ năng lượng điên cuồng. Những kẻ đuổi theo vừa thở vừa gầm gừ, ngoài những tiếng đó, tiếng thành thịch của những đôi ủng của chúng và tiếng đập của tim nó ra, cuộc rượt đuổi hoàn toàn trong yên lặng.

Khi chạy được nửa đường nó nhìn thấy con hẻm bị chặn bởi một bức tường gạch. Mắt Sherlock mở to. Nó đã lọt vào bẫy! Nó quay lại, cố gắng trong tuyệt vọng để xem nó có đủ thời gian để chạy ngược lại và tìm lối khác không, nhưng bọn chúng đang tiến tới gần. Chúng có năm người, nó nhận ra theo một kiểu kinh hoàng thầm lặng, và bọn chúng đều nắm trong tay dao hay những cây gậy nặng. Nó không thể còn sống mà thoát ra.

Một giọng nói đột ngột vang lên rất rõ ràng, trong đầu nó, và nó không thể nhận ra là giọng của anh nó hay giọng của Amyus Crowe hay của chính nó, nhưng giọng đó nói: “Hẻm và đường đều dẫn từ nơi này đến một nơi khác. Một con hẻm bị một bức tường gạch chặn lại là vô lý. Không có mục đích, vì thế không bao giờ nên được xây”.

Nó quay nhanh lại và nhìn chăm chăm lên bức tường gạch. Không cửa ra vào, không cửa sổ, không có gì ngoài một khoảng tối nhỏ ở một góc, nơi ánh sáng mặt trời lờ mờ không thể chiếu tới.

Và nếu như có một lối thoát ra, nó phải ở chỗ đó.

Nó chạy vào trong chỗ tối. Nếu không có gì ở đó thì hẳn nó đã tông thẳng vào bức tường gạch, tự đánh gục mình, nhưng có một

khoảng trống nhỏ. Một con đường thoát.

Lối đi hẹp chạy giữa hai tòa nhà. Nó chạy dọc theo, nghe tiếng la thất vọng từ phía sau khi bọn kia đang cố tìm lối ra tối đen. Từng gã một chạy ngật ngưỡng vào lối đi phía sau nó, tiếng thở phì phò của chúng dội vào tường gạch đứng.

Chạy ngoằn ngoèo trong bóng tối, Sherlock nhảy ra một con đường rộng với nhiều cánh cửa nằm dọc theo đường. Nó chạy tiếp, cảm giác những đôi ủng đang nện vào đá sỏi phía sau, và trượt bên trái vào một con hẻm khác, giúp nó có thêm được vài mét ưu thế. Một con chó nhảy xổ ra từ một chỗ trống nơi bức tường nó vừa chạy qua, nhưng nó đã thoát qua trước khi rằng con chó phập vào không khí. Thế vào đó, con chó quay sang những gã đang đuổi nó. Sherlock nghe tiếng sữa diên tiết và tiếng chửi rủa khi những gã đó cố thoát khỏi con chó. Nó nhắm mắt khi nghe tiếng chiếc ủng búa vào vật gì đó mềm. Con chó ẩng lên và lết đi mất.

Chạy trốn vòng qua một góc khác, nó xông vào một cặp nam nữ đang đi bộ dọc sông Thames, làm người đàn ông ngã sóng soài và bản thân nó thì ngã quay tròn ra phía sau.

“Thằng nhỏ ăn mày này!” người đàn ông la lớn, cố đứng lên. “Tao sẽ dạy mày một bài học!” Ông ta kéo tay áo lên, để lộ những bắp tay cuộn cuộn với những hình xăm màu xanh dương hình mỏ neo và những nàng tiên cá.

“Đừng đánh nó, Bill. Nó không cố ý!” Người phụ nữ nắm cánh tay của người đàn ông. Da của cô ta trắng xóa vì trang điểm vụng, môi như một vết cắt đỏ thẫm, mắt tô đậm bột đen. Kết quả là mặt cô ta trông giống cái đầu lâu. “Nó chỉ là một đứa bé!”

“Anh nghĩ nó là một thằng ăn trộm”, người đàn ông gầm lên lần nữa, nhưng lúc này đã bớt hung dữ.

“Có người rượt theo tôi”, Sherlock nói qua tiếng thở nặng nhọc. “Tôi cần giúp đỡ”.

“Anh biết họ làm gì với những thằng bé quanh đây”, người phụ nữ nói. “Em mong là mình không rơi vào tình cảnh đó.

Bill, làm điều gì đi. Giúp thằng bé đi”.

“Đứng đằng sau tao”, Bill nói. Tay áo xắn cao, rõ ràng là rất muốn đánh nhau mà không cần quan tâm đánh với ai. Sherlock trốn đằng sau người đàn ông to lớn khi những kẻ truy bắt tiến tới đứng thành vòng tròn.

“Đứng yên đó”, Bill nói, giọng anh ta trầm và hứa hẹn đầy bạo lực. “Để thằng nhỏ yên”.

“Không có cơ hội đâu”, Denny nói, gã đang đứng đầu trong năm tên. Gã giơ cao tay lên, và gã đang cầm một con dao. Ánh sáng lấp loáng dọc theo lưỡi dao như một dòng chảy sinh động. “Nó là của tui tao”.

Bill chồm lên giật con dao, nhưng Denny chuyển nó từ tay trái sang tay phải và đâm mạnh về phía trước, vào ngực Bill. Người đàn ông ngã quỵ xuống, ho ra máu, một ánh nhìn ngờ vực trên khuôn mặt như thể ông không chấp nhận được khoảnh khắc này, trong con hẻm này, là những giây phút cuối của đời mình.

Denny mỉm cười với Sherlock khi Bill ngã chúi về phía trước trên mặt đường sỏi. “Vớ mày”, hắn hứa hẹn, “sẽ không nhanh chóng thế đâu”.

 ả người Sherlock dường như đông cứng trong hoảng loạn và hoài nghi, rồi một cơn giận dữ chợt chạy qua người nó. Bước lên trước, nó thoi mạnh vào háng Denny. Gã gập người xuống, nghệt thở. Khi gã đổ sập xuống, Sherlock lùi lại và đá vào hàm gã. Một cái gì đó bị gãy. Gã thét lên qua cái miệng dường như bất thành linh bị khóa cứng một chỗ, và bị vẹo sang một bên.

Người phụ nữ đi cùng Bill cũng hét lên, một tiếng thét chói tai cắt vào không khí như một nhát dao.

Bốn gã khác nhìn nhau như không thể tin nổi, rồi xô tới vươn những cánh tay dơ bẩn túm lấy Sherlock. Các chi tiết khắc sâu trong đầu Sherlock: những móng tay cáu ghét, lông lá trên mu bàn tay chúng, máu đọng thành vũng trên đất, tiếng kêu thét của người phụ nữ và tiếng gào của Denny trộn lẫn trong tiếng rên không ngừng của cơn đau. Thế giới dường như chậm dần rồi ngừng lại, đông cứng, và rồi vỡ tan thành nhiều mảnh quanh nó. Nó quay về phía người phụ nữ, miệng khô khốc. “Cháu vô cùng tiếc”, nó nói.

Rồi nó bỏ chạy lần nữa. Hai gã đuổi theo, để Denny lại phía sau, ngã quỵ trên sỏi đá bên cạnh Bill. Người phụ nữ chỉ đứng đó, nhìn xuống cả hai, tiếng la hét của cô dần trở thành tiếng nức nở tắc nghẹn.

Quẹo qua một khúc cua, Sherlock trông thấy một tòa nhà mái vòm đồ sộ ở trước mặt. Nó trông hoàn toàn không hợp với cảnh khi nằm giữa khu đất trống trước đây được trồng cây bụi và cây cao. Vài con đường – đường lớn, không phải hẻm – dẫn từ tòa nhà

ra ngoài, và luôn nhộn nhịp người và ngựa đông nghẹt xung quanh bên ngoài. Bên cạnh đó Sherlock có thể nhìn thấy một bức tường đá và, xa hơn, là mặt nước xám xịt nổi sóng của sông Thames.

Sherlock chạy về hướng đó. Ở nơi có người, có thể an toàn.

Chạy hết tốc lực, nó chạy xéo vượt qua những người đàn ông và phụ nữ ăn mặc lịch sự và luồn phía dưới càng một chiếc xe ngựa, luôn di chuyển hướng về phía tòa nhà. Khi đến gần hơn, nó thấy tòa nhà được trang trí với những bức tượng và tranh khảm. Một lối vào lớn hiện ra lù lù trước mặt nó, nó chuyển hướng một chút để hướng thẳng tới. Phía sau nó là tiếng chửi rủa và la hét cho thấy những kẻ đuổi theo không bỏ cuộc.

Lối vào dẫn vào trong một sảnh tròn, được chiếu sáng bởi ánh mặt trời xuyên qua vô số những cửa sổ kính màu trên mái vòm. Ánh sáng làm không gian đại sảnh trở nên vui mắt, sắc sảo. Ở trung tâm tòa nhà là một khoảng trống lớn được bao quanh bởi một ban-công. Mọi người xếp hàng dọc theo bancông, nhìn chăm chăm xuống một thứ gì đó bên dưới. Lệnh sang một bên là một cầu thang rộng xoắn ốc vòng quanh rìa khoảng trống, đi sâu xuống dưới đất.

Sherlock lao nhanh qua, luồn qua đám đông người, chạy đến đầu cầu thang. Quay người lại, nó liếc nhanh về phía hai gã đang xô đẩy một cách thô bạo khi chạy qua đám đông. Một trong hai là một gã hói đầu với tai và mũi bị biến dạng, những chi tiết này làm một phần nhỏ não của Sherlock, cái phần đang không cố gắng một cách điên cuồng để tìm đường thoát thân, nghĩ rằng hẳn có thể từng là võ sĩ quyền Anh. Tên còn lại thì ồm nồm một cách đau lòng, với gò má cao và cái cằm nhọn. Chúng rõ ràng quyết tâm bắt

cho bằng được nó, bằng bất cứ giá nào. Có thể là nếu nó không đánh vỡ hàm Denny, chúng có thể từ bỏ, nhưng giờ chúng có mục đích. Một đồng bọn của chúng đã bị làm nhục, và vì thế Sherlock sẽ phải trả giá.

Nó xoay lại, và bắt đầu đi xuống cầu thang.

Cầu thang xoắn quanh các bên của một giếng trời cực lớn, thỉnh thoảng dẫn ra một ban-công nhưng rồi tiếp tục xuống sâu trong lòng đất. Có một mùi nổi lên trong giếng trời: một mùi hôi thối kết hợp giữa ẩm, rửa và mốc làm nó ngứa mũi và chảy nước mắt. Các bước chân của Sherlock dần theo một nhịp đều đặn khi nó chạy vòng theo đường xoắn ốc của giếng trời. Nó không biết có gì ở đáy, nhưng liếc ngang giếng trời một cái là nó biết điều gì đang chờ ở bên trên. Hai gã tay chân của Nam tước Maupertuis đang chạy xuống các bậc thang về phía nó.

Nó tăng tốc. Bất kỳ thứ gì ở cuối giếng trời cũng không thể tệ bằng cái chết chắc chắn và có lẽ kéo dài đang rượt theo nó.

Hình như những ngày gần đây nó đã bỏ ra khá nhiều thời gian để chạy hay đánh nhau, và ngay cả khi chân nó gõ đều xuống các bậc thang đá và tay nó bỏng rát khi chà xát vào lan can, có một phần tâm trí nó đang tự hỏi một cách điên cuồng: chính xác thì Nam tước Maupertuis nghĩ là nó biết gì và vì sao điều đó quan trọng đến mức phải giết người diệt khẩu. Chính xác là tay Nam tước đang dự tính chuyện gì, và tại sao Sherlock lại là vật cản cho dự định của hắn ta?

Nó ở đáy giếng trời trước khi nó nhận ra, chân nó vấp trên bề mặt phẳng. Nó đang đứng trong một cái sảnh được chiếu sáng

bằng đèn khí. Hai đường hầm hình vòm xuất phát từ sảnh dẫn đi cùng một hướng. Khung vòm cao khoảng bốn hay năm lần chiều cao của một người lớn, và làm bằng gạch nung, nhưng nhìn chỗ nào cũng thấy ẩm. Quan sát hướng của các đường hầm, nó biết lý do. Các đường hầm này đi thẳng ngay bên dưới sông Thames, và có lẽ sẽ kết thúc ở một cái giếng trời giống như thế này ở bờ bắc.

Nếu nó có thể chạy qua bờ bên kia, nó có thể thoát.

Nó lóng ngóng đi vào đường hầm bên trái. Có những người thông thả đi bộ như thể việc đi bộ bên dưới đáy sông là chẳng có gì đặc biệt. Có cả ngựa ở dưới này, chúng được dẫn đi một cách điềm tĩnh. Rõ ràng cả người lẫn ngựa chẳng ai nghĩ đến vô số tấn nước ở trên đầu họ chỉ vài mét, cách một lớp gạch nung và vữa.

Có những lúc lý trí là tai họa. Bây giờ là một trong những lúc đó. Sherlock biết loại áp lực đang đè lên trên vách hầm. Chỉ cần một vết nứt nhẹ là nước sẽ đổ vào, dìm chết tất cả.

Nhưng nó vẫn tiếp tục chạy. Nó không có lựa chọn.

Hay là có? Trong khi vội vã, nó để ý thấy hai đường hầm chạy song song nhau, và cứ khoảng mười mét lại thông với nhau bằng một đường hầm nhánh nhỏ hơn. Ở mỗi nhánh hầm, những người bán hàng London dựng những quầy bán đồ ăn, thức uống, quần áo và đủ loại đồ mỹ nghệ. Nếu nó có thể trốn trong một nhánh hầm, nó có thể chạy ngược lại theo đường hầm chính khác đến giếng trời, trở lại nhà kho tìm Amyus Crowe.

Nó chạy sát sang bên phải, hướng về phía cạnh hầm, và chạy vào trong nhánh hầm đầu tiên. Một người đàn ông quay về phía nó, khuôn mặt được soi tỏ trong vùng sáng của một cây đèn dầu treo

trên cây đinh ở quầy hàng bằng gỗ của anh ta. Da anh ta trắng xám và ẩm ướt, giống như những thứ đã sống dưới lòng đất quá lâu. Anh ta quần một cái mền cũ trên người, cái mền trở nên cứng ngắt vì bụi đất bám lâu ngày, trông giống như một chiếc áo giáp kỳ quái. Mắt anh ta giống như toàn trông đen, và anh ta ngó Sherlock lom lom một lát.

“Cậu có muốn một cái đồng hồ không?” anh ta hỏi đầy hy vọng. “Loại tốt. Luôn chạy. Luôn đúng giờ. Đồng hồ đứng loại to, loại nhỏ – bất cứ loại nào cậu muốn, tôi đều có”.

“Không, cảm ơn”, Sherlock nói, chen qua cái quầy. Đối với nó thời gian là vô nghĩa khi ở dưới sông Thames. Không mặt trời, không mặt trăng, không ngày và đêm. Thời gian chỉ trôi qua. Tại sao bạn cần đồng hồ?

“Đồng hồ bỏ túi thì sao? Cậu không bao giờ cần hỏi giờ nếu có một cái đồng hồ. Quý ngài trẻ tuổi như cậu, hãy tạo ấn tượng với các quý cô bằng một chiếc đồng hồ gắn dây chuyền. Bạc thật. Có chạm khắc. Cậu có thể để hình người yêu ở bên trong”.

Bạc thật, có chạm khắc, và chắc chắn là hàng ăn cắp. “Cảm ơn”, Sherlock nói, hực hơi, “nhưng cha tôi có tiền. Chút nữa ông ấy sẽ đến đây. Hãy bảo ông ấy tôi muốn một cái đồng hồ, và đừng để ông ấy đi mà không mua một cái”.

Người chủ quầy mỉm cười, nhắc Sherlock nhớ đến loài giáp xác săn mồi nấp bên dưới tảng đá, chờ đợi con mồi cả tin đi ngang qua.

Sherlock nhìn chăm chú quanh rìa của đường hầm nhánh trở về phía giếng trời nó vừa đi qua, và nguyên rửa. Những kẻ đuổi

theo nó đã tách ra. Một tên rượt theo nó theo hướng đường hầm bên trái, nhưng kẻ còn lại đang tiến theo đường hầm bên phải. Hắn đang chen qua đám đông, mắt liếc nhìn một cách nghi ngờ tất cả những thanh niên dưới hai mươi tuổi, để phòng xa. Bọn chúng biết rõ khu này hơn nó.

Nó quyết định chờ cho gã này đi qua khỏi lối vào của đoạn nhánh, rồi nó sẽ đi theo hướng ngược lại. Nhưng dự định của nó vỡ tan ngay bởi một sự hỗn loạn bất ngờ phía sau. Xoay lại, nó thấy người chủ quầy hàng đang cố ấn một chiếc đồng hồ báo thức nhỏ vào tay gã đang đuổi theo Sherlock ở đường hầm bên trái – gã hói với hai cái tai bấp cỏi[5] và cái mũi bẹp. Gã đẩy người kia ra, miệng chửi rủa, nhưng người chủ quầy hàng vẫn xấp lại, bên dưới cái mền trông anh ta càng lúc càng giống một loài giáp xác nào đó sống dưới đáy đại dương. Anh ta nhét lại vào tay gã cái đồng hồ, miệng la hét, “Mua cho con trai anh đi! Mua cho con trai anh!” Gã cự vố sĩ quyền Anh đẩy anh ta ra xa lần nữa, lần này mạnh hơn, cùng lúc đó anh ta va phải cái đèn dầu và làm nó đập mạnh vào tường. Cái đèn vỡ và dầu chảy tràn ra trên tấm mền của chủ quầy hàng. Bức đèn, vẫn còn ướt, cũng rớt xuống cái mền, làm nó bốc cháy.

Ngọn lửa lan nhanh khi người chủ quầy còn đứng yên đấy. Rồi, đập mạnh hai cánh tay xung quanh, anh ta nhảy bổ vào đường hầm chính bên trái. Mọi người lùi ra xa trong hoảng loạn. Người chủ quầy hàng đâm sầm vào một khách bộ hành, và ngọn lửa lan nhanh sang chiếc áo khoác ngắn của người đàn ông đó. Người đàn ông nghiêng người sang bên, phải mạnh lên ngọn lửa, nhưng chỉ

thành công trong việc làm ngọn lửa lan sang chiếc váy phòng nhiều tầng của một phụ nữ bên cạnh. Một con ngựa đang được dẫn đi trong hầm, lồng lên trước ánh lửa, kéo lê chủ của nó phía sau.

Trong vài giây căn hầm sôi sục lên vì lửa. Quần áo bắt lửa nhanh chóng, tiếp theo là những tấm vải phủ trên các quầy hàng, và ngay cả gỗ quầy hàng cũng tự bắt lửa, dù đang ẩm. Khói và hơi bao phủ căn hầm thành một màn sương mù đặc ngột. Hoảng sợ, Sherlock chạy ngược ra khỏi nơi khói lửa và đi vào đường hầm chính bên phải, nơi may sao không có lửa.

Nhưng vẫn còn một kẻ đuổi theo trong đó.

Một bàn tay lông lá chụp lấy vai nó.

“Bắt được mày rồi, thằng lỏi”. Gã đàn ông gầm gừ. Bên dưới cổ tay áo khoác của gã đen xì vì những vết mồ hôi cũ đến mức chúng trở nên nhờn và cứng lại. Mùi bốc lên từ quần áo gã thật không thể diễn tả nổi.

Sherlock cố vùng vẫy, nhưng vô dụng. Những ngón tay gã bấu chặt vào vai nó.

“Denny sẽ muốn nói vài câu với mày”, gã thì thầm, đưa mặt sát gần mặt nó. Hơi thở của gã có mùi như chuột chết.

“Và tao không tin là mày sẽ thích điều anh ta nói”.

Sherlock vừa muốn trả lời thì thấy sàn của đường hầm đang nhúc nhích dưới làn khói, nhấp nhô như thể nó đang cử động. Và rồi nó nhận ra sàn của đường hầm cử động thật. Cử động với những con chuột. Bị lừa lừa ra khỏi các hang hốc, bọn chúng đều đổ về một hướng để tìm sự an toàn. Một tấm thảm chuột sinh động

với những bộ lông bờm xồm màu nâu và đen đang lướt nhanh dọc theo sàn của đường hầm. Người và ngựa hoảng hồn lùi xa ra khỏi đám lông, răng và đuôi. Một đứa bé bị ba mẹ kéo đi, trượt chân và ngã. Đám chuột bò qua, trườn lên trên mặt nó.

Gã đang túm chặt Sherlock buông lỏng tay khi đàn chuột cuộn cuộn ở mắt cá chân gã, cắn hấn bằng những cái răng nhỏ. Miệng chửi rủa, gã đập đàn chuột bằng hai bàn tay to như cái cuốc. Sherlock vùng thoát ra khỏi gã và lộn vào trong đám sinh vật sống động, túm lấy đứa bé đang chìm dưới đám thủy triều sôi sục. Những cái vuốt tí hon cào rào rạo trên cánh tay, lưng, chân và da đầu nó. Sherlock ngửi thấy mùi khó chịu, khô khốc, như là mùi nước tiểu lâu ngày. Những ngón tay nó chụp được một cánh tay nhỏ, và nó kéo mạnh lên. Một cô bé nhỏ xuất hiện từ cơn lũ chuột, đôi mắt mở to và miệng đã há ra để gào thét. “Em an toàn rồi”, Sherlock nói, ấn mạnh bé vào cánh tay của cha mẹ cô, họ đang đánh và đá để ngăn những con chuột xáp lại gần. Họ chụp lấy cô bé từ nó và ôm chặt con.

Và rồi làn sóng chuột cũng đi qua, chỉ còn lại vài con yếu ớt và què quặt. Sherlock có thể thấy chúng chạy tán loạn theo cả hai hướng, tránh xa đám khói vẫn còn bốc ra từ hầm nhánh. Gã lúc này giữ chặt Sherlock vẫn đang phúi một cách tuyệt vọng vào quần áo của gã, bên dưới đó Sherlock thấy có những chỗ lồi lên đang di động, đó là những con chuột chạy tìm nơi an toàn và mắc kẹt trong đó. Sherlock xoay người và chuẩn bị chạy về bờ nam của con sông thì nó bỗng nhớ tới hai gã còn đồ còn lại. Bọn đó chắc chắn vẫn chờ ở bên trên giếng trời. Không, cơ hội tốt nhất của nó là đi về

hướng còn lại. Nó chạy theo đường hầm, về bờ bắc của con sông. Nơi đó có những chiếc cầu bắc qua sông, và những người chèo thuyền. Nó có thể tìm được đường quay về. Cuối cùng là thế.

Sherlock đi dọc theo hầm, ngày càng rời xa đám cháy. Những người đàn ông mặc đồng phục và cầm những xô nước chạy ngang qua nó, một đội chữa cháy ô hợp được trả tiền để giữ an toàn cho đường hầm. Nó phớt lờ họ, tiếp tục đi.

Cuối cùng nó cũng tới bờ bắc sông Thames. Giếng trời ở đó, với đường cầu thang xoắn ốc, hết như bản sao của cái giếng trời ở bờ nam. Nó lê bước lên các bậc đá, sức lực hầu như cạn kiệt. Nó phải dừng lại ở mọi chiều nghỉ để lấy hơi.

Từ nơi tối tăm đi lên ánh nắng ban trưa cũng giống như từ địa ngục được lên thiên đàng. Mùi không khí ngọt ngào, và làn gió thổi nhẹ làm dịu mát làn da nó. Nó ngừng lại một lúc, mắt nhắm chặt, tận hưởng những cảm giác. Thật đơn giản, và thật hoàn hảo.

Khu vực phía bắc của đường hầm có vẻ sầm uất hơn phía nam. Các cầu tàu tấp nập đủ cỡ tàu, hàng hóa được bốc lên và xuống các ván cầu bởi những người phu khuân vác vạm vỡ. Sherlock đi dọc theo bờ sông Thames, vượt qua những chiếc tàu, tìm kiếm một cây cầu để có thể đi ngược về hướng bên kia. Nó biết có những cây cầu bắc qua sông Thames, nó chỉ không chắc là những cây cầu đó ở đâu so với Rotherhithe và đường hầm. Tuy nhiên xét về logic thì nếu đi bộ đủ lâu, nó sẽ tìm thấy một cây cầu thôi. Giả sử nó đang đi đúng hướng – tất nhiên là về phía trung tâm thành phố hơn là ra khỏi trung tâm – nhưng nó biết rằng nếu đường hầm ở khu Đông London, thực sự là như vậy, và nếu nó vượt qua đường hầm từ

nam lên bắc, như nó đang làm, rồi quẹo trái ở cổng đường hầm, nó có thể đi đúng hướng. Khách sạn Sarbonnier, nơi Amyus Crowe đặt phòng, nằm khoảng gần sông Thames, và cũng ở bờ bắc, vậy nếu nó đi bộ đủ xa thì nó sẽ gặp khách sạn, nhưng điều nó thật sự muốn là đi bằng qua sông quay trở lại tìm Amyus Crowe và Matty Arnatt.

Sau khoảng nửa giờ nó tìm thấy một cây cầu: khá lớn, với hai tòa tháp đôi bằng đá xám nối với nhau bằng một đường vượt có mái che với nhiều cửa hàng và quầy hàng. Nó mệt mỏi đi qua, phớt lờ những lời kèo nài của những người bán hàng cố bán cho nó mọi thứ từ cả một con bò mộng đến một cây súng lục. Đối với nó, dường như mọi thứ đều có thể ở London, nếu bạn sẵn sàng trả tiền.

Ở bờ nam của cây cầu tháp nó quẹo trái lần nữa, đi bộ dọc theo các đường, phố, ngõ, hẻm và trong vài trường hợp là trên bờ vài bức tường dày để tìm đường quay về căn nhà kho ở Rotherhithe nơi nó bị lạc mất Amyus Crowe và Matty. Những cây cột buồm vươn lên không trung dọc theo bờ sông, làm nên một rừng cây thanh mảnh. Mùi của sông Thames là mùi thường trực của phân người. Nếu Mycroft làm việc mỗi ngày ở nơi này thì anh ấy xứng đáng được thưởng huân chương vì đã sống sót.

Khoảng một dặm từ cầu tháp, Sherlock đi ngang qua một chiếc tàu đang được một nhóm bốc vác chất hàng. Đắm mồ hôi và đang chửi rủa, họ cố khiêng những cái thùng to dùng lên cầu tàu mà không làm rớt nó xuống sông. Một điều gì đó về kích cỡ và hình dáng của những cái thùng lôi cuốn sự chú ý của nó, nó đến gần

hơn, núp trong góc khuất của một tòa nhà gần đó.

Một gã vạm vỡ trong chiếc áo khoác màu xanh lính thủy đang đứng một bên, quan sát một xấp giấy được ghim trên bảng. Thỉnh thoảng gã dùng viết chì ghi chú, sau khi liếm đầu bút.

Những cái thùng này giống như những cái Sherlock đã thấy trong vườn của tòa nhà trang trại nơi nó bị bắt – những tổ ong với các mặt hông lỏm chỏm và lát bằng những thanh gỗ mỏng. Và ở gần đó là hàng chông, hàng chông khay gỗ mà nó từng thấy được đút vào bên dưới tổ. Hiện chúng được bọc bằng giấy sếp, nhưng hình dáng của chúng không thể nhầm được.

Nó đã tình cờ xen vào hoạt động của Nam tước Maupertuis.

Đây chính là lý do vì sao Denny và băng của hắn đang ở đây!

Sherlock nhích đến gần hơn, quan sát. Vài tổ ong đang được chất lên một tấm pa-lét, sau đó khối hàng này sẽ được những người bốc vác nhể nhại mồ hôi kéo lên bằng dây và thả xuống hầm tàu. Có Chúa mới biết bằng cách nào những con ong được giữ không tấn công *những người này* như hai người bất hạnh ở Farnham. Có lẽ gã Nam tước có một phương pháp nào đó để làm dịu chúng.

Trong khi Sherlock quan sát, sợi dây nâng một góc cái pa-lét đang lắc về phía mạn tàu bỗng đứt phụt. Tấm pa-lét bị đổ nghiêng, và bốn tổ ong trượt ra. Những tổ ong rơi, quay chậm chậm, và vỡ thành nhiều mảnh gỗ vụn khi va vào những phiến đá bên dưới.

Những gã đàn ông từ bên hông tàu chạy ra mang theo những chiếc xô bằng thiếc có vòi. Thứ gì đó bên trong xô tạo ra khói, và

làn khói dường như đang ru ngủ bọn ong. Một vài con thoát ra, nhưng phần lớn ở lại gần cái tổ bị bể, bay loạn choạng như những kẻ say. Những tấm bọt được ném lên phần còn lại của tổ ong, và mọi thứ được kéo lê trên đá cuội và thả xuống dòng nước xiết ngầu bọt của con sông Thames. Sherlock cho là hầu như không thể dựng lại tổ ong sau khi nó đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

“Sherlock?”

Một giọng nói khẽ gọi tên nó. Nó liếc quanh từ chỗ nấp.

Không phải là giọng của Amyus Crowe hay Matty Arnatt.

“Sherlock?” Giọng nói giờ đây gấp gáp hơn. Mắt nó quét cả khu vực, và bất thành linh nhận ra một bóng người khác, đang giấu mình như nó phía sau một chõng kiện gỗ. Bóng của một đứa con gái.

“Virginia?”

Cô bé đang mặc cái quần chèn để cưỡi ngựa, và một cái áo gi-lê khoác bên ngoài cái áo cánh trắng bằng vải lanh.

Cô liếc nó, mắt mở to. “Cậu đang làm gì ở đây?” cô rít lên.

Sherlock luồn qua chỗ cô bé. “Phải mất nhiều thời gian mới giải thích được hết”, nó nói.

Cô bé nhìn nó từ đầu xuống chân. “Cậu đã làm gì?”

Nó cân nhắc một chút. “Bơi trong đám chuột cống”, sau cùng nó nói. “Cùng những thứ khác. Còn chuyện của cậu?”

Cô bé nhìn tránh sang hướng khác, lúng túng một cách không ngờ. “Mình không muốn bị bỏ lại đằng sau khi cánh đàn ông đang vui vẻ”, cô thì thầm, “vì vậy mình thay bộ đồ cưỡi ngựa và đi theo

mọi người”.

“Bọn mình đi xuôi dòng. Trên một chiếc *thuyền* . Làm thế nào cậu theo bọn mình được?”

Cô bé nhìn nó một cách lạ lùng. “Trên một chiếc thuyền khác, tất nhiên rồi. Mình chỉ bảo người lái thuyền đi theo các cậu. Anh ta hơi buồn cười vì chuyện đó, nhưng mình có tiền của cha cho, và tiền đó làm anh ta bình tĩnh lại. Trong khi cậu đang quan sát nhà kho, mình quan sát cậu. Rồi mình thấy vài gã đàn ông đi lối này, và cha và các cậu dường như ở cùng chỗ, vì vậy nên mình theo chúng đến đây”.

“Mình không hề trông thấy cậu”, Sherlock nói, không tự tin lắm.

“Cha đã dạy mình tất cả mách theo dõi của ông ấy”, cô bé nói một cách hãnh diện. “Nếu mình theo dõi cậu, thì “không hề” sẽ là điều cậu có thể thấy được”. Cô bé ngừng lại, vươn tay ra chạm nhanh vào cánh tay nó.

“Chuyện cậu làm nguy hiểm đến kinh ngạc”, Sherlock nói, “nhưng mình vui khi trông thấy cậu”.

Cô bé nhún vai. “Tốt hơn việc ở lại khách sạn chờ mọi người quay lại”.

“Nhưng sao lại theo dõi mình? Sao cậu không đi tìm cha cậu và kể cho ông nghe việc gì đã xảy ra?”

“Mình theo dõi cậu”, cô bé nói một cách đơn giản, “chứ không phải theo cha mình. Mình bị mất dấu ông”.

“Nhưng một cô gái... một mình... ở đầu phía đông của London...” Nó bỏ lửng, không chắc sẽ kết thúc như thế nào. “Có vài kẻ rất xấu

quanh đây...” cuối cùng nó bắt đầu, và rồi tuôn ra chính xác mọi thứ xảy ra trưa hôm đó, bao gồm cả vụ đâm người và đám cháy trong đường hầm. Nói về chuyện đó làm nó thấy khuây khỏa, nhưng cũng cùng lúc đó Sherlock biết là cuộc sống của nó đang ở trong tình trạng nguy hiểm chết người, và nó vẫn không biết tại sao lại như thế.

“Bọn chúng sẽ không được phép cho qua chuyện này”, Virginia nói khi nó chấm dứt câu chuyện. “Cậu chỉ là một đứa trẻ. Bọn chúng có thể giết cậu”.

“Cậu cũng là một đứa trẻ”, Sherlock phản đối yếu ớt.

Virginia mỉm cười. “Mình không nói theo ý đó”, cô bé nói. “Ý mình là chúng ta không nên bị vướng vào những chuyện như thế này”.

“Nhưng chúng ta đã dính vào rồi”, Sherlock lưu ý. “Và dù bất cứ điều gì xảy ra, chúng ta cũng phải ngừng nó lại”.

“Ừ, Mình đã chuẩn bị. mình cải trang giống một thằng bé. Mình tìm được một cái mũ”, Virginia nói một cách hãnh diện, kéo nó ra từ bên dưới nơi cô núp. Nó là một cái mũ vải có lưỡi trai. Cô bé vuốt tóc lên phía sau đầu bằng một tay và đội cái mũ lên đầu bằng tay khác. Với mái tóc được giấu kín và chiếc áo khoác kín đáo, Sherlock có thể hiểu làm cách nào cô bé có thể bị nhìn lầm là một thằng bé. Và tất nhiên là cô bé đang mặc cái quần chèn. Các cô bé mặc váy đầm chứ không mặc quần chèn. Những người chưa biết cô từ trước không có lý do nào để nghi ngờ cô.

“Do cả hai chúng ta đều ở đây”, nó nói, “chúng ta phải nhân cơ hội để khám phá xem chiếc tàu ấy sẽ đi đến đâu”. Nó nhìn quanh

tìm người đàn ông đã thấy lúc nãy – gã cầm một xấp giấy tờ. “Mình nghĩ gã đó là quản lý ụ tàu, quản lý bến tàu, hay gì đó. Chúng ta có thể hỏi gã”.

“Hỏi thế nào?”

“Cha cậu có chỉ cho mình vài mẹo hay để hỏi”.

Nhìn quanh, canh lúc không ai quay mặt về phía chúng, Sherlock dẫn Virginia ra khỏi chỗ trốn và đi băng qua bến cảng đến một nơi mà chúng có thể ngồi lên bức tường đá nhìn ra sông Thames. Nó có cảm giác gáy nhồn nhột, cho thấy có ai đó đang quan sát nó, nhưng nó dần cảm giác đó xuống. Denny bây giờ có lẽ đang ở chỗ bác sĩ hoặc nhà giải phẫu, nó giả thiết là hấn bị vỡ hàm, và có cơ hội là những gã khác không đủ thời gian nhìn kỹ nó để phân biệt nó với những đứa khác – đặc biệt là lúc này, khi cả người nó bám đầy bụi bẩn, khói, lông chuột và có thể là những thứ khác nữa mà nó không muốn xem là gì. Bọn nó ngồi đó, trên bức tường, gần nửa tiếng, nói linh tinh và hầu như trở thành một phần của quang cảnh xung quanh. Tay quản lý ụ tàu, hay quản lý bến tàu, hay gì đó cuối cùng cũng xong việc với chiếc tàu và bắt đầu đi bộ về hướng chúng. Ngay khi anh ta đi ngang, Sherlock nhìn lên và nói: “Chào ông chủ. Có việc gì làm trên ụ tàu không?”

Người đàn ông nhìn thân hình mảnh khảnh của Sherlock một cách khinh miệt. “Năm năm nữa quay lại đây, con trai”, ông ta nói với giọng không thân thiện. “Gắn thêm cơ bắp vào mấy cái xương đó đi”.

“Nhưng tôi phải đi khỏi London”, Sherlock tiếp tục nói với giọng van nài. “Tôi có thể làm việc chăm chỉ, thật sự là như vậy”. Nó chỉ

về hướng chiếc tàu gần đó. “Còn bọn họ – có vẻ như họ thiếu người làm”.

“Bọn họ hả”, người đàn ông nói. “Trưa nay có ba người đàn ông xuống tàu. Nhưng tao không nghĩ mày có thể thay bất cứ ai trong họ, hơn nữa, chiếc tàu này không đi xa khỏi London”.

“Tại sao?” Sherlock hỏi.

“Nó chỉ đi Pháp rồi quay lại. Quay đầu nhanh, không ngừng lại cho thủy thủ xuống đâu”. Ông ta cười lớn. “Mày muốn đi xa một thời gian, hãy gia nhập Hải quân. Hay là cứ loanh quanh đây đủ lâu, rồi họ sẽ đến và nhận mày”.

Ông ta bỏ đi, vẫn còn cười.

“Pháp ư”, Sherlock nói, ngạc nhiên. “Hấp dẫn đây”.

“Nghe nói mày muốn gia nhập thủy thủ đoàn của chúng tao”, một giọng vang lên từ mũi tàu. Sherlock nhả mặt và nhìn ra chỗ khác, nhưng giọng nói vẫn tiếp tục: “Tại sao mày và đứa con gái không lên tàu? À, tội tao biết nó là con gái. Tội tao quan sát tội mày từ lúc tội mày xuất hiện. Cái gì, tội mày nghĩ tội mày vô hình hả?”

Sherlock liếc dọc theo bến tàu nơi người quản lý ụ tàu dừng lại và đang nhìn lại hướng bọn nó. Mặt ông ta lộ ra sự thông cảm nhưng lạnh lùng. Ông ta sẽ không làm gì để giúp đỡ.

Sherlock nắm tay Virginia và kéo lên. “Đến lúc phải đi”, nó nói, nhưng khi xoay lại nó nhận ra một nửa vòng tròn lỏng lẻo gồm thủy thủ và bocc xếp đang bao quanh nó, chúng xuất hiện như từ dưới đất chui lên. Kéo Virginia, nó cố chạy, nhưng những cánh tay to khỏe đã bắt lấy nó và kéo nó ra khỏi cô bé. Nó chống trả lại,

nhưng những cánh tay giữ nó quá chắc. Nó thấy Virginia cũng đang chống cự, nhưng rồi một bàn tay ép chặt một miếng vải lên mặt nó. Miếng vải có mùi thuốc, đắng và nặng. Nó gần như ngộp thở. Và nó bỗng thấy mình ngã vào một cái hố không đáy có màu đúng màu mắt Virginia, và nó nhanh chóng ngủ thiếp đi, và mơ thấy những chuyện kinh khủng.

 Trong giấc mơ Sherlock đang vật lộn với một con rắn khổng lồ. Thân hình nó mập như một thùng bia tròn, ngút mắt toàn những cơ bắp và xương, và đầu nó là một hình tam giác bẹt viền hàng răng như lưỡi cưa. Con rắn và nó đánh nhau trong nước, nhưng trong giấc mơ nước đặc và tối như là mật đường. Con rắn từ từ cuộn mình quanh nó và siết chặt, cố gắng bẻ gãy xương sườn nó, nhưng nước cản trở cử động của con rắn và Sherlock có thể làm lỏng vòng siết bằng cách đẩy mạnh tay và chân. Nhưng rồi khi nó cố gắng thoát ra, nước khiến nó bơi chậm một cách kỳ lạ và con rắn một lần nữa lại cuốn người quanh nó và chậm rãi siết chặt. Và mọi thứ cứ tiếp diễn, nó thì không ngừng vùng vẫy để thoát ra và con rắn cũng không ngừng cố gắng siết chặt nó.

Cuối cùng khi thức giấc, nó thấy như thời gian đã trôi qua rất lâu. Miệng và cổ họng nó khô khốc, và khi nó chạm lưỡi lên vòm miệng thì nó dính lên đó. Nó cũng rất đói.

Sau một lúc, nó cảm thấy đủ mạnh để ngồi dậy mà không cảm thấy mệt. Và cái nó thấy đã xua tan đi mọi cảm giác khát, đói và mệt mỏi của tâm trí.

Nó đang nằm trên chiếc giường bốn cọc giường với một màn thêu bao phủ. Gối mềm mại, nhồi lông ngỗng, và tường căn phòng được ốp gỗ sồi. Sàn trơn bóng và được phủ bằng tấm thảm có những họa tiết trang nhã.

Đúng là căn phòng nó đã tỉnh dậy sau khi bị đánh gục ở trận đấu quyền Anh ở hội chợ – ở ngoại vi Farnham.

Nhưng làm sao có thể? Nam tước Maupertuis đã rời bỏ tòa nhà trang viên đó, mọi thứ trống trơn. Chắc chắn hẳn không thể trở về nhanh đến thế? Vậy tại sao nó có thể nằm ở đây?

Sherlock lăn ra khỏi giường và đứng thẳng lên. Nó vuốt mặt và bất ngờ thấy có gì đó khô queo dính xung quanh miệng và mũi nó. Nó chà tay lên, gỡ thứ đó ra khỏi da, rồi nhìn lên đầu các ngón tay. Chúng được bao bởi những sợi màu đen. Nó vê các ngón tay, rồi ngạc nhiên nhận ra những sợi này hơi dính.

Nó nhớ lại tấm vải đã bịt miệng nó. Là một loại hóa chất nào đó? Một loại thuốc làm nó ngủ? Hình như là thế.

Và Virginia! Một cơn giận bùng lên xua tan đi toàn bộ cơn buồn ngủ và buồn nôn còn sót lại trong máu nó. Chuyện gì đã xảy ra với Virginia? Nếu ai đó làm hại cô bé, nó sẽ –

Nó sẽ làm gì? Giết chúng ư? Nó còn không biết chính xác nên làm gì lúc này.

Nó phải tập hợp thông tin. Tìm ra điều gì đang diễn ra và tại sao. Chỉ có như vậy nó mới có thể làm được điều gì đó.

Sherlock bước đến tấm rèm và kéo ra, mong là nhìn thấy mặt đất màu đỏ khô cằn và hàng trăm tổ ong đặt bên ngoài như lần cuối nó ở căn phòng này, nhưng điều nó thấy làm nó bước loạng choạng về phía sau vì kinh ngạc.

Không xa căn nhà là biển với bãi cát xám đang hứng những đợt sóng cuộn cuộn tung bọt trắng xóa trải ra đến tận đường chân trời thẳng tắp. Bầu trời xanh tươi. Sherlock có thể trông thấy những cánh buồm thấp thoáng xa xa.

Nó nhắm mắt lại và suy nghĩ. Liệu nó có bị ảo giác? Có thể lắm, nó nghĩ, nhưng giấc mơ về con rắn và mặt nước trông như nước mặt đường đã bị một cảm giác kỳ quái và phi lý làm hỏng. Nếu nhìn lại, cảm giác đó có nghĩa là nó ít nhiều biết mình đang mơ, trong khi cảm giác *này* quá rõ ràng và hợp lý.

Có khi nào quang cảnh bên ngoài cửa sổ chỉ là một bức vẽ hoàn hảo tạo ấn tượng về bờ biển, biển và bầu trời xanh trong khi nó chỉ là những sắc màu trên toan hoặc trên giấy bìa? Nó mở mắt ra lần nữa và nhìn. Ở phía xa, liệng vòng trên đỉnh các con sóng là những thân ảnh hình chữ “w”, chuyển động khi nó quan sát: những con chim biển đang cưỡi lên sóng. Cái này không thể giả trong bức vẽ được. Mọi thứ ngoài đó đều là thật.

Và vì không có biển ở gần Farnharm, kết luận logic là nó không còn ở gần Farnharm nữa, và có thể thậm chí không còn ở nước Anh. Tay quản lý cầu tàu nói chiếc tàu này sắp đi Pháp. Điều này có thể giải thích về các ngọn núi. Còn căn phòng? Điều này cũng bình thường như việc Nam tước Maupertuis là một kẻ bị lệ thuộc vào thói quen, và hấn thích mọi thứ quanh hấn càng quen thuộc càng tốt, cho dù hấn đang ở đâu. Giả sử tòa nhà trang viên ở bên ngoài Farnharm không phải là nhà của tổ tiên để lại, hấn chỉ cho sửa sang và thiết kế lại cho giống với một nơi nào đó hấn coi là nhà. Đây có phải là cái *chateau* Pháp đó không? Có phải từ đó có nghĩa là lâu đài trong tiếng Pháp không?

Cảm giác hài lòng một cách mơ hồ với chính mình vì đã phát hiện ra điều mà nó nghi ngờ đã làm nó bối rối và bất ổn, nó không quay đầu lại cả khi ổ khóa kêu lách cách và cánh cửa phòng ngủ

mở ra vào trong. Nó đã biết là nó sẽ thấy gì ở đó – hai gã gia nhân mặc quần chên màu đen, vớ đen, áo gi-lê đen và áo khoác ngắn đen, mang mặt nạ màu đen có khoét hai lỗ trên mắt. Y như lần trước. Nó đếm trong đầu đến mười rồi xoay lại. Nó gần đúng – hai gã hầu đứng ngay ngưỡng cửa với trang phục như nó nhớ – nhưng còn gã thứ ba đang đứng ngay giữa cửa. Trên thực tế gã này gần như lấp đầy cửa ra, hấn quá to lớn. Cánh tay gã to như đùi của một người đàn ông bình thường trong khi chân gã to như thân cây. Bàn tay có kích cỡ và hình dáng như lưỡi xẻng, nhưng đầu gã lôi cuốn tất cả mọi sự chú ý hơn tất cả những thứ khác. Gã hói, nhưng da đầu được phủ đầy những vết sẹo màu nâu ngoằn ngoèo làm đầu gã, khi mới nhìn, giống như có đầy đủ tóc. Hấn mặc một áo khoác da dài màu nâu, bên ngoài một bộ đồ màu xám rộng thùng thình, và cách cắt của cái áo khoác kết hợp với thân hình hộ pháp làm gã nhìn càng to hơn.

“Nam tước muốn gặp mày”, gã nói, giọng giống như tiếng rít của cối xay đá.

“Thế nếu như tôi không muốn gặp Nam tước thì sao?” Sherlock nói với giọng không chút cảm xúc. Hai gã hầu liếc nhìn nhau, nhưng gã sẹo chỉ lắc nhẹ đầu. “Ý của Nam tước là ý Chúa. Không có ý muốn nào khác có nghĩa trừ ý của ông ta”.

“Nếu tôi từ chối không đi?”

“Thì tụi tao xách mày lên và mang đi”.

Sherlock biết nó đang hành động như một đứa trẻ, nhưng nó muốn bọn chúng biết là nó không phải là một người tù thụ động – và nó có ý kiến riêng của mình. “Thế điều gì xảy ra nếu tôi bám

chặt khung cửa và không thả ra?”

“Thì tụi tao bẻ gãy những ngón tay của mày rồi mang mày đi”. Gã đàn ông cười mỉm, nhưng không có vẻ gì là đùa trong câu nói. Chỉ có hai hàm răng nhe ra, giống như một con cạp chuẩn bị vồ mồi. “Tất cả những gì Nam tước cần là mày trả lời các câu hỏi. Nghĩa là cái đầu mày, để não mày có thể nghĩ và miệng mày có thể hoạt động; và ngực mày, để phổi mày có thể thở và giữ mày sống. Mọi thứ khác không cần để ý. Tùy mày chọn”.

Sherlock yên lặng một lúc, để chứng tỏ nó biết cần lựa chọn và đang cân nhắc, rồi nó đi về hướng cửa. Gã đàn ông không nhúc nhích cho đến khi Sherlock gần đụng vào ngực gã, rồi gã quay sang một bên, chỉ đủ để Sherlock có thể lách qua cánh cửa.

“Tên tao là Ông Surd”, gã nói khi gã và những gia nhân theo Sherlock xuống sảnh. “Tao là người hầu và người làm nhiều công việc cho Nam tước. Bất cứ việc gì ông ấy muốn, tao đều hoàn thành. Nếu ông ấy muốn uống một ly Madeira, tao sẽ rót nó. Nếu ông muốn cái đầu mày đặt trên đĩa, tao sẽ cắt nó và mang đến. Không phải thú vui, không phải nhiệm vụ khó khăn. Chỉ đơn thuần là công việc. Mày có hiểu tao không?”

“Hiểu rồi”, Sherlock nói. “Người cầm roi lần trước lúc tôi gặp Nam tước là ông, đúng không? Đứng trong bóng tối”.

“Chỉ là một công việc”, gã sẹo lặp lại. “Nhưng tao vui sướng khi hoàn thành tốt công việc”.

Sảnh trên lầu cũng giống như những gì nó nhớ trong căn nhà ở Farnham, các cầu thang dẫn xuống sảnh chính cũng vậy. Sherlock phải ngăn mình không tìm kiếm vết vó ngựa của lần nó và Matty

trốn thoát. Không phải là căn nhà này. Đó chỉ là căn nhà khác trông giống căn nhà này.

Virginia đang đứng bên ngoài căn phòng mà bên trong, như Sherlock còn nhớ, Nam tước Maupertuis có thể đang chờ chúng. Hai gã gia nhân đeo mặt nạ đứng cạnh cô, kế bên một tủ lớn bằng gỗ tếch.

“Cậu không sao chứ?” nó hỏi.

“Một giấc mơ kỳ lạ”, cô bé nói. “Mình cưới con Sadia, nhưng nó lồng lên và mình không thể khống chế được nó. Bọn mình cứ phóng đi và phong cảnh bên ngoài tan biến đi bất cứ khi nào mình nhìn”. Cô bé lắc đầu để thoát ra khỏi ký ức về giấc mơ. “Còn cậu?”

“Mấy con rắn”. nó nói ngắn gọn.

“Chúng dùng loại thuốc gì với chúng ta thế? Đầu mình còn mụ mẫm”.

“Mình nghĩ đó là cần thuốc phiện – morphine hòa với cần. Mẹ và cha mình thường sử dụng nó cho chị mình. Mình nhận ra mùi của nó. Nó làm từ cây thuốc phiện”.

“Cây thuốc phiện?” Cô bé cười lớn. “Mình chưa bao giờ thích cây này. Hoa của nó nhìn rất khiếp”.

Ông Surd chen qua chúng và đẩy mở cửa phòng nơi Nam tước đang chờ. Gã ra dấu bảo chúng vào.

Căn phòng chìm trong bóng tối như trước. Hai cái ghế được đặt ở cuối một cái bàn khổng lồ, phía bên kia bàn khuất trong bóng tối. Những tấm rèm dày màu đen được treo ở các cửa sổ, ngăn ánh nắng chiếu vào phòng, rải rác vài nơi trên tường Sherlock thấy

treo đầy kiếm và những tấm khiên. Ở bức tường đối diện là một bộ áo giáp đầy đủ lệ bộ đang cầm kiếm, được tạo dáng như có một hiệp sĩ đang ở bên trong.

Ông Surd ra hiệu cho chúng ngồi xuống. Sherlock đang tính từ chối, nhưng nó thấy trong mắt Ông Surd niềm hy vọng nó từ chối, thậm chí thèm muốn nó từ chối, để gã có thể làm điều gì đó đau đớn và dứt điểm để đảm bảo Sherlock nghe theo. Vì thế nó ngồi xuống, với Virginia bên cạnh. Ông Surd và bốn gã hầu bước vào trong bóng tối ở phía bên kia phòng.

Căn phòng yên lặng một lúc, ngoại trừ tiếng kéo kẹt yếu ớt của dây thừng và gỗ dưới sức nặng như là Sherlock đã nghe lần trước.

Rồi một giọng thì thầm, như tiếng lá khô bay trong gió: “Người cứ khẳng khẳng ngáng trở các kế hoạch của ta, trong khi người chỉ là một thằng nhóc. Ta đã phải từ bỏ một trong những căn nhà của ta vì người”.

“Nhà của ông dường như được thiết kế và trang trí hệt nhau”, Sherlock nói. “Tại sao vậy? Ông thích mọi thứ giống nhau à?”

Im lặng trong chốc lát, và Sherlock sẵn sàng đón nhận khoảnh khắc đầu chiếc roi vút tới từ trong bóng tối, xé thịt nó ra, nhưng thay vào đó là giọng nói đáp lại.

“Một khi ta tìm thấy thứ gì đó ta thích”, giọng đó nói, “Ta không có lý do gì để chịu đựng những thứ khác. Cách bố trí và trang bị của căn nhà, một hệ thống cai trị... một khi ta phát hiện ra một thứ gì có hiệu quả, ta muốn nó lặp lại để mọi thứ giống hệt nhau ở bất kỳ nơi nào ta đến. Ta thấy điều đó... thoải mái”.

“Và đó là lý do tại sao ông cho gia nhân mặc đồ và đeo mặt nạ

màu đen – bởi vì đó là cách ông có thể tin tưởng họ luôn là những người hầu đó – cho dù ông ở bất kỳ đâu”.

“Rất sáng suốt”.

“Và chúng ta đang ở nơi nào nhỉ, Pháp?”

“Người nhận ra phong cảnh bên ngoài? Đúng, căn nhà này ở Pháp. Cả hai người đã ngủ trên chiếc tàu mang các người đến đây, và xe ngựa chở các người đến chỗ này”.

“Nhưng còn Ông Surd?” Sherlock hỏi. “Chỉ có mình ông ta à?”

“Ông Surd không thể thay thế được. Ta đi đâu, anh ta đi đó”.

“Ông là Nam tước Maupertuis, có phải không?”

“Một lần nữa, người làm ta ngạc nhiên. Ta không nghĩ tên ta được nhiều người biết”.

“Tôi... ráp những bằng chứng lại với nhau”.

“Rất thông minh. Thật sự rất thông minh. Ta khen ngợi người về khả năng suy luận. Còn thứ gì khác mà người ráp lại được?”

Virginia đặt tay cảnh báo nó, nhưng Sherlock cảm thấy hết sức hãnh diện về những cuộc điều tra nó đã thực hiện, những điều nó phát hiện được, âm mưu mà nó đang bắt đầu ráp lại được. Và, nó tự nhủ, điều quan trọng là Maupertuis biết kế hoạch của hắn không còn bí mật nữa. “Tôi biết ông nuôi ong, và tôi biết đó là giống ong nước ngoài hung dữ hơn bất cứ loài ong châu Âu nào. Nghĩa là ông không nuôi ong để lấy mật, mà để chúng chích người. Ông muốn dùng chúng để gây thương tích hoặc giết người”. Đầu nó lúc này đang chạy đua, sắp xếp các dữ kiện để tạo thành những mẫu hình nó chỉ mới nghi ngờ trước đây. Amyus Crowe muốn dạy

nó, huấn luyện nó, nhưng Nam trước Maupertuis nhìn nhận nó một cách nghiêm túc. Nam trước lắng nghe những suy luận của nó như thể chúng thật sự có ý nghĩa, chứ không chỉ là những câu trả lời suy diễn để bịa ra vấn đề, như thỏ và cáo. “Ông điều hành một nhà máy sản xuất quần áo – quân phục, tôi nghĩ vậy”. Nó dừng một lúc. Có một điều gì đó ngoài tầm với của nó, một đích đến trọng yếu về mặt logic mà nó đã đi được gần hết quãng đường trừ bước cuối cùng, để vượt qua cần một bước nhảy vọt nhờ trực giác. “Người của ông – tôi nghĩ tên anh ta là Wint – ăn cắp một ít quần áo và cất ở nhà anh ta. Anh ta bị ông tấn công. Một người khác làm vườn cho chú tôi trước đây là thợ may ở Farnharm – làm việc cho ông, tôi nghĩ vậy. Anh ta cũng bị ông giết. Có khi nào anh ta đã giữ lại một ít quần áo để mặc? Lấy trộm của ông?” Lúc này màn sương mờ trong tâm trí che khuất cái đích đến cuối cùng về mặt logic đã được dẹp bỏ, và nó tiếp tục tiến về đích: “Vì vậy có gì đó ở quần áo làm cho lũ ông tấn công họ. Khi ở trong hộp hay thùng chúng vô hại, nhưng khi mọi người mặc nó... đàn ông sẽ bị cuốn hút bởi đám quần áo, và chích bất kỳ ai mặc chúng”.

Virginia nhéo mạnh nó, nhưng Sherlock làm lơ.

“Những người làm việc ở kho hàng ở Rotherhithe nói chuyện với nhau về việc vận chuyển hàng đến Ripon, Colchester và Aldershot. Những nơi đó toàn là căn cứ quân sự. Nếu quần áo được chuyển đến căn cứ quân sự thì đó có lẽ là quân phục. Ông đã làm gì – kiểm những hợp đồng với chính phủ để cung cấp quân phục cho quân đội Anh? Những binh sĩ mặc quân phục mới, có thể khi họ chuẩn bị lên tàu sang Ấn Độ, và rồi...”. Những ý nghĩ của

Sherlock chạy nhanh hơn miệng nó, nhưng đột ngột cả hai bật ra cùng lúc. Cha của nó. Aldershot. Ấn Độ. Quân phục. “Và rồi khi ông thả đàn ong ra, và chúng sẽ tấn công từng binh nhì, trung úy, sĩ quan trong quân đội Anh”, nó thì thầm, kinh hoàng vì điều mà nó suy luận ra.

“Hàng ngàn người chết, tất cả đều bí ẩn và không thể tránh khỏi”, Nam tước thì thầm trong bóng tối ở cuối bàn. “Một cú đâm gây suy sụp thẳng vào trái tim của đế chế Anh, do những con ong nhỏ bé – những nhà cung cấp mật cho hàng ngàn buổi tiệc trà chiều chủ nhật. Sự trớ trêu thật là... thương tâm”.

“Nhưng tại sao?” Suy nghĩ của Sherlock đẩy những viễn cảnh về cha mình, mặt sừng lên và bị bao phủ bởi những mụn nhọt, ngã xuống và nghẹt thở khi những con ong cứ chích ông hết lần này đến lần khác.

“Tại sao ư?”. Giọng của Nam tước không lớn hơn chút nào, nhưng nó bất ngờ chất đầy sự hằn thù không có lúc trước. “*Tại sao?* Bởi vì cái đất nước hèn mọn đáng khinh của người bị ảo tưởng về cái uy quyền đã dẫn nó tới chỗ chinh phục phân nửa thế giới. Thật khó để tìm ra được một nước nào nhỏ hơn nước Anh. Các người chỉ bằng một cái đinh ghim trên bản đồ. Trên bất kỳ bản đồ thế giới nào, những người vẽ bản đồ cũng không thể viết từ “England” trong biên giới của cái đảo này, nó quá nhỏ. Tuy nhiên các người vẫn ngạo mạn, liều lĩnh, tự huyễn hoặc bản thân để tin rằng thế giới được sắp đặt cho sự cai trị nhân từ của các người. Và thế giới vẫn cứ quay và để mặc các người làm thế! Thật kinh hoàng. Nhưng có những người trên thế giới, những quân nhân, sẽ không cho

phép cái bản năng chiếm đoạt và cướp bóc các người đi xa hơn nữa. Biên giới của đế chế Anh phải bị đẩy lùi, chỉ như thế các nước khác mới có không gian để thở, có nơi để sống. Ta... đại diện cho... một nhóm người đó. Người Đức, Pháp, Mỹ, Nga – sát cánh bên nhau để kiềm chế những tham vọng về lãnh thổ của các người. Các người còn chưa chịu yên cho đến khi màu đỏ của đế chế Anh lan tràn khắp tám bản đồ; chúng ta sẽ không để yên cho đến khi nó bị bôi đi ngoài cái đảo bé nhỏ của các người”. Hắn ngừng lại. “Và có thể Honduras thuộc Anh, ở Nam Mỹ. Các người có thể giữ lại Honduras thuộc Anh”.

“Vì vậy ông sắp đặt để tàn phá quân đội Anh chỉ bằng một đòn tấn công”.

“Một đòn tấn công không nghiêm trọng bằng bệnh dịch bùng phát, vì nó chỉ tấn công binh sĩ chứ không tấn công ai khác. Lũ ong, như người đã biết, hung dữ và bảo vệ lãnh thổ một cách bất thường. Bọn chúng được nuôi vì tính hung hãn – và những đàn ong của ta, chúng sinh sôi nhanh chóng. Phấn hoa mà chúng ta tắm vào đồng phục sẽ thấm vào cơ thể những người lính, và sẽ theo mồ hôi thấm ra ngoài da. Nếu bọn ong nghe mùi, chúng sẽ tấn công ngay lập tức. Một khi đàn ong được thả từ những căn nhà mới của mình, chúng sẽ bay dọc theo nước Anh trong vài tháng, chích chết tất cả binh sĩ nơi chúng bay qua. Chúng ta sẽ nuôi nhiều hơn ở những địa điểm bí mật ở châu Âu vào giai đoạn tiếp theo của đợt tấn công. Sự kinh hoàng, sợ hãi, sự hoảng loạn sẽ là đồng minh tốt nhất của chúng ta. Một bệnh dịch bí ẩn làm những binh sĩ đau đớn. Nước Anh sẽ bị xếp xó ở vị trí nó đáng được hưởng: như một quốc

gia hạng ba”.

“Nhưng còn hai người đàn ông chết – người của ông và người làm vườn của chú tôi? Bọn họ không phải là một phần trong kịch bản của ông, có phải không?”

Một tiếng sột soạt và tiếng kệt phát ra từ bóng tối, như thể Nam tước Maupertuis đang nhún vai. Hay là bị buộc phải nhún vai. “Ta biết có vài công nhân trộm quân phục, nhưng ta vẫn để yên. Đó là lỗi của ta. Một trong những tổ ong bị ngựa đụng trúng, và bọn ong thoát ra. Chúng trở nên hung dữ, hoang dã và khi ngửi thấy mùi phấn hoa trên những bộ quân phục bị lấy cắp, chúng tấn công. Ông Surd đã thu lại được con ong chúa và nhử bọn ong còn sống quay về. Đó là một nhiệm vụ rất can đảm”.

“Chỉ là công việc thôi, thưa ông”. Ông Surd nói từ cuối phòng.

Dù là nó đã phát hiện ra mọi thứ, cái kịch bản quá vô liêm sỉ này làm cho Sherlock kinh ngạc. Và càng kinh khủng là nó không tìm thấy khe hở nào. Nếu những con ong hiểu chiến như Maupertuis nói, và nếu quân phục đã được phân phối hiệu quả như hấn dự định, thì cái kịch bản này sẽ hiệu quả. Nó sẽ hiệu quả.

“Anh của tôi sẽ ngăn ông lại”, Sherlock nói lặng lẽ. Đó là hy vọng cuối cùng của nó.

“Anh người?”

“Anh của tôi”.

Sherlock nghe có tiếng thì thào trong bóng tối. Một lần nữa nghe như là giọng giống như ngậm sỏi của Ông Surd.

“À”, Maupertuis nói với giọng mỏng như lá. “Tên người là

Sherlock Holmes. Vì thế nên anh người phải là Mycroft Holmes. Một tên thông minh. Chúng ta đã ghi sổ hắn như một kẻ để ý đến nhóm của chúng ta. Có vẻ như người giống tên đó”.

“Tôi đã gửi điện tín cho anh tôi và nói với anh ấy mọi việc đang xảy ra”, Sherlock nói, cố trầm tĩnh hết mức có thể.

“Không”, Nam tước chỉnh lại, “người chưa gửi. Nếu người đã làm, người đã không cần điều tra chiếc tàu của ta. Bởi vì Mycroft Holmes đã cử người của hắn làm điều đó”.

Người của hắn? Sherlock nhận ra phạm vi quyền lực của anh nó một cách đột ngột và sáng rõ.

Thêm nhiều tiếng thì thầm ở cuối phòng.

“Dù sao đi nữa, chúng ta sẽ giải quyết anh người”, Nam tước Maupertuis thì thầm. “Nếu sự thông minh của người là một dấu hiệu của hắn thì hắn rất có thể phát hiện ra dự định của chúng ta và cố dừng nó lại. Người và anh mình sẽ chết trong cùng một tuần, thậm chí có thể cùng một ngày. Cùng một giờ, nếu ta có thể sắp xếp được, vì ta là một người yêu thích sự gọn gàng. Và điều đó sẽ giúp cha mẹ các người không phải tốn chi phí lo hai đám tang”.

Toàn bộ cái giá phải trả cho sự ngạo mạn của Sherlock bất thành lình đổ ập lên nó. Do hãnh diện vì tìm ra toàn bộ kịch bản kinh hoàng và khoe ra sự thông minh của nó trước Nam tước Maupertuis và rồi, tệ hơn là, với việc khoe khoang ảnh hưởng của anh trai, Sherlock đã kết án tử hình cả hai.

“Ta tin là người đã nói cho ta mọi thứ người biết”, Maupertuis tiếp tục, “và ta ngạc nhiên vì lượng thông tin các người xác định được. Rõ ràng là chúng ta cần bí mật hơn trong tương lai. Dù sao

đi nữa, cũng cảm ơn người vì việc đó”.

“Tại sao lại là London?” Sherlock hỏi nhanh, ý thức được rằng mọi việc đã đến hồi kết thúc và vì thế mạng sống của nó – và Virginia – có thể kết thúc trong thời gian ngắn. “Tại sao ông lại di chuyển tổ ong đến London trước khi chở chúng đến đây mà không phải là, ví dụ Portsmouth hay Southampton?”

“Vụ trốn thoát của người đã làm chúng ta phải thúc đẩy mọi việc nhanh hơn dự tính”, Maupertuis thì thầm. “Không có chỗ để tàu buồm neo ở Portsmouth hay Southampton, và tàu phải chờ ở London để chờ hướng dẫn di chuyển của chúng ta. Thật bất tiện khi phải vận chuyển tổ ong đến

London, nhưng không còn cách nào khác. À còn điều này, người không còn giá trị đối với ta – người, và con bé ngồi bên cạnh người. Ta định đe dọa mạng sống của con bé để bắt người nói, nhưng không cần áp dụng biện pháp mạnh nào. Nếu có thì chỉ là chuyện làm người cảm hòng mãi mãi”.

Sherlock quay qua Virginia, mặt nó đỏ lên vì xấu hổ, nhưng cô bé mỉm cười với nó. “Cậu đã cứu mình khỏi bị tra tấn”, cô bé thì thầm. “Cảm ơn cậu”.

“Không có gì”, Sherlock trả lời một cách máy móc, nó không chắc chắn là nó có nên thật sự nhận lời cảm ơn hay không.

“Ông Surd”, giọng của Nam tước Maupertuis vang lên trong bóng tối. Mặc dù thì thầm, giọng hần vẫn vang lên đến tận các góc phòng. Đó là giọng quen ra lệnh. “Chúng ta cần đẩy nhanh công việc. Hãy ra lệnh. Thả ong từ Pháo đài ra. Vào lúc chúng tìm được hướng bay vào lục địa và băng qua đất nước này, quân phục sẽ

được phân phối. Và rồi sự hỗn loạn sẽ ngự trị!”

Những lời Nam tước nói vang lên một cách lạnh lẽo khắp phòng ăn. Bên ngoài, các hoạt động rục rịch trong bóng tối khi một gia nhân lên đường đi thực hiện lệnh hắc. Sherlock liếc Virginia. Mặt cô bé trắng bệch, nhưng môi cô mím lại kiên quyết. Nó vươn tay ra siết chặt tay cô bé. Cô cười nhẹ với nó.

Tinh thần của cô bé giúp nó can đảm tiếp tục.

“Đó là một kế hoạch đầy phô trương”, nó nói về phía bóng tối, “nhưng sẽ không hiệu quả”.

Một thoáng yên lặng, chỉ bị phá vỡ bởi tiếng cọt kẹt mà Sherlock nhớ đã từng nghe tại căn nhà ở Farnham, giống như tiếng của dây buồm dầm nước biển bị kéo căng bởi gió và sự trôi lên hụp xuống của thân tàu.

“Người dường như rất chắc chắn về bản thân”, giọng của Nam tước vang lên lại. “So với một đứa trẻ”.

“Nghĩ thử đi. Chỉ hai gã đã chết đúng kế hoạch của ông không có nghĩa là kế hoạch đó sẽ thành công. Chẳng hạn có nhiều yếu tố có thể làm hóa chất đó trôi khỏi quân phục. Hãy nhớ, trời đang mưa ở Anh. Mưa rất nhiều. Một số binh sĩ sẽ đem giặt quần áo trước khi những con ong bay đến chỗ họ, đặc biệt là các sĩ quan”. Hiện nó đang đạt đến phong độ đỉnh cao, đầu nó lóe ra những ý tưởng về việc tại sao chương trình khổng lồ của Maupertuis bị sụp đổ. “Vài người lính có thể thích đồng phục cũ hơn, và họ giữ chúng lại mặc tiếp, hay bảo thợ may trung đoàn may một bộ mới tốt hơn những bộ ông gửi đến. Tôi không biết ở Pháp, Đức và Nga thế nào, chứ

người Anh không thích bị bảo làm cái này hay mặc cái nọ. Họ tìm cách lách những mệnh lệnh như vậy”.

“Còn đám ong thì sao?”, Virginia bất ngờ bổ sung. “Bao nhiêu con trong số chúng có thể vào tới đất liền? Cần bao nhiêu con để có thể bao quát hết mọi khu vực có binh sĩ Anh đồn trú? Ông có đủ không? Và điều gì xảy ra nếu có một đợt không khí lạnh về và những con ong bị chết, hay nếu có một loài gì đó ở Anh có thể ăn ong, hay là đám ong định cư, xây tổ và trở thành một phần của thiên nhiên nơi đây. Cuối cùng chúng có thể lai giống với các loài ong địa phương, ong của Anh, và mất đi tính hiếu chiến mà ông định sử dụng”.

“Tất cả những điều đó đã được tính trước”, Nam tước đáp lại bằng giọng tỉnh queo, nhưng Sherlock cảm thấy lần đầu tiên hẳn không chắc chắn về bản thân. “Và ngay cả nếu vài bộ quân phục được giặt, và vài con ong chết, có là gì đâu? Tuy vậy sẽ có nhiều đợt tấn công thành công. Những cái chết trên phạm vi lớn sẽ xảy ra. Quân đội Anh sẽ tê liệt vì sợ hãi. *Tê liệt*”.

“Ông không hiểu cách nghĩ của người Anh hay sao?” Sherlock chế giễu. Đầu nó chạy ngược về những bài học ở trường, qua những bài báo đã đọc, khi cuộn tròn trên chiếc ghế trong phòng làm việc của cha nó, hay những thứ nghe được từ anh Mycroft. “Có bao giờ ông nghe nói về Cuộc tấn công của Lữ đoàn kỵ binh nhẹ [6] chưa?”

Tiếng kéo kẹt trong bóng tối ngưng lại đột ngột. Bất thành lời, Sherlock cảm thấy nhiều đôi tai đang lắng nghe điều nó nói.

“Ồ có”, Nam tước rít lên. “Ta có nghe nói về Cuộc tấn công của Lữ

đoàn kỵ binh nhẹ”.

“Năm 1854”, Sherlock tiếp tục, không thêm để ý đến hắn, “trong suốt cuộc chiến tranh Crimea, binh sĩ ở các trung đoàn số 4 và số 13 Light Dragoon, trung đoàn số 17 Lancers và các trung đoàn số 8 và số 11 Hussars được lệnh tấn công phòng tuyến của Nga trong suốt cuộc chiến Balaclava. Họ tấn công vào một thung lũng mà súng đại bác của quân Nga bắn ở hai bên và trước mặt họ, và họ vẫn tiếp tục tiến tới. Họ làm theo lệnh, không hoảng sợ và không chống lại lệnh.

Tôi không nói là vâng lời một cách không suy nghĩ là đúng, nhưng kỷ cương được xây dựng trong binh sĩ Anh như một cây gậy sắt ở ngay sau họ. Tôi biết điều đó - vì cha tôi là một sĩ quan. Họ không hoảng loạn. Không bao giờ. Không, ngay cả khi nếu đó là cái chết nó sẽ được xem như là một kết quả của bệnh đậu mùa hay bệnh dịch tả. Ông không hiểu hả? *Họ sẽ mặc kệ nó* . Đó là điều mà người Anh làm . Đó là lý do tại sao đế chế Anh quá trải rộng và quá mạnh. *Chúng tôi chỉ mặc kệ cái mà chúng tôi không thích*”.

“Người nói hay lắm”, Nam tước nói, “nhưng ta không tin người. Rõ ràng người muốn nói là đế chế của các người được xây dựng trên nền tảng vững chắc, nhưng người đã lầm. Cái nền đó đang bị mục ruỗng, và tòa nhà sẽ đổ sụp nếu bị đẩy đủ mạnh. Người muốn tin rằng ngày mai sẽ vẫn như ngày hôm qua, nhưng sẽ không như thế. Thế giới sẽ thay đổi, và cán cân quyền lực sẽ nghiêng về phía các bạn của ta ở Phòng Paradol.

Phòng Paradol? Nó là cái gì? Khi Maupertuis đang nói, Sherlock ghi nhớ điều có thể là hệ trọng mà Maupertuis đã lỡ miệng tiết lộ.

Mycroft sẽ muốn biết điều đó.

Nếu như Sherlock còn có cơ hội gặp mặt anh nó lần nữa.

“Người muốn tin là anh người sẽ tiếp tục là một nhân vật quan trọng trong chính phủ Anh”, Maupertuis tiếp, “nhưng sẽ không đâu. Hẳn ta, cũng như những đồng nghiệp khác, sẽ bị cơn thủy triều của lịch sử quét sạch. Khi đất nước nhỏ bé tự mãn của các người trở thành một tỉnh của một siêu cường châu Âu có thể cạnh tranh với Mỹ về kích thước và sự hùng cường, thì Mycroft Holmes và những gã cùng loại với hẳn sẽ bị xem là người thừa. Loại như hẳn sẽ không cần thiết trong một trật tự thế giới mới. Bọn chúng sẽ được ân huệ lên máy chém hay giá treo cổ. Chúng sẽ không tồn tại”.

Giọng của Maupertuis lúc này hạ thấp như một tiếng rít, vì thể truyền tải được miệng lưỡi rắn độc chĩa về đất nước và dân tộc mà hẳn căm ghét không che đậy. Tại sao hẳn ghét nước Anh đến thế? Sherlock tự hỏi trong lúc này nó nên làm điều gì là tốt nhất - tranh luận hay chọc tức làm hẳn thêm sa vào trạng thái cảm tính. Ở cả hai cách, kết quả đều không chắc chắn. Có khả năng là hai đứa nó sẽ chết.

“Hẳn ta bị điên”, Virginia nói lặng lẽ nhưng kiên quyết với Sherlock. “Rõ ràng là điên nặng. Kế hoạch của hẳn rõ ràng là gàn dở, và kết quả hẳn muốn thì không thể xảy ra. Dù thích hay không thì nước Anh vẫn là một cường quốc thế giới. Hẳn không thể đảo ngược được điều đó”.

“Ta thật kinh ngạc”, Nam tước rít lên, “là người lại ủng hộ cái đất nước này mạnh mẽ như thế, con nhóc”.

Virginia ngẩng lên khi hắn ta nói, ngạc nhiên về những hàm ý bất ngờ trong suy nghĩ của Nam tước. “Tại sao lại kinh ngạc?” cô bé hỏi. “Tôi không thích nhìn những người vô tội bị chết. Cái đó là bất thường à?”

“Đất nước của người nằm dưới ách cai trị của đất nước này hơn hai trăm năm”, Nam tước chỉ ra. “Mọi việc ở nước Mỹ đều được quyết định ở London. Đất nước người chỉ là một tỉnh của nước Anh, giống như Hampshire hay Dorset, chỉ là lớn hơn và ở xa hơn. Các người đã nổi lên chống lại sự kiểm soát của người Anh và ném đi cái ách của Wesminster”.

“Và chúng tôi đã làm điều đó trong một cuộc chiến đàng hoàng”, cô bé nói. “Không phải bằng những mưu mô và kế hoạch hay chương trình bí mật. Nếu chúng tôi phải tham chiến thì những cuộc chiến đó nên theo những nguyên tắc chiến tranh - công bằng, công khai và trung thực. Nên có luật cho chiến tranh, như là luật cho quyền Anh”.

“Thật ngây thơ”, Nam tước lẩm bẩm. “Quá ngây thơ. Và quá vô nghĩa. Người và thẳng nhóc sẽ chết trước khi các người nhận ra là cái trật tự thế giới cao quý của các người sẽ bị đảo lộn”.

“Còn ông thích hoạt động trong bóng tối, đúng không?” Virginia tiếp tục, và có một sự sắc bén trong giọng nói của cô bé làm Sherlock liếc nhìn cô, tự hỏi cô bé đang tính toán điều gì.

“Chiến binh thành công đánh từ trong bóng tối và rồi họ lại giấu mình trong bóng tối, do đó kẻ thù lớn mạnh hơn cũng không biết phải đánh vào đâu”, Nam tước thì thầm, “Đó là cuộc chiến đấu của tương lai. Đó là lý do tại sao một kẻ địch nhỏ bé có thể thắng một

kẻ mạnh hơn nhiều. Bằng cách đánh lén”.

“Ông thích bóng tối hơn? Vậy hãy xem thử ông thích ánh sáng mặt trời thế nào”, cô bé la lớn, và nhảy lên. Sherlock cảm thấy tiếng cử động ở cuối vùng bóng tối của căn phòng khi Ông Surd đang chuẩn bị quất ra ngọn roi da được bịt đầu kim loại, nhưng Virginia lao về một bên và chiếc roi quất trượt vào lưng ghế mà cô bé vừa nhảy ra khỏi. Cô chụp lấy tấm rèm nhung đen chạy dài dọc căn phòng và kéo nó, thật mạnh. Sherlock nghe tiếng rách toạc khi tấm vải nhung bị xé rách tuột khỏi cái giá rèm, và rồi, với âm thanh như một trận giông xa xa, toàn bộ tấm vải rơi chậm rãi xuống sàn, để ánh sáng mặt trời tràn vào trong phòng.

Những hình thù trong bộ áo và mặt nạ đen xung quanh phòng che mắt lại, nhưng ánh mắt Sherlock bị hút vào hình dáng của Nam tước, đang ngồi trong một chiếc ghế ngoại cỡ ở đầu kia của chiếc bàn. Đó quả thực là người đàn ông có cặp mắt màu hồng và mái tóc trắng giống như người mà nó đã thấy trong chiếc xe ngựa hồi ở Farnham. Nghiêng người trong ánh sáng, che mặt bằng một tay trong khi tay còn lại với đến cặp kính đen và đeo nhanh lên đôi mắt nhạy cảm. Bàn tay hắc ta ốm và cong queo, như là nhánh của cây sồi già, và đầu thì lắc lư trên vai. Hắc ta đang mặc một thứ giống như quân phục: màu đen, trang trí lộng lẫy với những dải viền vàng trên ngực áo và tay áo. Có thứ gì quanh trán hắc ta, một kiểu khung bằng gỗ. Đầu hắc ta bất ngờ dựng thẳng lên và mắt liếc mắt nhìn Sherlock từ sau cặp kính đen, mãnh liệt đến nỗi Sherlock cảm giác được hơi nóng của chúng. Nó để ý thấy có những sợi dây từ khung dẫn lên trên, và những sợi dây này kéo căng lên đúng lúc

đầu Maupertuis ngóc thẳng dậy.

Ông Surd đứng cạnh Nam tước, những vết sẹo trên trán xám ngoét trong ánh nắng từ cửa sổ, như một tổ sâu vắt ngang một cái đầu lâu. Hắn liếc nhìn Sherlock và Virginia, ánh mắt hứa hẹn đem đến cái chết, tay vung vẩy chiếc roi.

“Không!” Nam tước rít lên. “Chúng là *của ta* !”

Ánh mắt của Sherlock bị hút trở lại thân hình cong vẹo của Nam tước Maupertuis. Có thêm vài sợi dây thừng gắn với những khung gỗ nhỏ hơn trên cổ tay và khuỷu tay, và một khung gỗ lớn hơn bọc lấy ngực hắn ta. Những sợi dây thừng to hơn dẫn từ khung ở ngực lên, và khi Sherlock nhìn theo hướng của chúng lên phía trần nhà, nó nhận ra là tất cả dây thừng này đều dẫn về một cái xà ngang bằng gỗ cực lớn giống như là một cái giá treo cổ được treo lơ lửng bên trên Nam tước. Phần cuối của thanh xà gần Sherlock nhất nối với một thanh xà nhỏ hơn hình chữ thập được bao phủ bằng những cái móc và bánh xe bằng kim loại trên những trục quay nhỏ. Những sợi dây thừng đi qua các móc và bánh xe, và Sherlock lần theo chúng đến nơi những người hầu mặc quần áo và đeo mặt nạ đen cuối phòng. Phải có khoảng hai mươi, có thể là ba mươi sợi dây thừng, tất cả đều nối với các phần trên cơ thể Nam tước. Và khi Sherlock quan sát, một cách hoài nghi, vài người hầu dùng hết sức lực kéo sợi dây thừng của chúng, trong khi những người khác để chúng xuống hay chỉ kéo căng mà không thật sự kéo nâng. Và khi họ làm thế, Nam tước được giật thẳng lên.

Ông ta là một con rối: một người rối, hoạt động hoàn toàn dựa vào sự điều khiển của người khác.

“Một hình ảnh kỳ cục, đúng không?” Nam tước rít lên. Miệng và mắt của hắn ta có vẻ là những phần duy nhất trong cơ thể có thể tự hoạt động được. Hắn ta giơ tay phải lên ra dấu về phía cơ thể, nhưng cái cử động này được tạo thành nhờ một loạt dây thừng nối với cổ tay, khuỷu tay và vai, và những dây thừng nhỏ hơn gắn với các khớp trên đôi ngón tay, tất cả chuyển động không phải vì Nam tước muốn cử động mà vì những người hầu trong trang phục đen đã đoán được cái ông ta muốn làm nếu ông ta có thể cử động. “Đây là thứ di sản để chế Anh để lại cho ta đấy. Người đã nhắc đến Cuộc tấn công của Lữ đoàn kỵ binh nhẹ, nhóc con. Một trận đánh chán ngắt, vô nghĩa dựa trên những mệnh lệnh bị hiểu sai trong một cuộc chiến không nên có. Ta đã ở đó, vào cái ngày u ám đó, cùng Bá tước xứ Lucan [7]. Ta là người liên lạc của ông với kỵ binh Pháp ở sườn trái của ông. Ta đã thấy những mệnh lệnh đó khi chúng được chuyển từ Ngài Raglan [8] tới. Ta biết là những lệnh này được viết một cách tối nghĩa, và Lucan đã hiểu sai những lệnh đó”.

“Điều gì đã xảy ra?” Sherlock hỏi.

“Con ngựa của ta bị kẹt trong cuộc tấn công, và bị đạn đại bác làm cho hoảng sợ. Ta bị hất ra khỏi yên ngựa, ngã nhào xuống đất trước hàng trăm con ngựa Anh. Chúng phi nước đại ngay trên người ta. Ta ngờ rằng chúng còn không trông thấy ta. Ta cảm giác xương ta vỡ khi các vó ngựa đạp lên người ta. Chân ta, tay ta, xương sườn ta, hông ta và đầu ta. Mọi xương chính trong người ta và phần lớn các xương nhỏ đều bị gãy. Trong người ta giống như một trò chơi lắp hình.

“Lẽ ra ông nên chết đi”, Virginia thở ra, và Sherlock không chắc

là cô bé nói câu này với sự thương hại hay nuối tiếc.

“Ta được chiến hữu tìm thấy sau khi quân Anh đã bị súng đại bác của quân Nga xé ra thành nhiều mảnh”, Maupertuis nói tiếp. “Họ mang ta từ chiến trường về. Họ băng bó các vết thương của ta. Họ sắp xếp xương ta theo cách tốt nhất có thể, và giúp xương ta liền lại, nhưng cổ ta đã bị gãy, và ta không thể cử động hai chân được mặc dù tim ta còn đập.

Họ không dám mang ta đi quá xa, vì thế ta nằm dài trong một cái lều ở đó trong cái nóng tồi tệ và cái lạnh thấu xương của Crimea trong một năm. Nguyên cả năm. Và mỗi giây, mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tuần và mỗi tháng nằm ở đó, ta đều nguyên rửa người Anh và sự ngu ngốc của chúng trong chuyện chỉ làm theo lệnh cho dù là lệnh đó có ngu xuẩn đến thế nào”.

“Ông đã chọn đến đó”, Sherlock chỉ ra. “Lúc đó ông là một người lính. Và ông vẫn còn sống trong khi hàng trăm người tốt đã chết”.

“Và mỗi ngày ta đều ước phải chi ta đã chết như họ. Nhưng ta sống, và ta có một mục tiêu: bắt để chế Anh phải quì gối. Bắt đầu từ người, thẳng nhóc”.

Ngay khi thốt ra câu đó, Maupertuis dường như nổi lênh bênh trong không khí và đáp nhẹ lên bàn. Các sợi dây thừng quanh người hắn ta được những người điều khiển rồi trong trang phục đen kéo căng lên. Tiếng kéo kẹt vang dậy trong phòng khi các sợi dây thừng và gỗ kéo căng trọng lượng của Nam tước. Tuy nhiên những người hầu hiệu được điều hắn ta muốn chúng làm. Sherlock đoán chúng đã làm việc cho hắn quá lâu đến nỗi bằng bản năng hiệu được điều hắn nghĩ và chuyển thành hành động

ngay lập tức. Ngay khi chân Maupertuis chạm mặt bàn, Sherlock nhảy lên từ cái ghế.

Bên cạnh nó, Virginia cũng làm tương tự.

“Nam tước!”, Ông Surd gọi. “Ông không cần tự mình làm. Hãy để tôi giết lũ nhóc cho ông!”

“Không”, Nam tước rít lên. “Ta không phải kẻ tàn tật! Chính tay ta sẽ xóa sổ những kẻ phá bĩnh hỗn xược này! Tất cả những tháng đó, toàn bộ thời gian nằm liệt giường và thiết kế ra bộ đai này - sẽ không uổng phí. *Ta sẽ tự tay giết chúng! Người có hiểu không?*”

“Ít nhất hãy để tôi giết con nhóc”, Surd khẳng khẳng. “Ít nhất hãy để tôi làm việc đó cho ông”.

“Được thôi”, Nam tước nhượng bộ. “Vậy thì ta sẽ giải quyết thằng nhóc”.

Như không có trọng lượng, Maupertuis trôi về hướng Sherlock, chân hẫch chuyển động nhưng gần như không chạm mặt bàn. Hẫch tay về phía Sherlock, và trong chốc lát Sherlock nghĩ Nam tước mời nó lên trên bàn, nhưng bất thành linh các dây thừng và dây kềm căng lên bên trong ống tay áo đồng phục của hẫch ta và một lưỡi kiếm sáng ngời trượt ra khỏi bao kiếm giấu kín dọc theo cẳng tay của hẫch. Các ngón tay trông giống cành cây của hẫch khép lại xung quanh chuôi kiếm, dẫn hướng lưỡi kiếm hơn là kiểm soát nó.

Sherlock lùi lại chỗ bộ giáp trụ ở cạnh cửa. Nó chụp lấy thanh kiếm trong tay bộ áo giáp, làm bộ giáp ngã lăn ra sàn.

Sherlock thoáng biết Ông Surd đang bước ra khỏi bóng tối, chiếc roi bịt đầu bằng kim loại đung đưa một cách đe dọa trong

tay hắn ta, nhưng rồi Nam tước nhảy ra khỏi bàn về hướng nó, thanh kiếm nhẹ vung vẩy. Cấu trúc giống giàn giáo đỡ hắn ta có bánh xe, và có thêm các người hầu đứng phía sau nó, đẩy và kéo tới lui và vung vẩy theo vòng tròn. Maupertuis có thể đến bất cứ chỗ nào trong phòng trong vòng vài giây, nhanh hơn Sherlock có thể di chuyển.

Nam tước vung kiếm. Sherlock né một cách vụng về, cảm giác được các cơ trên vai bị xé rách. Cái đầu chóp lên nơi bị lưỡi kiếm chém trúng. Nam tước bật lên trên không, chém xả lưỡi kiếm xuống đầu Sherlock. Sherlock lăn sang bên trái và lưỡi kiếm của Nam tước xẻ toạc lưng ghế nơi Sherlock vừa ngồi trước đó một tích tắc, làm gỗ vỡ ra và bắn những mảnh vụn ra nhiều hướng.

Sherlock liếc nhìn một cách tuyệt vọng sang phải. Virginia đang lùi lại, Ông Surd đang vung chiếc roi. Gã quất chiếc roi vào mặt cô bé như một con rắn mổ xuống con mồi. Cô bé co rúm người lại, đã quá trễ. Một vết cắt dài và sâu xuất hiện trên má cô bé. Máu bắn thành hình bông hoa trên da cô.

Sherlock rất muốn chạy đến giúp, nhưng Nam tước đã đáp nhẹ xuống đất trước mặt nó. Bật người lên, Sherlock chém kiếm sang ngang, cố cắt đứt một trong những sợi dây thừng và dây nhợ đỡ Nam tước, nhưng những người hầu áo đen đã kéo chủ của chúng lùi lại, ra khỏi tầm với của Sherlock. Khuôn mặt trắng như đầu lâu của Nam tước nở một nụ cười độc ác. Đôi mắt hồng, giống mắt chuột cống của hắn lóe lên một tia chiến thắng. Hắn nhảy lên, chân phải lướt trên tấm thảm và tay phải của hắn cầm thanh kiếm vươn tới trước trong một thế đâm hoàn hảo trong lúc chân trái làm trụ.

Sherlock nghe thấy tiếng gầm gừ của những người hầu trong bóng tối khi họ dồn sức nặng của mình vào cái hệ thống để giữ cân bằng cho Nam tước. Thanh kiếm chém vào cổ họng Sherlock. Nó cố đỡ gạt, nhưng bị vấp chân vào nếp gấp của tấm thảm, ngã ngửa, đầu đập mạnh xuống đất.

“Ta đã từng là bậc thầy giỏi nhất về kiếm thuật trên toàn nước Pháp!” Maupertuis hả hê. “Và giờ vẫn thế!”

Virginia la lên, và Sherlock vô thức nhìn sang hướng cô bé. Surd đã dồn cô bé vào chân tường. Một vết cắt khác nằm vắt ngang trán cô bé. Màu đỏ của máu đã bị làm nhạt đi bởi mái màu đồng của cô, lấp lánh trong ánh nắng chiếu qua cửa sổ không được che. Sherlock cố di chuyển về hướng cô bé nhưng thanh kiếm của Nam tước không biết từ đâu đã sượt ngang cổ áo nó làm rách một đường trước ngực áo. Nó vội vã lùi lại, thanh kiếm huơ trước ngực trong một cố gắng tuyệt vọng để ngăn những đợt tấn công của Nam tước.

Với giàn gỗ nâng lên và một tiếng cót két của dây thùng, thân hình của Nam tước được kéo lên và bay về phía trước theo cách mà không một tay kiếm bình thường nào có thể sánh được. Hẳn lia ngang thanh kiếm, như một lưỡi hái. Mặc dù hẳn tuyên bố mình là một bậc thầy về kiếm thuật nhưng những phong cách của giới kiếm sĩ dường như đã bị phai mờ trong tâm trí hắn. Lúc này hắn chỉ chăm chăm chém mạnh một cách không suy tính về phía Sherlock, và tay của Sherlock mỗi nhừ vì cố gắng chống đỡ những đợt chém. Các cơ bắp nó bông rã và các sợi dây gân căng thẳng như dây đàn violin.

Có cái gì đó bay trên không sượt qua đầu Sherlock, và nó quay lại nhìn. Đó là một cái bao tay bằng kim loại, một phần trong bộ giáp trụ mà nó làm ngã lúc nãy. Virginia đã lượm nó lên từ sàn và ném vào Ông Surd, và hấn đang che mặt lại. Virginia lượm một chiếc ủng bằng kim loại lên và quăng mạnh. Đầu ủng bằng kim loại trúng phía trên mắt Ông Surd, và hấn ta hét lên nguyên rủa.

Sherlock lùi lại khi Maupertuis sai bước tới, những sợi dây phía trên con người giáp nát này kêu cót két vì căng ra.

Không biết làm cách nào mà những người điều khiển rối trong trang phục đen có thể phối hợp những chuyển động của họ tốt đến thế? Maupertuis bước đi như bất kỳ một người bình thường không bị thương tật nào. Thậm chí có cả sự đường bệ trong các bước đi.

Nam tước giờ thanh kiếm lên qua tai trái và chém xéo vào đầu Sherlock. Sherlock đỡ được cú đánh. Những tia lửa nháng ra khi hai thanh kiếm chạm mạnh nhau bắn ra tung tóe như những con côn trùng sặc sỡ, cổ và vai Sherlock nhức nhối.

Thật vô vọng. Maupertuis là một bậc thầy kiếm thuật, ngay cả khi bị tàn tật thì mọi chuyển động của hấn vẫn được điều khiển bởi những người hầu không tên. Ngay cả những người hầu này tự bản thân chúng cũng là những tay kiếm bậc thầy - điều này Sherlock hầu như có thể tin chắc - hay chúng và Nam tước đã luyện tập cùng nhau quá lâu đến nỗi bọn chúng có thể phối hợp như một cá thể mà không cần phải trao đổi hay suy nghĩ. Maupertuis đã bỏ ra bao nhiêu ngàn giờ để huấn luyện chúng cho đến khi chúng có thể đáp ứng hầu hết những điều hấn muốn.

Sherlock nghiêng người lùi lại, nhưng khuỷu tay và vai đập mạnh vào một thứ gì đó cứng. Bức tường! Nó đã lùi lại hết mức có thể.

Khuỷu tay Maupertuis giật mạnh ra sau và lưỡi kiếm nháng lên như ánh chớp. Tuyệt vọng, Sherlock dịch người sang bên, và lưỡi kiếm xuyên qua cổ áo khoác và tiếp tục cắm ngập vào khoảng trống giữa hai khối đá. Sherlock cố kéo ra, nhưng nó bị dính chặt vào, cứng ngắc như một con bướm trên tấm tiêu bản.

Nó thu hết sức lực, định chờ Maupertuis rút kiếm ra sẵn sàng cho đợt tấn công cuối cùng thì sẽ trượt ra và thoát, nhưng thay vì làm vậy Maupertuis giơ tay trái lên cao. Dây thép và dây thừng vắn lên như các đường gân, và có một vật lướt ra ngoài tay áo bên trái của Nam tước. Lúc đầu, Sherlock nghĩ đó là con dao, nhưng có gì đó lạ lùng ở phần mũi. Nó trông giống một cái đĩa tròn có lưỡi răng cưa hơn.

Có tiếng kêu vo vo trong bóng tối đằng sau Maupertuis và các bánh xe bắt đầu xoay tròn, làm bắn tung ra những mảnh ánh sáng ra mọi hướng. Sherlock có thể cảm nhận một luồng khí thổi vào mặt nó khi Nam tước đưa cái bánh xe có răng cưa ngày càng tiến gần hơn đến mắt phải của nó.

Sự thất vọng tràn ngập trong nó. Sherlock không phải là đối thủ của Nam tước. Nó không thể chống cự kiểu trừng phạt này thêm giây phút nào nữa.

Nhưng nó phải cứu Virginia.

Ý nghĩ này thúc đẩy nó nỗ lực lần cuối. Nó vặn người, kéo tay ra khỏi ống tay áo khoác và ngã xuống nền đá lát khi cái đĩa cưa đụng

mạnh vào tường, cắt một rãnh cạn và làm bắn ra những tia lửa và những mảnh đá vụn. Nam tước nguyên rửa, và cố kéo thanh kiếm ra khỏi khe hở giữa các viên đá.

Nếu Sherlock không thể đánh bại Maupertuis bằng các kỹ năng của một kiếm sĩ, nó có thể đánh bại hắn bằng sức mạnh của trí óc. Tất cả những gì nó phải làm là tìm ra một điểm yếu, thứ nó có thể khai thác. Và điểm yếu đó phải là thứ gì đó liên quan tới cách Maupertuis di chuyển hay là được làm cho di chuyển. Đó là điểm yếu của hắn. Sherlock một lần nữa cố tấn công vào những sợi dây thừng và dây nhợ dùng để giữ hắn không ngã nhưng Nam tước đã ý thức được việc đó, và cố gạt đỡ lưỡi kiếm vô vọng của Sherlock bằng cái cửa đĩa đang xoay trong khi tay phải giật mạnh lưỡi kiếm ra.

Lùi người lại, Sherlock suýt vấp phải phần còn lại của cái ghế nó đã ngồi lúc nãy, vốn đã bị chém thành nhiều mảnh dưới lưỡi kiếm của Nam tước. Tiếng gỗ kêu lách cách khi nó đá phải, và một kế hoạch rời rạc được hình thành trong đầu nó. Không chờ đến lúc nghĩ thật kỹ về kế hoạch, Sherlock cúi xuống và nhặt lấy mảnh vỡ lớn nhất của cái ghế bằng tay trái - mảnh ghế gồm có một tay dựa, một phần chỗ ngồi và một khúc chân trái của ghế. Khi Maupertuis chém một nhát dữ dội xuống phần trán đang để trống của Sherlock, nó giơ mảnh ghế lên đỡ. Nhát chém của Nam tước dính sâu vào trong gỗ. Trước khi hắn có thể rút dao ra, Sherlock tiến tới, giơ kiếm lên cao quá đầu Nam tước. Mu bàn tay Sherlock tì mạnh vào một trong những sợi dây thừng đang giữ Maupertuis đứng. Nó xoay tám ván, làm thanh kiếm gần như văng khỏi tay

Nam tước, rồi lại xoay tấm ván ngược lại lần nữa. Ở giữa những sợi dây thừng, mảnh ghế treo trên không, lơ lửng. Sherlock buông mảnh ghế ra, rồi chụp lấy sợi dây thừng đầu tiên, rồi phần còn lại của toàn bộ dây thừng và dây nhợ và, dùng hết sức mạnh của mình, làm rối toàn bộ chúng đằng sau miếng gỗ.

“Người đang làm gì vậy?” Nam tước la lên, nhưng đã quá trễ. Những sợi dây giữ hắn đứng vững bây giờ giống như trò chằng giây qua ngón tay, bị cái chân và tay dựa của mảnh ghế gỗ làm kẹt cứng một chỗ. Maupertuis lúc lắc trong vô vọng. Những người hầu trong bóng tối cuối phòng cố gắng với tất cả sức lực, nhưng không có kết quả. Họ không thể làm văng phần còn lại của cái ghế ra khỏi những sợi dây thừng.

Bước lùi từng bước, Sherlock quét thanh kiếm lướt qua các sợi dây thừng, cắt rời năm sáu sợi. Lực căng bất thành linh lỏng ra, các sợi dây *văng* vào trong các góc của căn phòng. Cánh tay của Nam tước buông thõng xuống, và đầu hắn ngoẹo về một bên.

“Người sẽ trả giá cho việc này”, hắn rít lên.

“Gửi hóa đơn cho tôi”, Sherlock nói lạnh lẽ. Nó quay về chỗ Virginia đang đứng, sẵn sàng nhảy đến để giúp, nhưng nó thấy cô bé đang giáng mạnh phần cạnh sắc của cái mũ sắt của bộ áo giáp lên đầu Ông Surd. Gã ngã xuống sàn, bất tỉnh, người đầy máu.

“Mình đang muốn đến giúp cậu”, Sherlock nói.

“Lạ nhỉ”, Virginia đáp. “Mình cũng đang muốn đến giúp cậu”.

 ảm ơn Chúa vì Nam tước Maupertuis”, Sherlock nói thì thầm một cách chân thành trong khi đóng sầm cánh cửa phòng ăn lại phía sau chúng. Cửa không khóa, vì vậy nó dùng hết sức đẩy mạnh cái tủ gỗ tếch ở bên cạnh cửa. Các chân tủ kêu rít lên trên sàn khi di chuyển.

“Tại sao?” Virginia vặn lại, cô bé dồn hết sức đẩy giúp nó. Cái tủ trượt ngang cánh cửa, ngăn nó mở ra. “Hắn có bao giờ làm gì cho chúng ta đâu?”

Những người hầu của Nam tước Maupertuis hẳn đã chạy đến chỗ cửa dẫn ra phòng khách, bởi vì cánh cửa bất ngờ mở hé ra và đập sầm vào cái tủ. Bọn chúng lắc cửa vài cái, nhưng cái tủ không nhúc nhích.

“Hắn thích mọi chỗ hắn sống đều giống nhau. Vì thế mình sẽ biết chuồng ngựa ở chỗ nào. Đi thôi!”. Nó dẫn đường ra phía sau căn nhà đến một cánh cửa mở ra bên ngoài, và khi chắc là không có bất kỳ người hầu nào ở bên ngoài, nó và Virginia vội vã đi vòng quanh hông tòa nhà và tìm được chuồng ngựa. Dựa theo vị trí của mặt trời, giờ là giữa buổi sáng. Bọn nó đã bị đánh thuốc mê ít nhất là một đêm, có khi hơn.

Luôn thực tế, Virginia ngay lập tức bắt đầu thẳng yên cương cho hai con ngựa. “Chúng ta sẽ làm gì Sherlock? Chúng mình đang ở một đất nước khác! Ngay cả tiếng cũng không biết!”

“Thật ra”, nó lúng túng, “mình biết”.

‘Biết cái gì?’

“Tiếng Pháp. Dù sao thì, chỉ một ít”.

Cô bé quay lại nhìn nó một cách lạ lùng. “Làm sao cậu biết?”

“Bên ngoài mình gốc Pháp. Mẹ cứ khẳng khẳng bảo bọn mình học tiếng Pháp. Mẹ nói đó là di sản của gia đình”.

Virginia vươn tới đung vào tay nó. “Cậu không kể về mẹ”, cô bé nói. “Cậu nói về cha cậu và anh trai, nhưng không nhắc về mẹ”.

“Không”, Sherlock nói, họng như bị nghẹn lại. Nó quay sang nơi khác nên cô bé không thể nhìn vào mắt nó. “Mình không kể”.

Virginia siết chặt sợi dây đai cuối cùng trên những con ngựa. “Vậy cho là cậu *có thể* nói thứ tiếng này, chúng ta sẽ đi đâu? Chúng ta có phải nhờ giúp đỡ không?”

“Chúng ta đi về hướng bờ biển”, Sherlock nói. “Maupertuis đã ra lệnh thả đàn ong. Nếu chúng ta không chặn chúng lại, chúng sẽ giết người. Có thể là không nhiều như Maupertuis mong đợi, nhưng vài binh sĩ Anh vẫn sẽ chết. Chúng ta phải ngăn chúng thả đàn ong”.

“Nhưng -”

“Còn một việc nữa”, nó nói. “Hãy đi đến bờ biển. Từ đó chúng ta có thể gửi điện tín cho anh mình, hay làm gì đó. Bất cứ việc gì”.

Virginia gật đầu. “Lên ngựa thôi, kiếm sĩ bậc thầy”.

Nó cười toe. “Lúc ở đó cậu cũng khá thiện chiến mà”.

Virginia cũng cười hớn hở. “Mình là vậy mà, đúng không?”

Lên ngựa, chúng phóng khỏi tòa nhà ngay khi những tiếng la hét vang lên và chuông báo động bắt đầu rung lên. Chỉ trong tích tắc, Sherlock biết bọn nó đã chạy quá xa, không thể bị bắt.

Ở làng gần nhất, bọn nó ngừng lại để hỏi xem chúng đang ở đâu. Cả hai đều đói, nhưng chúng không có tiền Pháp, và tất cả những gì chúng có thể làm là nhìn một cách tha thiết những cây xúc xích treo lủng lẳng trên các cửa sổ của cửa hàng và những ổ bánh mì, dài như cánh tay Sherlock, chất đầy trên các kệ. Một người nông dân nói với Sherlock là chúng còn vài dặm nữa là tới Cherbourg. Ông ta chỉ cho chúng hướng đi, và bọn chúng đi tiếp.

Virginia nhìn nó đánh giá. “Không tệ”, cô bé nói. “Cậu cưỡi ngựa như cưỡi xe đạp chứ không phải là một sinh vật, nhưng cũng không tệ”.

Một tiếng rưỡi sau, chúng dừng lại lần nữa cạnh một vườn lê, và nhét lê đầy các túi và ăn khi cưỡi ngựa, nước lê chảy thành giọt trên cằm chúng. Khung cảnh đồng quê dần lướt qua, thân thuộc tuy vẫn khác với những gì Sherlock đã quen nhìn ở Anh. Đầu nó làm việc nhịp nhàng theo tiếng vang của vó ngựa. Nó cần nghĩ ra việc phải làm khi đến được Cherbourg.

Vào lúc chúng đến đó, nó vẫn chưa có ý tưởng gì rõ ràng.

Thị trấn được xây dựng trên sườn đồi dẫn xuống mặt nước xanh lấp lánh của một bến cảng. Vó ngựa gõ giòn trên đá lát đường, và chúng buộc phải đi nước kiệu chậm lại để vượt qua những đám đông đang tụ tập xung quanh những quầy hàng và cửa hàng nằm dọc theo những con đường uốn khúc. Cảnh tượng này có thể nhìn thấy ở một nơi bất kỳ nào đó dọc bờ biển miền Nam nước Anh, ngoại trừ cách ăn mặc, và sự phong phú hơn của các loại phô-mai trên các quầy hàng.

Sherlock và Virginia xuống ngựa và miễn cưỡng cột chúng lại ở

một hàng rào. Ai đó sẽ chăm sóc chúng. Nó kiểm tra giới hạn khả năng ngôn ngữ của mình bằng cách hỏi có sở điện tín nào ở quanh đây không, và sụp đổ khi biết là sở điện tín gần nhất là ở Paris. Bọn nó sẽ gửi tin cho Mycroft bằng cách nào bây giờ?

Phải tìm được một chiếc tàu và quay về Anh. Đó là hy vọng duy nhất của chúng.

Chúng tìm thấy một văn phòng quản lý cảng, và hỏi thăm về những chiếc tàu hay thuyền sẽ đi Anh. Người quản lý cảng cho chúng biết có vài chiếc. Ông ta chu đáo kể vài cái tên. Có bốn chiếc thuyền địa phương chở hàng đi bán - phô-mai, thịt, hành tây. Nó có thể nhắn tin qua các thuyền trưởng.

Chiếc thứ năm là một tàu đánh cá Anh vừa cập bến bất ngờ lúc sáng.

Tên của nó là *Bà Eglantine* .

Cái tên như một xô nước lạnh tạt thẳng vào mặt nó. Trong vài giây sửng sò, Sherlock đã tin rằng bà Eglantine - quản gia của chú thím nó - là đạo diễn đứng đằng sau tất cả mọi việc đã xảy ra, nhưng rồi những ý nghĩ tích cực hơn đã chiến thắng. Ai đó đang dùng cái tên này như một lá cò để thu hút sự chú ý của nó. Và quả thật.

Bà Eglantine là một chiếc thuyền nhỏ, đang nép mình bên một cầu tàu ở rìa cảng. Amyus Crowe và Matty Arnatt đang đợi chúng cạnh ván cầu.

Virginia chạy ulla vào trong vòng tay của cha. Ông ấy bế bổng nó lên không rồi ôm thật chặt. Sherlock vỗ lưng Matty.

“Làm thế nào hai người biết tìm chúng tôi ở đâu?” nó hỏi.

“Làm thế nào hai người thậm chí biết phải tìm ở *nước* nào?”

“Cậu nên nhớ, tôi là một người sống bằng nghề săn người”, Crowe nói. “Khi cậu không quay về khách sạn, và khi chúng tôi nhận ra là Ginny biến mất, chúng tôi đã cố lần theo bước cậu. Tôi nghe nói có đám cháy trong đường hầm Rotherhithe, và đặt vài câu hỏi là xác định được có một cậu bé trùng khớp với mô tả đã thoát ra. Trong lúc đó Matty theo dấu chiếc xe ngựa chở Ginny đến bến tàu. Khi chúng tôi đến đó, tàu của Maupertuis đã nhổ neo, nhưng chúng tôi gặp một quản lý bến, ông ấy đã trông thấy hai người bị đưa lên tàu. Bị *kéo lê* lên tàu, theo lời ông ấy. Chiếc tàu đã khởi hành, nhưng ông ấy nhớ có nghe một thủy thủ nói rằng đây là một chuyến đi ngắn bằng qua Eo biển Anh [9] sang Cherbourg. Vì thế chúng tôi thuê một chiếc thuyền đánh cá và sang đây tìm hai người.

Chúng tôi đến đây sau khi tàu của Maupertuis đến một lúc. Hoặc là họ đi chậm, hoặc là họ đã dừng ở đâu đó trên đường đi. Không biết là điều nào đúng”. Giọng ông vẫn chắc chắn và sâu sắc như mọi khi, và những lời nói không tiết lộ trạng thái tinh thần, tuy nhiên Sherlock nghĩ rằng không biết sao trông ông có vẻ già nua và mệt mỏi hơn. Ông vẫn tiếp tục choàng tay quanh vai Virginia, siết chặt. Cô bé không có vẻ gì muốn thoát ra. “Tôi phát hiện Nam tước có một chỗ ở gần đây, và tôi đang nghĩ đến việc thuê vài người địa phương làm thành một nhóm vũ trang thì hai người xuất hiện. Một nơi gặp nhau tiện lợi mọi đường, tôi có thể nói thế”.

“Điều này thật ý nghĩa”, Sherlock nói. “Chúng cháu hướng đến

bến cảng gần lâu đài của Nam tước Maupertuis nhất. Rõ ràng đó là nơi tàu của hắn có thể đậu, và hai người đã theo dấu chiếc tàu của hắn. Có vài lúc chúng cháu đã có nguy cơ bỏ xác ở Cherbourg". Nó mỉm cười. "Điều ngạc nhiên duy nhất là ông đã tìm được một con tàu mang tên người quản gia của chú cháu. Có gì kỳ lạ không?"

"Tên trước đây của chiếc thuyền là *Rosie Lee*", Crowe nói, mỉm cười lại. "Tôi đã tính toán xem một cái tên quen thuộc hơn sẽ hấp dẫn cậu như thế nào, nếu cậu ở trong khu này và đang tìm cách quay về Anh. Tôi đã tính đặt là *Mycroft Holmes*, nhưng thuyền trưởng đã nhắc tôi một luật bất thành văn là tàu hay thuyền đều được đặt tên phụ nữ".

"Ông trông đợi chúng cháu sẽ thoát khỏi Nam tước?"

Crowe gật đầu. "Tôi hẳn đã thất vọng nếu như hai người không thể thoát được. Cậu là học trò của tôi, và Ginny là con tôi. Tôi là loại thầy giáo kiểu gì nếu hai người cứ ngồi yên đó cam chịu làm tù nhân?" giọng ông có vẻ hài hước, và nở một nụ cười, nhưng Sherlock có thể cảm nhận sâu thẳm bên trong Crowe là một cảm giác bất an, có lẽ cả sự sợ hãi, mà sự xuất hiện của chúng chỉ bắt đầu làm cho vơi bớt. Ông giơ bàn tay to ra ôm vai Sherlock. "Cậu đã bảo vệ Ginny an toàn", ông nói, lặng lẽ hơn. "Tôi cảm ơn cậu vì điều đó".

"Cháu biết mọi việc ông làm để đến đây đều logic", Sherlock nói, cũng lặng lẽ như vậy, "và những suy tính đó đã đúng, nhưng nếu nó không đúng thì sao? Điều gì xảy ra nếu chúng cháu không bao giờ thoát được, hay là chúng cháu đi theo hướng khác, hay là hai người ở đầu này cảng, chúng cháu ở đầu khác, lên một con thuyền

khác? Sẽ ra sao?”

“Thì mọi việc sẽ xoay theo hướng khác”, Crowe nói. “Chúng ta ở nơi chúng ta đang ở bởi vì mọi việc xảy ra đúng theo cách nó phải thế. Suy luận có thể rút ngắn đáng kể đường đến lợi thế, nhưng luôn có những dịp ngẫu nhiên mà chúng ta phải đấu tranh. Lần này chúng ta gặp may. Còn lần tới - ai mà biết ra sao?”

“Cháu không mong sẽ có “lần tới””. Sherlock nói. “Nhưng chúng ta vẫn cần ngăn cản kế hoạch của Nam tước”.

“Kế hoạch đó là gì?” Crowe hỏi, mặt nhăn lại một cách bối rối. “Tôi đã ráp được vài chi tiết với nhau, nhưng chưa phải toàn bộ”.

Sherlock và Virginia nhanh chóng giải thích về chuyện đàn ong, đồng phục bị tẩm phẩn ong và kế hoạch tiêu diệt phần lớn quân đội Anh khi họ đóng quân ở các doanh trại tại nước Anh. Crowe cũng hoài nghi như Sherlock về tính hiệu quả của kế hoạch, nhưng ông cũng đồng ý là có thể có vài người chết, và ngay cả một mạng người cũng là quá nhiều.

Những con ong cần bị chặn lại.

“Nhưng làm cách nào những con ong có thể tìm được đường băng qua biển để đến đất liền, và rồi lại tìm đường đến được những doanh trại?” Crowe hỏi.

“Cháu đã đọc về ong trong thư viện của chú cháu”, Sherlock đáp. “Ong là những sinh vật đáng kinh ngạc. Chúng có thể phân biệt hàng trăm mùi khác nhau, ở nồng độ nhẹ hơn rất rất nhiều so với mức độ con người cần để phân biệt, và chúng có thể bay hàng dặm để tìm ra nguồn của những mùi đó. Cháu sẽ không ngạc nhiên lắm nếu chúng có thể làm được”. Nó ngừng một chút, nhớ lại. “Hắn ta

nói về một pháo đài. Hắn bảo với người của hắn - Ông Sud - là đàn ông nên được thả từ một pháo đài. Có pháo đài nào dọc theo bờ biển này hoặc dọc theo bờ biển nước Anh, mà hắn ta có thể sử dụng không?”

“Không phải loại pháo đài đó”, Matty Arnatt cắt ngang.

“Ý cậu là sao?”

“Có nhiều pháo đài được xây ở Eo biển Anh, quanh Southampton và Portsmouth và ở đảo Wight, như những hòn đảo nhỏ”, nó nói. “Chúng đã được bố trí ở đó để phòng trường hợp Napoleon xâm lược. Lúc này phần lớn chúng bị bỏ hoang bởi vì cuộc xâm lăng không hề diễn ra”.

“Làm sao cậu biết?” Virginia hỏi.

Matty cau có. “Cha mình đã đóng quân ở một trong những pháo đài đó, khi ông ở trong Hải quân. Ông kể hết cho mình nghe về những nơi đó”.

“Vậy điều gì làm cậu tin là Maupertuis sẽ sử dụng một trong những nơi đó?” Sherlock hỏi.

“Cậu đã kể chuyện hắn ta ghét nước Anh đến mức nào vì chuyện đã xảy ra cho hắn. Không có ý nghĩa sao nếu hắn sử dụng một trong những pháo đài chúng ta xây để tự vệ trước quân Pháp làm công cụ chống lại chúng ta?”

Crowe gật đầu. “Cậu bé có ý hay. Và mặc dù tàu của hắn rời khỏi London một thời gian trước khi Matty và tôi mượn được thuyền, chúng chỉ cập bến ở Cherbourg ngay trước lúc chúng tôi đến. Chúng phải dừng ở một pháo đài nào đó để bỏ những tổ ong”.

Nhưng có rất nhiều pháo đài”, Matty nói. “Chúng ta không có thời gian để tìm ở tất cả”.

“Hắn ta sẽ không muốn đàn ông phải bay quá xa”, Sherlock chỉ ra. “Chúng ta sẽ tìm ở pháo đài gần bờ biển nhất. Và hắn ta cũng muốn chỗ đó gần với doanh trại cỡ lớn của quân đội. Chúng ta cần bản đồ nước Anh và bờ biển. Chúng ta cần vẽ những đường thẳng nối mỗi pháo đài và một căn cứ của quân Anh. Chúng ta sẽ tìm đường ngắn nhất”. Nó liếc nhìn hai khuôn mặt đang kinh ngạc của Amyus Crowe và Virginia. “Đó đơn giản chỉ là môn hình học”, nó nói.

“Chúng ta sẽ làm gì nếu tìm được đúng cái pháo đài đó?” Matty hỏi.

“Chúng ta sẽ quay về bờ biển Anh, gửi điện tín cho Mycroft Holmes”, Crowe nói lớn. “Cậu ấy sẽ gửi một tàu hải quân đến pháo đài đó”.

“Mất quá nhiều thời gian”, Sherlock lắc đầu nói. “Chúng ta cần tự đến đó. Ngay bây giờ”.

Cuối cùng họ làm cả hai cách. Chiếc *Bà Eglantine* , chẳng bao lâu lại được đổi thành *Rosie Lee* , rời Cherbourg trong khi Crowe và Sherlock vẽ những đường trên bản đồ và nhận diện pháo đài có khả năng nhất. Vài tiếng sau đó, khi họ đến gần, mặt trời đã hiện ra ở chân trời và bờ biển nước Anh xuất hiện như một đường kẻ sậm trên đường chân trời tối.

“Chiếc thuyền đánh cá này sẽ bị để ý ngay lập tức”, Crowe chỉ ra. “Ngay cả khi buồm được hạ xuống thì cột buồm vẫn bị phát hiện, giả sử nếu chúng có bố phòng - và nếu tôi là chúng, tôi sẽ làm thế”.

“Có một chiếc thuyền chèo nhỏ buộc ở bên hông tàu cá”, Sherlock nói. “Cháu phát hiện ra nó khi vừa lên tàu. Cháu và Matty có thể chèo đến pháo đài. Bác tiếp tục đi về Anh. Để báo động”.

“Nếu tôi chèo đến pháo đài đó, còn cậu, Matthew và Ginnie về bờ biển thì sao?”

“Chúng cháu không biết lái thuyền”, Sherlock chỉ ra. Tim nó đập thình thịch trong ngực khi nghĩ về nhiệm vụ mà nó đã xung phong thực hiện, nhưng nó không có lựa chọn nào khác. “Hơn nữa, Bộ Hải Quân và Bộ Chiến tranh sẽ tin ông hơn là tin cháu”.

“Có lý”, Crowe miễn cưỡng đồng ý.

“Ở bất cứ nơi nào ông cập bến”, Sherlock nói tiếp, “nếu ông ở gần Xưởng đóng tàu Portsmouth, Xưởng đóng tàu Chatham, Deal, Sheerness, Great Yarmouth hay Plymouth, thì đều có những trạm truyền tin ở đó. Nếu ông đưa cho họ tin nhắn họ sẽ chuyển nó dọc theo đất nước nhờ một chuỗi các trạm với những tấm bảng sáu lỗ đặt trên mái, đến Bộ Hải quân. Sẽ nhanh hơn là đánh điện tín”.

Crowe gật đầu, mỉm cười, rồi đưa bàn tay khổng lồ, chai sần bắt tay Sherlock. “Chúng ta sẽ gặp lại”, ông nói.

“Cháu đang mong tới khi đó đây”, Sherlock đáp lại.

Sherlock và Matty chèo xuống chiếc thuyền rồi chèo thật nhanh đến chỗ pháo đài. Chiếc thuyền chèo có thể đến gần đó mà không bị phát hiện, trong khi một chiếc tàu đánh cá, dù trông có vẻ vô hại thế nào, cũng sẽ bị để ý. Như thỏa thuận, Crowe và Virginia tiếp tục đến bờ biển nước Anh, nơi họ có thể gửi tin báo động chính phủ.

Virginia đứng ở mạn *Bà Eglantine* khi nó dần xa khỏi chiếc

thuyền chèo, nhìn chăm chăm Sherlock. Nó nhìn lại, tự nhủ không biết có còn gặp lại cô bé lần nữa không.

Mặt biển màu xanh lá xám và dập dềnh khi hai thằng bé khua mái chèo. Pháo đài là một đốm tròn tối ở tận chân trời dường như không bao giờ gần lại bất chấp mọi nỗ lực chèo của hai đứa. Sherlock cảm nhận vị mặn của muối trên môi. Nó tự hỏi làm sao mình lại vướng vào cuộc phiêu lưu lạ lùng này.

Sau một lúc, nó nhìn lên và thấy pháo đài chỉ còn cách vài chục mét: đó là một khối đá ướt bên ngoài bám đầy tảo trông như nhô lên từ mặt nước của Eo biển Anh. Không biết bằng cách nào, bọn nó đã xoay sở để vào được gần mà không bị để ý. Có vẻ như pháo trông rỗng và bị bỏ hoang. Nó nhìn một lượt hàng lỗ châu mai, nơi chỉ cách đó vài thập kỷ, binh sĩ Anh hẳn đang quan sát mặt biển canh chừng những chiếc tàu chiến Pháp đang đến gần. Nó không nhìn thấy ai.

Không một ai cả.

Chiếc thuyền men những mét cuối cùng đến cái khối pháo đài to đen ngòm. Thuyền cập vào bậc đầu tiên của những bậc thang đá dẫn lên phía trên.

Matty nhanh chóng cột dây thuyền vào một thanh sắt gỉ sét được gắn chặt bằng xi măng vào cái kẽ giữa những tảng đá. Hai đứa leo lên những bậc thang. Sherlock trượt chân, và Matty phải chụp lại để ngăn nó không rớt xuống nước. “Làm sao biết là chúng ta không quá trễ?” Matty hỏi.

“Giờ là buổi tối. Ông không hoạt động ban đêm. Những người hầu của Nam tước sẽ không mất nhiều thời gian hơn chúng ta để

đến được đây. Đàn ông sẽ được thả vào buổi sáng”.

Lên đến đỉnh, bọn nó quỳ xuống sau bức tường đá thấp chạy quanh vành ngoài của pháo đài. Rêu mọc đầy trong những kẽ hở giữa các viên đá.

Sherlock nhìn kỹ tầng trên cùng của pháo đài – nó cho rằng về mặt kỹ thuật, đó giống như boong tàu, mặc dù “chiếc tàu” đặc biệt này sẽ không đi bất cứ đâu - nhưng các phiến đá lát chằng có gì ngoại trừ những cuộn dây thừng, những mớ cỏ biển và vài mảnh thùng gỗ.

Ở phía bên kia pháo đài, nó nhìn thấy ánh sáng bất chợt lóe lên từ một que diêm soi rõ một khuôn mặt râu ria với một vết sẹo nằm vắt ngang. Người đang quản lý pháo đài này đã bố trí lính gác. Nó và Matty cần phải cẩn thận.

Người gác đi chuyển ra xa hướng bọn nó, Sherlock thấy anh ta đi qua một cửa trên boong có hàng rào gỗ chạy quanh ba mặt cửa. Có lẽ đó là cầu thang dẫn xuống lòng pháo đài.

Khi người đàn ông đi tiếp, Sherlock giật áo Matty bảo nó nép sang một bên.

Nó đã đúng. Có một cầu thang đá dẫn xuống nơi tối tăm.

Mùi của bóng tối và sự mục nát xộc vào mũi chúng.

“Nào”, Sherlock thì thào. “Đi thôi”.

Hai đứa nhanh chóng bước xuống những bậc thang dẫn sâu xuống pháo đài. Lúc đầu nơi đó có vẻ tối như đáy địa ngục, nhưng sau vài phút mắt Sherlock đã quen và nó nhìn thấy những chiếc đèn bão được gắn trên tường cách quãng đều nhau. Bọn nó đang ở

một hành lang ngắn có vẻ như dẫn vào một căn phòng lớn hơn, tối hơn, nơi mà ánh sáng vàng vọt của những chiếc đèn khó soi tỏ.

Sherlock và Matty rón rén đi dọc hành lang đến nơi bức tường bất ngờ mở ra. Khoảng không gian tròn lộ ra có lẽ chiếm gần hết một tầng. Những chiếc cột đá cách nhau vài mét chống đỡ cái mái ở phía trên, nhưng thứ làm Sherlock thở gấp là những tổ ong, sắp thành hàng ngũ đều đặn trên những phiến đá lát. Hàng trăm tổ ong. Cứ mười ngàn con ong trong một tổ, nghĩa là có khoảng một triệu con ong hung dữ đang ở đây, chỉ cách nó vài mét. Da nó bỗng ngứa như một phản ứng vô thức đối với đám ong ở quá gần, như thể lũ ong bò ngang vai nó rồi xuống cột sống. Dù cho cái dự án lớn này của Maupertuis có hiệu quả ở khắp nước Anh hay không thì sự tập trung một chỗ của toàn bộ đám ong này rõ ràng sẽ gây nguy hiểm cho bất kỳ ai trong khu vực.

“Hãy nói với mình là chúng ta sẽ không xách những cái tổ này lên boong rồi quăng nó xuống nước”, Matty thì thầm.

“Chúng ta sẽ không xách những cái tổ này lên boong rồi quăng nó xuống nước”, Sherlock khẳng định.

“Vậy chúng ta sẽ làm gì?”

“Mình không chắc nữa”,

“Ý cậu là gì khi trả lời cậu không chắc?”

“Ý mình là, mình chưa nghĩ được tường tận. Mọi thứ ập đến nhanh quá”.

Matty khịt khịt mũi. “Cậu đã có nhiều thời gian để nghĩ trên thuyền đánh cá”.

“Lúc đó mình đang nghĩ chuyện khác”.

“À”, Matty nói, “Mình nhận thấy”. Nó yên lặng một lúc.

“Chúng ta có thể đốt chúng”, nó đưa ra ý kiến.

Sherlock lắc đầu. Hãy nhìn khoảng trống giữa các tổ. Chúng ta có thể đốt một hay hai tổ, nhưng ngọn lửa không lan ra được và bọn ong sẽ đuổi kịp chúng ta”.

Matty nhìn quanh. “Bọn chúng ăn cái gì?” nó hỏi.

“Ý cậu là sao?”

“Chúng ta đang ở Eo biển Anh. Ở đây không có hoa, và mình không nghĩ chúng ăn được rong biển. Vậy bầy ong ăn cái gì?”

Sherlock nghĩ một lúc. “Câu cậu hỏi hay quá. Mình không biết nữa”. Nó nhìn quanh. “Hãy xem xung quanh, may ra chúng ta tìm thấy thứ gì đó. Chia ra tìm, gặp lại nhau ở phía bên kia. Đừng để bị bắt”.

Matty theo hướng trái và Sherlock đi bên phải. Ngoái nhìn lại Sherlock thấy bóng tối âm u đã nuốt chửng Matty.

Những hàng tổ ong mà nó đi ngang qua tạo thành một đồ hình gần như thôi miên. Nó không thấy con ong nào - có lẽ bóng tối đã nhốt bọn chúng lại bên trong tổ - nhưng nó nghĩ là mình có thể nghe tiếng của chúng: cái tiếng vo vo chậm chậm gây buồn ngủ, gần như đến bên rìa sự tỉnh thức của nó. Nó để ý thấy có những khung gỗ được đặt ở những điểm khác nhau trong cái không gian giống như hang động này. Vài cái khung chứa những khay gỗ, những cái còn lại trống không. Sherlock tự hỏi mình đã thấy những cái khay giống như vậy ở đâu. Chúng có cái gì đó trông quen

quen.

Một hình thù kỳ lạ xuất hiện trong bóng tối: một người đàn ông trong bộ đồ kín mít bằng vải bạt, đầu được bao trong chiếc mũ trùm bằng vải muslin được giữ cách xa mặt bằng một cái đai bằng tre. Hắn ta cúi xuống một cái thùng lớn - một trong nhiều cái thùng dựng sát phần tường cong bao quanh khoảng không gian. Hắn ta đứng thẳng lên, tay cầm một cái khay giống như những cái được gắn vào các khung giống như giá vẽ rải rác chung quanh, rồi tiến về phía những tổ ong. Một làn bụi mịn dường như bay lên từ cái khay khi Sherlock thấy hắn ta đi khỏi.

Nó đã nhớ ra, ngay khi người đàn ông trong bộ đồ người nuôi ong tiến đến một cái khung và đẩy cái khay vào khe. Nó đã nhìn thấy người nuôi ong này mặc bộ đồ này ở căn nhà trang viên của Nam tước Maupertuis ở ngay ngoại vi Farnham, rút ra những cái khay tương tự từ bên dưới tổ ong. Rồi bất chợt mọi thứ khớp với nhau - những cái khay, làn bụi bốc lên từ khay, những viên đá lạnh mà nó thấy gã Denny dỡ từ chiếc tàu ở Farnham xuống và câu hỏi của Matty về chuyện lũ ong ở đây ăn gì khi không có hoa. Tất cả hợp lý đến mức hoàn hảo! Những con ong hút mật từ hoa, giữ chúng trên những sợi lông nhỏ ở chân cho đến khi chúng về tổ và dùng mật làm thức ăn. Đặt khay bên dưới tổ ong, rồi chế ra một loại “cửa” mà ong phải đi qua để vào tổ, rồi chải phấn hoa từ chân chúng rớt vào trong những cái khay được đặt ở vị trí đặc biệt. Khi đặt những khay đó lên đá lạnh người ta sẽ trữ được phấn hoa để dùng khi cần thiết - ví dụ như khi bọn ong ở những nơi không có hoa. Đặt những cái khay rải rác chung quanh, và bọn ong sẽ thu

được phần hoa từ đó, mà thậm chí không nhận ra đây là lần thứ hai bọn chúng thu thập loại phần hoa này.

Khi nhớ về Farnharm, về nhà ga, một ký ức khác bỗng dậy lên trong Sherlock: một điều gì đó Matty đã kể với nó. Điều gì đó về bột. Về những người nướng bánh. Sherlock rà lại mớ ký ức lộn xộn trong đầu nó, cố nhớ lại điều đó.

Đúng rồi. Bột. Bột mì. Matty đã kể về một trận cháy xảy ra ở một lò bánh mà nó đã từng làm việc. Nó đã kể là những thứ bột, như bột mì, rất dễ cháy khi bay trong không khí. Nếu một hạt bột bắt lửa thì nó có thể lan từ nơi này đến nơi khác nhanh hơn tốc độ chạy của một người.

Và nếu bột mì cháy, thì phần hoa cũng cháy.

“Tao sẽ trả một xu để biết mày đang nghĩ gì”, một giọng nói vang lên sau lưng nó.

Sherlock quay lại, biết là mình sẽ thấy cái gì.

Ông Surd, người hầu tận tụy của Nam tước Maupertuis, đang đứng trong bóng tối. Phần dây da của cái roi từ tay hắn tràn ra và uốn quanh bàn chân hắn.

“Đừng ngại”, Surd nói, tiến đến Sherlock. “Nếu Nam tước muốn biết cái gì ở trong đầu mày, tao sẽ đưa cho ông ấy cái đầu của mày và ông ấy có thể tự lấy nó ra”.



Sherlock bước sang một bên. Ông Surd vòng theo nó.

Đầu bịt kim loại của chiếc roi kéo lê trên đất khi hắn di chuyển.

Mặt của Surd như là một chiếc mặt nạ vô cảm lịch thiệp, nhưng cái vết sẹo vắt ngang đầu hắn thì đỏ tía và tấy lên vì giận dữ.

“Ông đã bị Nam tước cho một trận phải không?” Sherlock chế nhạo hắn. “Để cho chúng tôi trốn thoát như thế thật không tốt cho thể diện của ông. Tôi cá là Nam tước sẽ quăng đi những người hầu vô dụng giống như người ta quăng đi cái que diêm đã xài rồi”.

Khuôn mặt của Surd vẫn im lìm như cũ, nhưng tay hắn vụt nhẹ và chiếc roi quất ra. Sherlock né đầu mạnh sang bên một tích tắc trước khi đầu bịt kim loại có thể cắt lìa tai nó ra. “Đó rõ ràng chỉ là một trò xiếc, nhưng sẽ không có bất kỳ trò xiếc nào hay hơn”, Sherlock tiếp tục nói, cố giữ giọng nó không run rẩy và phản lại nó. “Có thể là Maupertuis sẽ muốn một tên ném dao vào lần tới”.

Chiếc roi lại vụt tới lần nữa, đầu roi táp ngang tai trái một tiếng *rắc* làm nó điếc đặc trong chốc lát. Nó nghĩ cú quất bị trượt, nhưng bất ngờ một dòng máu ấm rơi lộp độp trên cổ nó, và xuất hiện một cơn đau điếng bên phía đầu bị đầu bịt kim loại của cây roi quất trúng. Nó lảo đảo lùi về một bên, tay giữ lấy một bên tai. Cơn đau không dữ dội lắm, chưa dữ dội, nhưng nó muốn đảo lộn tình thế và nó chưa xong việc ở đó.

“Cứ mỗi một câu chế giễu mày phun ra với tao sẽ có một miếng thịt tao xé ra từ mặt mày”, Surd lầm lì nói. “Mày sẽ phải van xin tao giết mày, và tao sẽ chỉ cười. Tao sẽ cười”.

“Cứ cười khi còn có thể”, Sherlock nói. “Có lẽ tôi sẽ thuyết phục Nam tước thuê tôi vào làm chỗ của ông. Ít nhất tôi có thể chứng tỏ là tôi có khả năng hơn ông”.

“Tao sẽ giữ mày sống đủ lâu để con bé kia trông thấy điều tao làm với mày”, Surd tiếp tục như không nghe thấy điều Sherlock nói. “Con đó sẽ không muốn nhìn mày. Nó sẽ rú lên khi nhìn thấy cảnh tượng của mày. Thấy cảm giác đó ra sao, thằng nhóc? Cảm giác đó sẽ thế nào?”

“Ông nói chuyện đánh đấm thì giỏi”, Sherlock nói. Nó di chuyển sang bên một bước. Surd cũng cũng nhích theo.

Những cái thùng gỗ chứa các khay phần ong đang ở ngay sau lưng Sherlock lúc này. Nó vươn tay phải ra sau, để tay nắm chặt thành của một khay. Cái khay rất lạnh vì có đá bên dưới.

“Làm gì vậy thằng nhóc?” Surd hỏi. “Mày nghĩ có thứ gì ở đó có thể cứu mày hả? Mày sai rồi. Sai rồi”.

“Thứ duy nhất có thể cứu tôi là cái đầu của tôi”, Sherlock nói, mang cái khay vòng ra trước nó. Phần ong hơi bay lên, vàng và bột, làm nó ho. Surd quát roi ra lần nữa, nhắm vào mắt phải của Sherlock, nhưng Sherlock giơ cái khay lên đỡ như một cái khiên, chiếc roi quăn quanh cái khay, đầu kim loại của chiếc roi lún sâu trong gỗ và bị kẹt vào đó. Sherlock kéo mạnh, kéo cái tay cầm của chiếc roi ra khỏi bàn tay đang nắm chặt của Surd đang ngạc nhiên và ném nó sang bên.

Surd rống lên như bò rồi chồm người tới trước, hai cánh tay dang rộng. Sherlock chộp lấy một cái khay phần hoa khác từ cái thùng và đập mạnh vào đầu Surd. Hấn loạn choạng lùi lại, bị vây

trong một mớ phấn vàng. Nếu Surd sống sót, hắn sẽ có thêm sọ ở trên sọ.

Tất nhiên là nếu Surd sống sót thì Sherlock có thể sẽ chết.

Nó bước lên chụp lấy tai Surd. Nâng gối lên, nó giội mặt Surd vào đầu gối mình. Mũi Surd gãy *rắc* to như tiếng roi quất ra. Hắn loạng choạng lùi lại, máu trào xuống miệng và cằm hắn.

Trước khi Surd có thể tấn công lại, Sherlock chụp lấy ngọn roi trên sàn và kéo cái đầu bịt kim loại của roi ra khỏi khay gỗ, gỡ rối cuộn dây da. Khi Surd, giận dữ như một người điên, lao tới Sherlock từ đám bụi phấn hoa, Sherlock quất roi ra. Nó chưa từng sử dụng roi trước đó, nhưng qua quan sát Surd nó đã biết cách dùng. Chiếc roi quất lên trên cái đầu hói của gã, đầu kim loại của roi rạch một đường ngang má. Lực tác động làm Surd bị hất ngã ra sau.

Roi thẳng vào một trong những tổ ong.

Tổ ong rớt xuống, và Surd ngã cùng tổ ong, *vào* tổ ong. Những thanh gỗ bực ra khi đập vào nền đá, bao phủ gã là sáp ong nhóp nhép bên trong tổ.

Và những con ong. Hàng ngàn con ong.

Chúng bao phủ mặt gã như một cái mũ trùm sống động, bò lúc nhúc vào trong mũi, miệng và tai gã, chích vào mọi nơi chúng tới. Gã la lên; tiếng thất thanh càng lúc càng lớn. Gã lăn vòng, cố đè nát lũ ong nhưng chỉ thành công trong việc đập đổ một tổ ong khác.

Chỉ trong giây lát, Ông Surd bị lấp kín bên dưới một cái mền côn trùng đang chích vào từng phân vuông da thịt chúng có thể tìm

được. Tiếng la hét của gã bị nghẹn lại vì ong bu kín trong miệng.

Sherlock bước lùi ra xa, kinh hoàng. Nó chưa từng nhìn thấy cảnh tượng nào như thế trước đây. Nó chiến đấu để giành lấy sự sống, nhưng điều xảy ra với Surd quá khủng khiếp đến nỗi nó thấy muốn bệnh. Nó đã giết một người.

“Mình không thể để cậu lại một mình dù chỉ một chút thôi, có phải không vậy?” Matty nói từ đằng sau nó.

“Cậu nghĩ mình thích đánh nhau lắm hả?” Sherlock nói, nhận thấy giọng mình run lên ở ngưỡng cửa sự cuồng loạn.

“Chúng dường như cứ xảy đến với mình”.

“À, dường như cậu có thể tự xoay xở khá tốt”, Matty thừa nhận.

“Mình biết phải làm gì rồi”, Sherlock nói, cố kiềm chế giọng mình. Nó chỉ về hướng đám mây phấn ong vàng đang lan ra cái không gian như hang động bên trong pháo đài. “Những khay phấn hoa chất đầy trong những cái thùng.

Chúng ta cần rải phấn hoa đó khắp nơi này”.

“Tại sao vậy?” Matty hỏi.

“Cậu còn nhớ chuyện tiệm bánh mì ở Farnharm mà cậu kể với mình không?” Sherlock hỏi.

Mắt Matty sáng lên khi hiểu ra. “Hiểu rồi,” nó nói. Rồi mặt nó sầm lại. “Nhưng còn chúng ta thì sao?”

“Chúng ta phải dừng chuyện này lại, và phải dừng ngay bây giờ. Chúng ta không quan trọng bằng hàng trăm, có thể là hàng ngàn người sẽ chết nếu chúng ta không dừng được chuyện này lại”.

“Ngay cả thế thì...” Matty nói. Nó bất ngờ cười toe toét trước vẻ

mặt thất vọng của Sherlock. “Chỉ đùa thôi. Làm thôi”.

Bọn chúng cùng nhau bùng nhiều hết mức có thể những khay phấn hoa lạnh từ thùng đá và chạy giữa các tổ ong, để cho bột tủa ra thành những đám bụi mù phía sau chúng. Trong vòng mười phút không khí đầy đám bụi trôi lơ lửng, và chúng khó nhìn quá ba mét trước mặt. Thật khó thở mà không bị sặc. Sherlock nắm vai Matty.

“Đi thôi”, nó nói.

Mờ mắt vì đám bụi phấn ong, bọn nó dò dẫm đường hướng ra hành lang dẫn lên cầu thang, xoay xở tìm đường xuyên qua đám bụi vàng, cố không đụng vào bất cứ tổ ong nào.

Chân Sherlock vấp vào thứ gì đó mềm, làm nó sém ngã. Cúi nhìn xuống nó thấy một khối thịt đỏ với nhiều nốt sừng phồng lên mà nó nhận ra là mặt của Ông Surd. Mắt của hắn bị mất dạng trong những nếp da sừng phồng, và miệng hắn đầy những con ong chết.

Bất chấp mọi chuyện, Sherlock cảm thấy một cơn thôi thúc muốn được giúp đỡ người đàn ông đang hấp hối, nhưng đã quá trễ. Cảm thấy trong lòng buốt giá và buồn nôn, nó đi tiếp.

Nó đi đến khi đụng vào một bức tường đá. Queo trái hay phải? Nó chọn bên trái, và hướng dẫn Matty đang theo sau bằng cách nắm chặt áo kéo đi.

Tưởng như hàng giờ nhưng có lẽ chưa đầy một phút trước khi bọn chúng tìm thấy hành lang. Sherlock quay người nhìn lại. Sau nó không có gì ngoại trừ một bức tường mờ của đám bột vàng treo lơ lửng trên không.

Nó vươn tay và cầm lấy cây đèn bão treo trên bức tường đá của

hành lang. Lưỡng lự với cây đèn trong tay, nó nghĩ về đàn ong, chúng không có tội gì ngoại trừ việc sinh ra làm ong.

Nó không có chọn lựa nào khác.

Nó quăng cây đèn. Cây đèn bay hình cầu vòng vào đám mây phấn hoa rồi mất hút. Vài giây sau nó nghe tiếng vỡ của thủy tinh khi chạm vào đá lát.

Tiếp theo là một tiếng *phụp* lớn khi phấn hoa bắt lửa.

Một cú đấm không nhìn thấy thúc vào ngực Sherlock. Nó bay chúi ra sau, xuống hành lang. Bầu không khí trước mặt nó như bị cháy, và nó cảm giác lông mày và lông mi nó bị cháy sém. Nó va vào nền đá cứng và lăn tròn. Matty đáp lên trên người nó.

Hành lang phía sau chúng mở toác ra một địa ngục lửa. Lấy tay che miệng, Sherlock dẫn Matty lên trên các bậc thang hướng lên trên nóc pháo đài. Không khí thổi bạt qua chúng, làm bùng lên đám lửa bên dưới.

Đám bảo vệ đang nháo nhác chạy tới chạy lui, tiếng la hét và sự hoảng loạn bao trùm trên đỉnh pháo đài. Bầu trời vẫn còn tối đen, chỉ có một vạch đỏ nơi chân trời cho thấy nơi mặt trời từng ngự trị. Bọn chúng không chú ý gì đến hai thằng bé đang chạy qua chúng, leo xuống các bậc thang dẫn ra biển và rồi vào trong chiếc thuyền chèo của chúng.

Khi chèo thuyền ra xa, Sherlock ngoái nhìn lại. Toàn pháo đài đang cháy bùng bùng. Những gã côn đồ của Maupetuis đang quăng mình từ trên nóc pháo đài xuống mặt nước. Vài tên còn bị dính lửa, vạch qua màn đêm như những ngôi sao xẹt rơi xuống biển.

Đó là cảnh tượng mà Sherlock không bao giờ có thể quên.

Chuyến đi vào bờ biển Anh là một sự mơ hồ của hai cánh tay đau nhức, làn da bỏng rát, và sự kiệt sức. Sau này, Sherlock sẽ tự hỏi làm sao nó và Matty có thể làm được mà không bị lật thuyền hay bị lạc đường và trôi giạt ra khơi.

Không biết bằng cách nào Amyus Crowe đã tìm ra được nơi bọn chúng sẽ đến. Có lẽ ông tính toán dựa trên thủy triều và hướng gió, hay có lẽ ông chỉ đoán. Sherlock không biết, và thành thật mà nói nó không quan tâm. Nó chỉ muốn quán mình trong một cái mền và nằm trên một cái giường tiện nghi, và chỉ lần này thôi điều nó muốn đã thật sự xảy ra.

Nó tỉnh lại vào sáng hôm sau với tiếng kêu chói lói của những con mòng biển bên ngoài cửa sổ phòng ngủ và những tia nắng phản chiếu từ mặt biển và tạo thành những đồ hình gợn sóng trên trần phòng. Nó đang đói muốn chết. Nhảy ra khỏi chăn nệm, nó mặc một bộ đồ không phải của nó nhưng cùng cỡ và được vắt ở lưng ghế, dành sẵn cho nó. Nó đi xuống cái cầu thang mà nó không nhớ đã leo lên, và thấy mình đang ở trong phòng khách của một quán trọ mà rõ ràng là cho du khách thuê phòng. Và cho cả những người thích mạo hiểm nữa.

Có một dải đất trống dẫn ra từ phía trước quán trọ, và rồi dải đất đổ thẳng xuống biển. Sherlock phải nheo mắt tránh ánh nắng mặt trời. Matty Arnatt đang ngồi ở cái bàn bên ngoài, ngón ngấu một phần điểm tâm khổng lồ. Amyus Crowe ở bên cạnh cậu ta, đang hút thuốc.

“Chào”, Crowe nói một cách thân thiện, “Đói không?”

“Con có thể ăn hết một con ngựa”.

“Tốt nhất là con đừng để Ginnee nghe câu đó”. Crowe chỉ một chỗ ở bàn. “Ngồi đi. Thức ăn sẽ đến ngay”.

Sherlock ngồi. Các cơ của nó đau nhức và tai vẫn còn ong ong do vụ nổ, mắt thì khô khốc và cay xè. Không biết sao, nó cảm thấy mình khác lạ. Già hơn. Nó đã trông thấy người chết, nó đã làm người chết, và nó đã bị gây mê bằng cồn thuốc phiện và bị tra tấn bằng roi. Làm thế nào bây giờ nó có thể quay lại Trường Nam sinh Deepdene?

“Mọi việc đã được thu xếp xong chưa thầy?” cuối cùng nó hỏi.

“Anh con đã nhận được tin nhắn chúng ta gửi, và anh ấy đã hành động ngay. Thầy tin rằng một chiếc tàu hải quân đã khởi hành hướng về phía pháo đài Napoleon, nhưng dựa trên những gì con lầm bầm tối hôm qua, thầy đoán là họ sẽ không tìm thấy gì ngoài tàn tro. Và ngay cả khi chính phủ Anh có thể thuyết phục nhà cầm quyền Pháp kiểm tra tòa lâu đài của Maupertuis, thầy nghĩ họ sẽ thấy mọi thứ trống rỗng. Hẳn ta sẽ trốn thoát, với những người hầu. Nhưng mưu đồ của hắn đã đổ sập như một ngôi nhà xếp bằng những lá bài trong cơn gió mạnh, đó là nhờ ở con và Matty”.

“Âm mưu đó sẽ không bao giờ hiệu quả”, Sherlock nói và nhớ lại cuộc tranh luận giữa nó, Virginia và Nam tước.

“Không theo cách mà hắn ta muốn”.

“Có thể vậy. Có thể không. Nhưng thầy nghĩ có những người lẽ ra đã chết, và con đã cứu họ. con nên cảm ơn chính mình vì điều đó. Và anh của con cũng sẽ cảm ơn con, khi cậu ấy đến”.

“Mycroft đang đến sao?”

“Anh ấy đang ở trên xe lửa”.

Một người phụ nữ đeo tạp dề ra khỏi quán và mang một cái đĩa giống như chất đầy mọi thứ mà một người có thể cần cho bữa ăn sáng, cộng thêm vài thứ mà Sherlock không nhận ra. Bà mỉm cười và đặt đĩa trước mặt Sherlock.

“Nạp năng lượng đi”, Crowe nói. “Con xứng đáng được như vậy”.

Sherlock ngưng lại một lúc. Mọi thứ quanh nó lúc này dường như cùng lúc vừa quá sắc nét vừa hơi xa vời.

“Con sao thế?” Crowe nói.

“Con không chắc nữa”, Sherlock đáp lại.

“Con trải qua nhiều chuyện. Con bị đánh ngã, bị gây mê bằng cồn thuốc phiện, chưa kể vài trận chiến đấu và chèo thuyền một quãng dài. Tất cả những điều đó chắc chắn phải có tác động lên cơ thể con”.

Cồn thuốc phiện. Nhớ lại những giấc mơ kỳ lạ sau khi bị đánh thuốc mê, trên đường bị đưa sang Pháp, Sherlock cảm thấy một sự nhức nhối của - cái gì vậy? U sầu, có lẽ. Thèm. Chắc chắn không phải... thèm chứ? Dù cảm giác đó là gì nó cũng xua đi ngay. Nó đã nghe những câu chuyện về những người trở nên bị lệ thuộc vào tác động của cồn thuốc phiện, và nó không mong mình sa vào con đường đó. Không một chút nào.

“Virginia thế nào rồi ạ?” nó hỏi để thoát khỏi tâm trạng đó.

“Đang bực bội vì bỏ lỡ những chuyện vui. Và vì bị mất con ngựa của mình, tất nhiên rồi. Nó muốn đi tìm khắp thị trấn nhưng thầy

đã bảo nó không được đi một mình. Thầy nghĩ nó sẽ vui mừng nếu con thức dậy”.

Sherlock nhìn ra ngoài biển. “Con không thể tin là mọi việc đã qua”, nó nói.

“Sẽ không qua đâu”, Crowe nói. “Giờ nó là một phần cuộc đời con, và cuộc đời con sẽ tiếp diễn. Con không thể tách những sự kiện này ra thành một câu chuyện với phần mở đầu và phần kết thúc. Con là một người khác thường vì những sự kiện đó, và nghĩa là câu chuyện sẽ không bao giờ thật sự kết thúc. Nhưng là thầy của con, câu hỏi mà ta đưa ra là, con học được gì từ tất cả những việc đó?”

Sherlock nghĩ một lúc. Cuối cùng nó nói, “Con học được rằng ong là những sinh vật hấp dẫn và đã bị sao lãng một cách đau đớn. Con nghĩ là con muốn biết thêm về chúng. Thậm chí có thể cố gắng thay đổi ý kiến của mọi người về chúng”. Nó nhăn mặt. “Có lẽ con nợ chúng, vì con đã giết chúng nhiều quá”. Nó liếc về phía Matty Arnatt. “Còn cậu, Matty? Cậu học được điều gì?”

Matty dừng ăn ngược lên. “Mình học được rằng cậu cần có ai đó trông chừng cậu, nếu không những suy luận của cậu sẽ làm cậu bị giết”, nó nói.

“Con có xung phong nhận vị trí đó không?” Amyus Crowe hỏi, mắt nhìn lại với vẻ hài hước.

“Không biết”, Matty đáp. “Thế trả bao nhiêu tiền?”

Trong khi Amyus cười phá lên, còn Matty long trọng bảo rằng nó nghiêm túc, Sherlock nhìn ra mặt biển xa, trải dài vô tận, tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp trong cuộc đời mình. Nó cảm giác như thể nó

đi chệch sang một con đường mà nó không biết đã tồn tại. Liệu nó có thể tìm thấy gì ở cuối con đường?

Có gì đó chuyển động ở một bên tầm nhìn của nó làm nó chú ý. Nó nhìn qua nhà trọ, đến nơi con đường rẽ ra hai hướng. Một chiếc xe ngựa đang chạy tới - một cỗ xe song mã màu đen với hai con ngựa đen. Trong một lúc nó tưởng Mycroft đến, và đã dợm đứng lên.

Và rồi nó ớn lạnh khi trông thấy một gương mặt trắng như xương và đôi mắt hồng liếc nhìn nó qua cửa kính trước khi một bàn tay đeo găng kéo mạnh tấm màn che xuống khi chiếc xe vụt qua, và nó biết nó đã đúng: mọi thứ sẽ không bao giờ giống như cũ lần nữa. Nam tước Maupertuis và Phòng Paradol vẫn còn đó, và chúng sẽ không bao giờ nghỉ ngơi.

Điều đó có nghĩa là nó cũng chẳng bao giờ có thể nghỉ ngơi.

HẾT